

孙子兵法

BINH
PHÁP
TÔN
TỬ



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG XÃ HỘI

NGUYỄN HUY CỐ

(Chủ biên)

BINH PHÁP TÔN TỬ

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG XÃ HỘI
HÀ NỘI 2006

LỜI NÓI ĐẦU

Nghe nói rằng, trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh đầu những năm 90, các binh sĩ quân Mỹ tham chiến cơ hồ mỗi người đều có mang theo một cuốn “Tôn Tử binh pháp”.

Sự việc có chính xác hay không cũng không quan trọng. Điều quan trọng là nó đã truyền đạt một tin tức: Cuốn binh pháp cổ đại có từ 2500 năm trước, trong cuộc chiến tranh hiện đại hóa hôm nay vẫn phát huy ảnh hưởng sâu rộng. “Tôn Tử binh pháp” không chỉ là báu vật của văn hóa truyền thống của dân tộc Trung Hoa, mà còn là tinh hoa của văn hóa thế giới, là của cải tinh thần chung của nhân loại.

“Tôn Tử binh pháp”, lịch sử gọi đó là “binh pháp Tôn Vũ”, hay là “binh pháp Ngô Tôn Tử”, tác giả là Tôn Vũ, sống ở cuối thời Xuân Thu. Tôn Vũ tên chữ

là Trương Khanh, người Lạc An nước Tề (nay thuộc tỉnh Sơn Đông) là người cùng thời đại với Khổng Tử theo như sử sách ghi chép. Tổ tiên của Tôn Vũ là người nước Trần, Trần Hiến vì tránh nội loạn chạy đến nước Tề đổi tên là Điền Hoàng. Điền Thư là cháu đời thứ năm của Điền Hoàng, là ông của Tôn Vũ, bởi có chiến công mà được Tề vương phong đất ở Lạc An, cho đổi họ Tôn. Đến Tôn Vũ, họ Điền Tôn là một trong bốn họ quý tộc lớn của nước Tề. Song cuộc đấu tranh cũng tàn khốc khác thường, Tôn Vũ bèn mang gia đình chạy đến nước Ngô ẩn cư ở ngoại thành Cô Tô là kinh đô của nước Ngô, nay là Tô Châu, vừa cấy cày dệt củi để sinh sống, vừa để tâm nghiên cứu binh pháp. Thời gian này Tôn Vũ với Ngũ Tử Tư trọng thần của nước Ngô kết thành mối quan hệ gắn bó.

Ngô vương Hạp Lư đang muốn chinh phạt nước Sở, làm bá chủ thiên hạ, Ngũ Tử Tư liền tiến cử Tôn Vũ với Ngô vương. Tôn Vũ dâng mười ba chương binh pháp lên Ngô vương, được Ngô vương rất tán thưởng, Tôn Vũ dùng ngay các cung nữ để diễn tập binh pháp, chém mỹ nhân để thị uy, khiến Ngô vương rất nể vì, lệnh cho làm thượng tướng quân, rồi phong làm quân sư. Tôn Vũ sau đó cùng với Ngũ Tử Tư trợ giúp Ngô vương cải cách chính sự, tăng cường quốc lực, tích cực trừ bị cho việc diệt Sở xưng bá. Năm 512 trước Công nguyên, Tôn Vũ đã chỉ huy trận chiến ở Dương Thành, thanh trừ nội loạn. Trước đó, công tử

Yểm Dư và Chúc Dung chạy đến Dương Thành của nước Sở, thường uy hiếp sự thống trị của Hạp Lư, là một mối lo sau này. Tôn Vũ đem quân Ngô xếp thành ba đạo, dùng hai đạo vờ tiến công Thành Phụ, Huyền Ấp, đợi quân Sở cứu viện liền tập kích họ ở giữa đường. Quân Sở mệt mỏi phải tháo chạy, khó ứng cứu cho nhau. Tôn Vũ thừa cơ quân Sở lúng túng, lấy đạo quân thứ ba đánh chiếm Dương Thành, bắt giết được hai công tử, trừ được mối lo cho nước Ngô, mà cũng bẻ gãy nhuệ khí của quân Sở.

Với trận chiến ở Dương Thành, sự sắc bén của binh pháp Tôn Vũ được thể hiện mà Tôn Vũ cũng xác lập được địa vị chỉ huy thực sự ở trong quân Ngô.

Năm 506 trước Công nguyên, nước Ngô cử Tôn Vũ làm tướng soái, mang binh mã toàn quốc chinh phạt nước Sở. Tôn Vũ vận dụng chiến thuật vu hồi tập kích, xuất kỳ bất ý, từ bình nguyên Hoài Hà vượt qua Đại Biệt Sơn, ruổi dài thâm nhập hơn nghìn dặm vào nước Sở, đến thẳng Hán Thủy, uy hiếp Dĩnh Đô. Ở Bá Cử (nay là Hồ Bắc) quyết chiến với quân Sở, đánh năm trận đều thắng, với ba vạn binh mã đã đánh bại được hai mươi vạn quân Sở, cuối cùng chiếm được kinh thành Dĩnh Đô của nước Sở. Ở trận chiến Bá Cử, Tôn Vũ đã sáng tạo ra kỳ tích lấy ít thắng nhiều, vận động thân tốc, thực hiện được nguyện vọng đánh bại quân Sở của Hạp Lư. Từ đó, nguyên khí của nước Sở bị thương tổn, dần dần suy

yếu, mà uy danh của nước Ngô thì chấn động, không những trở thành một cường quốc phương Nam, mà các nước lớn như Tề, Tấn ở phương Bắc cũng cảm thấy lo sợ; “Tây phá được Sở mạnh, tiến vào Dĩnh Đô, Bắc uy hiếp Tề Tấn, nức tiếng với chư hầu, những điều ấy có sự trợ giúp của Tôn Vũ”, đây là đánh giá công bằng của Tư Mã Thiên ở trong Sử ký. Từ sau trận chiến Ngô Sở, sử sách không ghi chép thêm gì về Tôn Vũ. Có người đoán rằng, Tôn Vũ sau khi lập được công lao không muốn làm quan, cố tình về núi làm dân thường, phiêu diêu mà ra đi, không biết cuối cùng ra sao nữa. Cuốn sách “Việt tuyết thư” nói rằng: ở mười dặm ngoài thành Cô Tô có mộ Tôn Vũ, thực giả ra sao cũng khó xác định.

*

* *

Cuối “Tôn Tử” do Tôn Vũ dâng lên Ngô vương là cuốn binh pháp hoàn chỉnh, được viết vào khoảng năm 512 trước Công nguyên. Theo sử ký của Tư Mã Thiên, luận bàn về Tôn Tử của Tào Tháo, đều có ghi chép rõ ràng về mười ba chương sách của Tôn Vũ. Từ đời Đường, Tống về sau, xuất hiện khá nhiều thuyết lầm lạc đối với cuốn Tôn Tử. Bởi cuốn “Tôn Tử binh pháp” từ sau đời Tùy bị thất truyền, ở đời Thanh người ta hiểu “Tôn Tử binh pháp” và “Tôn Tẩn binh pháp” là cùng một cuốn sách, Tôn Vũ và Tôn Tẩn

cũng là một người, thậm chí còn cho rằng chỉ có Tôn Tẫn mà không có Tôn Vũ. Tháng 4 năm 1972, hai cuốn sách “Tôn Tử binh pháp” và “Tôn Tẫn binh pháp” đồng thời tìm thấy trong một ngôi mộ cổ đời Hán được khai quật ở Sơn Đông; Tháng 7 năm 1978, cuốn Tôn Tử cũng được tìm thấy trong một ngôi nhà ở Thanh Hải, những ngộ nhận kéo dài về cuốn Tôn Tử bấy giờ mới được làm rõ.

Mười ba chương sách của cuốn Tôn Tử gồm các chương: kế sách, tác chiến, mưu công, hình thiên, thế thiên, hư thực, quân tranh, cửu biến, hành quân, địa hình, cửu địa, hỏa công, dùng ly gián, với hơn 7000 chữ. Cuốn sách quán xuyên tư tưởng và phương pháp của duy vật luận đơn thuần và biện chính pháp nguyên thủy, nêu lên được mối quan hệ phức tạp của chiến tranh với chính trị, ngoại giao, kinh tế, hoàn cảnh tự nhiên, cùng là tác dụng tương hỗ giữa năng động chủ quan của người dụng binh với quy luật khách quan, điều kiện hiện thực, đề cập một cách toàn diện quy luật phổ biến của chiến tranh và nguyên tắc trọng yếu của chỉ đạo chiến tranh. Tư tưởng quân sự của Tôn Vũ rộng lớn sâu xa, có mưu lược thần diệu, cơ hồ bao quát cả quá trình và các phương diện tương quan của chiến tranh, từ ý tưởng, phát động đến thực thi, kết thúc. Trong đó, tư tưởng chiến lược thận trọng, tốc chiến, mưu trí, nhẫn nại, nguyên tắc cơ bản “hợp với lợi thì động”, biết người biết mình, không đánh mà khuất phục được người

được nêu cụ thể, cùng là những phương pháp chiến thuật như hư thực, động tĩnh có tính khái quát to lớn và giá trị ứng dụng phổ biến, từ hàng nghìn năm nay vẫn được đánh giá rất cao.

Dương nhiên, do hạn chế của hiện thực khách quan và mức độ nhận thức đương thời, cuốn Tôn Tử không thể tránh khỏi những chỗ thiên lệch hoặc lầm lẫn, ví như xem nhẹ vai trò binh sĩ, chỉ chú trọng được lợi mà không để ý đến chính nghĩa hay là không chính nghĩa, cần được xem xét lại những phần đó.

*

* *

Cuốn Tôn Tử thành sách đã hơn 2500 năm lại đây, là một trước tác lý luận quân sự của nước ta, có một ảnh hưởng to lớn, được người đời tôn là sách kinh điển, là cuốn sách nổi tiếng nhất của binh gia. Sau cuốn Tôn Tử tuy có không ít sách binh thư, song đúng như Đường Thái Tông Lý Thế Dân đã nói: Trăm thấy binh pháp không vượt ra ngoài Tôn Vũ. Việc vận dụng cuốn Tôn Tử rất là phổ biến trong thực tiễn quân sự, từ thời Chiến Quốc đến hiện đại, cơ hồ các nhà chiến lược, nhà quân sự đều trực tiếp hoặc gián tiếp chịu ảnh hưởng của Tôn Vũ.

Đối với việc nghiên cứu chú giải cuốn Tôn Tử, kể từ bài viết của Tào Tháo đã có đến vài trăm người

tham gia. Ở nước ngoài kể từ thế kỷ thứ bảy nó đã vào Nhật Bản theo con đường của sứ thần nước ấy, không lâu truyền đến Triều Tiên, đến thế kỷ 18 truyền vào Âu Châu qua nước Pháp, nước Anh, nước Đức mà lan khắp thế giới phương Tây, trước sau được dịch thành mấy chục thứ tiếng, không ít quốc gia đã xem đó là giáo trình của học viện quân sự. Napolêông cũng rất yêu thích cuốn Tôn Tử; nghe nói rằng trong cuộc chiến vùng Vịnh cuốn Tôn Tử cũng đã từng góp mặt ở đó.

Ảnh hưởng của cuốn Tôn Tử không chỉ giới hạn ở lĩnh vực quân sự. “Tôn Tử” là phương lược trị quốc của chính trị gia, là tấm gương soi của nhà triết học, là pháp bảo của nhà ngoại giao, là báu vật ở trong con mắt của văn học gia; trong cuộc thương chiến kịch liệt hiện nay, đó cũng là sách giáo khoa chiến lược của những nhà kinh doanh. Vị thần kinh doanh Tùng Hạ của Nhật Bản cũng cho rằng, cuốn Tôn Tử là pháp bảo thành công của ông ta.

Tôn Tử được vận dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực, hấp dẫn được sự chú ý nghiên cứu của nhiều nhân sĩ, cuối cùng đã gây thành một sức nóng Tôn Tử mang tính thế giới; đó là điều mà nhân dân nước ta đáng tự hào vậy.

*

* *

Việc bình giải cuốn Tôn Tử này được tiến hành trong bối cảnh sức nóng Tôn Tử lan đến toàn cầu. Mục đích của chúng tôi là nêu rõ sự ưu tú của văn hóa truyền thống, đồng thời giúp mọi người hiểu được Tôn Tử, vận dụng sáng tạo tư tưởng mưu lược của Tôn Tử vào sự nghiệp của mình, cung cấp được một số phương tiện và giúp đỡ hữu ích. Nếu như độc giả có thể nhận được sự giúp đỡ phần nào ở sự lao động của chúng tôi, cũng chẳng phải là uổng phí công sức không đâu vậy!

Cuốn Tôn Tử được viết rất hàm súc, việc bình giải không khỏi có những chỗ thô thiển, lầm lạc, kính mong nhận được sự chỉ giáo của đông đảo bạn đọc. Cuốn sách này dựa vào cuốn Tôn Tử in ở đời Tống, việc bình giải có mượn không ít những tư liệu nghiên cứu khác, cũng xin bày tỏ ở đây sự cảm tạ chân tình của chúng tôi.

Viết ở Dương Gia Lĩnh mùa đông Mậu Dân

Mã Nhất Phu

PHẦN I

BÌNH PHÁP

CHƯƠNG 1

KẾ SÁCH

孙子曰：兵者，国之大事，死生之地，存亡之道，不可不察也。

故经之以五事，校之以计而索其情：一曰道，二曰天，三曰地，四曰将，五曰法。道者，令民与上同意也，故可以与之死，可以与之生，而不畏危。天者，阴阳、寒暑、时制也。地者，远近、险易、广狭、死生也。将者，智、信、仁、勇、严也。法者，曲制、官道、主用也。凡此五者，将莫不闻。知之者胜，不知者不胜。故校之以计而索其情，曰：主孰有道？将孰有能？天地孰得？法令孰行？兵众孰强？士卒孰练？赏罚孰明？吾以此知胜负矣。

Tôn Tử viết: Binh giả, quốc chi đại sự, tử sinh chi địa, tồn vong chi đạo, bất khả bất sát dã.

Cổ kinh chi dĩ Ngũ sự, hiệu chi dĩ kế nhi sách kỳ tình: Nhất viết Đạo, nhị viết Thiên, tam viết Địa, tứ viết Tướng, ngũ viết Pháp. Đạo giả, lệnh dân dũ thượng đồng ý dã, cố khả dĩ dũ chi tử, khả dĩ dũ chi

sinh, nhi bất úy nguy. Thiên giả, âm dương, hàn thử, thời chế dã. Đại giả, viễn cận, hiểm dị, quảng hiệp, tử sinh dã. Tướng giả, trí, tín, nhân, dũng, nghiêm dã. Pháp giả, khúc chế, quan đạo, chủ dụng dã. Phàm thử ngũ giả, tướng mạc bất văn. Tri chi giả thắng, bất tri giả bất thắng. Cố hiệu chi dĩ kế nhi sách kỳ tình, viết: Chủ thực kỳ đạo? Tướng thực kỳ năng? Thiên địa thực đắc? Pháp lệnh thực hành? Binh chúng thực cường? Sĩ tốt thực luyện? Thường phạt thực minh? Ngô dĩ thử tri thắng phụ hĩ.

Diễn giải:

Tôn Tử nói: Chiến tranh là đại sự quốc gia, là lĩnh vực trọng yếu và vấn đề căn bản liên quan đến sống chết của nhân dân, tồn vong của quốc gia, là điều không nhận thức rõ ràng được.

Cho nên, phải từ năm phương diện tiến hành phân tích so sánh tỉ mỉ, từ đó mà hiểu được tình huống chân thực của hai phía địch ta. Năm phương diện nói ở đây, *một là chính trị, hai là thiên thời, ba là địa lợi, bốn là thống soái, năm là pháp chế. Nói rằng chính trị*, đó là đường lối chính trị và phương châm chính sách có thể khiến nhân dân với vua chúa cùng một chí hướng, khiến người dân tình nguyện cùng sống chết với vua chúa, mà không sợ nguy nan gì. *Nói rằng thiên thời* là chỉ tình huống khí hậu sớm tối nắng mưa, nóng gát, lạnh dữ, xuân hạ thu đông

khí dụng binh. *Nói rằng địa lợi*, là nói đến điều kiện địa lý xa hoặc gần của cự ly khi giao chiến, là độ hiểm trở và bằng phẳng của địa thế, là độ rộng hoặc hẹp của vùng đất ấy, là đất chết hay là đất sống. *Nói rằng thống soái*, phải xem xét họ có đủ tố chất và năng lực tức trí đa mưu, lời nói có trọng lượng, dũng mãnh quyết đoán, yêu thương thuộc hạ, quân luật nghiêm minh. *Nói rằng pháp chế*, là chỉ tổ chức biên chế của quân đội, huấn luyện quân sự, quản lý giáo dục, quân lệnh pháp quy, vũ khí trang bị cùng là tình hình cung ứng quân nhu. Năm tình huống nói ở trên, các tướng soái không thể không hiểu thấu, song chỉ có người hiểu rõ và nắm chắc những tình huống ấy mới có thể thu được thắng lợi của chiến tranh. Cho nên cũng nói rằng, ắt nên từ bảy phương diện nhận thức tính toán, từ đó mà thấy được tình thế thắng bại từ hai phía địch ta. Cũng là nói rằng, so sánh xem đường lối chính sách có đúng đắn không, vua chúa cai trị có anh minh không? tướng soái có tài năng hay không? có chiếm được thiên thời và địa lợi hay không? quân luật có nghiêm minh không, có chấp hành pháp lệnh nghiêm chỉnh không? binh lực so sánh có mạnh hơn không? huấn luyện binh sĩ có chu đáo không? việc quản lý quân đội thưởng phạt ra sao? Căn cứ vào những tình huống ấy người ta có thể phán đoán ai thắng ai bại rồi. Nếu như vua chúa nghe theo mưu kế của ta, dùng nó để chỉ đạo chiến tranh, vậy thì nhất định có thể giành được thắng lợi,

ta sẽ lưu lại ở đó; nếu như không nghe theo mưu kế của ta, tự ý dụng binh thì ắt sẽ thất bại, vậy thì ta cần từ biệt mà rời khỏi đó. Nếu như qua cân nhắc lợi hại, vua chúa thu nạp mưu lược, kế sách của ta thì phải nghĩ cách tạo thành tình thế có lợi, dùng nó làm điều kiện phụ trợ cho hành động quân sự. Nói rằng tình thế có lợi, đó là căn cứ vào tình huống có lợi cho ta mà chọn lấy việc thi triển cơ động linh hoạt.

Dụng binh giao chiến là một loại thuật quý quyết, cần vận dụng các phương pháp lừa dối kẻ địch. Cho nên, muốn đánh bại kẻ địch mà lại vờ làm ra là nhu nhược vô năng, vốn chuẩn bị dụng binh mà lại vờ như không chuẩn bị giao chiến; muốn đánh ở mục tiêu gần lại vờ làm ra là đánh ở chỗ xa; muốn đánh ở mục tiêu xa xôi lại vờ như là đánh ở chỗ gần. Với kẻ địch tham lam thì dùng lợi nhỏ mà dụ nó cắn câu; với kẻ địch hỗn loạn thì thừa cơ mà đánh chiếm nó; với kẻ địch có thực lực hùng hậu thì phải cẩn thận phòng bị; với kẻ địch to lớn thì tạm thời tránh mũi nhọn; với kẻ địch dễ bực tức thì phải nghĩ cách khiêu khích nó, phải khiến nó đánh mất lý trí; với kẻ địch thận trọng thì phải nghĩ thiên phương bách kế khiến nó kiêu ngạo đánh mất cảnh giác; với kẻ địch cố thủ thì phải nghĩ cách lung lạc nó, khiến nó mệt mỏi không yên; với kẻ địch nội bộ đoàn kết thì phải nghĩ cách ly gián nó khiến nó chia rẽ. Lúc kẻ địch không chuẩn bị gì, thì đột nhiên phát động tiến công

khiến kẻ địch trở tay không kịp. Phàm là những điều ấy, là sự huyền diệu vẫn được binh gia vận dụng một cách linh hoạt tùy cơ ứng biến mà không thể truyền thụ theo một khuôn mẫu có sẵn được.

Trước lúc khai chiến, đã có thể dự biết được thắng lợi từ kế sách của triều đình, là bởi có trù hoạch chu đáo có điều kiện thắng lợi đầy đủ; trước lúc khai chiến đã dự đoán không thể thắng lợi được là bởi kế hoạch không chu đáo, thiếu điều kiện giành thắng lợi. Trù hoạch chu đáo, điều kiện đầy đủ, thì có thể thắng lợi; trù hoạch không chu đáo, điều kiện thiếu thốn, thì khó mà thắng lợi được, nói gì đến căn bản không làm kế hoạch, không có điều kiện gì? Chúng tôi căn cứ vào những phương diện kể trên để xem xét, ai thắng ai bại chỉ liếc mắt là đã thấy được rồi.

*

* *

Lời bình:

Nhà chiến lược và tướng soái chỉ huy sáng suốt vận trù ở trong trướng mạc mà có thể quyết sách thắng lợi ở ngoài nghìn dặm. Then chốt của thành công là vận trù, tức là có kế hoạch, có phân tích nghiên cứu từ trước, từ đó mà căn cứ vào hiện thực khách quan cụ thể để định ra chiến lược, chiến thuật

thiết thực khả thi, hành động hữu hiệu. Điều này được nói đến ở chương kế sách của Tôn Vũ.

“Tôn Tử” lấy chương kế sách mở đầu cho mười ba chương, đủ thấy Tôn Vũ xem trọng với vận trù mưu hoạch. Tôn Vũ cho rằng, kế sách là nhân tố hàng đầu và điều kiện tiên đề quyết định thắng bại của chiến tranh. Tính toán đầy đủ thì thắng, tính toán không đầy đủ thì không thắng, điều này còn được phân tích kỹ từ trước lúc giao chiến. Vậy thì quyết sách của chiến tranh còn tính đến điều gì nữa?

Trước tiên, với chiến tranh cần có thái độ nghiêm túc cẩn thận, việc binh ấy là đại sự của quốc gia, vậy nên không thể không xét kỹ. Phải nhận thức nghiên cứu phân tích kỹ lưỡng, sau đó quyết định có dụng binh hay không, ví như là không dùng vũ lực thì không được, tuyệt đối không thể tùy tiện mà hành động. Ở đây, Tôn Vũ đã đề xuất quan điểm lý luận thận trọng trong chiến tranh, cũng thành ra chủ trương cơ bản để nghiên cứu binh pháp, chỉ đạo thực thi chiến tranh.

Sau đây xin đơn cử về “Ngũ sự thất kế”, để xem xét tiêu chuẩn cơ bản quyết định thắng lợi của chiến tranh. “Ngũ sự” gồm một là đạo, hai là thiên, ba là địa, bốn là tướng, năm là pháp, từ vua chúa, chính trị, điều kiện tự nhiên đến tướng soái, quân luật pháp chế, đã bao gồm nhân tố chủ quan, lại có điều

kiện khách quan, đã có thượng tầng kiến trúc lại chú ý đến cơ sở vật chất. “Thất kế” tức là nói vua chúa có hiểu đạo lý không? tướng soái có đủ năng lực không? có thiên thời địa lợi không? pháp lệnh có nghiêm chỉnh không? binh sĩ có mạnh mẽ không? có được rèn luyện không? thưởng phạt có phân minh không? đó cũng là đi sâu xem xét phân tích cụ thể với “Ngũ sự” nói ở trên. “Ngũ sự thất kế” cơ hồ bao hàm toàn bộ nhân tố then chốt trong chiến tranh, có thể căn cứ vào đó để phán đoán thắng bại chiến tranh, cũng có thể căn cứ vào đó mà quyết định có dụng binh hay không.

Cần nói thêm rằng, phép tắc đặc thù trong dụng binh giao chiến cũng cần nắm vững. Căn cứ vào nguyên tắc có lợi cho mình, với tình huống cụ thể chọn lấy sách lược cơ động linh hoạt, nắm quyền chủ động chiến tranh, dùng thuật giả trá mà mê hoặc kẻ địch, làm suy yếu sức chiến đấu của kẻ địch, tăng cường cho thắng lợi của mình, sau đó tấn công khi địch không phòng bị, xuất kỳ bất ý mà giành thắng lợi. Ở đây, Tôn Vũ đã thiết kế được mười hai thuật, tư tưởng chỉ đạo là “nhân lợi chế quyền”, nhằm thực hiện cái gọi là xuất kỳ bất ý mà giành thắng lợi. Đây là vận dụng chiến thuật dưới tiền đề thận trọng, đồng thời cũng biểu hiện sự vận dụng một cách linh hoạt trong quyết sách.

Cuối cùng, đặc biệt nhấn mạnh đến sự chu đáo kế hoạch dụng binh ở các đời trước có tác dụng quyết

định, đó là kết luận của chương thứ nhất. Sự thận trọng trong giao chiến nói ở trên, khảo sát đến “Ngũ sự thất kế”, vận dụng chiến thuật xuất kỳ bất ý, đều cần gắn với nội dung cụ thể. Nhìn chung, nội dung toàn bộ mười ba chương sách thực tế là mưu hoạch kế hoạch đối với các nhân tố của chiến tranh. Tôn Vũ đã nhận thức rất sâu sắc đối với vận trù mưu hoạch, việc phân tích luận thuật cũng rất tỉ mỉ chu đáo. Tôn Vũ đem “Đạo” liệt thành đối tượng thứ nhất để khảo sát, nhấn mạnh đường lối chính trị cần phù hợp với dân ý. Cũng đem nhân tâm xem thành nhân tố căn bản sâu xa quyết định thắng bại của chiến tranh, đó là sự thăng hoa tư tưởng của ông, cho thấy ánh sáng của chân lý. Ở cuối đời Tùy, Lý Uyên khởi binh ở Thái Nguyên, thảo phạt Tùy Dương đế, quảng đại dân chúng rối rít hưởng ứng, quân khởi nghĩa mau chóng lớn mạnh. Tùy Dương đế hoang dâm vô đạo khiến dân chúng oán thán đầy đường, thế rồi theo nhau phất cờ đứng dậy. Còn Lý Uyên với binh sĩ dưới quyền cũng không phân biệt giàu nghèo sang hèn, nhất loạt gọi là nghĩa sĩ, luận công ban thưởng, cất nhắc kịp thời. Gia nô Mã Tam Đảo bởi có chiến công hiển hách mà được thăng làm Kiêu Vệ đại tướng quân, còn Tiền Cửu Lũng xuất thân từ nô lệ cũng được cử làm My Châu thứ sử. Đường lối chính trị đúng đắn đã kích thích được tính tích cực của binh sĩ, xung phong diệt địch anh dũng vô cùng, vì chúa hiến thân mà không sợ khó khăn nguy hiểm. Sự đúng đắn của “Đạo”, khi kiến lập

vương triều nhà Đường đã có một tác dụng rất là quan trọng.

Mưu lược của Tôn Vũ là khái quát tổng kết quy luật chiến tranh, trong thực tiễn chiến tranh luôn được thử nghiệm, luôn tỏ rõ nhiều điều kỳ diệu.

Trong cuộc chiến giữa Tề và Ngụy ở thời chiến quốc, Tôn Tẫn chủ động rút quân mỗi ngày lại giảm bớt số bếp nấu ăn dùng kế sách tỏ ra nhu nhược né tránh, dẫn dụ quân Ngụy xuất kích, thế rồi mai phục sẵn ở địa thế hiểm yếu, cây cối rậm rạp, bắn chết được Bàng Quyên ở gò Mã Lăng, bắt sống được thái tử Thân, quân Tề giành được toàn thắng. Đây là “có thể mà tỏ ra là không thể vậy”.

Cuộc chiến tranh Sở Hán cuối đời Tần, tướng Hán là Hàn Tín đánh đâu được đấy, dẫn quân đến Lịch Thành của nước Tề, Tề vương sợ Hàn Tín dũng mãnh, chưa đánh đã xin hàng, Hàn Tín biết rằng Tề vương cầu hòa là bởi sợ hãi, sau này e rằng lại làm phản; thế rồi một mặt đồng ý cầu hòa, một mặt nhân Tề vương đang tê liệt tinh thần, đột nhiên đánh vào Lịch Thành không phòng bị gì, cũng đánh chiếm cả kinh thành Lâm Truy của nước Tề. Dùng kế nghị hòa để che đậy việc công kích, đó là “dùng mà tỏ ra không dùng vậy?”.

Tôn Vũ bởi muốn diệt Yểm Dư, Chúc Dung mà tiến đánh Dương Thành, lại phái quân vờ đánh chiếm Thành Phụ, Huyền Ấp ở ngoài nghìn dặm dẫn

dụ quân Sở đến cứu viện, nhân đó mà dễ dàng chiếm được Dương Thành, giết được phản tặc. Đó là “dùng cái ở gần mà tỏ ra là ở xa”. Lưu Bang dùng kế sách của Trương Lương, vờ như sửa sang đường sà bị hỏng, lại ngầm phái Hàn Tín dẫn quân chủ lực tập kích Trần Thương (nay thuộc Thiểm Tây), sau đó lại mau chóng triển khai sang hướng Đông, thừa thế đánh chiếm cả vùng Quan Trung. Sửa sang đường sà mà ngầm qua Trần Thương, đó là “dùng cái ở xa mà tỏ ra là ở gần”.

Vào năm thứ 11 đời Tùy Dương đế, Vương Thế Sung “lấy lợi mà dụ” đánh bại được quân khởi nghĩa do Mạnh Nhượng lãnh đạo. Trước đó, Vương Thế Sung cố ý loan tin có nhiều binh sĩ bỏ trốn, Mạnh Nhượng biết tin không khởi đắc ý vọng tưởng, cũng không bận tâm đến Vương Thế Sung nhiều lắm. Lúc đầu, Vương Thế Sung lệnh cho quân Tùy vờ bại trận, Mạnh Nhượng càng thêm kiêu căng mặc cho binh lính cướp bóc. Đến lúc đó Vương Thế Sung mới lệnh cho quân lính từ bốn mặt đổ ra, cả phá quân khởi nghĩa, Mạnh Nhượng chỉ còn biết chạy tháo thân mà thôi.

Tào Tháo lợi dụng sự đấu đá của anh em họ Viên tranh giành quyền lợi, chọn các phương pháp đánh phá, trước là diệt Viên Đàm, tiếp đến lại tiêu diệt Viên Thượng, Viên Hy, chiếm lĩnh cả bốn châu của vùng Hà Bắc. “Nhân loạn mà lấy”, nhờ đó mà thu được hiệu quả gấp bội.

Đầu thời Đông Hán, Lưu Tú cầm quân trấn áp quân khởi nghĩa Xích My. Đối mặt với quân Xích My mới chiếm được Trường An, lương thực sung túc, sĩ khí đang hăng, Lưu Tú thu nạp đề nghị của Đặng Vũ, tránh mũi nhọn của địch, dẫn quân lên Thiểm Bắc chờ đợi thời cơ, bồi dưỡng sức lực. Không lâu, nội bộ quân Xích My sinh biến, Lưu Tú xuất quân đánh bại quân khởi nghĩa, thu phục được Trường An. Đặng Vũ biết rõ thuật “chuẩn bị đầy đủ, khéo léo bổ sung chỗ yếu của mình để phòng chỗ mạnh của địch”.

“Thấy mạnh thì né tránh” có khi cũng cần có trí tuệ và mưu kế. Danh tướng Nam Tống là Hoa Tái Ngộ với quân Kim đối trận, quân Kim thì mạnh mà quân Tống thì yếu, chẳng thể cố thủ được, bèn quyết định lui binh. Để phòng ngừa quân Kim thừa cơ đuổi theo, Hoa Tái Ngộ đem con dê treo ngược lên để móng nó trảm vào mặt trống; dê bị treo ngược lên giãy giụa, khua khoắc chân trước lung tung, làm bật lên tiếng trống, hồi lâu không nghỉ. Quân Kim nghe tiếng trống cho là quân Tống kéo đến đánh, nghiêm trận chờ đợi. Chẳng ngờ quân Tống đã lặng lẽ rút chạy, đuổi cũng không kịp. “Treo dê đánh trống”, lấy hư trương thanh thế tạo thành sự hiểu lầm của địch, né tránh kẻ địch hùng mạnh mà rút lui an toàn.

“Bực tức mà biết nhún nhường” là một phép kích tướng xuất trận. Hạng Vũ dẫn quân thân chinh đánh Bành Việt, để Đại tư mã Tào Cưu trấn thủ Thành

Cao, cũng dặn dò ông ta cố thủ nghiêm ngặt, nhờ lời Hạng Vũ can dặn, mặc cho Lưu Bang dùng mọi cách khiêu chiến đều cố thủ không ra. Trương Lương bày kế kích tướng, lệnh cho binh lính vẽ hình chó lợn lên vải trắng, đề tên Tào Cữu vào đó, rồi kéo đến dưới thành mà chửi mắng. Tào Cữu thấy thế thì rất bực tức, quên cả lời dặn của Hạng Vũ, xuất kích nghênh chiến, kết quả là thảm bại nặng nề, Tào Cữu phải tự sát. Lưu Bang thừa cơ dẫn quân đánh vào Thành Cao, giành được quyền chủ động trong cuộc chiến tranh Hán Sở.

Cuộc chiến Việt Vương tiêu diệt nước Ngô cuối đời Xuân Thu là một ví dụ rõ nét thể hiện tư tưởng chiến lược của chương “Kế sách”. Năm 494 trước Công nguyên, nước Việt bị thất bại trong cuộc chiến với nước Ngô, Việt vương Câu Tiễn dẫn 5000 tàn binh chạy về giữ Cối Kê, lại bị quân Ngô bao vây trùng điệp, đối mặt với tình hình sắp mất nước đến nơi. Đúng lúc nguy cấp, Câu Tiễn đã thu nạp đề nghị của Phạm Lãi, quyết định hạ mình cầu hòa để bảo toàn quốc thể, đợi thời cơ sau này. Phạm Lãi, Văn Chủng còn định ra chiến lược phục hưng, chuyển bại thành thắng, đó là “bảy kế sách phá Ngô”. Câu Tiễn y kế thi hành, bắt đầu một kế hoạch phục thù kéo dài suốt 13 năm liên tục.

Trước tiên, phái Văn Chủng thông qua tể tướng của nước Ngô là Bá Hy mà xin Ngô vương Phù Sai cho

cầu hòa. Văn Chung lấy báu vật hồi lộ Bá Hy, mê hoặc bằng nữ sắc, uy hiếp bằng tử chiến, nói rõ điều lợi hại, cũng hứa hẹn Câu Tiễn tình nguyện làm nô bộc, một lòng thờ phụng Ngô vương. Bá Hy thuyết phục được Phù Sai chuẩn cho nghị hòa, Ngô vương rút quân về nước, nước Việt cũng thoát khỏi diệt vong.

Sau đó, Câu Tiễn đem quyền cai trị quốc gia giao cho Văn Chung. Còn mình cùng với Hoàng hậu, Phạm Lãi ba người một đường đến chỗ Phù Sai làm nô lệ. Câu Tiễn đánh xe, nuôi ngựa cho Phù Sai, còn hoàng hậu thì quét sân ở trong cung. Câu Tiễn nhẫn nại chịu nhục, thậm chí còn ném phân khảm bệnh để lấy lòng Phù Sai. Đồng thời với việc hồi lộ Bá Hy, cũng dùng kế ly gián quan hệ Ngô vương với trung thần Ngũ Tử Tư. Ba năm sau, Câu Tiễn cuối cùng nhận được sự tín nhiệm của Phù Sai, được tha cho về nước.

Sau khi về nước, Câu Tiễn sớm thảo chiếu tự kể tội mình, kiểm điểm việc mình gây thù kết oán với nước Ngô khiến trăm họ chịu lắm tai nạn, an ủi những người bị thương tật, vỗ về những gia đình có người tử trận. “Năm gai nếm mật”, tự mình cày ruộng dệt vải, phải sống cuộc sống cực kỳ gian khổ. Trước tình hình sau chiến bại nhân khẩu giảm thiểu, tài lực hao tổn, đã thực hành chính sách cho dân nghỉ ngơi, phát triển sản xuất, khôi phục nguyên khí của quốc gia. Cũng quy định rõ ràng rằng: phụ nữ

mang thai đến kỳ sinh nở được thầy thuốc chăm sóc, sinh nở xong lại được hưởng trợ cấp. Nếu như con cái bị chết thì được miễn trừ lao dịch nhất định. Cũng giảm nhẹ hình phạt, thuế má, khuyến khích khai khẩn đất hoang, mười năm không trưng thu thuế má, trăm hộ đã có lương thực tồn trữ đủ ba năm. Câu Tiễn thi hành chính sách bồi bổ sức dân, được dân chúng ủng hộ, tình cảm giữa nhà vua và dân chúng chẳng khác gì cha con vậy.

Cải cách nội chính giành được thành công, hoạt động ngoại giao đã thu được thắng lợi to lớn. Cũng thỉnh thoảng mang lễ vật dâng lên Phù Sai để biểu thị lòng trung thành, làm tê liệt sự đề phòng của Phù Sai với nước Việt, trợ giúp cho sự kiêu căng xa xỉ của ông ta. Lại cũng mua lương thực của nước Ngô với giá cao nhằm phá hoại kinh tế tạo thành sự khó khăn về lương thực của họ. Đồng thời dùng kế ly gián khêu gợi cuộc đấu tranh nội bộ, khiến Phù Sai càng thêm tin lời Bá Hy mà xa cách với Ngũ Tử Tư. Từ đó mà tăng cường lực lượng của mình để suy yếu kẻ địch. Phù Sai sau khi nước Việt quy thuận càng thêm kiêu ngạo, căn bản không thấy được ý đồ quyết tâm diệt Ngô của Câu Tiễn, mà lại tăng cường khuếch trương lên hướng Bắc, có ý xưng bá ở Trung Nguyên. Năm 484 trước Công nguyên, thảo phạt nước Tề, đánh bại quân Tề ở Ngải Lăng. Năm 482 trước Công nguyên, lại hẹn ăn thề với nước Tấn và các chư hầu ở Hoàng Trì (nay thuộc Hà Nam). Để tranh ngôi bá

chủ với Tấn Định Công, Phù Sai dẫn theo một đội quân tinh nhuệ, chỉ để lại quân lính già yếu bệnh tật giữ nhà cùng với thái tử. Câu Tiễn thấy Phù Sai dễ thành trì trống rỗng bèn vội xuất binh đánh Ngô. Phạm Lãi cho rằng quân Ngô đi cũng không xa, một khi nghe nói nước Việt thừa cơ tiến đánh, việc phản kích cũng không khó khăn, quân Việt rất khó giành được toàn thắng, đành khuyên Câu Tiễn tạm trì hoãn việc xuất binh. Mấy tháng sau, quân Ngô đã đến Hoàng Trì, Câu Tiễn điều động một đạo quân có đến 49.000 người, chia là hai ngả ngược Bắc tiến vào nước Ngô đến thẳng kinh thành Cô Tô của nước Ngô.

Thái tử Hữu của nước Ngô vội dẫn quân ngăn chặn cản đường tiến công của quân Việt. Thái tử Hữu biết rằng toàn bộ quân tinh nhuệ đã kéo đến Hoàng Trì, bèn dùng sách lược cố thủ đợi cứu viện, không giao chiến với quân Việt, đồng thời phái người xin Phù Sai cấp tốc mang quân về. Tướng Ngô là Vương Tôn Di Dung vì báo thù cho cha, không đoái đến chủ trương cố thủ của thái tử Hữu, chủ động xuất kích, đánh bại đội quân tiên phong của quân Việt, bắt được tướng tiên phong là Trù Vô Dư và Âu Dương. Mối đánh đã thắng, khiến tướng Ngô càng kiêu ngạo khinh địch. Đến khi Câu Tiễn dẫn quân chủ lực đến đó, phát động tấn công mạnh mẽ, quân Ngô không kham nổi một trận đánh, thái tử Hữu bị bắt, chỉ một trận đã đánh chiếm được kinh thành Cô Tô của nước Ngô, cuộc tập kích đã giành được toàn thắng.

Phù Sai vì tranh giành ngôi bá chủ đã giết liên bảy người đưa tin, bịt kín tin tức Cô Tô bị chiếm, thái tử bị bắt, cuối cùng dùng vũ lực uy hiếp nước Tấn nhượng bộ để lên ngôi bá chủ. Dọc đường trở về, quân Ngô được tin thái tử bị giết, kinh đô bị vây chặt, lòng quân đại loạn. Phù Sai thấy cũng chẳng thể giành lại phần thắng, liền phái Bá Hy cầu hòa với nước Việt. Câu Tiễn, Phạm Lãi cho rằng vẫn chưa thể lập tức diệt sạch thực lực của nước Ngô, bèn đồng ý nghị hòa, rút quân về nước.

Phù Sai sau khi về nước, thấy nhiều năm chinh chiến, sản xuất bị phá hoại, quốc lực thì suy yếu, chẳng đủ thực lực báo thù, thế rồi tuyên bố cho dân nghỉ ngơi, mong mỗi khi phục lực lượng, đợi cơ hội làm lại từ đầu. Song Phù Sai cũng chưa hấp thu đầy đủ giáo huấn, vẫn đam mê tửu sắc, không để ý đến việc triều chính, khiến lòng dân oán thán, cục diện không ổn định.

Văn Chung thấy kinh tế nước Ngô suy yếu, quân Ngô mỗi mệt, phòng bị trong nước trở ngại, đề nghị Câu Tiễn lại thừa cơ tiến đánh nước Ngô. Năm 478 trước Công nguyên, nước Ngô bị đại hạn, kho tàng trống rỗng, Câu Tiễn cử quân đánh chiếm nước Ngô. Trước đó, Câu Tiễn nêu rõ thưởng phạt, chuẩn bị đầy đủ, quân luật nghiêm minh, rèn luyện binh sĩ, làm tốt mọi việc cần thiết. Cũng đề ra khẩu hiệu “phục thù cho nước” để khích lệ tinh thần hăng hái xuất

chinh, người ở lại thì chuyên tâm sản xuất, tranh thủ sự ủng hộ của dân chúng. Khi xuất binh, lại kể các tội trạng của Ngô vương Phù Sai, kích thích tình cảm của dân chúng phản đối Phù Sai.

Tháng 3, quân Việt tiến đến Lạp Trạch (nay là Tô Châu), đối trận với quân Ngô ở bên kia sông. Tối đến, Câu Tiễn lệnh cho hai tướng quân ẩn náu ở giữa dòng sông, nửa đêm thì khua trống vờ như sắp tấn công. Phù Sai cho rằng quân Việt chia làm hai đường vượt sông, suốt đêm phục binh nghênh chiến. Trong lúc đó, Câu Tiễn dẫn quân chủ lực xuất kỳ bất ý lạng lẽ vượt sông, đánh vào chỗ yếu của địch, quân Ngô đại bại. Quân Việt thừa thắng truy kích, đánh vài trận nữa ở phía Nam Tô Châu, luôn đánh luôn thắng, chiếm được một vùng đất rộng lớn, cải biến được tình thế chênh lệch đôi bên. Sau thất bại ở Lạp Trạch, quân Ngô rút về cố thủ ở Cô Tô. Cô Tô thành trì kiên cố, quân Việt nhất thời không thể phá được. Thế rồi Câu Tiễn đổi dùng sách lược bao vây trường kỳ, vây mà không đánh. Hai năm sau, quân Ngô cuối cùng thế suy lực kiệt, quân Việt bấy giờ mới tấn công mạnh. Quân Việt đánh vào thành Cô Tô, Phù Sai dẫn toàn quân chạy đến Cô Tô đài, lại bị quân Việt bao vây. Phù Sai phái người đến chỗ Câu Tiễn cầu hòa, bị cự tuyệt, thế rồi tuyệt vọng tự sát. Đến đây, nước Việt đã diệt được nước Ngô, cuối cùng thu được thắng lợi mỹ mãn.

Nước Việt từ bại mà chuyển thành thắng, lấy yếu thắng mạnh, cuối cùng diệt được nước Ngô, tư tưởng chiến lược vận dụng phù hợp với chương “Kế sách” trong “Tôn Tử”. Sửa sang chính trị để giành được lòng dân, lấy khẩu hiệu rửa nhục cho nước mà tranh thủ được sự ủng hộ của dân chúng, biết tránh mũi nhọn của kẻ địch đang mạnh, lúc thực lực không đủ thì tích cực chuẩn bị, lại dùng kế ly gián để chia rẽ quân Ngô, khi quyết chiến thì xuất kỳ bất ý giành thắng lợi, tất cả đều có sự chuẩn bị chu đáo, tính toán kỹ rồi mới dụng binh. Tất cả những điều ấy đã chứng minh đầy đủ cho tính hợp lý, tính chính xác và tính thực dụng của mưu lược Tôn Vũ.

CHƯƠNG 2

TÁC CHIẾN

孙子曰：凡用兵之法，驰车千驷，革车千乘，带甲十万，千里馈粮，则内外之费，宾客之用，胶漆之财，车甲之奉，日费千金，然后十万之师举矣。

其用战也胜，久则钝兵挫锐，攻城则力屈，久暴师则国用不足。夫钝兵挫锐，屈力殫货，则诸侯乘其弊而起，虽有智者，不能善其后矣。故兵闻拙速，未睹巧之久也。夫兵久而国利者，未之有也。故不尽知用兵之害者，则不能尽知用兵之利也。

Tôn Tử viết: Phàm dụng binh chi pháp, trì xa thiên tử, cách xa thiên thừa, đới giáp thập vạn, thiên lý quỹ lương, tất nội ngoại chi phí, tân khách chi dụng, giao tất chi tài, xa giáp chi phụng, nhật phí thiên kim, nhiên hậu thập vạn chi sư cử hĩ.

Kỳ dụng chiến dã thắng, cửu tất độn binh tỏa nhuệ, công thành tất lực khuất, cửu bạo sư tất quốc

*dụng bất túc. Phu động binh tỏa nhuệ, khuất lực đàn
hóa, tắc chư hầu thừa kỳ tề nhi khởi, tuy hữu trí giả,
bất năng thiện kỳ hậu hĩ. Cố binh văn chuyết tốc, vị
đổ xảo chi cứu hĩ. Phu binh cứu nhi quốc lợi giả, vị
chi hữu dã. Cố bất tận tri dụng binh chi hại giả, tắc
bất năng tri dụng binh chi lợi dã.*

Diễn giải:

Tôn Tử nói: Phàm là chiến dụng binh, quy luật nói chung là phải động dụng một nghìn chiến xa, một nghìn xe tải, tập kết mười vạn binh lính, còn phải vận chuyển lương thực nghìn dặm, lại còn phải kể đến những khoản chi phí chiêu đãi tân khách, chi phí duy tu khí tài tác chiến, bổ sung binh giáp, mỗi ngày đều phải chi phí rất lớn, sau đó mới có thể nói đến chuyện cử mười vạn đại quân xuất chinh.

Việc tác chiến phải động dụng to lớn như thế, cần phải cố gắng mau chóng giành lấy phần thắng. Kéo dài lâu ngày sẽ khiến quân đội mệt mỏi, nhuệ khí kém đi; đánh chiếm thành trì sẽ làm cho lực chiến đấu hao tận, quân đội trường kỳ tác chiến ở ngoài sẽ khiến tài lực quốc gia giảm sút. Vậy thì, trước tình hình đó chư hầu sẽ thừa cơ mà tác động tấn công. Đến lúc đó, ví như là người cao minh tài giỏi cũng chẳng thể vãn hồi được cục diện nguy khốn.

Cho nên, chỉ nghe nói đến việc mong cầu thắng lợi mau chóng, mà chưa thấy người chỉ huy cuộc

chiến đấu muốn kéo dài chiến tranh. Nếu như cuộc chiến kéo dài thì không lợi cho quốc gia, ấy là điều đã rõ. Người không hoàn toàn hiểu được cái tệ hại của việc dụng binh thì cũng không thể có hiểu biết đúng đắn về chỗ có ích của việc dụng binh.

Về khéo léo dùng binh, tuyệt đối không trưng dụng binh lính thêm một lần nữa, lương thảo không thể vận chuyển làm nhiều lần. Vũ khí trang bị thì lấy dùng ở trong nước, còn lương thảo thì có thể bổ sung ở nước đối địch, như vậy việc cung ứng lương thảo của quân đội có thể đáp ứng được mưu cầu tác chiến.

Một nguyên nhân khiến quốc gia rơi vào khốn khó là quân đội xuất chinh xa xôi, vận chuyển vật tư khó khăn. Vận chuyển xa xôi sẽ dẫn đến sự khốn cùng của trăm họ. Ở vùng gần nơi quân lính đóng trại vật giá ắt sẽ tăng cao, dẫn đến trăm họ của cải hao kiệt. Quốc gia tài lực hao kiệt, ắt sẽ dẫn đến việc trưng dụng thêm thuế má, phục dịch. Quân lực hao tổn, tài lực khánh kiệt, quốc nội sẽ xuất hiện sự bần cùng phổ biến trong dân chúng. Tài sản của dân chúng bởi chiến tranh mà hao mất bảy phần mười, của cải của quốc gia cũng bởi xe cộ hỏng, ngựa bị bệnh, cung tên giáo mác, giáp trụ đều phải bổ sung, tổn thất đến sáu phần mười.

Cho nên tướng soái sáng suốt thường có mong muốn vấn đề cung ứng lương thảo giải quyết ngay ở

nước đối địch. Ăn một thùng gạo ở nước đối địch tương đương với hai mươi thùng gạo chuyển từ bản quốc đến.

Muốn binh sĩ anh dũng giết địch, thì cần kích thích lòng thù hận của họ đối với kẻ địch, muốn đoạt lấy quân nhu vật tư của kẻ địch, thì cần khen thưởng bằng vật chất với những binh sĩ hăng hái đi đầu. Cho nên, trong giao chiến bằng chiến xa, phàm là bắt được 10 chiến xa của địch trở lên, thì cần sớm khen thưởng thích đáng, lại đem những chiếc xe bắt được cho mang cờ của quân ta, hỗn hợp vào trong hàng ngũ chiến xa của mình. Đối với những binh lính địch mới bắt được, phải khéo đối đãi với họ, cũng bảo đảm cung cấp cho họ đầy đủ về sinh hoạt. Như vậy cũng khiến cho mình thêm mạnh mẽ hơn.

Cho nên, dụng binh giao chiến quý ở tốc chiến tốc thắng, mà không nên kéo dài ngày tháng.

Tướng soái cần hiểu được đạo lý dụng binh, đó là nắm chắc sinh tử của dân chúng, là người giữ vai trò quan trọng nhất với an nguy của quốc gia.

Lời bình:

Nói đến tác chiến, có ý nghĩa “chế tạo”, “hưng khởi”. Tác chiến nói ở đây không chỉ là nói đến tiến hành chiến tranh, mà là nói đến chuẩn bị chiến tranh, là chỉ việc trừ hoạch từ trước lúc bắt đầu, thuộc phạm trù “tính toán trước lúc tham chiến”.

Chương này kế tiếp với chương mở đầu, dưới sự chỉ đạo của lý luận thận trọng trong chiến tranh, phân tích đến quan hệ nương tựa với kinh tế, từ đó mà đề ra tư tưởng “tốc chiến luận” nổi tiếng, mong cầu thực hiện được nguyên tắc giải quyết cấp dưỡng ngay ở nước đối địch, với phương pháp lấy chiến tranh nuôi chiến tranh. Logic ở đây là, phát triển thêm “Ngũ sự thất kế” ở chương “Kế sách”, song trọng điểm phân tích chuyển đến lĩnh vực kinh tế, thể hiện cụ thể tinh thần duy vật luận thuần phác của Tôn Vũ.

Chiến tranh, ở một mức độ nào đó là sự so sánh thực lực kinh tế giữa những tập đoàn chính trị đối địch. Một danh tướng của nước Pháp từng nói rằng: “chiến tranh cái thứ nhất cần là tiền, cái thứ hai cần là tiền, cái thứ ba cần cũng là tiền”. Câu nói đó có phần hơi quá mức, song đạo lý cơ bản là đúng. Trên thế giới ngày nay, nước Mỹ đứng đầu khối NATO, với các quốc gia và tập đoàn chính trị không nghe lời, liên lấy vũ lực để uy hiếp, thi hành sự đả kích quân sự, một trong những nguyên nhân trọng yếu là họ có thực lực kinh tế hùng hậu làm hậu thuẫn, đáp ứng được chi phí quân sự của chiến tranh hiện đại hóa. Tôn Vũ từ 2500 năm trước đã nhắc nhở phải chú ý đến sự nương tựa của chiến tranh với thực lực kinh tế, điều đó có ý nghĩa không nhỏ.

Tôn Vũ lấy động dụng mười vạn quân làm ví dụ, đã phân tích cụ thể những tiêu hao về nhân lực, vận

lực, tài lực trong việc dụng binh giao chiến. Ở giai đoạn chuẩn bị trước chiến tranh, từ việc chiêu mộ huấn luyện binh sĩ, đến chuẩn bị chế tạo vũ khí, trang bị, từ khai triển nội chính, ngoại giao, đến cung ứng hậu cần, mỗi ngày đều phải chi những khoản chi rất lớn; trong tiến hành chiến tranh, việc duy tu bổ sung vũ khí trang bị, vận chuyển lương thảo cùng vật tư chiến tranh khác cũng cần có kinh phí rất lớn. Nếu như chẳng có thực lực kinh tế to lớn hoặc chẳng làm tốt việc chuẩn bị đầy đủ tài lực vật lực, thì người cầm quyền tuyệt đối chẳng thể vội vàng nói đến việc dụng binh. Tục ngữ có nói: binh mã chưa động, lương thảo đi rồi. Điều kiện vật chất là điều kiện tiên quyết của chiến tranh.

Phát động chiến tranh là mưu cầu lợi ích nhất định, thông qua chiến tranh mà mở rộng lãnh thổ, thổ, củng cố chính quyền, chiếm hữu nguyên liệu, cướp đoạt của cải, hoặc là tranh giành địa vị có lợi, nắm lấy quyền chủ động, là cái có lợi với họ. Song, chiến tranh cũng có một mặt có hại. Thương vong về con người, tiêu hao về tài lực, ắt sẽ phá hoại kinh tế, giao chiến lâu dài sẽ tăng thêm phục dịch, ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt của dân chúng, cuối cùng dẫn đến quốc lực khánh kiệt, dân chúng khốn cùng, vận nước nguy nan. Đồng thời, dụng binh lâu dài sẽ gây ra cục diện bất lợi, sẽ bị các nước chư hầu khác thừa cơ xâm nhập, đến lúc ấy cục diện sẽ rất

khó khôi phục lại. Bởi thế, người dụng binh chỉ thấy cái hay của chiến tranh là không đầy đủ, cần nhận thức rõ cái hại của chiến tranh, cũng đem cái có hại giáng xuống mức độ thấp nhất, từ đó khiến cái hay của chiến tranh tăng đến mức lớn nhất. Cần đạt đến mục đích “tăng lợi giảm hại”, then chốt là tranh thủ tốc chiến tốc thắng, mà không nên kéo dài chiến tranh. Ở đây, nhận thức với lợi hại của chiến tranh, lấp lánh ánh sáng tư tưởng của biện chính pháp thuần phác, lý luận tốc chiến tốc thắng đã thể hiện đặc điểm tư tưởng vụ thực của Tôn Vũ.

Cũng cần nói thêm rằng, Tôn Vũ ra sức đề xướng cái gọi là “lý luận tốc chiến tốc thắng”, là từ góc độ tiến công mà nói, chương tác chiến từ đầu đến cuối đều nói đến việc tiến công ở nước ngoài, cũng không phủ định chiến lược phòng ngự. Về việc thực hành chiến lược phòng ngự, không nghi ngờ gì có thể vận dụng chiến thuật kháng chiến lâu dài; còn thực hành chiến lược tiến công lại phản đối chủ trương đánh lâu dài, đó là điều chẳng thể bàn cãi. Tôn Vũ trực tiếp chỉ huy quân Ngô đánh vào Dĩnh Đô của nước Sở, đó là ví dụ rõ rệt của tốc chiến tốc thắng. Quân Ngô dưới sự chỉ huy của Tôn Vũ ruổi dài thâm nhập mấy nghìn dặm vào nước Sở, lại từ phía Bắc mà đánh vào Dĩnh Đô, xuất kỳ bất ý đột nhiên tập kích, nhanh chóng kết thúc cuộc chiến. Song cuộc chiến này cũng ẩn chứa sự mạo hiểm to lớn. Các nhà quân sự sau này

chỉ ra rằng, lúc đó nếu như quân Sở kịp thời phong tỏa ba cửa ải trọng yếu ở phía Bắc, quân Ngô sẽ rơi vào thế bị động. Tôn Vũ dẫn rằng đã thành công, song chiến thuật vận dụng cũng không ổn thỏa, đúng như ông ta đã nói: việc binh cầu mau chóng thì dễ vụng về vậy.

Tôn Vũ cũng nói: binh quý ở thần tốc, đó là nguyên nhân chủ yếu để Tôn Vũ giành được chiến thắng.

Trên cơ sở nhận thức sâu sắc nguyên tắc tốc chiến tốc thắng và nhận thức chiến tranh phá hoại sản xuất kinh tế, Tôn Vũ đã đưa ra mấy yêu cầu sau đây: một là từ chiến lược mà nói, nỗ lực khiến chiến tranh không phải kéo dài để khỏi tạo thành cục diện tài lực khánh kiệt, dân chúng điêu linh; hai là từ sách lược mà nói, xem trọng việc cung ứng lương thảo từ nước đối địch, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, tiết kiệm được phí tổn cần thiết.

Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh là một nguyên tắc quan trọng trong mưu lược quân sự của Tôn Vũ, là bảo đảm hữu hiệu cho thắng lợi của chiến tranh. Lấy lương thảo từ tay địch, cung ứng lương thảo được giải quyết ngay từ nước đối địch, không chỉ có thể giảm nhẹ gánh nặng kinh tế ở bản quốc, lại cũng làm tiêu hao nguyên liệu của cải của nước đối địch, có hiệu quả thực tế rất to lớn. Một thùng lương ở nước đối địch bằng hai mươi thùng lương ở nước ta, Tôn

Vũ ở đây đã làm phép so sánh với tỉ lệ một trên hai mươi, thuyết minh đầy đủ sự quan trọng của lấy lương thảo từ tay địch. Trên thực tế, các nước giao chiến đều xem trọng việc vận dụng và biến hóa nguyên tắc lấy lương thảo từ tay địch. Ví như nước Nga đã thực hiện chính sách vườn không nhà trống khiến Napolêông dẫn quân viễn chinh đến trước thành Mạc Tư Khoa mà không thể lấy lương thảo từ tay địch, cuối cùng bị đói rét bức bách mà phải rút chạy về nước. Ví dụ này đã cho thấy sự quan trọng của việc lấy lương thảo từ tay địch như thế nào.

Ngoài ra, cũng nhấn mạnh việc xem trọng bổ sung vũ khí và binh lính từ tay quân địch, chuyển hóa cái của địch thành của mình. Động viên binh sĩ đoạt chiến xa của địch để vũ trang cho mình; ưu đãi những binh lính địch bị bắt để bổ sung lực lượng cho mình. Làm như vậy, đồng thời với việc bổ sung cho mình cũng làm yếu sức chiến đấu của địch, cũng có tác dụng làm tan rã tinh thần của quân địch. Vận dụng đúng đắn nguyên tắc lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, có thể tạo thành tình thế càng đánh càng thắng, càng thắng càng mạnh, càng mạnh lại càng thắng, hình thành vòng tuần hoàn thúc đẩy cho việc tốc chiến tốc thắng.

Bình quý ở thắng mà không kéo dài, là trên cơ sở phân tích chiến tranh nương tựa vào kinh tế và tương quan lợi hại của chiến tranh mà đề ra kết luận

đúng đắn. Song, muốn làm được việc tốc chiến tốc thắng, thực thi lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, cùng là đã thắng lại càng thêm mạnh, nhân tố then chốt là ở sự lãnh đạo của tướng soái. Nếu như chẳng có tướng soái hiểu rõ lợi hại của việc dụng binh, chấp hành đúng phương châm đã định, không những không thể tốc chiến tốc thắng, mà có thể lại tạo thành cục diện nguy hiểm, khiến quốc gia mắc phải tai nạn to lớn. Bởi thế, Tôn Vũ cuối cùng đã đặc biệt nhấn mạnh đến tác dụng của tướng soái, là người nắm an nguy của quốc gia, sinh mệnh của dân chúng. Trên cơ sở nhấn mạnh đến năm đức tốt của tướng soái, khiến công việc chuẩn bị của chiến tranh càng chu đáo. Đứng về góc độ ngôn từ mà nói, đề mục “tác chiến” cũng đã nói lên rõ ràng vậy.

Chương “Tác chiến” đã nêu lên một cách sâu sắc sự nương tựa của chiến tranh với kinh tế. Xưa kia những người không biết dụng binh thường dẫn dân chúng đến khánh kiệt, loạn lạc. Tùy Dương đế mang quân viễn chinh Cao Ly là một ví dụ rõ rệt. Vào năm thứ ba của nhà Tùy (là năm 607) Tùy Dương đế thích công danh muốn ngự giá thân chinh đến nước Cao Ly (tức là Triều Tiên). Cao Ly ở rất xa với Trung Quốc, sao có thể nói là dễ dàng nhỉ? Vì muốn chinh phạt, Tùy Dương đế lệnh cho dân chúng trong thiên hạ phải nuôi ngựa cho quân đội sử dụng, cũng lệnh cho các quan lại địa phương lo chế tạo vũ khí, nhất thời lòng dân trong thiên hạ không khỏi hoang mang.

Năm sau lại cho chế tạo năm vạn chiến xa ở Hà Nam, đóng ba trăm chiến thuyền ở Sơn Đông, trưng tập ở Giang Nam một vạn thủy thủ, một vạn quân cung nỏ, ba vạn người phục dịch, lại lệnh cho tất cả phải tập trung ngay ở Hà Bắc. Bình mã thì đông, đường thì cách trở, từ mùa hạ cho đến mùa xuân năm sau mới tập kết được đủ số. Trong lúc đó cũng có thuộc hạ lựa lời khuyên can, đề nghị hãy tuyển tinh binh mau chóng tiến công, đột nhiên tập kích thì có thể giành được phần thắng. Song Dương đế một mực làm theo ý mình, dẫn theo nhiều cung nữ, cưỡi trên thuyền rồng cầm đầu hai trăm vạn đại quân xuất chinh Cao Ly. Tiền quân đi trước, hậu quân nối theo sau, đội quân to lớn ấy bốn mươi ngày mới rời khỏi Trác quận, đủ biết là đông đến chừng nào.

Một đạo quân lớn trùng trùng điệp điệp, mang theo khá nhiều xe cộ từ từ chuyển bánh, qua mấy tháng mới đến được Liêu Thủy xa xôi. Quân Tùy mỗi một mới gặp quân Cao Ly đã thua trận. Sau quay sang đánh Bình Nhưỡng, tuy có thắng lợi nhỏ, cuối cùng trúng kế phục binh, phải rút về nước. Tiếp đó lại bị quân Cao Ly dùng kế trá hàng, bị đại bại ở Tát Thủy, 35.000 tướng sĩ tham chiến, lúc rút về Liêu Đông chỉ còn 2.700 người. Dương Đế đông chinh lần thứ nhất bị thất bại thảm hại.

Song Tùy Dương đế chẳng hề phản tỉnh, vào năm thứ 9 của nhà Tùy, lại một lần nữa trưng tập binh

mã thiên hạ, ngự giá thân chinh Cao Ly. Ở Tân Thành, quân Tùy gặp phải sự đề kháng ngoan cường của quân Cao Ly. Đánh mãi không xong, lại đổi sang đánh thành Liêu Đông, quân Cao Ly kiên trì cố thủ, quân Tùy đánh mạnh hơn hai mươi ngày vẫn không giành được thắng lợi. Đang lúc quân Tùy tiến thoái lưỡng nan, bởi chinh chiến nhiều năm, trăm họ thống khổ không chịu được nữa, các mâu thuẫn trở nên sôi động kịch liệt, các cường hào rồi rít khởi binh chống lại, khởi nghĩa nông dân liên tiếp nổ ra. Tình thế chính trị trong nước biến động, kinh đô cũng bị uy hiếp. Tùy Dương đế hay tin vội vàng triệt binh về nước để ứng phó với nội loạn. Ngự giá đông chinh không chỉ một lần bất lợi phải quay về, trong tình hình bộn bề phản không ngớt chống đối, cuối cùng dẫn đến cái chết của Tùy Dương đế; không lâu sau vương triều nhà Tùy cũng diệt vong. Kết cục như vậy được miêu tả rất rõ ràng dưới ngòi bút của Tôn Vũ, song Dương Quảng không chịu nghe lời của thánh hiền, đã tự làm một chứng minh rõ nét cho chương “Tác chiến” này. So với Tùy Dương đế Dương Quảng, Thái Võ - đế của Bắc Ngụy ở thời Nam Bắc triều là Thác Bạt Đảo lại sáng suốt hơn nhiều. Cuối thời Đông Tấn, miền Bắc nước ta xuất hiện khá nhiều chính quyền cát cứ của dân tộc thiểu số, trong đó có Bắc Ngụy của tộc Tiên Ty và Đại Hạ của tộc Hung nô. Năm 427 Bắc Ngụy với mục đích thống nhất phương Bắc, đã phát động cuộc tấn công vào Thống Vạn thành của nước Đại Hạ. Sau khi Bắc Ngụy diệt

được Hậu Yên, liền chia mũi giáo về phía Đại Hạ. Năm 429, Thác Bạt Đảo lệnh cho đại tướng Khê Cán dẫn năm vạn quân tiến công Phủ Bản của Đại Hạ (nay thuộc Sơn Tây), tập kích Quan Trung ở Trường An, tự mình dẫn hai vạn kỵ binh vượt sông Hoàng Hà tập kích vào Thống Vạn thành. Hạ chủ Hách Liên Xương dẫn quân nghênh chiến, bại trận phải rút về cố thủ ở trong thành. Quân Ngụy cũng không ham đánh lâu, phân binh ra bốn phía cướp bóc, bắt được hơn mười vạn bò ngựa, gom được hơn nghìn người, thủ đánh một đòn thăm dò.

Tháng 12 năm ấy Khê Cán đánh chiếm Trường An, tháng giêng năm sau Hách Liên Xương phái người em là Hách Liên Định dẫn hai vạn quân xuống phía nam nhằm thu phục Trường An, khôi phục Quan Trung. Thác Bạt Đảo thừa cơ quân Hạ đang vướng mắc ở Quan Trung, phái mười vạn quân lại tập kích vào Thống Vạn thành. Quân Ngụy lấy ba vạn kỵ binh làm tiên phong, ba vạn bộ binh làm hậu quân, cùng ba vạn bộ binh nữa để vận chuyển khí giới. Sau khi vượt sông Hoàng Hà, Thác Bạt Đảo có thay đổi kế hoạch đôi chút, quyết định lấy ba vạn kỵ binh mau chóng tiếp cận với Thống Vạn thành, rồi dụ địch ra ngoài thành để tiêu diệt. Chiến lược của Thác Bạt Đảo có tính mạo hiểm khá lớn, song ông ta thấy nếu để kỵ binh và bộ binh cùng tiến sẽ mất nhiều ngày, mà đại quân đến nơi thì quân Hạ ắt sẽ cố thủ; Thống Vạn thành kiên cố khác thường chẳng

dễ mau chóng hạ được. Bấy giờ lương đã cạn, quân đã mệt, lại chẳng cướp bóc được gì, ắt sẽ rơi vào tình cảnh tiến thoái lưỡng nan. Kỵ binh ruổi thẳng đến dưới thành, quân địch thấy bộ binh chưa đến ắt sẽ xem thường, nếu lại tỏ ra mỏi mệt, dụ địch ra đánh, ắt sẽ diệt gọn được quân địch. Thế rồi quân Ngụy y kế thi hành. Bấy giờ là tháng 6, quân Ngụy đến trước Thống Vạn thành đem đại quân giấu ở trong khe núi, chỉ phái số ít đến dưới thành khiêu chiến. Quân Hạ một mặt cố thủ không đánh, một mặt vội điều Hách Liên Định đến cứu viện. Hai bên rơi vào trạng thái giằng co.

Vừa khéo, bấy giờ ở trong quân Ngụy có một tên lính phạm tội chạy đến doanh trại quân Hạ nói rằng quân Ngụy lương thảo đã cạn mà xe tải ở phía sau, bộ binh cũng chưa đến nên mau ra đánh. Hách Liên Xương tin theo lời người ấy, thế rồi dẫn ba vạn quân ra ngoài thành nghênh chiến. Quân Ngụy dụ địch vào sâu, vờ bại trận mà rút chạy về phía Tây Bắc. Quân Hạ thấy quân Ngụy quả là không chịu nổi một đòn đánh, hăng hái kéo ra ngoài thành truy kích. Thác Bạt Đảo ở chính diện nghênh địch, đem kỵ binh phân thành hai đội tả hữu, vòng ra phía sau chặn đường quân Hạ, tạo thành tình thế tiền hậu giáp kích. Hách Liên Xương cố chết mà đánh, song không địch nổi quân Ngụy kiêu dũng có thừa, phải dẫn tàn quân chạy về phía Tây. Quân Ngụy thừa thế tiến

đánh Thống Vạn thành, chiếm được kinh đô Đại Hạ. Không lâu, quân Bắc Ngụy lại đánh thắng ở Thượng Khuê (nay thuộc Cam Túc), nước Đại Hạ bị diệt vong. Từ quyết sách của Thác Bạt Đảo với việc đánh thành trì, có thể thấy được rằng chủ soái quân Bắc Ngụy xuất thân từ dân tộc thiểu số, nhờ bởi đem tư tưởng quân sự của Tôn Vũ chỉ đạo cho việc tác chiến của mình mà giành được phần thắng. Chính bởi Thác Bạt Đảo nhận thức được vấn đề ruổi dài ở trong lòng địch, cho nên vận dụng sách lược dụ địch ra khỏi thành, nắm bắt thời cơ quân cứu viện của địch còn chưa đến, lấy tốc chiến mà giành thắng lợi. Cuộc chiến ở Thống Vạn thành của Thác Bạt Đảo đã vận dụng tư tưởng chiến lược trong chương “Tác chiến” của Tôn Tử, là một ví dụ rõ nét về chiến thắng kẻ địch.

CHƯƠNG 3

MƯU CÔNG

孙子曰：凡用兵之法，全国为上，破国次之；全军为上，破军次之；全旅为上，破旅次之；全卒为上，破卒次之；全伍为上，破伍次之。是故百战百胜，非善之善者也；不战而屈人之兵，善之善者也。

故上兵伐谋，其次伐交，其次伐兵，其下攻城。攻城之法，为不得已。修橧^①轂^②，具器械，三月而后成，距^③，又三月而后已。将不胜其忿而蚁附之，杀士卒三分之一而城不拔者，此攻之灾也。

Tôn Tử viết: Phàm dụng binh chi pháp, toàn quốc vị thượng, phá quốc thứ chi; toàn quân vị thượng, phá quân thứ chi; toàn lữ vị thượng, phá lữ thứ chi; toàn tót vị thượng, phá tót thứ chi; toàn ngũ vị thượng, phá ngũ thứ chi. Thị cố bách chiến bách thắng, phi thiện chi thiện giả dã; bất chiến nhi khuất nhân chi binh, thiện chi thiện giả dã.

Cố thượng binh phạt mưu, kỳ thứ phạt giao, kỳ thứ phạt binh, kỳ hạ công thành. Công thành chi

pháp, vị bất đắc dĩ. Tu lô phần ôn, cụ khí giới, tam nguyệt nhi hậu thành, cự nhân, hựu tam nguyệt nhi hậu dĩ. Tướng bất thắng kỳ phần nhi nghị phụ chi, sát sĩ tốt tam phân chi nhất nhi thành bất bại giả, thử công chi tai dã.

Diễn giải:

Tôn Tử nói: Phàm là nói đến phép dụng binh, so sánh lợi hại, nói chung nguyên tắc là có thể khiến cho nước đối địch không tổn hại gì mà hàng phục ta là thượng sách, mà đánh đến mức sút mẻ thì kém một bậc; có thể khiến một “đạo” quân địch (12.500 người làm thành một đạo quân) toàn bộ tướng sĩ không tổn thất gì mà hàng phục là thượng sách, mà phải dùng vũ lực đánh tan thì kém một bậc; có thể khiến một “lữ” (500 người là một lữ) toàn bộ binh sĩ không tổn hại gì mà hàng phục là thượng sách mà dùng vũ lực đánh tan là kém một bậc; có thể khiến một “tốt” (một trăm người gọi là một tốt) toàn bộ binh sĩ không tổn hại gì mà hàng phục là thượng sách mà đánh cho tan là kém một bậc; có thể khiến một “ngũ” (5 người là một ngũ) không tổn hại gì mà hàng phục là thượng sách, mà đánh cho tan là kém một bậc. Cho nên bách chiến bách thắng tuy là cao minh, song không phải là cao minh nhất; người không dùng vũ lực tấn công mà có thể thắng được kẻ địch mới là người cao minh nhất trong những người cao minh.

Cho nên mới nói rằng, sự truy cầu cao nhất của tác chiến dụng binh là dùng mưu lược để chiến thắng kẻ địch, thứ đến là vận dụng thủ đoạn ngoại giao để thu được thắng lợi, thứ nữa là dùng thủ đoạn quân sự để đoạt lấy thắng lợi, còn đánh phá thành trì của nước đối địch là sự tuyển chọn kém nhất. Chọn chiến thuật đánh mạnh vào thành trì là việc làm bất đắc dĩ. Muốn đánh phá thành trì của địch, phải có chiến xa lớn, mộc chiến lớn, chuẩn bị tốt các khí cụ đánh thành, cần mấy tháng mới có thể hoàn thành được. Nếu đắp đất thành đồng lớn để đánh thành, cũng cần thời gian mấy tháng mới có thể kết thúc. Thế rồi, tướng lĩnh khó cản nổi sự căm hận của mình, thúc binh lính giống như một đàn kiến bám vào thang mây mà đánh phá thành trì của địch, kết quả có thể là binh lính bị tử thương một phần ba, mà thành trì đó vẫn chưa thể phá được. Đây là khó khăn mà việc đánh thành có thể gây ra.

Cho nên người khéo chỉ huy chiến tranh, quân đội bất kể địch phải hàng phục không phải là thông qua phương thức chém giết ở chiến trường, đoạt lấy thành trì của địch mà không dùng thủ đoạn đánh mạnh, hủy diệt quốc gia của địch cũng không cần chinh chiến thảo phạt lâu ngày. Họ cầu mong dùng thắng lợi hoàn chinh toàn diện mà tranh đoạt với thiên hạ. Làm như vậy, quân đội của mình không đến nỗi quá mệt mỏi hao tổn, mà lại giành được

thắng lợi viên mãn hoàn chỉnh. Đây chính là chuẩn tắc cơ bản lấy mưu lược đánh bại kẻ địch giành lấy thắng lợi.

Bởi thế, phương pháp chiến thuật dụng binh giao chiến là khi binh lực của ta lớn gấp 10 kẻ địch thì cần vây khốn kẻ địch, bức họ đầu hàng; khi binh lực của ta gấp 5 lần kẻ địch thì cần phát động tấn công mãnh liệt vào kẻ địch; khi binh lực của ta lớn gấp hai kẻ địch thì cần nghĩ cách phân tán quân địch, lấy binh lực ưu việt mà đánh địch; nếu binh lực hai bên tương đương, có thể giao chiến với quân địch; nếu binh lực của quân ta ít hơn quân địch, thì cần nghĩ cách thoát khỏi tay kẻ địch; khi thực lực của quân ta không bằng kẻ địch thì cần cố gắng tránh giao chiến với địch. Bởi vì quân đội mà nhỏ yếu nếu như kiên quyết cố thủ ắt sẽ bị quân đội có thực lực to lớn đè bẹp. Tướng soái là phụ tá của quân vương, nếu như phụ tá nghiêm chỉnh thì quốc gia ắt sẽ cường thịnh, nếu như phụ tá mà yếu kém thì quốc gia ắt sẽ suy nhược.

Tình huống mà quốc vương gây thành tai họa quân sự có 3 loại: không hiểu biết về quân đội, không thể tiến công mà lệnh cho quân đội tiến công, không thể triệt thoái mà lệnh cho quân đội triệt thoái, như vậy là trói buộc đối với quân đội; không hiểu được việc quản lý quân đội mà can dự vào công việc quản lý quân đội thì sẽ đem lại cho binh sĩ không ít khó khăn; không hiểu được sự quyền biến của tác chiến quân đội

mà tham dự việc chỉ huy quân đội sẽ khiến cho binh sĩ nghi ngại vô cùng. Trong tình hình đó, các nước chư hầu thừa cơ xâm phạm là điều khó tránh khỏi. Đây là điều tự làm loạn quân đội, dẫn đường cho địch tới. Cho nên, dự trắc thắng lợi ắt nên có 5 điều kiện: biết rõ tình huống nào thì có thể tác chiến với địch, tình huống nào thì không thể tác chiến với địch thì mới giành được thắng lợi; hiểu được căn cứ vào binh lực ra sao mà chọn chiến lược, chiến thuật bất đồng; tướng soái và binh sĩ đồng tâm hợp lực, căm thù kẻ địch, cùng nhằm giành thắng lợi; lấy chuẩn bị chu đáo để đối phó với kẻ địch chẳng hề chuẩn bị để giành thắng lợi; tướng soái có tài năng tổ chức chỉ huy thì quốc vương không nên quá ràng buộc họ. Đây là 5 điều kiện cần thiết để dự trắc thắng lợi.

Cho nên mới nói rằng: Đã hiểu tình huống của địch, đã hiểu được tình huống của ta, thì có thể bách chiến bách thắng, chẳng thể thất bại; không hiểu được tình huống của địch, chỉ hiểu được tình huống của ta, thì thắng bại có thể chia đều; đã không thể hiểu được tình huống của địch, lại không hiểu được tình huống của ta, vậy thì mỗi lần chiến đấu hẳn là sẽ thất bại.

Lời bình:

Nội dung bàn luận của chương “Kế sách” và chương “Tác chiến” là đưa ra vấn đề cơ bản trước lúc

quyết sách dụng binh, từ chương “Mưu công” đến chương “Quân tranh”, nội dung bàn luận là sau lúc quyết sách dụng binh; người dụng binh ắt nên nhận thức đúng đắn tư tưởng chiến lược và nguyên tắc chiến thuật. “Mưu công” có ý tứ là lập mưu công kích kẻ địch. Nội dung của chương “Mưu công” là dùng mưu lược, chiến lược, chiến thuật đánh địch giành lấy phần thắng, đề xuất nguyên tắc “toàn thắng luận”, cùng là thực hiện sách lược cụ thể giành lấy toàn thắng, cũng dùng ngôn ngữ đơn giản rõ ràng nêu lên một quy luật phổ biến có ý nghĩa chỉ đạo chiến tranh: *biết người biết ta, trăm trận trăm thắng*.

Mức độ lý tưởng của chiến tranh không thể không là trả giá ít nhất để đổi lấy thắng lợi lớn nhất, tiêu hao kẻ địch ở mức độ lớn nhất, cũng bảo tồn mình ở mức độ lớn nhất, khuếch trương lực lượng của mình thêm mạnh lớn. Tôn Vũ chính là với ý nghĩa ấy, lấy “không đánh mà khuất phục được binh lực của người”, làm thành ý tưởng cao nhất cho thắng lợi của chiến tranh, đã đề ra quan điểm toàn thắng nổi tiếng. Toàn vẹn, ở trong văn hóa Trung Quốc là một tiêu chuẩn rất cao, nó yêu cầu sự hoàn chỉnh, hoàn mỹ của đối tượng. Toàn vẹn được nói ở đây, và vận dụng cụ thể biểu thị ý nghĩa bảo toàn, hoàn toàn, tư tưởng quán xuyên là truy cầu ở một mức độ cao, là truy cầu sự hoàn mỹ của chiến lược chiến thuật.

Tôn Vũ trước tiên đã lấy mưu lược thắng địch và lấy võ lực đánh địch, đem hai cái đó so sánh với nhau, cũng đề xuất lấy toàn vẹn làm đầu, thứ đến mới là phá tan. Khiến kẻ địch phải khuất phục hoàn toàn, đồng thời lại có thể bảo toàn bản thân không bị tổn thất, là điều lý tưởng nhất, cũng tức là không đánh mà khuất phục binh lực người ta. Trái lại, dùng vũ lực đánh phá kẻ địch tuy là giành được thắng lợi song tự mình cũng không thể tránh khỏi bị tổn thất nhất định, cho nên không phải là kết quả lý tưởng nhất. Đã có thể giành được thắng lợi hoàn toàn, lại có thể bảo toàn rất tốt cho mình, ở mức độ lớn nhất giành được chỗ tốt của việc dụng binh, đây là chữ toàn vẹn mà Tôn Vũ nói đến. Toàn thắng là một nguyên tắc chỉ huy trong mưu lược quân sự của Tôn Vũ, là xuất phát điểm và nội dung hạt nhân của chương “Mưu công”.

Vậy thì muốn toàn thắng phải thực hiện ra sao nhỉ? Tôn Tử từ bốn phương diện cụ thể tiến hành phân tích luận thuật đã đưa ra chiến lược chiến thuật tương ứng.

Một là, lấy mưu lược giành lấy phần thắng làm đầu. Tôn Vũ đem mấy loại thủ đoạn hành động quân sự so sánh với nhau, cho rằng phương pháp lựa chọn đầu tiên là “phạt mưu”, là dùng mưu lược cao siêu đả phá chiến lược của địch; thứ đến là “phạt giao”, dùng thủ đoạn ngoại giao để chiến thắng kẻ địch, vậy là có

thể không đánh mà thắng, quân không mệt nhọc mà giành được lợi đầy đủ. Còn như phạt binh, giao phong đối đầu ở chiến trường, tất nhiên là binh lính tổn thương, tài vật hao tổn, tuy giành được thắng lợi song không phải là thắng lợi hoàn toàn, bởi thế là kém hơn hai loại kể trên. Kém nhất là phải công thành (đánh thành trì), ví như có thắng cũng bị thương vong rất lớn, cái được chưa bù được cái mất, huống hồ còn có thể đánh lâu không được mà gây thành tai họa. Không đánh, không kéo dài mấy tháng, được xem là chuẩn tác của “Mưu công”.

Hai là, nếu như phải chọn phép phạt binh, cần căn cứ vào so sánh lực lượng hai bên địch ta, vận dụng chiến thuật linh hoạt cơ động, hoặc là mau chóng kết thúc chiến đấu, tranh thủ giá trị lớn nhất của thắng lợi chiến tranh; hoặc là tận dụng lực lượng bảo toàn bản thân, đem tổn thất chiến tranh giảm xuống mức thấp nhất. Cũng nhắc nhở mọi người rằng: nhất thiết chẳng thể ở vào lúc thế yếu lại dùng ý chí cố gắng tử thủ, để tránh bị diệt vong.

Ba là, phát huy đúng đắn tác dụng của quốc vương với tướng soái. Tướng soái là phụ tá của quốc vương, trong quá trình trù hoạch và thực thi hành động quân sự, phải làm được chu đáo, tất thấy chẳng thể có sơ hở. Nếu quân vương chỉ huy mà mù quáng ắt sẽ dẫn đến quân đội tự rối loạn, tạo cơ hội cho kẻ địch tranh thủ; từ đó cho thấy quốc vương với

sự chỉ huy của tướng soái không nên có sự can thiệp bừa bãi.

Bốn là, hiểu rõ tình huống chân thực của hai phía địch ta, xuất phát từ thực tế mà định ra sách lược hành động cho mình, để đảm bảo cho mỗi trận đánh đều thắng. Tôn Vũ từ “toàn thắng” xuất phát, đề xuất luận điểm nổi tiếng biết người biết ta trăm trận trăm thắng, đặc biệt nhấn mạnh tác dụng trọng yếu của chữ “biết” trong quá trình dụng binh. Nếu như chẳng hiểu được một cách tỉ mỉ, chuẩn xác, toàn diện, sâu rộng về tình huống thực tế thì không thể đưa ra mưu lược chu đáo, thiết thực, hữu hiệu; muốn giành được thắng lợi chỉ có thể là mộng ảo mà thôi. Trong chương “Mưu công”, mở đầu ở toàn thắng, kết thúc ở biết người biết ta, lấy thuật “Mưu công” quán xuyên toàn văn, bản thân đã là một ví dụ rất rõ nét của mưu lược; có điều mưu lược ở đây không phải là mưu lược giao chiến mà là cách bố cục làm văn, rất giàu sắc thái văn chương, cũng rất có khí thế lay động con người. Chương “Mưu công” không chỉ là viên ngọc của binh pháp mà đồng thời cũng là sản vật tinh tế của văn hóa.

Đương nhiên, giá trị chủ yếu của chương “Mưu công” là nó đã nêu lên quy luật phổ biến chỉ đạo chiến tranh. Hàng nghìn năm nay, có vô số ví dụ chứng minh cho sự đúng đắn của “tư tưởng toàn thắng” và ý nghĩa chỉ đạo của chiến lược “Mưu công”. Thời Chiến

Quốc, danh tướng Điền Đan của nước Tề trong trận chiến ở Tức Mặc, từng dùng trận hỏa ngư can phá quân Yên thu phục hơn 70 thành trì đã mất. Năm 279 trước Công nguyên, Điền Đan xuất binh đánh vào Lịch Ấp. Trước đó, mưu sĩ Lỗ Trọng Liên của nước Tề nói rằng cuộc chiến lần này khó giành được thắng lợi. Quả nhiên, Điền Đan phát binh đến Lịch Ấp, vây đánh ba tháng song vẫn không hạ được. Điền Đan bấy giờ tỉnh ngộ đến thỉnh giáo Lỗ Trọng Liên. Lỗ Trọng Liên nói: tướng quân lúc đánh Tức Mặc, tuy là chủ soái lại cùng đan túi đựng cỏ với binh sĩ, hoặc là cùng xúc đất với họ. Tướng quân có quyết tâm liều chết, binh sĩ cũng vì tướng quân mà quyết tâm liều chết, trên dưới đồng lòng, đánh thắng quân Yên là điều tất nhiên. Mà nay tướng quân áo gấm đai ngọc, ở lầu cao, không như ngày xưa có hùng tâm quyết tử, về tình lý mà nói đã khác trước. Điền Đan rất cảm động, sau khi trở lại tiền tuyến, giống như là một người khác hẳn, thân hành tự khảo sát lại Lịch Ấp, đứng ở trận tiền gõ trống thị uy cho sĩ khí, không né tránh tên đạn của địch, với binh sĩ cùng xung phong lâm trận. Thế rồi, sĩ khí tăng cao, mau chóng phá được Lịch Ấp, đắc thắng mà về. Điền Đan trước bại trận là bởi trên dưới không đồng lòng; Điền Đan sau thì thắng lợi, là bởi cùng an nguy với binh sĩ.

Cuối thời Đông Hán, vào năm 184, quân Hoàng Cân vây chặt thành Đô Xương, chủ soái giữ thành là

Khổng Dung giao chiến nhiều lần với quân Hoàng Cân đều bị đánh bại, lại lệnh cho Thái Sử Từ ra ngoài thành xin quân cứu viện. Muốn thoát khỏi vòng vây của quân Hoàng Cân thật chẳng dễ gì, Thái Sử Từ nghĩ mãi cũng tìm được một kế. Mờ sáng hôm ấy, cửa thành Đô Xương mở rộng, Thái Sử Từ dẫn mấy kỵ sĩ xông ra ngoài thành. Quân Hoàng Cân lập tức báo với chủ soái Quân Hối, đồng thời sẵn sàng xung trận. Song chỉ thấy bọn ba người Thái Sử Từ đến bên hào thành, dựng một tấm bia để bắt đầu tập bắn, không lâu lại quay vào trong thành. Sáng hôm sau, Thái Sử Từ lại làm như thế. Quân Hoàng Cân thấy vậy càng chẳng khẩn trương như hôm trước, đứng xem Thái Sử Từ tập bắn. Lát sau Thái Sử Từ lại quay vào trong thành, hai bên đều bình an vô sự. Hôm thứ ba, quân Hoàng Cân không chú ý đến Thái Sử Từ nữa, không ít binh lính thậm chí còn nằm lãn ra đất mà nhắm mắt dưỡng thần. Đột nhiên, bọn Thái Sử Từ ba người nhảy lên mình ngựa vung roi quất mạnh, với thế như chẻ tre xông vào giữa trận địa của quân Hoàng Cân. Đương khi quân kia chuẩn bị ngăn cản, bọn Thái Sử Từ sớm đã vượt ra khỏi vòng vây, chẳng thấy tăm hơi đâu nữa. Thái Sử Từ mau chóng vờ được quân cứu viện, thành Đô Xương được giải vây. Ít thì có thể chạy được, Thái Sử Từ thiết kế ba người hợp phá vòng vây, then chốt là chữ “có thể”, đấy chính là nội dung kết quả của “mưu” vậy. Thời Chiến Quốc, đại thần của Ngụy là Lạc Dương dẫn quân đánh nước

Trung Sơn, bởi người con của Lạc Dương là một trọng thần của Trung Sơn cho nên trong triều có bàn tán rất nhiều. Bấy giờ Lạc Dương căn cứ vào tình huống thực tế, vận dụng chiến thuật bao vây không đánh với Trung Sơn, suốt mấy tháng liền án binh bất động, tỏ biểu kể tội Lạc Dương như tuyết bay tới tấp đến tay Ngụy Văn Hầu. Ngụy Văn Hầu rất tin ở Lạc Dương, không chỉ phái sứ giả đến khao quân mà còn cho xây một tòa biệt thự để ban tặng. Cuối cùng, Lạc Dương đánh chiếm được nước Trung Sơn, đắc thắng về triều. Ngụy Văn Hầu mở tiệc ăn mừng, cùng đem những tấu biểu kể tội kia làm lễ vật tặng cho Lạc Dương. Lạc Dương là người may mắn, nếu như không có sự tín nhiệm đầy đủ của quốc vương, không chỉ là cuộc chiến ở Trung Sơn không thể thắng lợi mà tính mệnh của mình cũng khó bảo toàn. Ngụy Văn Hầu là người cao minh, dùng người không ngờ, ngờ thì không dùng, cũng không vội can thiệp mù quáng, điều đó góp phần cho thắng lợi sắp tới.

Lúc vương triều nhà Đường mới khai quốc, tộc người du mục Đông Đột Quyết luôn xâm phạm Trung Nguyên, Cao tổ Lý Uyên nhất thời vô kế khả thi, có ý muốn chuyển rời kinh đô. Tàn vương Lý Thế Dân phản đối chuyện ấy, xin được xuất chinh thảo phạt. Bấy giờ, hai tướng của Đông Đột Quyết là Hiệp Lợi, Đột Lợi dẫn quân quấy rối Quan Trung. Lý Thế Dân dẫn quân đến Lương Châu đối trận. Đông Đột

Quyết có hơn vạn kỵ binh mà quân Đường thì không quá vài trăm, lực lượng chênh lệch, nếu đấu sức thì không thể thắng được. Lý Thế Dân chỉ dẫn theo một trăm kỵ binh đến trước trận địa nói với Hiệp Lợi rằng: “Chúng ta đã có thể ước với Khả Hãn của các người, nay sao lại vi phạm nhỉ? Nếu như Khả Hãn của các người thực có điều gì đó, thì xin Khả Hãn với Lý Thế Dân ta quyết chiến tay đôi. Nếu phái binh đánh tới, thì ta với những binh sĩ này sẽ liều chết nghênh chiến, quyết không lùi bước”. Hiệp Lợi thấy Lý Thế Dân oai nghiêm như vậy, sợ rằng quân Đường có mai phục, nhất thời không dám tiến lên. Lý Thế Dân lại phái sứ giả đến báo với Hiệp Lợi Khả Hãn rằng: “Ông trước đây với chúng tôi có thể ước, nay xuất binh quấy nhiễu, sao lại không giữ chữ tín nhỉ?” Đột Lợi thấy đuối lý nhất thời không biết nói gì. Hiệp Lợi thấy Lý Thế Dân can đảm như vậy, được biết sứ giả nhà Đường có đến vấn an ở chỗ Đột Lợi, ngờ rằng Đột Lợi với Lý Thế Dân có liên hệ tư riêng, bèn hạ lệnh rút lui, tạm hoãn hành động. Bấy giờ mưa phùn liên miên, quân Đường cung ứng lương thảo bị trở ngại, binh lính mệt mỏi, lại đối mặt với kẻ địch hùng mạnh, tình huống thập phần nguy cấp. Lý Thế Dân hiểu rằng quân Đột Quyết cung tên bị mưa làm ướt, sĩ khí bắt đầu xuống thấp, quyết định đột ngột tập kích quân địch. Quân Đường nổi lửa nấu cơm, hong khô binh khí, nhân lúc đêm mưa tập kích doanh trại của địch, quân địch rất đổi kinh hoàng,

lại thêm binh khí bất lợi, sức chiến đấu không có, đại bại mà bỏ chạy. Lý Thế Dân cũng không truy kích, lại phái người đến chỗ Đột Lợi Khả Hãn nói điều lợi hại. Đột Lợi thấy vậy chỉ còn biết hòa giải, rút quân khỏi đó. Lý Thế Dân vận dụng tâm lý làm đầu, ly gián phân hóa quân địch, cộng thêm đột nhiên tập kích, chuyển hóa nhân tố bất lợi thành nhân tố có lợi, cuối cùng khiến Đông Đột Quyết nghi ngờ không biết thực hư ra sao, phải rút quân về nước. Không đánh mà khuất phục được binh lực của người ta, Lý Thế Dân đích thị là người đại trí, đại dũng, biết người biết mình vậy.

Trương Nghi dùng kế thuyết phục bốn nước là điển hình của “phạt mưu”. Ở thời Chiến Quốc, bảy nước tranh hùng tranh bá, Tô Tần theo đường lối hợp tung, Trương Nghi theo đường lối liên hoành, hai người bằng vào mấy tactic khôn khéo làm con thoi giữa bảy nước kia, đấu trí đấu mưu, đối với hình thế tranh đấu của bảy nước có một ảnh hưởng rất lớn. Tô Tần, Trương Nghi là bạn học với nhau, song chủ trương thì tương phản. Sau khi Tô Tần chủ trương hợp tung thất bại, Trương Nghi với liên hoành lại giành được thành công rất lớn, từng trước sau không đánh mà khuất phục được quân của bốn nước. Liên hoành của Trương Nghi chủ yếu là dùng thủ đoạn lấy mạnh uy hiếp yếu, du thuyết sáu nước cùng thờ phụng nước Tần. Thành công của kế liên hoành bắt

đầu từ hàng phục nước Ngụy. Nước Tần để phá hoại sáu nước hợp tung, từng đáp ứng cho nước Ngụy không ít yêu cầu, sau khi hợp tung phá sản, Trương Nghi hiến kế cho Tần Huệ Vương không giữ lời hứa nữa. Nước Ngụy thấy nước Tần thất tín thì thập phần bức tức, phái người đến chất vấn. Nước Tần cũng nhân cơ hội mà tiến đánh nước Ngụy, chỉ một trận là chiếm được thành Bồi Dương. Bấy giờ Trương Nghi khuyên Tần vương không cần tiếp tục tiến công, hiến kế trả lại thành Bồi Dương, cũng phái công tử Dao ở lại nước Ngụy làm con tin, để biểu thị thành ý đời đời hữu hảo với nước Ngụy; điều ấy khiến cho Ngụy vương cảm kích vô cùng. Trương Nghi thừa cơ đi sứ nước Ngụy, nói điều lợi hại, yêu cầu Ngụy vương đáp lại ân huệ của nước Tần, cũng hứa hẹn sau này sẽ đền bù gấp mười, bức Ngụy vương tự nguyện cắt đất cầu hòa. Từ đó, nước Ngụy quy phục nước Tần.

Tiếp theo, Trương Nghi lại đến nước Sở, bấy giờ nước Sở với nước Tần có thể ước với nhau, là một trở ngại lớn cho nước Tần. Trương Nghi trước tiên mua chuộc được một nịnh thần của nước Sở là Cản Thượng, thông qua Cản Thượng mà gặp được Sở Hoài Vương. Trương Nghi đề nghị việc giao hảo giữa Tần và Sở, cũng thông qua việc tiếp xúc mà biết Sở Hoài Vương có ý sợ nước Tần, thế rồi thừa cơ mà thi triển tài biện luận. Đầu tiên nói rằng Tần với Sở mà

liên minh thì rất bất lợi cho Sở. Nếu như liên minh thì có thể khiến Sở thế lực mau chóng lớn mạnh. Tiếp đó chỉ rõ Tần không muốn nước Tề liên minh, bởi Tề từng phụ lại nước Tần. Cuối cùng hứa hẹn nếu Tần Sở giao hảo, Tần sẽ mang 600 dặm đất Thiên Vu mà triều trước chiếm được trả lại cho nước Sở, đồng thời sẽ tặng mỹ nữ người Tần cho Sở vương làm thiếp. Sở Hoài Vương bị Trương Nghi tác động, lại thêm Cận Thượng xúi giục, không đoái đến sự phản đối của các đại thần Trần Chấn, Khuất Nguyên, tỏ ý tuyệt giao với nước Tề, cùng thế ước với nước Tần.

Nước Tề thấy nước Sở bội tín vong nghĩa bèn phái sứ thần đến nước Tần yêu cầu được cùng thế ước, cùng đánh lại nước Sở, nước Tần cũng tỏ ra đáp ứng. Tề và Sở bất hòa, Trương Nghi liền phủ nhận lời hứa với Sở, cũng nói rằng Sở Hoài Vương nghe nhầm 6 dặm đất thành 600 dặm. Quá bức tức, Sở Hoài Vương mất cả lý trí liền khởi binh đánh Tần, không lâu đại bại mà rút về, mất cả 600 dặm đất ở Quang Trung. Bấy giờ, Hàn Ngụy để lấy lòng nước Tần cũng ném đá xuống giếng, xuất binh tập kích nước Sở. Không biết tính sao, Sở Hoài Vương phái sứ giả đến nước Tần, nguyện hiến dâng hai tòa thành trì mà bãi binh cầu hòa. Tần Hoài Vương vẫn mang quân áp sát, đòi có được vùng đất Hán Trung mới chịu bãi binh. Sở Hoài Vương bị bắt bí đành phải đem đất Hán Trung mà cắt cho nước Tần. Bấy giờ Trương Nghi lại hiến kế chỉ lấy một nửa đất Hán Trung cũng

chủ động cầu thân với Sở. Ân uy đều dùng cả, cuối cùng khiến nước Sở phải cam tâm tình nguyện thần phục nước Tần.

Chế ngự được nước Sở, Trương Nghi liền đến nước Tề. Trương Nghi lấy việc Tần Sở kết thân, thế lực càng thêm lớn mạnh, ba nước Hàn, Triệu, Ngụy tranh nhau thờ phụng nước Tần mà uy hiếp Tề Hồn Vương: giá như nước Tần muốn Hàn Ngụy đánh vào phía Nam nước Tề, còn nước Triệu vượt sông Hoàng Hà đánh vào mé bên của nước Tề, vậy thì ngài có muốn thờ phụng nước Tần e rằng cũng đã muộn rồi. Phân tích của họ Trương khiến Tề Hồn Vương không rét mà run, liền vội đáp ứng việc thờ phụng nước Tần.

Sau đó Trương Nghi lại nhắm hướng Tây đến với nước Triệu, nói với Triệu vương rằng: Tần vương của chúng tôi dẫn đại quân muốn hội chiến với ngài ở dưới thành Hàm Đan, đặc biệt phái tôi đến để thông báo cho ngài biết. Hiện giờ, Tần Sở đã kết thân, nước Tề hiến dâng đất Ngưu Đường cho Tần, Hàn Ngụy tự nhận là bề tôi phen giầu ở phía Đông của nước Tần. Ngài muốn lấy binh lực của một nước Triệu đối kháng với binh lực của năm nước, sợ rằng phải gánh lấy tai họa đó thôi. Triệu vương nghe nói không khỏi kinh hãi, cũng đáp ứng kết hợp với Tần, chịu thờ phụng nước Tần.

Rời nước Triệu, Trương Nghi lại đến nước Yên ở phía Bắc. Trương Nghi nói với Yên Chiêu vương

rằng: Ngài thân cận nhất chẳng qua là với nước Triệu. Song nước Triệu thì đang nguy khốn, ngay cả người chị gái của Triệu Tương vương cũng phải làm một vật hy sinh. Hiện giờ nước Triệu đã dâng đất thờ Tần, sẽ có một ngày Tần vương xúi giục nước Triệu đánh bại nước Yên, vậy thì Dịch Thủy ở Trường Thành đều sẽ không còn là của nước Yên nữa. Thuyết phục một hồi khiến Yên Chiêu vương sợ hãi không thôi, tự nguyện dâng năm tòa thành trì để cầu hòa với nước Tần.

Với bài vở như thế, Trương Nghi không phí một tên lính, không động một ngọn giáo, trước sau hàng phục được bốn nước Sở, Tề, Triệu, Yên. Cộng cả nước Ngụy chế ngự được từ sớm, đã gây dựng được địa vị lãnh đạo của nước Tần, trở thành cường quốc thứ nhất đương thời.

Trương Nghi dùng mưu kế khuất phục được năm nước là lấy thực lực quân sự to lớn của nước Tần làm hậu thuẫn. Nếu như chẳng có thực lực to lớn, tác động cũng không có hiệu quả, lời anh nói dù hay đến mấy cũng không có người nghe, nghe rồi cũng không tin, nói rằng nước yếu không cần ngoại giao là vậy. Đương nhiên, ở đây phải kể đến trí mưu của Trương Nghi, biểu hiện chủ yếu ở biết người và “nhân cái có lợi mà quyền biến”. Hiểu được cả hình thế đương thời và tình huống cụ thể của các nước, nhất là vua chúa, nhìn trúng tâm địa của họ mà nói một lời là trúng

đích, mau chóng làm rối loạn tâm lý của đối phương. Đồng thời đối với các đối tượng khác nhau thì vận dụng sách lược khác nhau, hoặc lấy sức mạnh để uy hiếp, hoặc lấy lợi ích để dẫn dụ, hoặc ân uy đều dùng cả, tùy cơ ứng biến, tìm cách ly gián, không gì là không dùng đến. Thủ đoạn của Trương Nghi có khi rất không sáng sủa, không phải cái gì cũng là quang minh lỗi lạc, bởi thế mà bị Khuất Nguyên xem là tiểu nhân. Song kết quả du thuyết của Trương Nghi với nước Tần có lợi ích to lớn, chúng ta tuy không nhất định phải bắt chước lời nói việc làm, song cũng không hẳn là dùng đạo đức để phủ định giản đơn với những gì mà Trương Nghi đã làm.

CHƯƠNG 4

HÌNH THIÊN

孙子曰：昔之善战者，先为不可胜，以待敌之可胜。不可胜在己，可胜在敌。故善战者，能为不可胜，不能使敌之必可胜。故曰：胜可知而不可为。

不可胜者，守也；可胜者，攻也。守则不足，攻则有余。善守者，藏于九地之下；善攻者，动于九天之上；故能自保而全胜也。

Tôn Tử viết: *Tích chi thiện chiến giả, tiên vị bất khả thắng, dĩ đãi địch chi khả thắng. Bất khả thắng tại kỷ, khả thắng tại địch. Cố thiện chiến giả, năng vị bất khả thắng, bất năng sử địch chi tất khả thắng. Cố viết: Thắng khả tri nhi bất khả vị.*

Bất khả thắng giả, thủ dã; khả thắng giả, công dã. Thủ tắc bất túc, công tắc hữu dư. Thiện thủ giả, tàng ư cửu địa chi hạ; Thiện công giả, động ư cửu thiên chi thượng; cố năng tự bảo nhi toàn thắng dã.

Diễn giải:

Tôn Tử nói: Trước đây có một số người khéo dụng binh giao chiến, thường là dự định sáng tạo điều kiện để không bị kẻ địch chiến thắng, chờ đợi thời cơ có thể chiến thắng kẻ địch. Làm được điều không bị kẻ địch chiến thắng, dựa vào nỗ lực chủ quan của mình, có thể chiến thắng được kẻ địch là bởi kẻ địch có sơ hở lợi dụng được. Cho nên, người khéo dụng binh giao chiến có thể làm được việc không bị kẻ địch chiến thắng mà không thể làm được việc khiến kẻ địch nhất định bị ta chiến thắng. Cho nên mới nói rằng: thắng lợi là có thể dự kiến được, lại là không thể bằng vào nguyện vọng chủ quan mà cưỡng cầu được.

Muốn không bị kẻ địch chiến thắng, cần phải chú trọng phòng thủ; muốn chiến thắng kẻ địch, cần chọn cách tiến công. Thực hành phòng thủ, là bởi thực lực không đủ, điều kiện giành phần thắng không đủ; chọn cách tiến công là bởi vì có thực lực lớn mạnh điều kiện giành phần thắng có thừa. Một đội quân khéo phòng thủ, ẩn tàng chính mình cũng giống như giấu vật ở sâu dưới đất, chẳng có dấu tích để tìm kiếm; một đội quân khéo tiến công, triển khai binh lực cũng giống như từ chín tầng trời đột nhiên giáng xuống, thế chẳng thể đương nổi. Cho nên, đội quân khéo phòng thủ, khéo tiến công thì có thể bảo toàn được mình, lại có thể giành được toàn thắng.

Có được thắng lợi không vượt quá chiến tích của người ta nói chung, không thể kể là người cao minh nhất trong những người cao minh. Đánh thắng mà bàn dân thiên hạ đều nói là dễ, cũng chẳng phải là thắng lợi lý tưởng nhất. Điều ấy cũng giống như nâng lên một vật bé nhỏ, không tốn sức lực gì mấy. Người khéo dụng binh mà thời xưa nói đến chỉ là một số người thường có thể chiến thắng lại dễ dàng bị kẻ địch đánh bại. Bởi thế, những người ấy có giành được thắng lợi, cũng chẳng có danh tiếng tức trí đa mưu, cũng chẳng có công lao dùng mưu thiện chiến. Đây là bởi vì thắng lợi của họ không phải là ngẫu nhiên, tuyện đối không thể có sai lầm. Sở dĩ có thể có sai lầm là bởi thi thố tác chiến vận dụng được xây dựng trên một cơ sở tất thắng, chiến thắng ấy là ở vào tình thế kẻ địch ắt sẽ bại trận. Cho nên, người khéo dụng binh giao chiến thường là khiến mình đứng ở mảnh đất bất bại, từ đó không bỏ qua một cơ hội nào có thể đánh bại được kẻ địch. Bởi thế, một đội quân đánh thắng thường là sớm giành được điều kiện tất thắng sau đó mới tìm kiếm cơ hội giao chiến với kẻ địch, một đội quân thua trận thường là sớm phải giao chiến với địch sau đó ở trong cuộc chiến mong có cơ may giành được phần thắng. Người khéo dụng binh giao chiến có thể sửa sang chính trị, bảo đảm phép tắc, cho nên có thể nắm quyền chủ động quyết định thắng bại của chiến tranh.

Trong binh pháp, nhân tố dùng để cân nhắc thắng bại, một là “độ”, hai là “lượng”, ba là “số”, bốn

là “xưng”, năm là “thắng”. Hai phía địch ta ở vùng đất khác nhau, có diện tích đất đai khác nhau, gọi là “độ”; do diện tích lớn bé mà có số nhân khẩu, nguồn vật tư nhiều ít, gọi là “lượng”; sự khác nhau về nhân khẩu và nguồn vật tư của hai bên, sinh ra số binh lính nhiều ít, gọi là “số”; do sự bất đồng của binh lính mà sinh ra thực lực quân sự mạnh yếu khác nhau, gọi là “xưng”; sự khác nhau về thực lực của quân địch và quân ta, cuối cùng quyết định ai thắng ai bại của chiến tranh. Cho nên đội quân thắng lợi đối với đội quân thất bại, cũng giống như là đem một cân so với một lạng, chiếm ưu thế là tuyệt đối, mà đem đội quân thất bại so với một đội quân thắng lợi cũng giống như đem một lạng so với một cân, sự thua kém là tuyệt đối. Về phía đánh thắng, chỉ huy binh lính tác chiến cũng giống như nước chảy từ đỉnh núi cao muôn trượng, thuận theo khe núi mà đổ xuống, thế sắc bén chẳng thể đương nổi. Đây chính là biểu hiện của thực lực lớn mạnh vậy.

Lời bình:

Gọi là “hình” thông thường có hình trạng, hình thái, hình thức; còn nói đến sự biểu hiện là chỉ biểu hiện bên ngoài của vận động vật chất, từ đó mà cho thấy đặc điểm nội tại của vật chất đang vận động; bởi thế mà, từ góc độ triết học mà nhìn, phạm trù “hình” là vật chất vận động, cũng là nói năng lượng và hiệu ứng giành được. Chúng ta biết rằng, Tôn Vũ ở cuối thời Xuân Thu, hẳn chẳng thể tiếp xúc với

triết học hiện đại liên quan đến giới thuyết của “hình”, song chúng ta không thể không kinh ngạc thấy rằng, Tôn Vũ trong chương “Hình thiên” với việc lý giải và vận dụng lại đã tiếp cận với mệnh đề của triết học hiện đại. Tôn Vũ lấy quan điểm chủ nghĩa duy vật thuần phác, thấy rõ được tính thứ nhất của cơ sở vật chất, với chiến tranh có tác dụng tiên quyết, khiến người ta không khỏi kính nể. Khi chúng ta với trí tuệ của tổ tiên biểu hiện một sự sùng kính không khỏi sẽ sản sinh ra sự nghi ngờ như thế này: một số mệnh đề của triết học hiện đại, có nguồn gốc của văn hóa cổ đại Trung Quốc cũng chưa hẳn không phải là một sự thật. Chương “Hình thiên” có thể coi là một bằng chứng.

Trong hệ tư tưởng chiến lược của Tôn Vũ, “toàn thắng” chiếm một địa vị đột xuất, xuất phát điểm của hình thiên cũng là toàn thắng, chỗ bất đồng chỉ là ở điểm này, là thực lực quân sự hai bên địch ta. Trên cơ sở vật chất ấy có không ít học giả đem cái “hình” mà Tôn Vũ nói đến gọi là quân hình, chính là theo đạo lý này vậy.

So sánh thực lực quân sự là cơ sở quyết định thắng bại của chiến tranh. Cho nên, tướng soái khéo dụng binh thường là tận lực tạo thành ưu thế tuyệt đối về lực lượng, sau đó chờ đợi thời cơ nắm bắt nhược điểm về thực lực của địch và cơ hội có thể giành chiến thắng, phát động công kích, giành được thắng lợi.

Tự mình vốn là không thể thắng được do “đợi” mà có thể thắng được, cho thấy thái độ khách quan của Tôn Tử. Điều kiện của mình có thể sáng tạo ra, thực lực quân sự có thể nghĩ cách bồi dưỡng tăng cường, nỗ lực chủ quan có thể ở một mức độ nhất định cải biến hiện trạng; còn thực lực quân sự và điều kiện dụng binh của kẻ địch lại là cái mà ta chẳng thể cố ý biến đổi được, tất cả biến hóa chỉ có thể thông qua tác dụng nội bộ của địch để thực hiện, bởi thế mà nói là “chẳng thể khiến”, chỉ có thể chờ đợi thời cơ, tĩnh lặng quan sát biến hóa. Thắng bại là điều có thể dự trắc, song chẳng thể cưỡng cầu được, cần nhận thức sâu sắc vấn đề với tinh thần biện chứng.

Vậy thì, làm thế nào để bảo đảm toàn thắng, ít ra là không bị kẻ địch chiến thắng? Tôn Vũ đã đề xuất dựa vào so sánh thực lực mà linh hoạt vận dụng cụ thể tiến công hay phòng thủ. Nếu thực lực của địch to lớn, chẳng thể thắng được, thì việc vận dụng chiến lược phòng thủ, cũng cần bảo tồn được thực lực của mình, ẩn giấu kín đáo khiến kẻ địch chẳng thể tìm kiếm, tránh dưới điều kiện bất lợi bị bức phải quyết chiến với địch; nếu thực lực của địch không đủ, có thể nắm chắc chiến thắng được nó, cần chọn chiến lược tiến công, cũng cần mau chóng xuất kích, tốc chiến tốc thắng như từ chín tầng trời giáng xuống, xuất kỳ bất ý, thế bất khả đương đầu, hoàn toàn triệt để tiêu diệt kẻ địch. Căn cứ vào thực lực hai phía địch ta, nắm sự chuyển hoá tiến công phòng thủ, có thể tiến

công cũng có thể phòng thủ, đánh đánh thì đánh, không nên đánh thì phòng thủ, mới có thể làm được cái gọi là “tự bảo vệ mà toàn thắng”. Điều này gắn liền với “biết người biết mình, bách chiến bách thắng”, là mức độ lý tưởng của dụng binh tác chiến.

Tự bảo vệ là tiền đề, toàn thắng là mục đích. Tướng soái thật sự khéo dụng binh ắt chú ý đến tự bảo vệ, khiến mình đứng ở mảnh đất bất bại, sau đó nắm lấy thời cơ có lợi mà tìm kiếm sự toàn thắng. Để thuyết minh điều này, Tôn Tử sớm vào vai phản diện, đối với quan điểm thông thường nào đó mà người ta vẫn biết, tiến hành phân tích, chỉ ra rằng không cần phải có những tướng soái thật sự xuất sắc ở đó. Họ có thể dự trắc được thắng lợi, song kiến thức cũng chẳng vượt quá người thường, thông qua tấn công mạnh mẽ mà cố giành được thành tích, nhận được sự tán dương rộng rãi, dẫu sao cũng là thắng lợi, song không phải là điều đáng mong muốn vậy. Xem xét nguyên nhân, một là đối với thực lực quân sự của hai phía địch ta cùng là thắng bại của chiến tranh, thiếu hẳn kiến giải sâu sắc và độc đáo, chẳng thể lấy trả giá ít nhất mà giành được thắng lợi lớn nhất, chẳng có nắm được “không đánh mà khuất phục được binh lực của người ta”, “toàn thắng” mà chẳng thể tự bảo vệ cũng là một việc khó; hai là chỉ mong cái lợi ở trước mắt, lời khen của thiên hạ, được hư danh là thiện chiến, mà lại xem nhẹ vận dụng phương thức có thể tốt hơn, chọn cơ hội có lợi hơn.

Tôn Vũ với điều này rất băn khoăn lý giải. Ông nói: cử một vật nhẹ chẳng cần nhiều sức, thấy ánh sáng mặt trời không bởi vì mắt sáng, nghe tiếng sấm không phải vì tai thính. Ý tứ ở đây là, người thực sự thiện chiến cần thấy vật nhỏ từ trong bóng tối, nghe có hơi thở của thiên sơn vạn thủy, nhắc nổi cái đỉnh nặng vạn cân, mới có thể nói là tài trí hơn người.

Tiếp đến Tôn Vũ luận thuật tiêu chuẩn thiện chiến ví như nhận định của mình là: Một là thắng khá dễ dàng, tức là đã nắm chắc được tình huống kẻ địch về thực lực ắt sẽ thất bại phải nắm được thời cơ tốt nhất có thể chỉ một trận là thắng đồng thời tự mình cũng đã làm tốt các phương diện chuẩn bị công kích, vậy thì đối phương sớm đã như chim trong lồng, cá trong chậu, thắng lợi là điều dễ dàng, như thò tay vào túi lấy đồ vật chẳng khó khăn gì. Hai là thắng không sai lệch, tức là đã đánh là thắng, tuyệt đối không thể có gì sai lệch cả. Nguyên nhân chủ yếu là người thiện chiến biết vận dụng thi thố chiến lược chiến thuật, có thể phát huy ưu thế thực lực của mình, bức kẻ địch đến chỗ cùng đường phải chịu thất bại. Tình thế trên chiến trường thiên biến vạn hóa, một sự sai lầm của tướng soái chỉ huy có thể dẫn đến sự xoay chuyển cục thế, từ thế thắng biến thành thế bại, có lợi hóa thành bất lợi, binh lực ưu thế tuyệt đối không nhất định dẫn đến thắng lợi tuyệt đối. Bởi thế mà người thiện chiến cần khéo léo nhân có lợi mà quyền biến, đứng ở mảnh đất bất bại. Ba là kết luận:

đội quân thắng lợi trước lúc thắng lợi thì cầu chiến, đội quân bại trận trước lúc giao chiến thì cầu thắng. Không giao chiến lúc không chuẩn bị, chẳng có thực lực hơn hẳn và có cơ hội thì dứt khoát không công kích bừa bãi. Bởi vì chiến tranh rốt cục là sự so sánh thực lực và mưu lược, bằng vào tâm lý cầu may và sự mạo hiểm liêu lĩnh, ắt sẽ vơi đến thất bại thảm hại thậm chí là tiêu vong triệt để.

Nói tóm lại, Tôn Vũ đề xuất rằng người quyết sách, người chỉ huy chiến tranh cần tuân theo nguyên tắc cơ bản, hoặc giả nói rằng một tướng soái xuất sắc cần có đủ tố chất cơ bản: “tu đạo bảo pháp”. Giải thích điều này, người ta thường cho là: sửa sang chính trị, giữ nghiêm phép tắc. Giải thích như vậy về đại thể không nhầm, song không được hoàn thiện. Trong văn hóa triết học cổ đại Trung Quốc, đạo, pháp có hàm nghĩa rất phong phú. Đạo có thể chỉ chính trị, tức là nói đến trị quốc bình thiên hạ; cũng có thể chỉ quy luật nói chung của sự vật, ví như đạo pháp tự nhiên; lại còn có thể chỉ lý luận, vi phạm luân thường, chuẩn tắc hành vi và phương pháp kỹ thuật nào đó. Pháp, là pháp luật, pháp lệnh, có ý tứ quy luật hành vi ắt nên cưỡng chế tuân theo, cũng có ý nghĩa phương thức phương pháp, tiêu chuẩn, phép tắc kỹ thuật. Đạo, pháp mà Tôn Vũ nói đến, hiển nhiên không chỉ hạn chế hoặc chủ yếu không phải là chỉ chính trị và pháp luật mà là chỉ quy luật phổ biến và phép tắc cơ bản của dụng binh giao chiến, ở

đây đặc biệt nhấn mạnh là, đối với thực lực quân sự về cơ sở vật chất cần được nhận thức sâu sắc, đối với thực lực quân sự về vận động cần được tính toán và lợi dụng đúng đắn. Nói rằng “tu đạo” là muốn nói thông qua đa phương nỗ lực khiến điều kiện mọi mặt đều hướng đến “lấy chờ đợi mà có thể thắng được kẻ địch”. Nói rằng bảo pháp, tức là khéo phòng thủ, khéo tấn công, là thực thi sách lược đúng đắn, bảo đảm đứng ở mảnh đất bất bại, đạt được mục đích tự bảo vệ mà toàn thắng. Chỉ có như vậy, mới có thể nói là nắm được quyền chủ động quyết định thắng lợi chiến tranh, mới đáng gọi là tướng soái khéo dụng binh giao chiến.

Tôn Tử muốn đề xuất phương pháp khoa học nắm chắc thực lực quân sự: Từ diện tích đất đai, nhân khẩu, binh lính, vật tư, tổng hợp thực lực của hai bên, tiến hành sự so sánh, cân đo tỉ mỉ, từ đó mà dự trắc được tính khả năng của thắng bại. Một khi đã giành được ưu thế tuyệt đối, quân thắng với quân bại như một cân so với một lạng, thì cần thi triển công kích, lấy tốc độ chớp nhoáng và tình thế chẳng thể đương nổi mà tiêu diệt kẻ địch một cách triệt để. Tôn Vũ đem sự so sánh lực lượng xây dựng trên cơ sở tính toán khoa học, từ các phương diện mà tiến hành phân tích so sánh, với việc thống kê tổng hợp quốc lực hiện nay có nhiều chỗ tương tự. Chúng ta không chỉ nhận thức sâu sắc nội dung mưu lược của Tôn Vũ từ góc độ ngày nay, mà càng cảm thấy tính hiện thực

của binh pháp Tôn Vũ và ý nghĩa chỉ đạo phổ biến của nó.

Cuối thời Chiến quốc, đại tướng nước Tần là Vương Tiễn can phá quân Sở, có thể coi là một ví dụ chứng minh cho chương “Hình thiên” của Tôn Vũ về nguyên tắc dụng binh.

Năm 225 trước Công nguyên, Tần vương Doanh Chính quyết tâm thống nhất Trung Nguyên một lần nữa lại mưu toan tiến đánh nước Sở. Trước lúc xuất binh, Tần vương hỏi đại tướng Lý Tín rằng, đánh Sở cần bao nhiêu binh mã, Lý Tín dự tính hai mươi vạn binh mã là đủ. Lại hỏi đến lão tướng Vương Tiễn, đáp rằng chẳng có sáu mươi vạn binh mã thì không đủ. Tần vương cho rằng Vương Tiễn già yếu khiếm nhược, dùng khí giảm sút cho nên dùng Lý Tín làm tướng, Mông Vũ làm phó tướng, dẫn hai mươi vạn binh mã tiến đánh nước Sở. Lý Tín mới đánh đã có tin thắng trận, chỉ một trận là hạ được Bình Dư, tiếp đến lại hạ được Diên Thành ở phía Tây, bèn hẹn với Mông Vũ dẫn binh đánh Tầm Khâu, để rồi mau chóng tiến đến Thành Phụ, hợp binh cùng tiến.

Bấy giờ, nước Sở thấy quân Tần đã vào sâu trong đất Sở, bèn phái Hạng Yên làm đại tướng, cầm hai mươi vạn binh mã thủy lục cùng tiến, chặn đánh quân Tần ở Tây Long, cũng phái phó tướng Khuất Định mang quân mai phục ở bảy điểm trong dải Lỗ Đài Sơn. Hai đạo quân Tần Sở chạm trán ở Tây

Long, giao chiến kịch liệt khác thường, quân Tần bị chặn lại, bất phân thắng bại, bỗng nhiên Khuất Định mang phục binh xông ra, quân Tần từ hai phía đều gặp địch, không khỏi hốt hoảng, đại bại mà chạy. Hạng Yên thừa thắng truy kích, chém bảy đô úy của Tần, binh lính bị chết vô số, rồi kéo thẳng đến Bình Dư, thu phục toàn bộ vùng đất đã bị mất. Lý Tín bại trận, Mông Vũ còn chưa đến được Thành Phụ thấy vậy cũng vội lui binh, chiến dịch đánh Sở hoàn toàn thất bại.

Tần vương vẫn tin tưởng ở thắng lợi, nghe tin thì sầu não không thôi. Tần vương hạ lệnh tước bỏ quan chức của Lý Tín, thân hành đến tận nhà mời Vương Tiễn hạ sơn thu thập cục diện. Vương Tiễn không từ chối được, đành phải hạ sơn, song vẫn kiên trì theo ý kiến của mình, chẳng có sáu mươi vạn binh mã thì không đủ chiến thắng quân Sở. Tần vương vẫn không cho là phải, dẫu sách vở này nọ nói ngũ bá tranh hùng xuất binh nhiều nhất vẫn không quá mười vạn. Tướng quân sao cứ nói là chẳng có sáu mươi vạn thì không đủ nhỉ? Vương Tiễn giải thích rằng: Xưa kia giao chiến, trước là ước định ngày giờ, việc đầu tiên là bày trận, trong giao chiến đều tuân theo quy củ lễ tiết nhất định, cho nên bấy giờ giao chiến số lượng binh lính không cần phải quá nhiều. Hiện tại tình huống đã phát sinh biến hóa căn bản. Cuộc tranh đấu giữa các nước đều là lấy mạnh đè yếu, lấy nhiều lấn ít, mỗi lần giao chiến cũng có vài

vạn người bị giết, bao vây thành trì cũng đến vài năm, có một số quốc gia ai nấy đều phục dịch cho quân đội, số người trong quân đội tăng lên rất nhiều, binh lực động dụng đã vượt xa thời Xuân Thu Ngũ bá tranh hùng. Lại nói về nước Sở ngày nay, họ có một vùng đất rộng lớn ở Đông Nam, nhân khẩu rất đông đảo, tài nguyên phong phú, vừa hiệu lệnh đã có thể động viên trăm vạn người tham chiến, muốn chinh phục được họ e rằng sáu mươi vạn binh mã vẫn còn là ít. Phân tích của Vương Tiễn có tình có lý khiến Tần vương tâm phục khẩu phục, cuối cùng đáp ứng yêu cầu lệnh cho Vương Tiễn dẫn sáu mươi vạn đại quân thảo phạt nước Sở.

Wương Tiễn dẫn quân đến tiền tuyến, với tướng Sở là Hạng Yên đối trận. Vương Tiễn đem đại quân đóng ở dưới núi Thiên Trung, doanh trại liên suốt 10 dặm, vũng vàng cố thủ, mặc cho Hạng Yên hàng ngày đến trước trận khiêu chiến, ông ta vẫn làm ngơ, chẳng hề đáp ứng. Ngày lại ngày, vẫn treo cao “miễn chiến bài”; Hạng Yên cho rằng Vương Tiễn già yếu khiếp sợ quân Sở, dần dần kiêu ngạo khinh địch. Trong trại quân Tần, Vương Tiễn ra lệnh hàng ngày giết lợn, mổ dê cải thiện bữa ăn cho binh lính; tướng quân với binh sĩ cùng ăn cùng ở, với binh sĩ hỏi rét hỏi ấm, quan tâm mọi điều, quan binh hòa hợp, trên dưới đồng lòng, Vương Tiễn một mặt ngăn cản sự thỉnh cầu xuất chiến của binh sĩ, một mặt dạy binh lính tiến hành ném đá và nhảy cao. Thông qua thi

dấu, tăng thêm thể chất của binh lính, đề cao được kỹ năng. Đồng thời lệnh cho quân Tần không được vượt qua biên giới để chặt củi, bắt được dân nước Sở thì khoản đãi rượu thịt, thả cho về nhà. Sự khiếp chiến và hữu hảo của quân Tần cứ thế một truyền mười, mười truyền trăm, trăm họ với quân Tần từ chỗ sợ hãi dần biến thành thân cận. Như thế được hơn một năm, Hạng Yên vẫn khiêu chiến không được, càng tin rằng Vương Tiễn nhu nhược khiếp sợ, lại càng phóng túng phòng bị, trong trại quân Sở binh lính khá thoải mái, chẳng cảnh giác gì. Quân Tần hơn một năm nghỉ ngơi tại chỗ, tinh lực vượng thịnh, sĩ khí khá cao. Vương Tiễn nhìn rõ những điều ấy, cho rằng thời cơ đã đến, đã nắm được phần thắng. Thế rồi, đột nhiên hạ lệnh tấn công toàn diện vào quân Sở. Vương Tiễn tuyển hai vạn tinh binh làm tiên phong, xếp tinh binh thành mấy ngả đồng thời đánh mạnh vào quân Sở, cũng lệnh cho quân lính rằng: các lộ binh mã chỉ cần đánh bại kẻ địch, có thể tự ý đánh vào sâu nước Sở. Quân Tần sớm đã rèn luyện quyền cước, đột nhiên công kích, thế như sấm sét, mạnh mẽ khác thường không gì ngăn nổi. Còn quân Sở trường kỳ phóng túng, đột nhiên gặp phải sự tập kích mãnh liệt của quân Tần, vội vàng ứng chiến, mất cả tinh thần, cơ hồ chẳng có sức để kháng, chưa qua mấy trận đã đại bại tan vỡ, phó tướng Khuất Định tử trận, chủ tướng Hạng Yên dẫn bại binh chạy về phía Đông. Vương Tiễn thừa thắng truy kích giành lại được đại thắng ở thành Vĩnh An. Chưa đầy

mấy tháng quân Tần trước sau đánh chiếm được Hoài Bắc, Hoài Nam, Giang Nam, cuối cùng bắt được Sở vương Phụ Sô, đại tướng Hạng Yên bị bức phải tự sát. Đến năm thứ ba, tức là năm 223 trước Công nguyên, Doanh Chính cầm quyền được 23 năm, Tần vương cuối cùng đã thôn tính được nước Sở.

Trong đợt này, công lao của Vương Tiễn rất lớn. Mà bí quyết thành công của Vương Tiễn chính là làm theo lời của Tôn Vũ “lấy đợi địch mà thắng”, phòng thủ thì tàng ẩn rõ kín, tấn công thì như từ trời giáng xuống, cuối cùng tạo thành ưu thế tuyệt đối của một cân so với một lạng, sau đó lấy thế mạnh áp đảo mà chỉ một trận là giành được toàn thắng.

Chương “Hình thiên” không chỉ là một chương binh thư sáng ngời tinh thần thực sự cầu thị và phép biện chứng duy vật, mà còn là một chương sách giàu có sắc thái văn chương, ví như tàng ẩn ở sâu dưới đất, từ trời giáng xuống, tích nước ở tầng cao muôn trượng; cho thấy một ngòi bút tài tình giàu mỹ cảm, không chỉ khiến binh gia thấy sáng khoái trong việc lý giải binh pháp Tôn Tử mà cũng khiến độc giả nói chung được hưởng thụ cái đẹp, cảm thụ được ma lực dẫn dụ của binh pháp Tôn Tử, nhận được sự gợi mở với tâm trí khá lớn.

CHƯƠNG 5

THẾ THIÊN

孙子曰：凡治众如治寡，分数是也；斗众如斗寡，形名是也；三军之众，可使必受敌而无败者，奇正是也；兵之所加，如以碁投卵者，虚实是也。

凡战者，以正合，以奇胜。故善出奇者，无穷如天地，不竭如江河。终而复始，日月是也；死而复生，四时是也。声不过五，五声之变，不可胜听也；色不过五，五色之变，不可胜观也；味不过五，五味之变，不可胜尝也。战势不过奇正，奇正之变，不可胜穷也。奇正相生，如循环之无端，孰能穷之？

Tôn Tử viết: Phàm trị chúng như trị quả, phân số thị dã; đấu chúng như đấu quả, hình danh thị dã; tam quân chi chúng, khả sử tất thụ địch nhi vô bại giả, kỳ chính thị dã; binh chi sở tri, như dĩ đoạn đầu noãn giả, hư thực thị dã.

Phàm chiến dã, dĩ chính hợp, dĩ kỳ thắng, cố thiện xuất kỳ giả, vô cùng như thiên địa, bất kiệt như

giang hà. Chung nhi phục thủy, nhật nguyệt thị dã; tử nhi phục sinh, tứ thời thị dã. Thanh bất quá ngũ, ngũ thanh chi biến, bất khả thắng thính dã; Sắc bất quá ngũ, ngũ sắc chi biến, bất khả thắng quan dã; vị bất quá ngũ, ngũ vị chi biến, bất khả thắng thường dã. Chiến thế bất quá kỳ chính, kỳ chính chi biến, bất khả thắng cùng dã. Kỳ chính tương sinh, như tuần hoàn chi vô đoan, thực năng cùng chi?

Diễn giải:

Tôn Tử nói: Quản lý một đội quân đông đảo cũng giống như quản lý một đội quân ít người, song cần có sự hợp lý về biên chế và tổ chức; chỉ huy tác chiến ở một đội quân lớn cũng giống như chỉ huy tác chiến ở một đội quân nhỏ, song cần có đủ cờ trống, liên lạc thông suốt; có thể khiến toàn quân khi gặp địch tấn công mà không bại, then chốt là ở vận dụng chiến thuật “kì chính”; tùy cơ ứng biến; chỉ huy quân đội tiến công kẻ địch cũng giống như dùng hòn đá cứng đập vỡ quả trứng, chỉ một đập là vỡ, then chốt là vận dụng chính xác sách lược tránh chỗ thực đánh chỗ hư.

Cuộc chiến nói chung thành công thường là lấy chính binh nghênh địch, lấy kỳ binh để giành phần thắng. Tướng soái khéo dùng kỳ binh giành phần thắng, chiến thuật của họ biến hóa cũng giống như sự vận hành của trời đất là vô cùng vô tận; cũng giống như sự trôi chảy của dòng sông, mãi không khô

kiệt. Cứ theo một chu kỳ là lại bắt đầu, đây là quy luật vận hành của mặt trời, cung bậc của mặt trăng, suy rồi lại thịnh, đây là phép tắc đắp đổi của bốn mùa, âm điệu chẳng qua có năm loại là: cung, thương, giốc, chủy, vũ, song sự biến hóa của ngũ âm có thể sắp xếp thành nhạc khúc nhiều dạng nhiều vẻ; màu sắc chẳng qua có năm loại là: xanh, đỏ, vàng, trắng, đen, song sự phối hợp ngũ sắc có thể vẽ ra các bức tranh nhiều vẻ; mùi vị chẳng qua có năm loại là cay, chua, mặn, ngọt, đắng, song sự điều hòa ngũ vị có thể làm ra nhiều món ăn ngon lành. Phương pháp “chiến thuật tác chiến” chẳng qua là chiến thuật đặc thù xuất kỳ bất ý giành phần thắng, “chính” là chiến thuật thường thấy như ở sách vở, song biến hóa của kỳ chính vô cùng vô tận chẳng thể kể xiết. Sự nương tựa tương hỗ, chuyển hóa tương hỗ của kỳ và chính, cũng giống như chuyển động vòng tròn không đầu không cuối chẳng biết đâu là tận cùng vậy.

Dòng nước tuôn chảy mạnh mẽ có thể dời được cả những hòn đá, đây là do duyên có thể nước rất mạnh; chim ưng hung dữ bay lượn, có thể bắt giết được chim sẻ, đây là do duyên có nắm bắt được thời cơ. Bởi thế, tướng soái khéo chỉ huy chiến tranh, tình thế mà họ tạo thành thường là hiểm trở, thời cơ phát động công kích thường là rất mau chóng. Sự hiểm trở như vậy cũng giống như cung nỏ kéo căng, mũi tên đặt sẵn, ở thế sẽ bắn ra; thời điểm ấy cũng giống như dùng tay ấn vào phím máy, chỉ một xúc tác là đã phát động.

Cờ trận tung bay, binh mã hỗn tạp, ở trong sự hỗn loạn mà chỉ huy chiến đấu, bảo đảm cho quân đội của mình tề chỉnh không rối loạn. Binh như nước triều, phải khiến cho quân đội của mình có trận thế nghiêm chỉnh, đứng ở mảnh đất bất bại. Hướng về kẻ địch tạo một giả cảnh hỗn loạn, là xây dựng cho quân đội của mình trên cơ sở quản lý tổ chức nghiêm chỉnh; hướng về phía kẻ địch tỏ sự khiếp nhược là bởi bản thân tướng sĩ có tố chất dũng cảm; hướng về phía kẻ địch tỏ ra là nhược tiểu, là bởi tự mình có thực lực to lớn. Nghiêm chỉnh hay là hỗn loạn, là kết quả tốt xấu của tổ chức biên chế quân đội; dũng cảm hay là khiếp nhược, là biểu hiện bên ngoài của tố chất binh sĩ; lớn mạnh hay là nhược tiểu, cho thấy thực lực quân sự là lớn hay bé một cách rõ rệt. Cho nên tướng soái khéo điều động quân địch, dùng nguy trang giả cảnh mê hoặc kẻ địch, kẻ địch phải nghe theo sự điều động đó; dùng cái béo bở để dẫn dụ kẻ địch, kẻ địch sẽ kéo đến để đoạt lấy. Dùng lợi ích để dẫn dụ điều động kẻ địch, cũng lấy trọng binh để đợi kẻ địch, nhắm thời cơ mà diệt địch. Cho nên, người khéo chỉ huy tác chiến, thường là chú ý đến tình thế tất thắng có lợi cho mình, mà không nặng trách cứ với thuộc hạ. Bởi thế họ có thể rất dễ dùng người, lợi dụng và sáng tạo tình thế tất thắng. Người có thể lợi dụng đầy đủ tình thế tất thắng, họ chỉ huy chiến tranh cũng giống như chuyển một khúc gỗ một tảng đá vậy, đặc tính của gỗ đá là bất định ở một chỗ, nếu để ở

một nơi hiểm trở chênh vênh thì sẽ lăn xuống. Gỗ đá có hình vuông thì dễ ổn định mà hình tròn thì dễ lăn đi. Cho nên người khéo chỉ huy tác chiến tạo tình thế có lợi, cũng giống như đem đá tròn đặt ở trên núi cao muôn trượng, tùy thời có thể lăn xuống, có năng lượng chẳng gì đương nổi, không vật cứng nào không bẻ gãy. Đây là tình thế được nói đến ở đây, theo xu hướng nhân tố có lợi phục vụ cho mục đích tất thắng.

Lời bình:

Chương “Thế thiên” là một chương sách chị em với “Hình thiên”, giữa hai chương này có liên hệ nội tạng mật thiết. Hình là chỉ vật chất vận động, thế là chỉ vận động của vật chất; hình là cơ sở, thế là kết quả, hình có đầu mới rõ rệt mà thế là xu hướng tất nhiên dưới hiện tượng ẩn tàng. Có hình tất nhiên có thế, hình thế gắn liền với nhau theo một lẽ đương nhiên. Song hình và thế có sự khác biệt với nhau, hình của vật chất là tồn tại khách quan, thế của vận động thì có thể do chủ quan tạo ra, cho nên hình thiên là sự phân tích khách quan và lợi dụng hữu hiệu với thực lực quân sự, nhấn mạnh đến tích tụ lực lượng vật chất khách quan; thế thiên thì trọng ở việc điều hành của người chỉ huy tác chiến tức là tạo thế và dụng thế, nhấn mạnh đến sự phát huy tác dụng năng động chủ quan. Dụng tâm sâu sắc của Tôn Vũ là ở chỗ đã có hình của thực lực quân sự còn cần có tướng soái chỉ huy xuất sắc khéo tạo thế, dụng thế,

không thì thực lực ưu thế không thể hóa thành “thế” thắng lợi tất nhiên. Những tính năng động chủ quan của tướng soái với thắng bại của chiến tranh có liên quan chặt chẽ.

Góc độ của “Thế thiên” chọn lựa là đối với địch thực thi chiến tranh tiến công, vấn đề chủ yếu luận thuật là các tướng soái vận dụng nguyên tắc chiến thuật và tạo thành tình thế tất thắng. Trước tiên, Tôn Vũ đề xuất khi tác chiến dụng binh, tướng soái cần nắm chắc bốn mắt xích, phát huy đầy đủ tính năng động chủ quan, cuối cùng giành lấy thắng lợi của chiến tranh. Bốn mắt xích nói ở đây là “phân số”, “hình danh”, “kì chính”, “hư thực”. “Phân số” tức là tổ chức biên chế của quân đội, là then chốt của việc điều hành toàn quân; biên chế có mạch lạc, tổ chức có nghiêm chỉnh, việc quản lý quân đội sẽ dễ dàng, bởi thế mà có vị trí thứ nhất. “Hình danh” là liên hệ thông tin của quân đội, là ý đồ của người chỉ huy có thể thuận lợi truyền đạt thông suốt, có thể điều động quân đội kịp thời, trực tiếp quan hệ đến tiến hành và thắng bại của chiến cục nên được xếp là thứ hai. Mắt có thể thấy là hình, đó là nói đến phiên hiệu và cờ quạt dùng để liên lạc; tai có thể nghe thấy là danh, đó là nói đến chiêng trống truyền đạt mệnh lệnh tiến thoái, kì chính là chiến thuật và sự biến hóa dụng binh. Chính diện nghênh địch là chính, ở một bên tập kích là kì; nói rõ tiến công là chính, đánh lén là

kì; chiếu theo quy luật tác chiến thông thường là chính, vận dụng chiến thuật “kì chính”, là bí quyết thành công của việc quân đội bị kẻ địch công kích mà không bị đánh bại. Cuối cùng là “hư thực” tức là khéo tránh chỗ thực, đánh vào chỗ hư, tạo thành lấy thực đánh hư, có ưu thế tuyệt đối lấy đá chọi trứng. Tổ chức chặt chẽ hệ thống thông tin chỉ huy thông suốt, kết hợp chiến thuật linh hoạt cơ động và tuyển chọn phương hướng chủ động đúng đắn, là đem khả năng thắng lợi biến thành mất xích chủ yếu của hiện thực, giữa bốn khâu ấy có sự liên hệ logic chặt chẽ với nhau.

Thứ đến, đề xuất mệnh đề quan trọng lấy “chính mà hợp”, lấy “kì mà thắng” đi sâu luận thuật sự nương tựa giữa “chính” và “kì”, cùng là sự chuyển hóa vô cùng của chúng. Dụng binh giao chiến không thể không theo phép tắc “kì chính”, nguyên tắc sử dụng nói chung là dùng chính binh nghênh địch, nhất là ở trong quá trình phòng thủ càng cần tập trung binh lực ngăn chặn hữu hiệu kẻ địch xâm phạm; dùng kỵ binh giành lấy phần thắng, lúc chủ động tiến công, cần đánh vào chỗ không phòng bị, xuất kỳ bất ý mà giành thắng lợi. Đây là tầng thứ nhất, nguyên tắc cơ bản của vận dụng chiến thuật “kì chính”. Phương diện mà Tôn Tử đột xuất nhấn mạnh là “kì”. Bởi vì sự vượt ra ngoài quy định thông thường của “kì”, biến hóa của “kì” vô cùng vô tận, khó mà kể hết. Sự vô cùng vô tận, tuần hoàn đáp đối của

trời đất, nhật nguyệt bốn mùa, sự biến ảo khôn cùng của ngũ thanh, ngũ sắc, ngũ vị, những ví dụ khá là tinh tế đã đem đến lý luận trừu tượng. “Kì chính” biến hóa khó nắm bắt ý nghĩa mà thể hiện sinh động ở trước mắt độc giả. Đây là tầng thứ hai, là lấy văn chương mà luận thuật, cũng là một ví dụ lấy “kì” mà thắng. “Kì” cũng tốt, “chính” cũng tốt, đều là phương pháp mà không là mục đích. Mục đích của tương hỗ chuyển hóa là tạo thành thế tất thắng, ví như thế nước có thể chuyển đá, người khéo tác chiến dùng thuật “kì chính” mục đích là ở chỗ tạo ra thế nỗ đã căng dây, sẵn sàng bắn phá, có thể phá kì binh tập kích, giành lấy phần thắng. Đây là tầng thứ ba, kết thúc phân tích đối với “kì chính”. Tầng thứ tư là đi sâu vận dụng “kì chính”, chỉ rõ tạo thành binh thế xuất kỳ bất ý giành lấy phần thắng, có hai phương diện trọng yếu. Một là hoàn thiện bản thân, binh sĩ phải được huấn luyện, tổ chức nghiêm chỉnh, có thể trong lúc hỗn chiến mà chỉ huy không rối loạn; phải bày trận chu đáo, đầu đuôi ứng cứu cho nhau, có thể giữ tình huống binh như nước thủy triều dâng, làm được việc đứng ở mảnh đất bất bại. Hai là khéo dụ địch, ẩn giấu chân tướng, che giấu mục đích thực sự, lấy lợi nhỏ mà dụ địch mắc câu, phải theo sự điều động của ta, đợi nó tự lại mà tiêu diệt gọn. Giữa điều hành và rối loạn, dùng cảm và khiếp nhược, mạnh và yếu có liên hệ nội tại sâu sắc, không chỉ là do tình hình khách quan và lực lượng thực tế quyết định, mà

có quan hệ thống nhất biện chứng, tức là có thể điều hành mà làm cho kẻ địch thấy là rối loạn, có dũng cảm mà làm cho kẻ địch thấy khiếp nhược, có lớn mạnh thực sự mà lại vờ là nhược tiểu, nếu không thì rất khó dẫn dụ kẻ địch. Nếu như chiếu theo cách làm cố hữu của Tôn Tử, chúng ta có thể xem việc hoàn thiện bản thân là “chính”. Mà xem quỷ quyết dụ địch là “kì”, “kì chính” tương sinh, “chính” là mẹ và “kì” là con, đây là điều rõ ràng vậy.

Kết luận cuối cùng là người được tuyển chọn thích đáng vào vai trò chỉ huy chiến tranh, lợi dụng đầy đủ tình thế có lợi, cuối cùng đem thế thắng biến thành thắng lợi thực tại. Ở trên có nói đến hai nguyên tắc quan trọng mà Tôn Vũ nêu ra là thế hiểm và điểm, nhấn mạnh những việc dùng phương pháp dụ địch mà điều động kẻ địch, hình thành ưu thế. Tất cả những điều ấy đều là nỗ lực chủ quan. Song tạo thế chẳng qua chỉ là chuẩn bị điều kiện mà thôi, dùng thế mới là điều then chốt nhất. Có ưu thế mà không lợi dụng, ưu thế sẽ chẳng có ý nghĩa, việc tạo thế cũng chẳng biết là để làm gì nữa. Bởi thế chọn người dùng thế là một điều tất nhiên cần nghĩ đến. Tôn Vũ biểu thị rõ ràng rằng nhân tố con người là thứ nhất, tướng soái có tác động nhất định. Tướng soái khéo chỉ huy giao chiến, cầu thế mà không trách cứ người khác, chọn người mà dùng thế. Tướng soái có thể lợi dụng đầy đủ tình thế có lợi, đội quân được chỉ huy sẽ giống

như một khối đá tròn lăn từ núi cao vạn trượng xuống dưới. Không vật cứng nào không bẻ gãy, không gì ngăn nổi. Ở trong chương này, phần đầu nói về cơ sở của thế: “phân số”, “hình danh”, “kì chính”, “hư thực”; thứ đến là phương pháp tạo thế: lấy “chính làm hợp”, lấy “kì mà thắng”, kết thúc ở then chốt dùng thế: chọn người dùng thế. Văn chương tốt đẹp và ví dụ sống động khiến người ta cảm thấy sảng khoái, qua đó mà dễ dàng hiểu được tư tưởng sâu sắc của Tôn Tử. Cũng có thể nói rằng: Tôn Vũ trong khi hành văn cũng xem trọng “kì chính”, lấy “chính mà hợp”, lấy “kì mà thắng”.

Tào Tháo là người đầu tiên nghiên cứu chú thích binh pháp của Tôn Tử, từng bình giá rất cao: Trước tác của Tôn Vũ thật là sâu sắc. Tào Tháo là nhà quân sự nổi tiếng. Thành công của ông ở mức độ rất lớn là học được từ binh pháp Tôn Tử. Trận chiến Quan Độ xảy ra năm 200, Tào Tháo cản phá quân Viên Thiệu, đã là một bằng chứng rõ nét.

Cuối thời Đông Hán, có nhiều tập đoàn võ trang cát cứ ở từng vùng, bởi tranh đoạt địa bàn mà chính chiến không dứt. Đến cuối thế kỷ thứ hai, Tào Tháo với Viên Thiệu trở thành hai tập đoàn cát cứ lớn nhất đương thời cũng hình thành cục diện đối lập Nam Bắc ở hạ du sông Hoàng Hà. Năm 200, Viên Thiệu dẫn 10 vạn quân ở phía Bắc Hoàng Hà, định vượt sông quyết chiến với Tào Tháo. Đại quân áp sát, trong quân Tào không ít người rất lo sợ. Tào Tháo

trước các tướng sĩ quân phân tích rõ tình thế, chỉ ra rằng Viên Thiệu dã tâm tuy lớn song thiếu mưu trí, bề ngoài thì khí thế hung hăng, thực ra mưu lược không đủ; lại hay nghi ngờ người khác, binh tuy nhiều song tổ chức không chặt, chỉ huy không linh hoạt, tướng soái thì kiêu căng, mệnh lệnh bất nhất. Chiến thắng Viên Thiệu có thể nói là điều chắc chắn. Mưu sĩ của Tào Tháo là Tuân Úc cũng cho rằng, nội bộ quân Viên Thiệu không đoàn kết, giữa tướng soái với mưu sĩ có khá nhiều mâu thuẫn, chẳng phải là cứng chẳng thể bẻ gãy. Phân tích của Tào Tháo, Tuân Úc đã cổ vũ lòng tin của quân Tào là sẽ thắng được Viên Thiệu. Đối với tình huống thực tế, Tào Tháo chọn cách “lấy nhàn chọi mệt”, chờ đợi thời cơ. Thế rồi bày trận ở Quan Độ, ngăn cản quân Viên Thiệu tiến công chính diện, bảo vệ an toàn cho đô thành Hứa Xương, đồng thời tăng cường phòng thủ ở Quan Trung, đề phòng quân Viên Thiệu xâm phạm ở phía Tây, cố thủ ở Diên Tân, Bạch Mã để ngăn cản quân Viên Thiệu vượt sông xuống phía Nam, hình thành thế ba mặt cố thủ, sau đó chờ đợi biến hóa, nắm thời cơ mà giành lấy phần thắng.

Tháng hai, Viên Thiệu phái đại tướng Nhan Lương vượt sông tiến đánh Bạch Mã, có ý tranh đoạt trọng điểm ở bờ Nam, để bảo đảm cho việc quân chủ lực sẽ vượt sông. Tướng giữ Bạch Mã là Lưu Diên kiên trì giữ thành, bị thương vong khá nặng, tình thế khá nguy cấp. Bấy giờ Tuân Úc hiến kế phân tán

binh lực Viên Thiệu, để tránh phải giao phong với mười vạn quân của Viên Thiệu ở chính diện. Tháo Tháo nghe lời, dẫn binh đến Diên Tân, vờ như muốn vượt sang sông, phía Bắc đánh vào hậu phương của Viên Thiệu. Viên Thiệu quả nhiên trúng kế, phân binh tăng viện cho Diên Tân. Tào Tháo mau chóng điều chỉnh binh lực, ở hướng Đông lấy Trương Liêu, Quan Vũ làm tiên phong, dẫn kỵ binh chi viện cho Bạch Mã. Khi quân Tào cách Bạch Mã độ hơn mười dặm, quân Viên Thiệu mới phát hiện được. Nhan Lương trở tay không kịp, bị Quan Vũ tiếp cận, chém gục dưới ngựa, quân Viên Thiệu đại bại, tan vỡ cả.

Bạch Mã được giải vây, Tào Tháo dẫn binh đi men theo bờ sông về phía Tây; Viên Thiệu bị hao binh tổn tướng, không khỏi bức tức, không nghe lời khuyên của mưu sĩ Thư Thụ, thúc quân vượt sông truy kích Tào Tháo. Quân mới đến Diên Tân, Viên Thiệu phái Văn Xúc, Lưu Bị đánh lại quân Tào, Tào Tháo lệnh cho binh lính cởi yên thả ngựa, lại đem xe tải cố ý vút lại dọc đường. Quân Viên Thiệu đuổi đến đó, thấy thế thì vội cướp lấy xe cộ, với quân Tào chẳng hề có ý giao chiến. Bấy giờ, Tào Tháo liền lệnh cho binh sĩ lên ngựa, đột ngột tiến công, đánh bại quân Viên Thiệu, giết được đại tướng Văn Xúc. Tào Tháo sau khi giành thắng lợi, thuận lợi rút về đại bản doanh quân Tào.

Sau hai trận đánh ở Bạch Mã, Diên Tân quân Viên Thiệu tuy giao chiến bất lợi, song binh lực vẫn

chiếm ưu thế. Tháng tám, quân Viên Thiệu áp sát Quan Độ, với quân Tào đối trận. Tào Tháo ở Quan Độ nghiêm ngặt đề phòng, cũng tìm kiếm cơ hội đánh lại Viên Thiệu, song chưa thể giành được phần thắng. Thế rồi, Tào Tháo bèn theo phương châm thành cao hào sâu, cố thủ trận địa. Cầm cự hơn ba tháng liền, Tào Tháo bởi binh lực, lương thảo không đủ mà sinh ra dao động, có ý rút về giữ Hứa Xương. Mưu sĩ Tuân Úc chỉ ra rằng: quân Viên Thiệu cũng đã hao tổn binh lực nặng nề, lúc này là lúc then chốt để chuyển hướng, sẽ dùng kì binh giao chiến, còn nếu rút lui thì sẽ khó khôi phục được tình hình. Tào Tháo nghe theo ý kiến của Tuân Úc, một mặt tăng cường phòng thủ, lệnh cho quân nhu giải quyết tốt vấn đề lương thảo, một mặt tích cực tìm kiếm cơ hội, chuẩn bị dùng kì binh tập kích quân Viên Thiệu.

Tào Tháo chọn cách thiêu hủy lương thảo của quân Viên Thiệu để giành lấy chủ động. Ông ta trước tiên phái người đem mấy nghìn xe lương thảo giành được từ tay Hàn Mãnh, một tướng của Viên Thiệu, mà đốt bằng sạch. Không lâu, Viên Thiệu lại đem hơn một vạn xe lương thảo tập trung ở Ô Sào, phái Thuần Vu Quỳnh cầm quân bảo vệ ở đó. Tào Tháo sau khi biết được tin tức, để Tào Hồng, Tuân Úc ở lại giữ đại bản doanh, tự mình thân hành dẫn 5000 binh mã đến đánh phá Ô Sào. Quân Tào nhất loạt đổi mặc y phục quân Viên Thiệu, dùng cờ hiệu quân Viên, đang đêm theo con đường nhỏ phóng vội tới Ô Sào.

Giữa đường gặp quân Viên chặn hỏi, lấy cố Viên Thiệu điều đến cũng cố tuyến sau mà lừa được quân Viên Thiệu. Quân Tào đến Ô Sào, lập tức phóng hỏa thiêu hết lương thảo, quân Viên đại loạn, Thuần Vu Quỳnh vội vàng ứng chiến. Sau đó Thuần Vu Quỳnh thấy quân Tào ít người bèn cố thủ doanh lũy, cùng với quân Tào cầm cự. Bấy giờ, nếu như Viên Thiệu phái quân đến cứu thì Ô Sào vẫn giữ được, Tào Tháo chưa hẳn đã giành được thắng lợi. Song Viên Thiệu hay biết Tào Tháo đánh phá Ô Sào lại lầm cho rằng Quan Độ nhất định trống rỗng là cơ hội tốt phá quân Tào, nếu tiến đánh đại bản doanh, Tào Tháo hẳn sẽ dẫn binh về cứu, Ô Sào tự được giải vây. Thế rồi, Viên Thiệu dẫn quân chủ lực đánh vào doanh trại quân Tào ở Quan Độ, chỉ phái số ít binh mã đến cứu Ô Sào. Chẳng ngờ, doanh trại quân Tào kiên cố khác thường, nhất thời chẳng thể chiếm được, Tào Tháo cũng chẳng quay về cứu viện mà lại hăng hái tiến đánh Thuần Vu Quỳnh, quyết tâm hủy sạch lương thảo của Viên Thiệu. Quân Viên tăng cường kỵ binh tiếp cận với Ô Sào, song Tào Tháo cũng chẳng phân binh đánh lại mà chỉ quyết chiến với Thuần Vu Quỳnh, cuối cùng thắng được Thuần Vu Quỳnh; đến khi viện binh của Viên Thiệu đến nơi, Ô Sào chỉ còn lại thi thể của Thuần Vu Quỳnh và binh lính dưới quyền, vạn xe lương thảo đã hóa cả thành tro than.

Ô Sào lương thảo bị thiêu sạch, tin tức truyền đến, quân Viên đều kinh hoàng, lòng quân đại loạn.

Tào Tháo lúc đánh lên Ô Sào, đại tướng Trương Cáp từng chủ trương phía đại quân cứu viện mà mưu sĩ Quách Đồ nịnh hót Viên Thiệu thì chủ trương tiến đánh Quan Độ. Lúc này, Quách Đồ sợ Viên Thiệu truy cứu trách nhiệm, bèn bỏ đồ Viên Thiệu, vu cáo Trương Cáp thấy Ô Sào đại bại tỏ ý vui mừng. Trương Cáp vừa bực vừa sợ, bèn cùng Cao Lãm đầu hàng Tào Tháo. Hai tướng Trương, Cao hàng Tào càng khiến quân Viên hoảng sợ bất an, không đánh mà tự rối loạn. Tào Tháo thừa cơ phát động công kích toàn diện, mau chóng tiêu diệt được hơn 70 vạn quân Viên Thiệu, còn Viên Thiệu thì dẫn tàn binh vội vàng chạy về Hà Bắc. Tào Tháo giành được thắng lợi toàn diện ở đại chiến Quan Độ.

Trận chiến Quan Độ là ví dụ mẫu mực của lấy yếu thắng mạnh. Thành công của Tào Tháo trước tiên là ở chỗ ông ta khéo xem xét thời thế, có thể phân tích khách quan thế trội và thế yếu của hai phía địch ta, đối mặt với quân Viên Thiệu có ưu thế tuyệt đối, vận dụng lấy nhàn chọi mệt, chờ thời cơ phản kích. Thứ đến là khéo dùng binh pháp, lấy chủ lực đối mặt với địch ở Quan Độ, lấy một đội quân nhỏ mà tập kích Bạch Mã, Ô Sào, giả vờ đánh Diên Tân, lấy điều động quân Viên Thiệu mà phân tán quân đội địch, giải vây được cho Bạch Mã; trận chiến Diên Tân lấy lợi để dụ địch, sau đó mới đánh tiêu diệt; đánh lên Ô Sào, là điển hình xuất kỳ bất ý mà giành

phần thắng, còn không phân binh đánh lại viện binh của địch, thà để hai đầu chịu địch, đúng như câu nói đặt vào đất chết mà tìm đường sống, tạo thành tình thế “nguy thì động”, bức tướng sĩ phải hăng hái tiến lên. Lại nữa, Tào Tháo khéo chọn người giao việc, ông ta nghe theo ý kiến và đề nghị đúng đắn của cấp dưới, linh hoạt, biến đổi chiến thuật, “chính kì” đều dùng cả, cuối cùng biến bị động thành chủ động triệt để xoay chuyển tình thế chiến sự, cùng là lợi dụng tình thế có lợi để thu được thắng lợi cuối cùng.

Trận chiến ở Quan Độ, thắng lợi của Tào Tháo, đó là nhờ lý giải đúng đắn và vận dụng thích đáng với chương “Thế thiên” của Tôn Vũ, còn thất bại của Viên Thiệu, cũng cho thấy sự đi ngược lại với nguyên tắc cơ bản của “Thế thiên”, không hiểu được thế nào là chọn người giao việc, cũng không hiểu được biến hóa ở “kì”, “chính”. Có thể nói như thế này, trận chiến ở Quan Độ, kết cục thắng bại của Tào Tháo, Viên Thiệu có khác nhau, song thắng và bại xuất phát ở cùng một nguyên nhân: Tình thế.

CHƯƠNG 6

HU THỰC

孙子曰：凡先处战地而待敌者佚，后处战地而趋敌者劳。故善战者，致人而不致于人。

能使敌人自至者，利之也；能使敌人不得至者，害之也。故敌佚能劳之，饱能饥之，安能动之。

出其所不趋，趋其所不意。行千里而不劳者，行于无人之地也；

Tôn tử viết: Phàm tiên xử chiến địa nhi đãi địch giả dật, hậu xử chiến địa nhi xu địch giả lao. Cố thiện chiến giả, trí nhân nhi bất trí ư nhân.

Năng sử địch nhân tự chí giả, lợi chi dã, năng sử địch nhân bất đắc chí giả, thiên chi giả. Cố địch dật năng lao chi, bão năng cơ chi, an năng động chi.

Xuất kỳ sở bất xu, xu kì sở bất ý. Hành thiên lý nhi bất lao giả, hành ư vô nhân chi địa giả.

Diễn giải:

Tôn tử nói: Quân hai bên giao chiến, thường là một bên trước tiên tiến vào chiến trường mà đợi địch, tỏ ra là nhân nhĩ ung dung, còn một bên sau đó mới đến chiến trường thì vội vàng ứng chiến, tất nhiên là một mặt bất an. Cho nên, người khéo chỉ huy tác chiến thường nghĩ cách điều động kẻ địch mà không để bị kẻ địch điều động.

Có thể khiến kẻ địch tự động tiến vào chiến trường mà mình bày sẵn, đó là kết quả dùng lợi nhỏ dụ địch, có thể khiến kẻ địch không thể đến được địa điểm dự định, đó là kết quả tạo ra khó khăn phá hoại. Cho nên đối với kẻ địch an nhàn thì cần nghĩ cách khiến nó mệt mỏi, với kẻ địch lương thực đầy đủ thì cần nghĩ cách khiến nó bị đói, với kẻ địch yên ổn thì cần nghĩ cách khiến nó phải di động.

Chỗ quân ta xuất kích, phải là chỗ kẻ địch không thể đạt đến, chỗ quân ta bồn tập phải là chỗ kẻ địch chẳng thể ngờ đến. Hành quân nghìn dặm mà không đến nổi một nhọc là bởi hành quân ở nơi không có địch, phát động tiến công mà nhất định có thể thắng lợi là bởi nơi công kích thì kẻ địch chẳng có phòng bị; phòng thủ có thể bền vững là bởi ở chỗ đó kẻ địch không thể đánh chiếm được. Cho nên, người khéo tiến công, kẻ địch không biết phải phòng thủ ra sao; người khéo phòng thủ kẻ địch không biết phải tiến công như

thế nào. Đạt đến độ vi diệu khiến kẻ địch nhìn không thấy một điểm tung tích nào của quân ta! Đạt đến độ thần kì khiến kẻ địch không nghe thấy một chút tiếng động của quân ta! Cho nên có thể đem mệnh vận của kẻ địch mà nắm chắc ở trong lòng bàn tay của mình vậy.

Chúng ta tiến lên, kẻ địch sợ dĩ chẳng thể ngăn chặn được, là bởi chỗ chúng ta công kích là mắt xích yếu kém của binh lực quân địch; chúng ta triệt thoái, kẻ địch sợ dĩ chẳng thể truy kích là bởi hành động của chúng ta mau chóng căn bản là đuổi không kịp. Bởi thế nếu như quân ta chuẩn bị xuất binh quyết chiến, chủ lực địch ví như có thành cao hào sâu mà cố thủ, song bất đắc dĩ phải ra ngoài thành giao chiến với ta là bởi chỗ quân ta công kích là chỗ kẻ địch cần cứu viện; nếu như quân ta không chuẩn bị giao chiến, đâu sợ là vẽ ra ở trên đất một trận hình mà phòng thủ, kẻ địch cũng chẳng thể quyết chiến với quân ta, đấy là bởi vì chúng ta nghĩ cách khiến quân địch lâm lạc phương hướng tấn công.

Cho nên, nghĩ cách khiến kẻ địch lộ rõ hình dạng mà khiến quân ta ẩn tàng vô hình vô ảnh, có thể khiến quân ta tập trung binh lực mà khiến binh lực quân địch phải phân tán. Binh lực quân ta tập trung một chỗ, binh lực quân địch phân tán ở mười chỗ, vậy thì có thể dùng binh lực gấp mười kẻ địch để đánh địch, từ đó mà hình thành ưu thế tuyệt đối ta đông địch ít. Đã có thể tạo thành tình thế lấy nhiều đánh

ít, vậy thì chỗ quân ta công kích ắt là kẻ địch thế đơn lực mỏng. Quân ta định nơi quyết chiến với địch, kẻ địch không thể biết được, vậy thì chúng phải phòng thủ ở nhiều nơi; do phải phòng thủ ở nhiều nơi, binh lực của địch phân tán, vậy thì ở chỗ quân ta tiến công sẽ đối mặt với số lượng quân địch khá là ít ỏi. Cho nên mới nói rằng, phòng ngự ở trước mặt, binh lực ở phía sau nhất định sẽ giảm thiểu, phòng ngự ở phía sau, binh lực ở trước mặt nhất định sẽ giảm thiểu; phòng ngự ở bên trái, binh lực ở bên phải nhất định sẽ giảm thiểu, phòng ngự ở bên phải, binh lực ở bên trái sẽ giảm thiểu; ở các địa phương đều có phòng bị, vậy thì binh lực ở các địa phương đều sẽ giảm thiểu. Binh lực thiếu thốn, là do các nơi phòng bị người khác tấn công một cách bị động; binh lực đông đảo là bởi chủ động nghĩ cách khiến cho kẻ địch nơi nơi phải phòng thủ với mình.

Cho nên chỉ cần biết chỗ nào giao chiến, lúc nào giao chiến, ví thử có hành quân nghìn dặm cũng vẫn có thể đến đó giao chiến với địch; nếu như không biết giao chiến ở chỗ nào, không biết lúc nào giao chiến, vậy thì sẽ rơi vào cục diện bị động, tả quân không thể cứu được hữu quân, hữu quân không thể cứu được tả quân, hậu quân không thể cứu được tiền quân, nói chi ở cách xa mấy nghìn dặm, gần thì cũng phải cách mấy dặm, làm sao có thể ứng phó dễ dàng nhỉ? Theo như phân tích của tôi, quân đội của nước Việt tuy số lượng là rất nhiều, song với quyết định

thắng bại của chiến tranh thì có trợ giúp gì nhỉ? Cho nên mới nói rằng thắng lợi là cái có thể nỗ lực giành lấy. Binh lực của quân địch tuy là rất nhiều, song có thể khiến họ chẳng thể tham dự chiến đấu, từ đó mà đánh mất sức chiến đấu.

Cho nên, phải thông qua tính toán đúng đắn để phân tích hơn kém, được mất của kế hoạch tác chiến của địch; thông qua khiêu khích dẫn dụ kẻ địch để hiểu quy luật hoạt động của địch; thông qua dẫn dụ để hiểu rõ điều kiện có lợi và nhược điểm tai hại của kẻ địch, thông qua trinh sát để hiểu được hư thực mạnh yếu, bố trí binh lực của địch.

Nguy trạng dễ dẫn dụ kẻ địch nếu vận dụng được đến cực điểm có thể đạt đến mức không để lộ một chút tung tích; cũng khiến cho gián điệp ẩn náu ở nội bộ quân ta sẽ chẳng thể thấy được điều gì, khiến tướng lĩnh rất cao minh của địch cũng không thể nghĩ ra được phương pháp ứng phó. Dem sự thực căn cứ vào tình huống cụ thể mà vận dụng chiến thuật linh hoạt chiến thắng kẻ địch bày ở trước mắt mọi người, mọi người cũng chẳng thể hiểu rõ được sự huyền diệu ở đó; người ta đều biết chiến thuật của quân ta, song chẳng thể biết được sự huyền diệu trong việc vận dụng chiến thuật đó. Bởi mỗi một lần tác chiến giành lấy phần thắng, chiến thuật vận dụng đều chẳng thể lặp lại giản đơn mà là đối với tình hình bất động phải linh hoạt vận dụng, biến hóa vô cùng.

Qui luật dụng binh giao chiến cũng giống như qui luật dòng chảy của nước, quy luật của nước chảy là tránh chỗ cao mà chảy xuống chỗ thấp, quy luật dụng binh giao chiến là tránh chỗ có thực lực đánh vào chỗ yếu kém. Nước căn cứ vào chỗ cao thấp của địa thế hướng chảy, dụng binh giao chiến thì phải căn cứ vào hư thực của kẻ địch để tuyển chọn phương pháp tác chiến khác nhau. Cho nên mới nói rằng, dụng binh giao chiến chẳng có hình thức nhất thành bất biến, nước chảy cũng chẳng có hình thái cố định bất biến. Có thể căn cứ biến hoá địch tình mà chọn chiến thuật tương ứng giành lấy thắng lợi, có thể nói là “dụng binh như thần”.

Ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ) có tương sinh, tương khắc, chẳng có một hành nào là vĩnh viễn chiếm ưu thế, bốn mùa (xuân, hạ, thu, đông) luân hồi thay thế cho nhau, chẳng có một mùa nào có thể vĩnh viễn cố định bất động. Trong một năm, ban ngày có lúc dài có lúc ngắn; trong một tháng vắng trăng có lúc đầy có lúc vơi, có tỏ có mờ (cũng nói cuối tháng là ngày hối, đầu tháng là ngày sóc, ngày rằm là ngày vọng; lại cũng nói vắng trăng đã chết, vắng trăng mới sinh).

Lời bình:

Chương “Hư thực” là một chương có thể gọi là “mĩ văn điệu ngữ” nó chủ yếu luận thuật nguyên tắc hư thực trong tác chiến. Hư, nghĩa là hư không, trong

tác chiến chủ yếu là chỉ binh lực phân tán mà bạc nhược; thực nghĩa là thực chất, chủ yếu là binh lực tập trung mà to lớn. Song “Hư thực” không những chỉ mạnh yếu của binh lực mà còn bao quát chủ động và bị động, có chuẩn bị và không chuẩn bị, điều hành và hỗn loạn, dũng cảm và khiếp nhược, no đủ và đói mệt. Tôn Tử chính là đã tổng hợp nhân tố nhiều mặt, đề xuất một cách khoa học nguyên tắc chiến thuật, tránh chỗ thực đánh chỗ hư, đánh vào chỗ không phòng thủ. Ở đây đặc biệt nhấn mạnh trên cơ sở thực lực quân sự khách quan, phát huy tính sáng tạo của năng động chủ quan, lấy quân nhân chơi lại quân mệt mỏi, nhân địch tình mà chế ngự thắng bại, đó là nắm chắc quyền chủ động và kết hợp “kì chính” ở một mức cao hơn trước.

Việc binh là quỷ quyết, trong đó nó không cấm đối trá, xuất kì bất ý mà giành phần thắng, đó cũng là tinh hoa tư tưởng quân sự của Tôn Vũ. Song đối trá thế nào, đối trá từ đâu đến, dùng “kì” ra sao? Xuất kì bất ý ra sao? Tất cả những điều ấy cần thâm nhập nghiên cứu tiếp tục thảo luận, đó là điều hàng nghìn năm lại đây nhận được sự chú ý sâu sắc của các nhà quân sự và các tướng lĩnh. Chương “Hư thực” chính là đi sâu tìm hiểu về vấn đề này.

Tôn Vũ thấy rằng, cái gọi là dùng đối trá ở trên chiến trường, nói cho cùng là lấy hư làm thực, lấy thực làm hư, tìm cách dẫn dụ kẻ địch, điều động kẻ

địch; gọi là xuất kì bất ý, then chốt là ở chỗ tránh chỗ thực, lấy thực đánh hư, đánh chỗ không phòng bị, cuối cùng đè bẹp kẻ địch mà giành phần thắng. Bởi thế nguyên tắc hư thực là một nguyên tắc căn bản của dụng binh, là bảo bối đảm bảo thắng lợi chiến tranh, Tôn Vũ luận thuật nguyên tắc hư thực có hệ thống và hoàn chỉnh.

Một là: Chỉ ra tiền đề chung thực hành nguyên tắc hư thực. Ông mở đầu đã nhấn mạnh rằng, quân đội cần sớm tiến vào chiến trường, chiếm giữ vị trí có lợi, để bót một nhọc, nắm chắc quyền chủ động chiến tranh, đây là nói rằng người ta không với tới. Đồng thời, khéo vận dụng dẫn dụ kẻ địch bằng lợi nhỏ, điều động kẻ địch, khiến kẻ địch chiếu theo ý đồ của ta mà hành động, khiến chúng từ nhàn chuyển sang mệt nhọc, từ no đủ chuyển sang đói khát, từ yên ổn thành ra bị động, tiêu hao sức chiến đấu, đó là nói tác động đến người. “Tác động đến người mà người không với tới”, là thực hành tiền đề của nguyên tắc hư thực, chỉ có làm được việc khiến kẻ địch nơi nơi đều bị chế ngự, mà ta lại thường là không bị địch chế ngự, mới có thể thực sự có được quyền chủ động chiến tranh, mới có thể sáng tạo cơ hội tốt đẹp lấy thực đánh hư, thực hành nguyên tắc hư thực mới có khả năng. Tác động người mà người không với tới, là danh ngôn nêu rõ then chốt thắng bại của chiến tranh. Đường Thái Tông Lý Thế Dân có nói rằng: Cổ đại binh pháp có

ng nghìn chương vạn câu chẳng qua là “tác động người mà người không thể với tới”

Hai là: Đề xuất và luận thuật phương pháp cơ bản thực hành nguyên tắc hư thực. Về hành động quân sự nhìn chung mà nói, bất kể là xuất binh, tiến đánh, hay là triệt thoái, phòng thủ, thậm chí là tập kích ở ngoài nghìn dặm để còn tránh chỗ thực của địch, đánh chỗ hư của địch, đánh vào chỗ không phòng bị, đánh chỗ không có người. Về phép công, thủ của dụng binh mà nói, công thì cần lấy thực đánh hư, đánh chỗ không phòng thủ, đánh chỗ kẻ địch ắt phải đến cứu, thủ thì cần tránh chỗ thực của địch, khiến kẻ địch không biết đâu mà đánh, từ đó mà làm được việc “đánh thì không thể cản ngăn”, thoái thì chẳng thể truy đuổi, đánh thì tất thắng, phòng thủ thì bền vững. Về vận dụng binh lực mà nói, cần cố gắng khiến binh lực của quân ta tương đối tập trung mà hình thành ưu thế tuyệt đối áp đảo đối phương khiến binh lực của quân địch phân tán rộng mà chỗ nào cũng yếu, tức là ta chuyên làm một, địch phân thành mười, lấy mười mà đánh một thì ta đông mà địch ít, từ đó mà bảo đảm lấy thực đánh hư chỉ một trận là thành công, binh lực tăng thêm như lấy đá mà chọi trứng vậy.

Ba là: Trong luận thuật về chiến tranh có tính khẳng định và sáng tạo. Tập trung binh lực, lấy thực đánh hư, hoặc là ẩn tàng bản thân, tránh chỗ thực

của địch hoặc là chuyển hóa cái thực của địch thành hư, chuyển hóa cái hư của ta thành thực, đó là bảo bối dè bẹp kẻ địch giành lấy phần thắng. Song nó cần xây dựng trên cơ sở hiểu rõ hư và thực, làm được việc lấy cái thực của ta đánh cái hư của địch, trái lại sẽ dẫn đến tai hại to lớn. Bởi thế, biết hư thực là đã thấy được vấn đề khá quan trọng. Tôn Tử đề xuất phương pháp cơ bản ẩn giấu bản thân trình sát thực tình và xúc tiến chuyển hoá hư thực. Tôn Tử đã khéo vận dụng lẽ hư thực vào tấn công phòng thủ. Ở chỗ vô hình vô thanh mà chế ngự địch vào đất chết, đây là mức độ cao nhất của lẽ hư thực, vô cùng thần diệu. Mà vô hình, vô thanh là yêu cầu cao nhất với ẩn giấu binh lực và ý đồ của mình. Ẩn giấu bản thân phải làm được việc không để lộ một chút tung tích, không lộ một chút thanh âm. Như vậy kẻ địch đối với tình huống của quân ta không hay biết gì, giống như người mù người điếc, lúc ta tiến công thì không biết đâu mà phòng thủ, lúc ta phòng thủ thì địch không biết đâu mà tiến công. Ẩn giấu bản thân thì dễ bảo tồn thực lực, mê hoặc được kẻ địch, chờ đợi thời cơ hành động, thừa dịp mà dè bẹp kẻ địch giành lấy phần thắng. Đồng thời ẩn giấu bản thân cũng cần tránh chỗ thực của địch, mới có thể hữu hiệu đạt được bảo toàn thực lực với mục đích: lấy nhàn chọi mệt.

Bởi thế, bất luận là chủ động công kích địch, hay là rút lui bảo toàn cho mình, nắm chắc được tình

hình thực hư của quân địch là điều thập phần quan trọng. Trình sát thực tình để biết rõ thực hư là việc quan trọng của phép dụng binh. Tôn Tử ở đây đã đề xuất 4 điều: sách, tác, hình, giác. *Sách*: Là một loại công cụ kế toán cổ đại, nên sách cũng có ý tứ tính toán trừ hoạch. Thông qua tính toán đúng đắn, hiểu được chiến lược, chiến thuật của quân địch, phán đoán hơn kém được mất, sẽ giúp cho quân ta định ra được đối sách tương ứng; Đây là trước lúc giao chiến cần được thực hiện chu đáo. *Tác*: Là hững khởi, giả trang; Ở đây là chỉ lấy giả cảnh để tác động quân địch, dùng đối trá để dẫn dụ quân địch, từ đó mà tìm ra quy luật hành động của quân địch. *Hình*: Ở đây có ý tứ biểu hiện, lộ ra, thông qua thủ đoạn nhất định mà khiến tình huống của quân địch lộ rõ, từ đó mà hiểu được điều kiện có lợi và nhược điểm tai hại của quân địch. *Giác*: Là cân nhắc, là thông qua công kích mang tính thăm dò với quy mô nhỏ mà tiến hành trình sát, từ đó mà phán đoán mạnh yếu và bố trí binh lực của quân địch.

Hư và thực, không chỉ là phản ánh khách quan thực lực quân sự, mà còn phát huy thông minh tài trí của tướng soái, cho thấy kết quả của nỗ lực chủ quan, cũng tức là nói rằng, dưới sự vận trù điều độ của tướng soái khéo dụng binh, hư thực có thể chuyển hóa theo phương hướng có lợi cho mình, hóa cái thực của địch thành hư, hóa cái hư của ta thành thực.

Tướng soái thực sự ưu tú, mới chỉ có thể lợi dụng hư thực hiện đã có thì không đủ, cần có thể thông qua nỗ lực của mình điều động quân địch, làm giảm sức chiến đấu, chế tạo ra cái hư càng nhiều càng nghiêm trọng, đồng thời khiến binh lực của quân ta được tăng cường, hình thành cái thực càng có lợi, giành được ưu thế tuyệt đối dưới tình huống đặc định. Nhấn mạnh sự chuyển hóa của hư thực, chiếm tỉ trọng rất lớn trong nguyên tắc hư thực của Tôn Vũ, cho thấy sự xem trọng đặc biệt của Tôn Vũ với vấn đề này. Từ “dĩ dật dãi lao” ở phần mở đầu, cho đến đánh chỗ kẻ địch ắt phải cứu, những điều ấy đều là đem thực của quân địch hóa thành hư, còn quân ta thì thừa cơ tránh chỗ thực mà đánh chỗ hư. Điều mà Tôn Tử rất đặc ý là không qua “người có hình mà ta vô hình”, tức là ẩn giấu thành công binh lực và ý đồ chiến thuật của quân ta, còn bố trí binh lực và hơn kém của địch thì lộ rõ, làm được việc ta chuyên nhất mà địch phân tán về binh lực, còn nơi giao chiến, ngày giao chiến thì ta biết mà địch không biết. Ta chuyên nhất mà địch phân tán thì có thể lấy mười đánh một; ta biết mà địch không biết thì không đâu mà không phòng bị, không đâu là không ít ỏi, trước sau phải trái không thể cứu giúp cho nhau, nói chi là ở xa mấy chục dặm. Tuy thế địch tuy đông cũng không đáng kể, bởi thực đã hóa thành hư, ta đông mà địch ít, ta thực mà địch hư, có lẽ nào không thắng nhĩ? Thực hư chuyển hóa cho nhau, kì chính nường

tựa vào nhau, đấy là trí tuệ của phép biện chứng, tác động đến người ta một cách mạnh mẽ.

Bốn là: Quy luật khái quát vận dụng nguyên tắc hư thực. Việc binh không ở mãi một tình thế, nhân kẻ địch biến hóa mà ta giành được phần thắng. Tôn Tử đã dùng một tỉ dụ rất dễ hiểu: Binh có hình như nước thuyết minh sự thiên biến vạn hóa của tình huống trên chiến trường, vận dụng chiến thuật cần căn cứ vào biến hóa của tình huống mà tùy cơ ứng biến chỉ có linh hoạt vận dụng chiến thuật thích đáng mới có thể giành được phần thắng. Nhân địch biến đổi mà chế định thắng lợi, đấy chính là biết dụng binh như thần. Đồng thời Tôn Vũ cũng nhắc nhở rằng: Trong chiến tranh chẳng có quy định nhất định và mô thức bất biến, bằng vào khuôn sáo khô cứng mà chiếu theo cách làm máy móc, đều chẳng thể giành được thắng lợi. Nước không có hình dạng thông thường, bốn mùa thì thay đổi, ngày có ngắn dài, trăng có đầy vơi, biến hóa là quy luật cơ bản của đại tự nhiên, chiến tranh cũng không phải nằm ở ngoại lệ, cho nên việc binh cũng không có thể thông thường.

Có nhà triết học cổ Hy Lạp đã nói: Người ta không thể hai lần tắm cùng trong một dòng sông. Nhà quân sự Trung Quốc cổ đại Tôn Vũ cũng nói: Binh vô thường thế, thủy vô thường hình (ví như nước không có hình dạng cố định). Hai nhà tư tưởng lớn, cùng thời đại, dấu rằng một Đông một Tây xa

cách thiên sơn vạn thủy, lại đồng thời dùng nước để nêu quy luật khách quan của sự vật là điều phát triển biến hóa không ngừng, khiến người ta không khỏi kinh ngạc và thú vị vô cùng.

Trí tuệ của Tôn Tử không chỉ thể hiện trong binh pháp thần kỳ vi diệu, cũng tràn đầy văn chương mỹ lệ, đọc chương “Hư thực” tin rằng độc giả sẽ có được không ít mỹ cảm, với không ít gợi mở vậy.

Xưa nay, các nhà quân sự vận dụng đạo lý hư thực vào việc đề bẹp quân địch có thể nói là nhiều vô kể, song đáng nể nhất là hậu duệ của Tôn Vũ, nhà quân sự Tôn Tẫn nổi tiếng thời Chiến Quốc, đã bày kế thắng được Bàng Quyên.

Bàng Quyên và Tôn Tẫn vốn cùng học tập binh pháp, Bàng Quyên sau này làm đại tướng nước Ngụy, tự biết tài trí không bằng Tôn Tẫn, để phòng ngừa Tôn Tẫn sau này trở thành kình địch của mình, bèn mời Tôn Tẫn đến nước Ngụy rồi bày kế hãm hại, khiến Tôn Tẫn bị đập vỡ đầu gối ở cả hai chân. Tôn Tẫn cố nhẫn nhục, cuối cùng nghĩ cách chạy sang được nước Tề, được Tề Uy vương rất tán thưởng.

Năm 352 trước Công nguyên, nước Ngụy mượn cơ thu phục vùng Trung Sơn bị Triệu chiếm mất, cử Bàng Quyên làm thống soái phát binh tiến đánh nước Triệu, bao vây kinh đô Hàm Đan của Triệu. Nước Triệu cầu cứu nước Tề, Tề Uy vương dùng Điền

Kị làm đại tướng, Tôn Tần làm quân sư dẫn binh đi cứu nước Triệu, Điền Kị chuẩn bị đến thẳng Hàm Đan, lấy quân chủ lực giao chiến, còn Tôn Tần đề xuất chiến lược đánh vào Đại Lương, bức quân Ngụy phải mang quân cứu viện, mà giải vây cho Hàm Đan. Điền Kị y kế thi hành, phái một ít binh lực đánh Tương Lăng, bày ra trận thế tiến đánh Đại Lương (Đại Lương là kinh đô của nước Ngụy), đem chủ lực đóng ở giữa Tương Lăng và Hàm Đan. Bàng Quyên đánh Hàm Đan sắp giành được phần thắng, chợt nghe quân Tề uy hiếp kinh đô, bèn vội điều chủ lực về cứu Đại Lương. Bảy giờ, quân Tề sớm đã chiếm cứ Quế Lăng có địa thế hiểm yếu, ở đó chờ đợi quân Ngụy. Quân Ngụy đánh Triệu đã một năm, binh lính mỗi mệt, rong ruổi đường dài khiến sĩ khí giảm sút, mà quân Tề lấy nhàn chơi mệt, chiếm địa thế có lợi, sĩ khí đang hăng. Hai bên chạm trán ở Quế Lăng, quân Ngụy vội vàng ứng chiến, không quá mấy chục hiệp đã tử thương có đến hơn 2 vạn người, Bàng Quyên dẫn tàn binh toi tả tháo chạy mới giữ được tính mạng. Trận chiến ở Quế Lăng, Bàng Quyên thảm bại, còn Hàm Đan thì được giải vây. Đây là câu chuyện vây Ngụy cứu Triệu thường được nhắc đến trong sử sách. 11 năm sau Bàng Quyên với Tôn Tần lại giao đấu một lần nữa, lần này chẳng có vận may như ở trận Quế Lăng.

Năm 341 trước Công nguyên, nước Ngụy lấy thái tử Thân làm thống soái, Bàng Quyên làm đại tướng,

khởi binh tiến đánh nước Hàn, nước Hàn vội vàng đến nước Tề cầu cứu. Tề Tuyên vương triệu tập đại thần nghiên cứu đối sách. Tướng quốc Trâu Kị chủ trương không cứu giúp, cho rằng Hàn Ngụy tranh giành sẽ một còn một mất, có lợi cho nước Tề. Đại tướng Điền Kị thì chủ trương cứu giúp, bởi nếu như Ngụy thắng trận thì hẳn sẽ tác hại đến nước Tề. Tôn Tấn không hẳn không cứu, cũng không ủng hộ sớm cứu giúp, chủ trương sớm đáp ứng yêu cầu của nước Hàn, để tăng thêm lòng tin của nước Hàn; Nước Hàn hẳn sẽ mang toàn lực tiến đánh để mong sớm thắng. Hai bên khổ chiến, hao tổn rất lớn, lúc ấy quân Tề thừa cơ tiến đánh quân Ngụy mệt mỏi, chỉ một trận là thắng, quân Hàn được giải nguy, làm như vậy sẽ rất có lợi. Tề Tuyên vương nghe vậy liền vỗ tay khen ngợi, lập tức hạ lệnh y kế thi hành.

Quả nhiên, nước Hàn nghe tin quân Tề sắp đến cứu, dốc toàn lực để kháng, tuy năm, sáu lần giao phong đều bị thất bại, song Ngụy quân cũng thập phần mệt mỏi, kém phần sắc bén. Lúc ấy, quân Tề lấy Điền Kị làm tướng, Điền Anh làm phó tướng, Tôn Tấn làm quân sự, khởi binh cứu Hàn. Tôn Tấn lại đưa ra chiêu thức vây Ngụy cứu Triệu, dẫn quân tiến sát Đại Lương. Bàng Quyên nghe tin lập tức triệt binh ở nước Hàn, mang quân về truy kích quân Tề. Quân Tề sau khi tiến vào đất Ngụy, Tôn Tấn hiển kế giảm số bếp để tỏ ra là suy yếu, nhằm mê hoặc quân Ngụy. Bàng Quyên từ phía sau kéo đến, thấy quân

Tề để lại đến mười vạn bếp ăn thì không khỏi kinh ngạc, cho rằng nước Tề hẳn có đến mười vạn quân, chẳng thể xem thường; ngày thứ hai chỉ còn năm vạn bếp; ngày thứ ba chỉ còn ba vạn bếp, Bàng Quyên thấy vậy không khỏi cả mừng, cho rằng hẳn quân Tề khiếp sợ giao chiến, vào nước Ngụy ba ngày đã chạy mất quá nửa. Thế rồi không đoái đến lời khuyên của thái tử Thân, chỉ chọn hai vạn tinh binh gấp rút đuổi theo, mau chóng đuổi kịp quân Tề. Tôn Tấn rất chú ý đến hành động của quân Ngụy, được biết Bàng Quyên đã qua Sa Lộc Sơn, liệu chừng chập tối sẽ đến đường Mã Lăng (nay thuộc Hà Bắc). Đường Mã Lăng ở giữa hai dãy núi khá hẹp mà sâu, cây cối rậm rạp, là chiến trường lý tưởng của đánh mai phục. Tôn Tấn lệnh cho binh sĩ đốn cây cối ở bên đường bằng sạch, chắn ngang đường đi, chỉ để lại một cây lớn, ở trên lớp vỏ cây bị tước đi có viết sáu chữ lớn “Bàng Quyên chết dưới cây này”. Đồng thời bố trí một vạn quân cung nỏ mai phục ở hai bên đường, dặn rằng chỉ cần thấy có lửa sáng ở dưới cây thì nhất tề bắn tên; lại lệnh cho Diên Anh dẫn một vạn binh mã mai phục cách đường Mã Lăng ba dặm đợi cho quân Ngụy đi qua bèn từ phía sau chặt đứt đường rút lui.

Bàng Quyên đuổi đến đường Mã Lăng vừa lúc mặt trời xuống núi. Thấy ở giữa đường có nhiều cây lớn chắn ngang, Bàng Quyên cho rằng quân Tề sợ giao chiến đã bày kế cản đường tiến, bèn lệnh cho binh sĩ dỡ bỏ chướng ngại tiếp tục truy kích. Lúc ấy

chợt thấy bên đường có một cây đơn lẻ, trên cây tựa như có chữ viết, nhân lúc tối mờ mờ bèn lệnh cho binh sĩ đốt lửa xem thử. Chẳng ngờ, ánh lửa vừa loé lên, hàng vạn mũi tên bay đến, Bàng Quyên bị trọng thương, quân Ngụy bỗng chốc đại loạn. Bàng Quyên tự biết hết đường sống sót, rút kiếm tự vẫn. Thái tử Thân đến sau, nghe tin tiền quân bất lợi vội hạ lệnh dừng lại, hạ trại ở đó, chẳng ngờ Điền Anh dẫn quân Tề từ phía sau đánh tới, quân Ngụy bỗng chốc kinh hoàng, chẳng ai muốn đánh, bỏ chạy tứ tán cả. Điền Kị và Tôn Tẫn thừa thế đuổi đánh, chém chết quân Ngụy thấy đầy nội cỏ, thái tử Thân bị bắt sống. Tin bại trận truyền đến kinh đô, Ngụy Huệ vương thấy tình thế đã mất, bất đắc dĩ phải xin hàng phục nước Tề.

Tôn Tẫn hai lần giao đấu với Bàng Quyên đều giành được toàn thắng, đòn đánh vẫn là phép hư thực của tổ tiên. Tránh chỗ thực mà đánh chỗ hư, đánh chỗ mà địch ắt phải cứu, lấy nhàn chơi mệt, biết chỗ giao chiến, biết ngày giao chiến mà địch không thể biết được, người có hình mà ta vô hình, tác động người mà người không với tới, đều được Tôn Tẫn tích cực vận dụng có sáng tạo, vây Ngụy cứu Triệu, mai phục ở đường Mã Lăng trở thành câu chuyện lưu truyền, binh gia đời sau đều xem là mẫu mực.

CHƯƠNG 7

QUÂN TRANH

孙子曰：凡用兵之法，将受命于君，合军聚众，交和而舍，莫难于军争。军争之难者，以迂为直，以患为利。故迂其途，而诱之以利，后人发，先人至，此知迂直之计者也。

故军争为利，军争为危。举军而争利，则不及；委军而争利，则辎重捐。

Tôn Tử viết: Phàm dụng binh chi pháp, tướng thụ mệnh ư quân, hợp quân tụ chúng, giao hòa nhi xá, mạc nan ư quân tranh. Quân tranh chi nan giả, dĩ vu vị trực, dĩ hoạn vị lợi. Cố vu kì đồ, nhi dụ chi dĩ lợi, hậu nhân phát, tiên nhân chí, thử tri vu trực chi kế giả giả.

Cố quân tranh vị lợi, quân tranh vị nguy. Cử quân chi tranh lợi, tắc bất cập; Ủy quân nhi tranh lợi, tắc chuy trọng quyen.

Diễn giải:

Tôn Tử nói: Quy luật nói chung của việc dùng binh, từ việc tướng soái nhận mệnh lệnh của quân vương, trưng tập dân chúng, sắp xếp quân đội, cho đến bày trận đối mặt với quân địch, ở đây nếu chẳng tranh thủ được ưu thế thời cơ có lợi thì sẽ thêm khó khăn. Tranh đoạt điều kiện có lợi sở dĩ khó khăn là ở chỗ đem con đường khúc khuỷu biến thành đường thẳng, đem nhân tố bất lợi biến thành nhân tố có lợi. Cho nên bày cách khiến con đường tiến binh của quân địch biến thành khúc khuỷu, dùng lợi nhỏ khiến kẻ địch mắc câu mà cải biến con đường hành quân, có thể làm được việc quân ta tuy xuất phát sau quân địch lại có thể đến chiến trường sớm hơn quân địch, chiếm lĩnh trận địa có lợi. Đấy mới là tướng soái thực sự hiểu được mưu kế biến quanh co thành đường thẳng.

Tranh đoạt điều kiện có lợi, có khả năng giành được cái lợi của thời cơ cũng có thể dẫn đến khả năng cục diện nguy hiểm. Nếu như toàn quân xuất phát, mang theo xe cộ trang bị tranh đoạt cái lợi của thời cơ, thường là không thể chiếu theo thời gian mà đến được khu vực dự định; nếu như vớt lại xe cộ, trang bị để tranh lên trước, thì sẽ tổn thất xe cộ trang bị. Bởi thế, khiến tướng sĩ mang theo binh giáp trang bị nhẹ nhàng sớm tới tiến lên không nghỉ, một ngày đi được lộ trình hai ngày, gấp rút hành quân trăm dặm,

tranh lấy thời cơ, vậy thì tướng soái ba quân đều có thể bị quân địch bắt sống, kết quả là nói chung chỉ có một phần mười binh lực đến được khu vực dự định. Dùng phương pháp ấy, gấp rút hành quân 50 dặm để tranh lấy cơ hội, vậy thì tướng lĩnh tiền quân sẽ bị bắt bẻ, binh lực cũng chỉ có một nửa đến nơi được. Nếu gấp rút hành quân 30 dặm để tranh lấy thời cơ, cũng chỉ có hai phần ba binh lực đến nơi được. Cần biết rằng, quân đội chẳng có xe cộ trang bị sẽ bị tiêu diệt, chẳng có lương thực cung ứng thì không thể sinh tồn, chẳng có tích trữ vật tư quân dụng thì ắt sẽ thất bại.

Không hiểu được ý đồ chiến lược của các nước chư hầu, thì không thể kết giao; không hiểu rừng núi hiểm trở địa hình hồ ao, thì không thể hành quân giao chiến; không lợi dụng người địa phương làm hướng đạo thì không có được địa lợi. Cho nên mới nói rằng, dụng binh giao chiến dựa vào quỷ quyết đa biến để giành phần thắng, căn cứ vào có lợi hay không để quyết định hành động của mình, chiếu theo phương thức phân tán hay tập trung để biến đổi chiến thuật. Hành động của quân đội, lúc mau chóng giống như gió thổi mạnh, lúc chậm giống như cây rừng khẽ lay động, lúc tiến công giống như lửa cháy mãnh liệt, lúc phòng ngự giống như núi cao vững vàng, lúc ẩn giấu giống như mây che đầy trời chẳng thể đoán biết, lúc vận động giống như sét đánh

chẳng kịp bùng tai. Nếu như có cướp bóc làng xóm ở nước địch phải phân binh làm mấy đường, khai thác lương thực phải phân binh chặn nơi hiểm yếu, cân nhắc quan hệ lợi hại rồi mới hành động. Chỉ có tướng soái sớm hiểu được chiến thuật lấy công làm thẳng, mới giành được thắng lợi, đó là nguyên tắc cơ bản của việc tranh lên trước, giành lấy cơ hội.

Trong cuốn “Quân chính” có nói: Trong tác chiến, dùng ngôn ngữ để chỉ huy, mọi người nghe không được rõ, cho nên phải bố trí chiêng trống; dùng động tác chỉ huy, mọi người nhìn không thấy, cho nên phải bố trí cờ quạt. Tác dụng của chiêng trống cờ quạt là dùng để thống nhất hành động quân đội trên dưới; toàn quân trên dưới đã thống nhất, vậy thì binh lính dũng cảm không thể đơn độc tiến. Đây là phương pháp chỉ huy tác chiến với một đội quân lớn. Bởi thế, phàm là tác chiến ban đêm thì dùng ánh lửa chiêng trống, tác chiến ban ngày thì dùng cờ quạt chỉ huy, đây là căn cứ vào nhu yếu nghe nhìn của mọi người mà biến đổi vậy.

Đối với quân địch, có thể khiến quyết tâm bị dao động. Dưới tình huống chung, lúc mới đầu vào cuộc chiến tinh thần binh lính rất hăng hái, qua một thời gian tinh thần dần dần trở nải, cuối cùng tinh thần hoàn toàn suy yếu, ai nấy đều nghĩ quay về. Cho nên, người khéo dụng binh, thường là tránh lúc tinh thần binh lính địch đang hăng hái, đợi đến lúc kẻ địch trở

nải, suy kiệt tinh thần mới phát lệnh công kích, đây là phương pháp nắm chắc sĩ khí mà dụng binh. Dùng sự nghiêm chỉnh của mình đối với sự nôn nóng của kẻ địch, đây là phương pháp nắm tâm lý quân địch mà dụng binh, không nên đánh vào kẻ địch bố trí chu đáo, cờ quạt tề chỉnh, không nên tiến công kẻ địch có trận địa hùng tráng, tổ chức nghiêm chỉnh, đây là nguyên tắc linh hoạt cơ biến mà dụng binh.

Bởi thế nguyên tắc cơ bản dụng binh là: Khi kẻ địch chiếm lĩnh cao điểm thì không cần tiến đánh, khi kẻ địch dựa vào chỗ cao thì không cần công kích chính diện, khi kẻ địch võ sức chạy thì không cần bám sát truy đuổi, với đội quân tinh nhuệ của địch thì không nên tiến đánh, phải để ý việc dụng binh của kẻ địch, với kẻ địch triệt thoái về nước thì không nên chặn đánh giữa đường, với kẻ địch khi đang bao vây, cần phải tạo ra lỗ hổng, với kẻ địch rơi vào đường cùng thì không nên quá truy bức. Những điều ấy là nguyên tắc rất cơ bản trong chỉ huy tác chiến.

Lời bình:

“Quân tranh” nói ở đây là chỉ hai bên đối mặt mà tranh giành thắng lợi. Vấn đề chủ yếu ở đây là làm thế nào để sớm giành được điều kiện có lợi, có được địa vị tác chiến có lợi, với ý nghĩa của quân tranh, lợi hại của quân tranh, nguyên tắc và chiến thuật cơ bản của quân tranh đưa ra sự phân tích tỉ mỉ các hệ thống.

Hai bên đối mặt mà tranh lợi, then chốt là cố nắm lấy quyền chủ động chiến trường. Bởi thế mà, làm sao sớm chiếm lĩnh được vị trí quan trọng ở chiến trường, tạo ra tình thế có lợi, từ đó mà nắm được thời cơ có lợi, là vấn đề trọng yếu nhất trong việc tranh giành, đồng thời cũng là vấn đề khó khăn nhất. Cái khó của quân tranh là lấy quanh co làm đường thẳng, lấy cái lo lắng chuyển hóa thành cái có lợi.

Lấy quanh co làm đường thẳng, là phải bày cách đem con đường tiến quân khúc khuỷu mà mình phải trải qua biến thành ra đường thẳng thông suốt; lấy cái lo âu chuyển thành cái có lợi là phải đem nhân tố mặt trái bất lợi với mình, bày cách biến thành nhân tố mặt phải có lợi. Quanh co và đường thẳng, cái lo và cái có lợi là một cặp mâu thuẫn chẳng thể điều hòa, chẳng có một chút thông suốt, mà Tôn Vũ muốn nó biến thành mặt đối lập của mình, điều ấy đương nhiên không thể nói là không khó, song quyết không phải là việc không có khả năng Tôn Vũ đề xuất biện pháp của mình là: bày cách khiến cho con đường tiến binh của quân địch trở thành quanh co, dẫn dụ kẻ địch, cải biến tuyến đường hành quân vốn gần như đường thẳng, như vậy, lộ trình của kẻ địch biến thành quanh co mà kéo dài, mà lộ trình của quân ta đồng thời lại biến thành đường thẳng mà ngắn. Thế rồi, xuất phát sau kẻ địch mà sớm đến được chiến trường dự định trước cả kẻ địch, chiếm lĩnh vị trí có lợi, những điều ấy đều trở thành khả năng cả.

Thẳng và khúc khuỷu, tương ứng với gần và xa. Thẳng thì gần, khúc khuỷu thì xa, không chỉ là khái niệm không gian, cũng có liên quan chặt chẽ với thời gian, mà một khi binh lực hai bên bố trí kết hợp hư thực, lại thêm có tác động năng động chủ quan, hai phía mâu thuẫn có thể sẽ chuyển hóa tương phản; nếu xa mà hư thì dễ đi, cơ động nhanh, tốn ít thời gian, thành ra cái gần trên thực tế; nếu gần là thực thì khó đi cơ động chậm, tốn nhiều thời gian mà thành ra xa trên thực tế. Kế sách về quanh co và thẳng tắp của Tôn Vũ, ở trong tàng chứa ý nghĩa của phép biện chứng, đồng thời rất có sắc thái của tương đối luận.

Quân tranh với thắng bại của chiến tranh có tác dụng to lớn, bởi thế là, phạm là kẻ dụng binh đều cực kỳ xem trọng. Song quân tranh có lợi cũng có chỗ dở, không thể chỉ thấy một mặt có lợi mà xem thường mặt nguy hiểm. Mặt có lợi dễ bị người ta lý giải, cho nên Tôn Vũ cũng phân tích cụ thể cái dở của nó. Ông lấy một đội quân đang hành quân làm ví dụ, cụ thể nêu lên khó khăn như sau: Nếu mang theo toàn bộ quân nhu vật tư mà trọng cái lợi đến trước, thường không thể đạt được mục đích dự định; vứt bớt quân nhu vật tư để tranh lên trước, tuy có thể chiếm được vị trí có lợi, song hậu quả lại thê thảm. Tôn Vũ thông qua đánh giá tỉ mỉ và phân tích khoa học chỉ rõ kết quả vứt bớt xe cộ mà cố tiến lên, sẽ rất có thể là tổn binh hao tướng, thậm chí toàn quân bị tiêu diệt.

Dụng ý của Tôn Vũ thật phần rõ ràng, nhấn mạnh đến điều ấy mục đích là cảnh tỉnh người dụng binh, ứng đối với cái nguy của quân tranh có cảnh giác cao độ, cũng cố gắng ngăn chặn sự phát sinh của nó trong thực tiễn, từ đó mà nắm chắc và giành được cái lợi của quân tranh. Cái thực sự muốn nói ra, lại không trực tiếp nói ra, mà có thể khiến người ta cảm nhận được, đấy là trí tuệ trong việc làm văn, cũng có thể kể là một loại kế sách cong và thẳng nói ở đây vậy.

Phép cầm quân là nói đến cái “dụng” của nó. Cho nên quân tranh sau khi đề ra kế sách cong và thẳng, cũng tập trung luận thuật vào nguyên tắc cơ bản và phương pháp chủ yếu của quân tranh.

Biết người biết mình là tiên đề. Tức là biết tình huống bên ngoài: Mưu lược của chư hầu, đặc trưng địa hình, chỉ dẫn đường xá, biết tổ chức thực lực quân đội của mình, nhanh và chậm, xâm lược và ẩn náu, động và bất động, đều phải đạt đến trình độ tương đương, phù hợp yêu cầu; trí tuệ và năng lực về quý kế đa biến... Chỉ có đủ điều kiện cơ bản như vậy, mới có thể thực thi kế sách cong và thẳng mà giành thắng lợi, đấy là nguyên tắc cơ bản mà quân tranh cần tuân theo, nếu làm trái thì sẽ gặp nguy hiểm.

Phương pháp chủ yếu có:

Phép sử dụng quân chúng: Vận dụng lửa, trống, cờ quạt để chỉ huy quân đội thống nhất hành động;

Phép trị khí: Tránh chỗ sắc bén, đánh chỗ trễ nải. Ở thời Xuân thu, trận chiến giữa Tề Lỗ ở Trường Chúc, Tào Quệ là một tay cao thủ về môn này;

Phép trị tâm: Lấy điều hành đổi lại với rối loạn, lấy tĩnh đổi lại với ồn ã. Về tâm lý tình cảm chiếm ưu thế, tranh thủ để giành phần thắng;

Phép trị lực: Lấy gần đổi với xa, lấy nhàn nhã đổi lại với nhọc mệt, lấy no đổi lại với đói. Về thể lực, thực lực mạnh hơn kẻ địch đó là lấy thực đánh hư;

Phép trị biến: Không nhằm vào cờ quạt nghiêm chỉnh, bày trần thế đang hoàng mà đánh. Ý tứ ở đây là thấy kẻ địch cờ quạt rối loạn, chứng tỏ địch tình có biến, có thể tiến đánh mà giành phần thắng.

Mặt phản diện có nhắc đến 8 tình huống sau đây: Không thể khinh suất tùy tiện tiến đánh quân địch, địch dựa vào gò đồng, có lợi về địa thế; địch lấy lợi nhử mồi, có dối trá ở trong, bao vây quá chặt sợ rằng con thú cùng đường sẽ lồng lộn phá phách... Đây là phép tắc cơ bản mà người dụng binh cần ghi nhớ không quên.

Trong chương này, kế sách cong và thẳng được coi là chính. Sau khi luận thuật về kì chính, hư thực, Tôn Vũ tiến tới diễn giải về cong và thẳng, trong đó hàm chứa liên hệ logic chặt chẽ bất luận là xuất kỳ bất ý giành phần thắng hay là tránh chỗ thực đánh

chỗ hư, đều cần lấy kế sách cong và thẳng làm điều kiện tiền đề, có học giả nói rằng bản thân nó là bộ phận hợp thành của kế sách cong và thẳng hoặc là một biểu hiện của kết quả.

Đồng thời, Tôn Vũ cũng đề xuất ở đây chiến thuật trị khí, trị tâm, thấy được chủ thể tham dự chiến tranh: Tình cảm, tâm thái của người ta đối với chiến tranh có tác dụng trọng yếu của thắng bại, cũng đề xuất phương pháp giành thắng lợi tương ứng, tuy là nông cạn, rất không hoàn thiện, song trên thực chất với chiến tranh hiện đại chú trọng vận dụng chiến thuật tâm lý, có một số chỗ tương tự, đương thời đó là điều rất đáng quý rồi. Phần trị khí nói đến tránh chỗ sắc bén, đánh chỗ trễ nải, đây là một câu nói chí lý, đến nay vẫn được mọi người xem là kim chỉ nam.

Đương nhiên, Tôn Vũ cũng chẳng phải là không có khiếm khuyết, ví như nói đến tám điều răn trong dụng binh có chỗ lại quá máy móc, cứng nhắc, cũng không phù hợp với thực tế chiến tranh. Do thời đại của Tôn Vũ cùng những hạn chế của đặc điểm chiến tranh, đề xuất như thế là có lý giải riêng của Tôn Vũ, ở đây chẳng hề ảnh hưởng đến sự vĩ đại của cá nhân Tôn Vũ, cũng không tổn hại đến địa vị tôn sùng của “Tôn Tử”. Sự thực thì, các ví dụ cổ kim đều đã chứng minh kế sách cong và thẳng là một nguyên tắc vĩnh hằng đè bẹp kẻ địch giành lấy phần thắng.

Sau trận chiến Xích Bích, ba nước Ngụy, Thục, Ngô hình thành thế ba chân đỉnh. Bấy giờ địa bàn Lưu Bị chiếm cứ ở Ba Thục còn khá là nhỏ bé, Tào Tháo đã chiếm được Hán Trung, trực tiếp uy hiếp quyền thống trị và tính ổn định của Lưu Bị ở Tứ Xuyên. Thế rồi, năm 217, Lưu Bị thân hành dẫn đại quân đánh Hán Trung, có ý muốn chiếm vị trí chiến lược có ý nghĩa trọng đại này, giữ được cánh cửa Đông Bắc ở Tứ Xuyên cũng tạo thành hình thế có lợi tiến thì có thể đánh Hán Trung, thoái thì có thể cố thủ Thành Đô.

Đại quân Lưu Bị kéo đến trước Dương Bình Quan, muốn một trận đánh thắng được vị trí chiến lược này. Ở đó tướng Ngụy là Hạ Hầu Uyên cậy hiểm cố thủ, ngoan cường đề kháng, Lưu Bị tuyển mấy vạn tân binh luân phiên đánh phá song Dương Bình Quan thực khó đánh vào, quân Ngụy lại cố giữ, hai bên cầm cự hơn một năm và vẫn bất phân thắng bại.

Tháng giêng năm thứ ba, Lưu Bị đã chuẩn bị đầy đủ, quyết định vận dụng hành động cải biến cục diện cầm cự kéo dài này. Lưu Bị dẫn quân Thục đi vòng qua Dương Bình Quan, xuống phía Nam vượt qua sông Hán Thủy, tránh đi đường cái mà đi theo bờ Nam tiến sang phía Đông, thần không biết mà quỷ cũng chẳng hay, đột nhiên đến được núi Định Quân, chỉ một trận là đánh chiếm được núi Định Quân. Núi

Định Quân là cánh cửa Tây Nam của Hán Trung, địa thế hiểm yếu, có quan hệ trọng đại, Lưu Bị chiếm được núi Định Quân đã mở ra con đường thông với Hán Trung, cũng tạo thành sự uy hiếp nghiêm trọng với quân Tào ở Dương Bình Quan. Hạ Hầu Uyên bị bức bách phải mang binh lực ở Dương Bình Quan mà tranh đoạt núi Định Quân với Lưu Bị, việc quân Tào cậy hiểm cố thủ cũng bị sút kém. Để phòng ngừa Lưu Bị tiến công, quân Tào cho xây dựng doanh lũy, doanh trại ở bờ Nam sông Hán Thủy và sườn phía Đông của núi Định Quân. Lưu Bị đang đem mang quân đánh vào doanh trại quân Tào, hỏa thiêu sơn trại Nam Vi. Hạ Hầu Uyên lệnh cho Trương Cáp giữ Đông Vi, tự mình dẫn kị binh đi cứu Nam Vi. Lưu Bị thấy có cơ hội liền điều động binh mã gấp rút đánh Đông Vi, cũng phái Hoàng Trung dẫn tinh binh mai phục ở địa bàn hiểm yếu giữa Đông Vi và Nam Vi. Trương Cáp ở Đông Vi không địch nổi quân Lưu Bị tiến đánh mạnh mẽ, Hạ Hầu Uyên bị bức vội điều quân về cứu Đông Vi. Lúc ấy, Hoàng Trung lấy nhàn chơi mệt, đợi Hạ Hầu Uyên dẫn quân qua đó, đột nhiên từ trên cao đánh vào đám quân Tào đi qua ấy. Hạ Hầu Uyên chẳng hề phòng bị, vội vàng ứng chiến, cả đám quân bị rối loạn, Hạ Hầu Uyên bị Hoàng Trung chém chết, quân Tào đại bại, chạy tứ tán cả. Trương Cáp liền chết chạy khỏi Đông Vi, về giữ Dương Bình Quan.

Tào Tháo hay biết chiến trường Hán Trung bất lợi, thân hành dẫn chủ lực từ Trường An ra Tà Cốc, nhanh chóng kéo đến Dương Bình Quan, cứu viện Hán Trung. Lưu Bị đoạt được núi Định Quân, cải biến cục diện bị động trước đây, quân Thục sau thắng lợi sĩ khí rất hăng hái, Lưu Bị cũng tin tưởng hơn với chiến cục. Đối với sự tăng viện của Tào Tháo, Lưu Bị cũng không e ngại, thực hành lấy nhàn chọi mệt. Tào Tháo muốn nhanh chóng thu phục núi Định Quân, ổn định cục diện Hán Trung mà Lưu Bị thì không vội vàng gì, cày hiềm cố thủ, bất luận quân Tào khiêu chiến ra sao, quân Thục vẫn không chịu ra đánh. Quân Tào nóng lòng muốn đánh, Lưu Bị thì lấy tĩnh đối lại ồn ã, tìm cơ hội quấy nhiễu kẻ địch. Lưu Bị phái nhiều toán quân thâm nhập hậu phương quân Tào mà quấy nhiễu, cướp lương thảo, chặn giao thông, tìm cách tiêu diệt những toán quân nhỏ. Quân Tào ở phía trước đánh thì không thắng, ở phía sau lại luôn bị quấy nhiễu, quân nhu cung ứng bị phá hoại, lương thảo thiếu thốn, lòng quân hoang mang, không còn thiết chiến đấu, sĩ khí suy kiệt, quân bỏ ngũ ngày một tăng thêm. Cầm cự hơn một tháng, Tào Tháo thấy là không thắng được, bắt buộc phải bỏ lại Hán Trung, không lâu lại phái Lưu Phong, Mạnh Đạt đánh chiếm Phòng Lăng, Thượng Dung ở phía Đông Hán Trung, khuếch trương và củng cố thêm thế lực. Đến đây, cuộc chiến ở Hán Trung thế là đã kết thúc với thắng lợi thuộc về Lưu Bị.

Thắng lợi của Lưu Bị, lấy thoát khỏi cục diện bị động trước Dương Bình Quan mà mở đầu, đến lúc đoạt được núi Định Quân đã gây dựng được cơ bản, trong đó nhân tố then chốt là ông ta vận dụng kế sách cong và thẳng, vứt bỏ phương pháp chiến thuật lấy cứng chọi cứng, thông qua ruổi dài vu hồi mà chiếm lĩnh được núi Định Quân có vị trí rất quan trọng, giành được quyền chủ động chiến tranh, đó là ví dụ rõ nét lấy cong làm thẳng, lấy cái lo lắng chuyển thành cái có lợi. Ở núi Định Quân với quân Tào đối chọi, Lưu Bị lại đã vận dụng chiến thuật chính xác, quân chủ lực cố thủ ở nơi hiểm yếu mà không xuất chiến, quân du kích thì đánh lên ở hậu phương quân địch, lấy nhàn chọi mệt, bất động như núi mà phòng thủ, tập kích thì nhanh như gió cuốn, bày phục binh chặn đánh kẻ địch, không những có thể lấy nhàn chọi mệt, mà còn làm được lấy điều hành đổi lại rối loạn, chuyển động thì như sét đánh. Lưu Bị chiếm được Hán Trung, đạo lý quân tranh của Tôn Vũ cũng đóng góp một phần không nhỏ ở đó.

CHƯƠNG 9

CỬU BIẾN

孙子曰：凡用兵之法，将受命于君，合军聚众，圯地无舍，衢地交合，绝地无留，围地则谋，死地则战。涂有所不由，军有所不击，城有所不攻，地有所不争，君命有所不受。

故将通于九变之地利者，知用兵矣；将不通于九变之利者，虽知地形，不能得地之利矣。治兵不知九变之术，虽知五利，不能得人之用矣。

Tôn Tử viết: Phàm dụng binh chi pháp, tướng thụ mệnh ư quân, hợp quân tụ chúng, bĩ địa vô xá, cù địa giao hợp, tuyệt địa vô lưu, vi địa tắc mưu, tử địa tắc chiến. Đồ hữu Sở bất do, quân hữu Sở bất kích, thành hữu Sở bất công, địa hữu Sở bất tranh, quân mệnh hữu Sở bất thụ.

Cố tướng thông ư cửu biến chi địa lợi giả, tri dụng binh hĩ; tướng bất thông ư cửu biến chi lợi giả,

tuy tri địa hình, bất năng đắc địa chi lợi hĩ. Tri binh bất tri cửu biến chi thuật, tuy tri ngũ lợi, bất năng đắc nhân chi dụng hĩ.

Diễn giải:

Tôn Tử nói: Phép tắc nói chung dụng binh giao chiến là, tướng soái nhận mệnh lệnh của quốc vương, trưng tập dân chúng, xếp thành đội quân, sau lúc xuất chinh gặp phải nào là sơn lâm hiểm trở, hồ đầm cản lối, những vùng đất khó qua được, cũng chẳng thể dụng trại mà nghỉ qua đêm; ở nơi mấy nước tiếp giáp nhau, ở nơi ngã năm, ngã bảy, cần chú ý giao kết với chư hầu; ở nơi chẳng có cỏ mềm, lương thực, giao thông khó khăn gọi là đất khó bề sinh tồn, muôn vàn chẳng thể dừng lại; ở nơi bốn mặt địa thế hiểm yếu, đường xá nhỏ hẹp, tiến lên thì khó khăn, cần khéo nghĩ mưu kế, xuất kỳ bất ý mà giành phần thắng; nếu như rơi vào chỗ trước thì không có đường tiến, sau lại có truy binh, đánh thì còn, không đánh thì tiêu vong, gọi là tử địa, thì kiên quyết hăng hái mà đánh, liều chết tranh giành. Lại như có đường xá mà không đi chệch, có kẻ địch mà không phải đánh, có thành trì mà không cần tấn công, có vùng đất mà không phải tranh giành, ví như là mệnh lệnh của quốc vương, nếu không thích hợp với tình huống đương thời thì cũng không thể chấp hành.

Cho nên tướng soái nếu như tinh thông lẽ lợi hại cơ trí ứng biến dưới các tình huống, mới thực sự hiểu

được việc dụng binh; nếu như không hiểu được lẽ lợi hại cơ trí ứng biến dưới các tình huống, ví như là quen thuộc địa hình cũng không được lợi về địa hình. Thống soái chỉ huy quân đội mà không biết các phương pháp quyền biến, ví thử không hiểu được thế lợi hại của năm loại địa hình kể trên cũng vẫn là không thể phát huy đầy đủ sức chiến đấu của tướng sĩ toàn quân. Bởi thế, tướng soái thông minh khi xem xét vấn đề, ắt phải nói đến hai mặt lợi hại. Ở tình huống bất lợi xem xét đầy đủ nhân tố có lợi, chiến tranh sẽ có thể thuận lợi tiến hành; ở tình huống có lợi xem xét đầy đủ đến nhân tố bất lợi, các loại họa hoạn có thể phát sinh thì có thể sớm bài trừ được.

Muốn khiến cho các nước chư hầu khác phải khuất phục, thì phải dùng các thủ đoạn để làm tổn hại họ; muốn khiến cho các nước chư hầu khác mặc cho anh lôi kéo thì phải dùng các việc mà họ không thể không làm, để phiền nhiễu họ; muốn khiến các nước chư hầu khác nghe theo điều khiển của anh, thì phải dùng các thứ lợi ích để dẫn dụ họ.

Cho nên nguyên tắc chung dụng binh giao chiến là: Không hy vọng ở việc kẻ địch không đến xâm phạm, mà phải dựa vào việc mình làm tốt các bước chuẩn bị, nghiêm trận chờ đợi; không hy vọng ở việc kẻ địch không thể công kích, mà phải dựa vào sự phòng thủ kiên cố của mình, kẻ địch sẽ không thể phá vỡ nổi.

Cho nên mới nói rằng tướng soái có năm nhược điểm tai hại: Chỉ biết liều chết mà đánh tới, có thể sẽ bị dụ giết; chỉ nghĩ tham sống sợ chết, thì có thể bị bắt sống; tính tình bạo liệt, nóng nảy dễ bực tức thì có thể bị kẻ địch chọc giận mà trúng kế; người liêm khiết hiếu danh thì có thể bị lời xúi bẩy mà rơi vào bẫy; người quá mức yêu dân chúng, thì có thể bị phiền nhiễu mà hãm ở thế bị động. Năm tình huống nói trên là lỗi của tướng soái cũng là sai lầm của việc dụng binh. Toàn quân bị diệt, tướng soái bị giết, đều là do năm loại nguy hiểm kể trên dẫn đến; đối với điều này, không thể không chú ý đầy đủ.

Lời bình:

Trong văn hóa cổ đại Trung Quốc “cửu” là số lớn nhất (số 9), thường dùng để hình dung sự vật chẳng thể tận cùng, không có bờ bến, cho nên trời có chín tầng, đất cũng có chín tầng. Cũng thường dùng chữ “cửu” để tượng trưng cái vô hạn ví như đất Hoa Hạ gọi là Cửu Châu, cung môn xây thành cửu trùng, Đường Tăng đi Tây Thiên lấy kinh, cũng phải trải qua 9 lần 9 là 81 nạn. Bởi thế, số 9 có hư có thực, song bất luận hư thực ra sao, đều là nói đến số nhiều, ngoại trừ thống kê cụ thể, ví như có nói đến cái gì làm chứng, số 9 vẫn đại biểu cho số nhiều. Chữ cửu trong “Cửu biến” của Tôn Tử cũng có ý tứ là số nhiều, dầu rằng có lúc nào đó, Tôn Tử nói đích xác chỉ đó là số 9, cũng không câu nệ ở đó, mà cần xem số 9 là đại

biểu diễn hình trong số vô cùng. Trong chiến tranh, tình huống gì cũng đều có thể gặp phải, sự tình tượng tượng không đến đâu có thể phát sinh, những việc mà Tôn Vũ nói đến đều có thể có cả. Ví như chỉ đem tầm nhìn, sự suy nghĩ giới hạn ở số kê ra, vậy thì ắt sẽ hãm ở cứng nhắc, khó thích ứng với biến hóa, thất bại là điều khó tránh khỏi; đúng như Tôn Vũ có nói: Không thông cứu biến thì bất lợi. Điều cần ghi nhớ ở chương này là chữ “biến”, nhấn mạnh trong quá trình tác chiến, tướng soái cần căn cứ vào tình huống thực tế mà quyền mưu cơ biến, linh hoạt vận dụng chiến lược chiến thuật, biết tùy cơ ứng biến, không thể chỉ biết giữ theo lối cũ. Tiền đề của “biến” là tình huống cụ thể gặp trong thực tiễn, chủ thể của “biến” là tướng soái thống lĩnh quân đội, tướng soái mà thông hiểu “cứu biến” thì có lợi là biết dụng binh vậy.

Trong chiến tranh, tùy cơ ứng biến của tướng soái, linh hoạt vận dụng nguyên tắc tác chiến, có ý nghĩa cực kỳ trọng đại. Vậy thì, ở phương diện nào thì “biến” nhỉ? Tôn Vũ ở phần trên đã nói đến “kì chính”, “hư thực”, “nhiều ít”, “cong và thẳng”, luận thuật rõ ràng, ở chương “Cứu biến” tập trung luận thuật ở hai phương diện: Địa hình và tổ chức tướng soái.

Tôn Vũ từ mấy tình huống thường gặp ở chiến trường, đã phân tích phương pháp mà các tướng soái cần vận dụng trong việc ứng biến với tình hình. Với năm loại đất kể trên, Tôn Vũ gọi lần lượt là: *bĩ địa*

(đất xấu), *cù địa* (đất ngã năm ngã bảy), *tuyệt địa* (đất khôn cùng), *vi địa* (đất bao vây), *tử địa* (đất chết). Với *bĩ địa* thì không dựng lều trại, với *cù địa* thì có thể giao lưu hòa hợp, với *tuyệt địa* thì không lưu lại ở đó, với *vi địa* thì bày mưu định kế, với *tử địa* thì chỉ có đánh; nhấn mạnh rằng ở vị trí bất lợi cần chọn cách thì triển tương ứng, cố gắng tránh bị tổn thất. Ở đây có bốn điều thuộc phần trên thì xem trọng ở bản thân địa hình, nhấn mạnh kẻ dụng binh cần chủ động tránh xa, muôn vàn chẳng thể hãm ở đó; còn điều cuối cùng thì nói đến tình thế chiến đấu, địa hình đã bất lợi, binh lực lại yếu ớt, liều chết mà đánh là cách duy nhất mà kẻ dụng binh bị bức phải vận dụng, bởi vì không đánh thì mất, đánh thì có khả năng cứu vãn được tình hình, từ chỗ chết tìm lại đường sống. Xưa nay đặt vào đất chết mà tìm lại đường sống, phản bại thành thắng cũng thường xảy ra. Có hại thì tránh, đó là nhận thức thông thường, người ta nói chung dễ làm được, song tham cái lợi trước mắt mà vùi đến tổn hại, thì không phải là ai cũng có thể thấy rõ được. Dụng binh giao chiến, đánh thành cướp đất, tiêu diệt kẻ địch, việc binh quý ở thần tốc. Song đường có nơi không đi, quân có chỗ không đánh, thành có nơi không phá, đất có nơi không tranh. Nói rằng “không” chẳng phải là “nhất định không”, cần dựa vào tình huống cụ thể mà quyết định cách chọn lựa lấy hay bỏ, tiêu chuẩn cần nhắc là có lợi hay là có hại, đặc biệt là phải cảnh giác

đối với những cái lợi nhỏ ở trước mắt, lại ngầm chứa sẵn tai nạn to lớn, ví như Tôn Vũ đã nhiều lần nhấn mạnh đến “lấy lợi để dụ địch”. Bởi thế, kẻ dụng binh ứng biến với lúc này không chỉ là linh hoạt cơ biến mà là biện rõ thị phi, cân nhắc lợi hại, là phải phân tích rõ đâu là lợi đâu là hại. Đối với mệnh lệnh của quân vương, cũng phải có cách vận dụng như vậy, nếu thích hợp với tình huống cụ thể, mệnh lệnh có lợi cho việc đề bẹp kẻ địch giành lấy phần thắng, tự nhiên là cần phải tuân theo; mà không phù hợp với tình huống thực tế, không hề dùng được trong việc đề bẹp kẻ địch giành lấy phần thắng, thậm chí là việc chỉ huy mù quáng còn có tác dụng trở ngại phá hoại nữa, tuyệt đối là không thể chấp hành cho nên có câu “lệnh vua có chỗ không theo”, quan điểm này với tư tưởng trong chương “Mưu công” là cùng một mạch chảy kế tiếp. Tôn Vũ khi diễn tập luyện binh trong cung Ngô vương, chiếu theo kỷ luật quân đội đã giết hai phi tần được Ngô vương sủng ái, từng nói với Ngô vương rằng “tướng ở trong quân, lệnh vua có chỗ không theo”, không đáp lại yêu cầu của Ngô vương.

“Lệnh vua có chỗ không theo”, đó là lời kết ở phần nói về chín tình huống thường gặp. Nó cũng là gợi mở với vấn đề tổ chất yêu cầu của tướng soái. Bởi dựa vào tình huống thực tế, với địa hình làm được sự biến thông, người có đầu óc tỉnh táo, có trí tuệ dồi dào thì có thể hoàn thành được; mà đối với mệnh lệnh

của quân vương, có sự lựa chọn tuân theo hay không tuân theo, ngoài trí tuệ còn cần có can đảm và dũng khí hơn người. Bởi thế mà có thể nói rằng biển, là khởi đầu của tướng soái cũng là yêu cầu tiêu chuẩn cao nhất vậy. Tôn Vũ nhấn mạnh tướng soái cần tinh thông thuật “cửu biến”, cũng nói rõ nếu không thông, không biết “cửu biến” thì không thể đảm nhận được việc dụng binh. Ở đây Tôn Tử đem “thông suốt cửu biến” xem là tố chất cần có của tướng soái, với năm đức tốt của tướng trong chương “Kế sách” (trí, tín, nhân, dũng, nghiêm) xem trí là hàng đầu, là cũng có vị trí như nhau vậy.

Cần phải trở thành một trí giả, cần khắc phục tính phiến diện, có thể nhìn vấn đề một cách biện chứng toàn diện. Cái lo của trí giả là ở sự lợi hại. Chỉ thấy được một mặt có lợi, hoặc chỉ thấy được mặt bất lợi, đều không có được phán đoán đúng đắn, khoảng cách với thắng lợi là khá xa vời. Ở tình thế có lợi thấy được mặt bất lợi, ở tình thế bất lợi có thể thấy được mặt có lợi, có thể thấy được cả hai phương diện lợi hại, thì có thể tăng cường lòng tin ở thắng lợi, khiến cuộc chiến phát triển theo phương hướng dự định, phòng được mối lo chưa đến, tránh được biến cố phát sinh bất ngờ, tránh gặp phải tổn thất không cần thiết, đồng thời, chỉ có căn cứ vào tình huống thực tế mà hiểu được đâu là lợi, đâu là hại, mới có thể khiến nước chư hầu khác hoặc khuất phục ta hoặc bị ta nô

địch, hoặc mặc ta điều khiển. Đối với kẻ địch, phải cố gắng tạo ra và khuếch đại phương diện khó khăn, khiến nó từ lợi biến thành hại, từ hại nhỏ biến thành hại lớn. Ở phương diện quân ta, thì phải phòng ngừa cái chưa đến, chuyển hóa hại thành lợi, lấy lợi chế ngự hại, dùng sự chuẩn bị đầy đủ của ta khiến kẻ địch không có cơ hội lợi dụng, tuyệt đối không ôm ảo tưởng không thực tế, càng không thể hy vọng ở sự từ bi của kẻ địch.

Chuyển biến lợi hại nói đến ở trên, đều bao hàm có cái không làm mới có thể làm, có cái không lấy mới có thể lấy, với tư tưởng biện chứng luận thuận phác.

Để tránh điều hại, theo điều lợi được tốt hơn, Tôn Vũ cũng chỉ ra năm cái nguy của tướng soái, từ mức độ tư tưởng và phương diện đặc trưng của tính cách mà nhấn mạnh tính trọng yếu của tố chất tướng soái.

Theo địch ắt chết, giữ mình ắt sống, cương cường bất khuất, liêm khiết thương dân, đó là đặc trưng cơ bản của tướng soái, song nếu như theo hướng phiến diện, không xuất phát từ tình huống thực tế mà biến thông, mà là làm việc theo cảm tính, thiếu suy nghĩ lý tính, sẽ dẫn đến nguy cơ bị tiêu diệt. Ở đây, Tôn Vũ nhắc các tướng soái khi vận dụng giao chiến cần tỉnh ở biến thông; ở năm đức tốt của tướng soái, người dùng cảm ắt sẽ giết chết kẻ địch, người giữ chữ tín tự nhiên sẽ liêm khiết, người nhân ái không thể

không yêu thương dân chúng, với những loại người ấy, được Tôn Vũ luôn coi là chính diện, ở đây cũng có thể trở thành nhược điểm tai hại của tướng soái. Đấy đương nhiên không phải Tôn Vũ tự mâu thuẫn mà là căn cứ vào tình huống thực tế hoặc cảnh ngộ bất đồng mà có sự quyền biến, nhân tố then chốt ở đây là phân tặc, tương đương với cái ngày nay chúng ta gọi là độ. Đúng là chân lý với sai lầm chỉ cách nhau một bước chân, sự thiên lệch nào cũng có thể đem sự phát triển của sự vật dẫn đến phản diện. Năm cái nguy của tướng soái cũng không phải là sự phủ định tất thảy mà nhấn mạnh phạm là sự vật nào cũng không thể quá phân tặc, cần cân nhắc lợi hại, có cái làm, có cái không làm.

Nguyên tắc “cửu biến” của Tôn Vũ, cảm hứng sâu sắc tính đa dạng và tính phức tạp của mâu thuẫn tồn tại trong thế giới khách quan, phản ánh sâu sắc mâu thuẫn vận động, đặc biệt là mâu thuẫn trong quá trình chuyển hóa, cũng là tính ngẫu nhiên và tính đoán xóc (xúc tác) ở đó. Sự vật trên thế giới có muôn ngàn khác biệt, mâu thuẫn cũng rất phức tạp, với mỗi mâu thuẫn và vấn đề đều phải có phân tích cụ thể, ứng xử cụ thể, không thể nhất loạt như nhau không biến hoá gì. Ở đây cần phải biến đổi, cải biến hành động của mình để thích ứng với biến hóa của tình huống thực tế, cải biến tình thế có lợi, khiến tình thế chuyển biến theo phương diện có lợi với

mình. Giao chiến là việc tôi sống anh chết, hình thế rất là biến đổi, rất khó nắm bắt, lại thêm hai bên đều ra sức chế tạo giả cảnh, thi hành quỷ kế, càng cần linh hoạt ứng biến, tùy cơ mà biến thông. Nguyên tắc “cửu biến” bất luận là về lý luận hay là về thực tiễn, tính chính xác và tính sâu sắc đều là không dung nạp sự nghi ngờ.

Thời Hán Cảnh Đế, đại tướng Chu Á Phu là nhà quân sự kiệt xuất thông suốt địa lợi của “cửu biến”.

Sau khi Lưu Bang chiến thắng Hạng Vũ xây dựng vương triều Tây Hán, để củng cố địa vị thống trị của gia tộc phong kiến, đã phong cho nhiều con em làm vương hầu, chiếm cứ từng vùng, phòng ngừa họ khác chiếm quyền. Đến đời Hán Cảnh Đế, các nước chư hầu của các vương hầu thống trị, của cải ngày mỗi tăng thêm, thế lực ngày mỗi mạnh mẽ, dần dần hình thành tình thế cát cứ, cơ hồ đã đến bước muốn đối đầu với triều đình. Hán Cảnh Đế nghe theo chủ trương tước đoạt bớt quyền thống trị của các nước Triệu, Sở, Ngô, thu vào trong sổ quản lý của triều đình. Chính sách tước bớt ấy làm tăng thêm sự bất mãn của các nước chư hầu với triều đình, cuối cùng năm 154 trước công nguyên mở ra đại loạn bảy nước.

Thủ lĩnh của loạn ở bảy nước là Ngô vương Lưu Tị, Lưu Tị trước sau đã thuyết phục các vương hầu ở Giao Tây, Chuy Xuyên, Giao Đông, Tế Nam, tham

gia phản loạn, kết quả có năm nước là Giao Tây, Giao Đông, Tế Nam, Sở, Triệu trước sau khởi binh, hưởng ứng Ngô vương, phản đối triều đình. Ngô vương cho rằng liên minh phản kháng đã thành, bèn định ra chiến lược từ ba mặt Nam, Bắc, Đông đánh vào Quan Trung, trừ tính chỉ một trận là chiếm cứ được Trường An, trung tâm thống trị của vương triều nhà Hán. Song, Ngô vương đánh giá tính ổn định liên minh chư hầu là rất cao, các chư hầu khác lại chẳng hoàn toàn làm theo kế hoạch của ông ta, tham gia phản loạn cũng chỉ có cả bảy nước là: Ngô, Sở, Triệu, Giao Tây, Giao Đông, Chuy Xuyên, Tế Nam mà thôi.

Tháng giêng năm 154 trước công nguyên, Ngô vương thân hành dẫn 20 vạn đại quân xuất phát từ kinh đô nước Ngô là Quảng Lăng, ngược lên phía Bắc vượt qua sông Hoài Hà hợp binh với quân Sở, chuẩn bị tiến sang phía Tây đánh vào nước Lương. Hán Cảnh Đế hay tin Ngô vương khởi binh, bèn lệnh cho Chu Á Phu dẫn binh tiến đánh quân Ngô, Sở, đồng thời phân binh đối phó với Tề, Triệu.

Chu Á Phu phục mệnh xuất chinh. Trước lúc lên đường Chu Á Phu đề nghị với Hán Cảnh Đế rằng, quân Ngô sĩ khí đang mạnh, nếu chính diện giao chiến thì khó thắng được, chẳng bằng tạm thời đem nước Lương vớt bỏ cho nước Ngô, mang đại quân vòng ra sau lưng quân Ngô, cắt đường tải lương, chờ đợi cơ hội. Hán Cảnh Đế đồng ý với ý kiến của Chu Á

Phu, Á Phu bèn xuất binh, nhằm hướng Lạc Dương mà tiến quân.

Quân Hán vốn là theo kế hoạch đi theo đường lớn Quan Hào Sơn, Mãnh Trì mà đến Lạc Dương.

Bấy giờ Triệu Thiệp đề nghị rằng, nếu Ngô vương hay biết hướng vận động của tướng quân, hẳn sẽ bố trí gián điệp ở vùng giữa Hào Sơn, Mãnh Trì, ở nơi hiểm yếu bày cách ngăn cản đại quân tiến sang phía Đông. Chẳng bằng đổi qua Lam Điền ra Vũ Quang mà đến Lạc Dương, tuy so với con đường dự định có nhiều hơn một hai ngày, song có thể thần không biết, quỷ không hay, an toàn đến được Lạc Dương, mau chóng khống chế kho quân giới. Chu Á Phu liền đổi lại con đường hành quân, từ Lam Điền ra Vũ Quang rồi đến Lạc Dương, khống chế kho vũ khí ở Lạc Dương.

Lúc ấy, liên quân Ngô, Sở đã bắt đầu hướng vào nước Lương mà phát động tiến công, tại Cức Bích (nay thuộc Hà Nam) giao chiến với quân Lương, tiêu diệt mấy vạn binh lính, chiếm được một phần nước Lương. Quân Lương rút về giữ Tuy Dương lại bị Ngô Sở bao vây. Trong lúc nguy cấp, nước Lương tìm Chu Á Phu xin cứu viện, Á Phu lại dẫn binh tiến lên Đông Bắc, thực hiện thành cao hào sâu ở Xương Ấp, phòng ngự kiên cố, cố thủ không đánh. Liên quân Ngô Sở lại tiến binh đánh Tuy Dương. Lương vương ngày ngày phái sứ thần thỉnh cầu phát binh cứu viện, Chu

Á Phu theo như sách lược đã định, không chịu phát binh. Lương vương dâng thư lên Cảnh Đế, Cảnh Đế hạ lệnh cứu viện. Chu Á Phu vẫn đóng chặt doanh lũy, vẫn không phát binh. Song ông ta lại phái kì binh vòng ra sau lưng liên quân Ngô Sở, cắt đứt đường tải lương của họ. Quân Lương phải đói mệt với sự bao vây của liên quân Ngô Sở, mang toàn lực kiên trì cố thủ, lại còn bất chợt phải tinh binh quấy nhiễu quân Ngô.

Liên quân Ngô Sở đánh Tuy Dương mãi không được, cũng chẳng có hy vọng chiếm được Huỳnh Dương, Lạc Dương, đường phía sau lại bị đại quân của Chu Á Phu uy hiếp, cắt đứt lương thảo; lương thảo thiếu thốn khiến tinh thần binh sĩ giảm sút, rơi vào hoàn cảnh tiến thoái lưỡng nan. Để thoát khỏi khó khăn, liên quân Ngô Sở điều binh lực sang đánh Hạ Ấp, mong tìm kiếm được chủ lực của Chu Á Phu để quyết chiến. Chu Á Phu vẫn thành cao hào sâu không để ý đến khiêu chiến của quân địch. Liên quân nhiều lần khiêu chiến không được theo kế giương Đông kích Tây, vờ như tấn công quân Hán ở phía Đông Nam. Chu Á Phu biết được quỷ kế của địch, phái binh tăng cường phòng thủ cho doanh lũy ở Tây Bắc; khi liên quân Ngô Sở đánh vào góc Tây Bắc, quân Hán lấy nhàn chơi mệt, đánh lại khá mạnh mẽ. Đánh vào doanh lũy không được, dù quân Hán ra ngoài quyết chiến cũng không được, liên quân Ngô Sở binh mã lương hết đành phải dẫn quân trở về.

Bấy giờ, Chu Á Phu lại phái quân tinh nhuệ đuổi theo chém giết, cản phá quân địch, Sở vương Lưu Mậu bị bức phải tự sát, Ngô vương Lưu Tị vứt bỏ cả đại quân, chỉ mang mấy nghìn thân binh chạy đến Đan Đờ, mong dựa vào Đông Việt để kháng cự. Chu Á Phu thừa cơ truy kích, bắt được toàn bộ tướng sĩ của nước Ngô, cũng treo thưởng nghìn vàng cho ai bắt được Ngô vương. Hơn một tháng sau, Đông Việt vương dưới sự uy hiếp và dẫn dụ của quân Hán, đã giết Ngô vương Lưu Tị để lĩnh thưởng.

Chu Á Phu đã dùng thời gian ba tháng, đem chủ lực của đại loạn bảy nước là liên quân Ngô Sở mà dẹp yên được.

Khi liên quân Ngô Sở tiến đánh nước Lương, các nước chư hầu đều có bụng khác. Tề vương bội ước không xuất binh, Triệu vương ngồi yên mà nhìn, chỉ có bốn nước Giao Tây, Giao Đông, Chuy Xuyên, Tế Nam là cử binh tham chiến. Song, họ cũng chẳng theo như kế hoạch mà tiến đánh Lạc Dương, hợp với liên quân Ngô Việt mà dưới sự chỉ huy của Giao Tây vương, lại vây đánh thành Lâm Chuy của nước Tề. Kết quả là, Lâm Chuy còn chưa đánh được lại gặp phải một đòn đánh của quân Hán do Hán Cảnh Đế tung ra, quân bốn nước kia đều bị diệt cả. Cuối cùng, Giao Tây vương, Triệu vương cũng tự sát. Các vương hầu còn lại thì bị giết, đại loạn bảy nước bị thất bại triệt để.

Chu Á Phu trong bình định đại loạn bảy nước, đã phát huy tác dụng đúng mức. Chu Á Phu dụng binh thập phần linh hoạt, đó là nhân tố then chốt để ông ta giành được phần thắng. Ông ta đột nhiên thay đổi đường tiến quân, thu được hiệu quả bất ngờ. Khi Ngô Sở đánh Lương, ông kiên trì sách lược để mặc nước Lương tự lo liệu, khiến liên quân Ngô Sở bị tiêu hao trong việc đánh thành; đã kiên trì không phân binh cứu viện, làm được việc “đất có chỗ không tranh, lệnh vua có chỗ không theo”, đối mặt với liên quân Ngô Sở đánh phá nước Lương, khiêu chiến doanh trại quân Hán, ông ta cũng không phạm sai lầm do bực tức; thực hiện thành cao hào sâu, phòng thủ kiên cố là lấy nhàn chọi mệt; một khi quân địch tan rã thì mang toàn lực truy kích, phát huy đầy đủ địa lợi, nhân hòa. Chu Á Phu có thể căn cứ vào tình huống hai bên địch ta, lợi dụng đầy đủ địa hình, binh thế linh hoạt xử lý năng lực tiến công và phòng thủ, chiến lược là lấy phòng ngự làm chính, đã hoàn thành được nhiệm vụ thông thường là dùng chiến lược tiến công để hoàn thành, thực không then là nhà chỉ huy quân sự kiệt xuất “thông suốt cửu biến địa lợi”.

Chu Á Phu dẹp được đại loạn bảy nước, chứng minh đầy đủ thuật cửu biến của Tôn Tử đúng là một nguyên tắc chiến thuật có tính chân lý.

CHƯƠNG 9

HÀNH QUÂN

孙子曰: 凡处军相敌: 绝山依谷, 视生处高, 战隆无登, 此处山之军也。绝水必远水; 客绝水而来, 勿迎之于水内, 令半济而击之, 利; 欲战者, 无附于水而迎客; 视生处高, 无迎水流, 此处水上之军也。绝斥泽, 惟亟去无留; 若交军于斥泽之中, 必依水草而背众树, 此处斥泽之军也。平陆处易, 右背高, 前死后生, 此处平陆之军也。凡此四军之利, 黄帝之所以胜四帝也。

Tôn Tử viết: Phàm xử quân tương địch: tuyệt sơn y cốc, thị sinh xử cao, chiến long vô đăng, thủ xử sơn chi quân dã. Tuyệt thủy tất viễn thủy; khách tuyệt thủy nhi lai, vật nghênh chi ư thủy nội, lệnh bán tế nhi kích chi, lợi; dục chiến giả, vô phụ ư thủy nhi nghênh khách; thị sinh xử cao, vô nghênh thủy lưu, thủ xử thủy thượng chi quân dã. Tuyệt xích trạch, duy cức khứ vô lưu; nhược giao quân ư xích trạch chi trung, tất y thủy thảo nhi bối chúng thụ,

*thử xú xích trạch chi quân dã. Bình lục xú di, hữu
bồi cao, tiền tử hậu sinh, thử xú bình lục chi quân dã.
Phàm thử tứ quân chi lợi, Hoàng đế chi sở dĩ thắng
tử đế dã.*

Diễn giải:

Tôn Tử nói: Quân đội khi hành quân, dựng trại, tác chiến, quan sát và phán đoán địch tình đều cần phải chú ý: Thông qua vùng sơn địa, phải theo đường mòn có cỏ mà tiến; đóng trại ở nơi cao ráo sáng sủa, có tầm nhìn rộng rãi; không đi đánh kẻ địch đã chiếm được vùng đất cao. Đây là nguyên tắc bố trí quân đội ở vùng sơn địa. Sau khi vượt sông phải đóng trại ở cách xa bờ sông; quân địch vượt sông đến đánh, không nên đánh kẻ địch vừa mới xuống nước, mà để kẻ địch qua một nửa sông mới đánh, là có lợi nhất; muốn quyết chiến với địch, thì chẳng thể vội dựa vào bờ sông mà bày trận; cũng cần ở chỗ cao ráo sáng sủa, không nên ở phía hạ du của quân địch. Đây là nguyên tắc bố trí quân đội ở vùng ven sông; đi qua vùng hồ đầm ngập mặn thì phải mau chóng rời khỏi đó, chẳng thể dừng lại; nếu như chạm trán với kẻ địch ở vùng hồ đầm ngập mặn, thì cần dựa vào bãi cỏ.

Đây là nguyên tắc bố trí quân đội ở vùng hồ đầm ngập mặn. Ở bình nguyên, phải chiếm lĩnh được nơi rộng rãi, chủ yếu bên cánh phải dựa vào chỗ đất cao, mặt thì hướng ra bình nguyên, tựa lưng vào núi cao,

trước thấp sau cao. Đây là nguyên tắc bố trí quân đội ở bình nguyên. Bốn nguyên tắc bố trí quân đội kể trên được vận dụng nhuần nhuyễn, chính nhờ đó mà Hoàng đế có thể chiến thắng được Suy Vương.

Nhìn chung mà nói, chỗ đóng quân thường là nơi đất cao khô ráo, tránh nơi đất trũng ẩm thấp. Xem trọng hướng mặt trời, không để ý đến nơi u ám; dựa vào nơi gần với bãi cỏ tốt tươi, nơi cung cấp quân nhu đầy đủ, các bệnh của binh sĩ không nảy sinh, như vậy là góp phần bảo đảm cho thắng lợi. Ở vùng gò đồng ắt nên chiếm cứ mặt hướng về phía mặt trời lên. Như vậy có lợi cho việc dụng binh, lấy điều kiện địa hình phù trợ cho thành công. Ở thượng du hay mưa, có nước lớn đột ngột, nếu như phải qua sông cần đợi lúc thủy lưu đã bình ổn rồi mới qua sông. Phàm là gặp địa hình đặc biệt như Tuyết Giới, Thiên Tỉnh, Thiên Lao, Thiên La, Thiên Hãm, Thiên Khích, ắt nên mau chóng rời xa, nhất thiết không nên dựa gần, phải khiến cho mình thì rời xa địa hình ấy, để cho kẻ địch dựa vào đó; khiến cho mình mặt hướng vào địa hình ấy, mà để kẻ địch dựa lưng vào đó. Quân đội hành quân và phụ cận nơi đóng trại có đường xá hiểm yếu, hồ đầm có lau sậy nhiều, rừng núi cây cỏ tốt tươi, ắt nên cẩn thận tìm tòi kỹ, đấy đều là nơi kẻ địch có thể mai phục và có gian tế ẩn núp vậy.

Kẻ địch tiếp cận mà vẫn giữ được yên tĩnh, đấy là ý vào việc đã chiếm được địa hình hiểm yếu; kẻ địch

cách chúng ta rất xa mà đến khiêu khích, là muốn dẫn dụ quân ta tiến ra; kẻ địch có ý đóng trại ở nơi bằng phẳng, trong đó hẳn là mưu lợi gì đó; có nhiều cây cối lay động ngả nghiêng, ấy là có kẻ địch kéo đến tập kích; ở trong đám cỏ có nhiều vật chướng ngại, đó là nơi quân địch đã bày trận; chim chóc bay tán loạn, là ở đó có phục binh; dã thú kinh hãi bỏ chạy là có kẻ địch mang quân đến đánh; bụi bốc cao mù mịt, là có chiến xa của địch đang đến; có bụi bay lên tản mát, lơ lửng ở bên trên, đó là quân địch đang chặt củi; có bụi đất ít, nhưng lúc mạnh lúc yếu, đó là kẻ địch đang dựng lán trại. Sứ giả của địch có lời lẽ khiêm nhường mà họ thì khẩn trương chuẩn bị, đó là sắp sửa tiến công; nếu lời lẽ cứng rắn mà quân đội làm ra vẻ sắp tiến công, đó là chuẩn bị rút lui; chiến xa của địch sớm kéo ra ngoài, bố trí ở hai cánh, là kẻ địch bày binh bố trận; kẻ địch vẫn chưa bị dồn vào mà chủ động đến giảng hòa hẳn là có âm mưu gì đó; khẩn trương bày binh bố trận, tíu tít như đèn cù, là họ đợi với ta quyết chiến; nếu như họ nửa tiến nửa rút là có ý tứ dẫn dụ quân ta. Kẻ địch đứng dựa vào binh khí, đó là biểu hiện của dối kém; đi lấy nước mà lính địch tự mình uống trước, là biểu hiện của cơn khát. Mắt thấy có lợi song không tiến binh để tranh đoạt là biểu hiện của mệt nhọc; ở trên doanh trại có chim chóc tụ tập, thuyết minh rằng đó là doanh trại trống rỗng. Đang đêm kẻ địch kêu la kinh hoảng, đó là biểu hiện nội tâm sợ hãi; ở doanh trại kẻ địch rối rít lung tung, là biểu hiện tướng địch chẳng có uy nghiêm gì, cò

quạt ở trận địch dao động không tề chỉnh, là bởi đội ngũ đã hỗn loạn; quân quan dễ nổi cáu, là biểu hiện toàn quân nhọc mệt; phải giết ngựa để ăn thịt, là biểu hiện trong quân chẳng có lương thực để ăn; thu thập bếp núc thổi nấu, binh sĩ không quay đầu nhìn lại lều trại, đó là quân giặc cùng đường muốn chết đột phá vòng vây. Tướng địch phải hạ giọng giảng giải với thuộc hạ, biểu hiện ông ta đã đánh mất nhân tâm, không ngừng khao thưởng binh lính biểu hiện quân địch đã vô kế khả thi rồi; không ngừng trừng phạt thuộc hạ là biểu hiện quân địch đang gặp khốn khó; trước thì đối với thuộc hạ tỏ ra hung hãn thô bạo, sau thì lại sợ sệt thuộc hạ, tướng lĩnh như vậy là rất không sáng suốt. Kẻ địch phái sứ giả mang lễ vật đến nói chuyện tốt đẹp, là kẻ địch muốn để quân lính nghỉ ngơi không giao chiến. Với kẻ địch khí thế hung hăng cùng ta đối chọi, trong thời gian dài không giao phong với ta mà cũng không triệt thoái, ắt nên cẩn thận quan sát để hiểu rõ ý đồ của họ.

Binh lực cũng không cần quá nhiều quá giỏi, chỉ cần không khinh địch võ đoán tiến bừa, có thể tập trung binh lực, thấy rõ địch tình, thu được sự tín nhiệm và ủng hộ của thuộc hạ, thế là đã đủ rồi. Còn loại người đã chẳng có mưu mẹo sâu xa, lại tự phụ khinh địch, thì nhất định sẽ bị kẻ địch bắt sống.

Binh sĩ còn chưa thân cận quy phục mà đã thi hành trừng phạt, họ ắt sẽ không phục, mà như vậy

thì rất khó chỉ huy sử dụng binh sĩ; nếu binh sĩ đã thân cận qui phục rồi, song vẫn không chấp hành quân pháp quân kỷ cũng chẳng thể chỉ huy hành động. Cho nên, dùng sự khoan dung nhân từ để giáo dục binh sĩ, dùng quân pháp quân kỷ nghiêm chỉnh để quản thúc họ vào quy củ, như vậy ắt sẽ thu được sự kính nể và ủng hộ của thuộc hạ. Thường xuyên kiểm tra để binh sĩ nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh, sẽ gây thành thói quen phục tùng mệnh lệnh; thường xuyên không xem trọng nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh, cùng là quản lý giáo dục binh sĩ, thì sẽ không gây thói quen phục tùng. Bình thường mệnh lệnh vẫn được quán triệt chấp hành, như vậy cho thấy giữa tướng soái và binh lính có sự hòa hợp, tin cậy lẫn nhau.

Lời bình:

“*Hành quân*”, trong ngôn ngữ quân sự hiện đại, là chỉ hành động quân đội từ một địa phương này chuyển đến một địa phương khác, chỉ là nói đến bản thân quá trình hành tiến mà thôi. Hành quân nói ở đây, ý nghĩa với ngôn ngữ quân sự hiện đại có khác, phạm vi đề cập của nó bao quát ý nghĩa quân đội di chuyển vận động, còn bao quát các nội dung như tác chiến, dựng trại, quan sát địa hình, phán đoán địch tình; đoàn kết quản lý nội bộ, cơ hồ bao gồm đại bộ phận nội dung hoạt động quân sự; bởi thế “hành quân” trong “Tôn Tử” là có ý tứ chỉ hoạt động quân

sự, dụng binh giao chiến. Nội dung chủ yếu luận thuật ở chương “Hành quân” là quân đội, ở trong hoàn cảnh địa lý và tình thế chiến tranh bất đồng, nguyên tắc cơ bản của việc hành quân tác chiến, dựng trại, quan sát lợi dụng địa hình và phân tích phán đoán địch tình; xử trí nội bộ, được phân thành ba phương diện là: xứ quân, liệu địch và trị quân.

Xứ quân, là nói đến phương pháp cần chọn lựa ở địa hình khác nhau, nhấn mạnh ắt nên khéo lợi dụng địa hình khiến quân ta chiếm cứ được địa hình có lợi cho tác chiến sinh tồn, từ đó mà có thể phát huy đầy đủ sức chiến đấu, đoạt được thắng lợi, “có lợi cho việc binh ấy là sự trợ giúp của địa hình vậy”.

Tôn Tử trước tiên nói đến bốn tình huống địa hình sau đây:

- *Sơn địa*. Đây là nói đến hành quân, đi theo đường khe núi, bởi địa thế khe núi khá bằng phẳng có cỏ tốt, có điều kiện ẩn náu. Đó cũng là chỉ nơi dựng trại, cần chọn nơi khô ráo hướng về phía mặt trời mọc, có tầm nhìn rộng, địa thế hiểm yếu, dễ giữ mà khó đánh. Cũng nói đến nguyên tắc chiếm cứ ở nơi cao mà nhìn xuống, nhất thiết không thể từ dưới mà đánh ngược lên trên.

- *Giang hà* (địa hình ven sông). Có năm nguyên tắc sau: Sau khi qua sông ắt nên đi khá xa, tránh tạo thành cục diện tác chiến bất lợi dựa lưng vào dòng

sông, đồng thời, có thể dẫn dụ kẻ địch vượt sông truy kích, bức kẻ địch ở sát mép nước, há chẳng hay ư! Kẻ địch vượt sông kéo đến phải cần thừa lúc kẻ địch đã đến giữa dòng, bấy giờ, quân địch chưa kịp bày binh bố trận quân sau còn mắc ở trên bờ, trung quân còn ở giữa sông, đột nhiên tập kích ắt sẽ đại loạn, tiến thoái chẳng được, sao không giành được toàn thắng? Cũng có thể hướng về phía dòng sông mà ngăn cản kẻ địch ở bờ bên kia, khiến chúng không qua được sông. Cũng cần đóng ở nơi cao ráo. Không nên ở hạ du của kẻ địch, phòng ngừa kẻ địch có thể thuận dòng mà xuống, hoặc phá đê gây lụt, hoặc là bỏ thuốc độc vào nước.

- *Ở nơi hồ đầm ngập mặn.* Cần gạt bỏ chỗ ấy, đến chỗ cũng không sống được; cũng là nơi bùn lầy khó đi qua được. Địa hình loại này bất lợi cho hành quân, bởi thế mà không nên dừng lại, mau chóng đi qua, mau chóng rời xa. Nếu chạm trán với kẻ địch ở nơi ấy, thì nên dựa vào bãi cỏ, quay lưng lại rừng cây, lấy đó làm chỗ dựa, đất cũng khá cứng, đủ để đứng chân, đi lại, tăng thêm quyền chủ động.

- *Bình địa.* Một là phải dễ dàng, chọn nơi có địa thế bằng phẳng, tiện cho chiến xa đi lại. Hai là phải có một bên khá cao, tiện cho việc quan sát tình huống cũng có thể từ trên cao mà đánh xuống; ba là cần trước thấp sau cao, có lợi cho xuất kích; lựa chọn chiến trường cần đem “tử địa” mà cấp cho quân địch

dem “đất sống” chiếm làm của mình. Thứ đến lại nhấn mạnh khi dựng trại cần tuyển chọn và lợi dụng địa hình. Chọn nơi có địa thế cao ráo, hướng về phía mặt trời mọc, có cỏ tốt tươi, lương thực sung túc mà dựng trại, cố gắng tránh nơi địa thế thấp trũng, âm u, ẩm thấp, không tiện cho cấp dưỡng cung ứng. Dựng trại ở nơi gò đồng đê điều, cần quay mặt vào nơi mặt trời mọc mà dựa lưng vào chỗ đó. Ở đây nhấn mạnh là lợi dụng đầy đủ ưu thế địa hình, để trợ giúp cho phát huy sức chiến đấu của quân đội.

Thứ đến là thi thố với địa hình bất lợi. Thượng du hay mưa, có nước lớn đột ngột, cần dời con nước đã yên rồi hãy qua sông. Gặp phải đất sau, ví như *tuyệt gián* (hai bên vách núi cao vút, khó vượt qua được), *thiên tỉnh* (bốn mặt cao vút ở giữa chứa nước), *thiên lao* (bốn phía hiểm trở, dễ vào khó ra), *thiên la* (cây cối um tùm, khó vận động), *thiên hãm* (địa thế thấp trũng, đường sá lầy lội), *thiên khích* (hai bên là núi, đường sá nhỏ hẹp) chọn lựa duy nhất là nhanh chóng rời khỏi đó, chẳng thể dựa gần, đồng thời nghĩ cách khiến kẻ địch dựa gần ở đó, tựa lưng vào đó, mà ta thì đối mặt với kẻ địch mà đánh; khi quân đội ở vào nơi địa hình hiểm trở phức tạp, địa thế trũng, cây cối rậm rạp che khuất tầm nhìn, bất luận là hành quân, dựng trại hay là bày trận quyết chiến, đều cần tiến hành tìm tòi kỹ lưỡng, phòng ngừa quân mai phục và gian tế của địch. Những điểm kể trên nhấn mạnh đến cái hại của địa hình phải tránh.

Tôn Tử cũng đưa ra đối sách là, tuy không thể nói là tìm tòi hết cỡ, song cũng có sự chuẩn bị khá là đầy đủ. Tôn Tử đem “đất” xem là một trong năm việc của thắng bại chiến tranh, ở đây đã phân tích tỉ mỉ trong các tình huống bất đồng, quân đội cần chọn lấy sự thi thố chính xác, không chỉ cho thấy sự xem trọng của Tôn Tử với địa hình, mà ở đó quán xuyên tư tưởng lấy mỗi lo chuyển thành cái có lợi, có thái độ thực sự cầu thị, lại có cả tinh thần của phép biện chứng khá rõ nét.

Liệu địch, là nói: Với địch tình tiến hành quan sát tỉ mỉ chu đáo, thông qua các biểu hiện của địch mà đưa ra phán đoán đúng đắn, để quân ta có đích ngắm bắn, định ra chiến lược chiến thuật để đè bẹp kẻ địch giành lấy phần thắng. Tôn Tử ở đây đưa ra 32 hiện tượng và tình huống quân địch lộ rõ, về kinh nghiệm là rất có giá trị, đó là 32 cách liệu địch.

32 phép liệu địch là để có thể phân thành hai loại. Một là căn cứ vào đặc trưng và biến hóa của cảnh tượng tự nhiên và quan sát phán đoán địch tình. Hàng cây dao động, nội cỏ nhiều vật chướng ngại, chim bay lên, thú bỏ chạy, bụi đất mù mịt, sự biến hóa của tự nhiên đều ứng với động tác và tình huống khác nhau của quân địch. Hai là căn cứ vào hành động của kẻ địch để quan sát phán đoán địch tình, trong đó có thể phân thành hai lớp: Từ cử chỉ thái độ của quân địch lúc hai bên đối chọi để phán

đoán trạng thái và ý đồ của kẻ địch: Cậy hiểm, dụ người, mưu lợi, sự bày trận có khác nhau; muốn tiến, muốn rút, muốn nghỉ ngơi, có thể thấy qua biểu hiện tương phản của sứ thần; bày trận, mưu mẹo, dụng người, các động tác quân đội có đặc trưng riêng. Với kẻ địch tỏ ra vốn vã đón tiếp mình, khó nhìn rõ được, bởi thế mà cũng là kẻ địch có nguy hiểm tiềm tàng, cần phải cẩn thận với chúng. Từ biểu hiện nội bộ doanh trại quân địch để phán đoán thực lực và tình huống tâm lý của kẻ địch như đói, khát, nhọc mệt, sợ hãi, rối loạn, cùng là tướng không được nể trọng, quân không lương thảo thậm chí phải đi cướp bóc đều có biểu hiện riêng. Ở đây là lấy binh sĩ làm đối tượng chủ yếu, phán đoán chung tình huống doanh trại kẻ địch; cũng thông qua những hiện tượng như số thưởng, số phạt, trước thì thô bạo sau thì nhún nhường, có thể phán đoán địa vị, tâm lý cùng lý trí của tướng soái quân địch, phán đoán với quyết sách của quân địch, điều này rất là quan trọng.

Phép liệu địch là từ tự nhiên mà đến con người, từ trận tiền đến nội bộ quân địch, từ cái nhìn tổng thể đến phân tích cụ thể, cuối cùng quy kết ở tướng lĩnh quân địch, từ ngoài vào trong, từ mặt đến điểm, từ ngoại vi đến hạt nhân, tầng lớp phân minh, mỗi bước lại sâu hơn, cụ thể mà tinh tế, tường tận chu toàn. Phương pháp này ở thời đại Tôn Vũ phương pháp quan sát trận tiền là dùng thị lực trực tiếp,

đương nhiên không thể so với thiết bị và phương pháp hiện đại. Song phương pháp thông qua các biểu hiện để phán đoán địch tình, dẫu rằng tỏ ra cổ xưa, nguyên thủy, lại khá sinh động, thập phần cụ thể, cũng rất là hữu hiệu, ngày nay vẫn có thể lấy đó để bổ sung cho kỹ thuật hiện đại, lại thường có thể phát huy tác dụng tích cực mà máy móc chẳng thể thay thế được.

“Trị quân”, là nói đến việc quản lý quân đội nghiêm chỉnh, từ đó mà làm được việc nội bộ đoàn kết, tướng sĩ đồng lòng, ở chiến trường đủ để hợp lực, cùng giành phần thắng. Để thuyết minh tầm quan trọng của việc trị quân, Tôn Tử đề ra bốn nguyên tắc đứng ở mảnh đất bất bại: Không bỗng nhiên tiến công; đoàn kết nội bộ đồng tâm hợp lực; nắm chuẩn xác địch tình; giành tín nhiệm và ủng hộ của thuộc hạ. Then chốt ở đây là tướng soái, mà thành công của tướng soái trước tiên là xây dựng trên đoàn kết nội bộ và giành được nhân tâm. Dựa vào đó, Tôn Vũ yêu cầu với tướng soái trong việc trị quân, một là thưởng phạt phân minh mà thích hợp, khiến binh sĩ vui vẻ phục tùng mệnh lệnh; hai là sử dụng mệnh lệnh bằng văn bản, phải giành được kính nể và tín nhiệm của binh sĩ; ba là lấy bản thân làm gương, dùng hành động của mình giáo dục thuộc hạ, khiến binh sĩ tâm phục khẩu phục, giữa tướng soái và binh lính xây dựng được một mối quan hệ chan hòa.

Tôn Vũ đề xuất nguyên tắc trị quân ra mệnh lệnh bằng văn bản, được các nhà quân sự, nhà chính trị hậu thế, thậm chí các nhà lãnh đạo của tất cả các tổ chức cũng sử dụng rộng rãi, trở thành thường thức quen thuộc phổ biến của người quản lý, đến nay vẫn có sức sống to lớn. Ông cũng nhấn mạnh tướng soái phải lấy mình làm gương, và hành động tỏ ra mẫu mực trước thuộc hạ, càng có tính khái quát và tính đúng đắn, ở thời đại nào, khu vực nào, với người nào cũng đều không thể lỗi thời.

Xưa nay, những ví dụ về khéo xử quân, liệu địch, trị quân nhiều không kể hết; trận chiến Sa Uyển, Vị Khúc của Đông Ngụy, Tây Ngụy thời Nam Bắc triều là một ví dụ điển hình.

Bắc Ngụy của Bắc Triều chia thành hai chính quyền là Đông Ngụy và Tây Ngụy, lấy Hà Nam, Thiểm Tây làm trung tâm, triển khai tranh đấu trường kỳ, tiến hành vô số cuộc chiến. Năm 537, Tây Ngụy nhân lúc Vũ Văn Thái dẫn quân Đông chinh, đánh chiếm Hằng Nông là vị trí quân sự quan trọng của Đông Ngụy. Thừa tướng Cao Hoan của Đông Ngụy một mặt lệnh cho đại tướng Cao Ngao Tào dẫn ba vạn quân phản kích, một mặt thân hành dẫn hai mươi vạn quân chủ lực từ Bồ Bản vượt qua Hoàng Hà nhằm tập kích Quan Trung, bắt đầu cuộc chiến Sa Uyển Vị Khúc.

Vũ Văn Thái quyết định dốc toàn lực ngăn cản quân địch Tây tiến, phái đại tướng cố thủ Hoa Châu (nay thuộc Thiểm Tây), mau chóng điều động binh mã các nơi, cũng rút một vạn quân ở Hằng Nông về phía Quan Trung. Cao Hoan vượt qua sông Hoàng Hà, lệnh cho binh lính lập tức tiến đánh thành Hoa Châu, do thành trì kiên cố khó đánh, Cao Hoan lệnh cho đại quân hạ trại cách thành 30 dặm. Vũ Văn Thái về đến Vị Nam, bèn quyết định tiến đánh Cao Hoan. Bộ tướng cho là chỗ điều động binh mã đến đó, hiện giờ địch đông ta ít, chênh lệch rất lớn, không nên lập tức nghênh chiến. Vũ Văn Thái thì cho rằng: Quân Đông Ngụy từ xa mà đến, tiến đánh Hoa Châu mà không được, đóng quân trông ngóng, cho thấy rằng quân Đông Ngụy hiện giờ tuy nhiều, song sức chiến đấu không mạnh, cũng không có tinh thần chiến đấu mạnh mẽ, nhân lúc đứng chân chưa vững, địa lý không thuộc, đột nhiên tập kích họ, ắt sẽ giành được toàn thắng. Nếu như để họ bám rễ ở đó, tiếp tục tiến tới mà uy hiếp Trường An, tình thế với ta rất là bất lợi. Thế rồi Vũ Văn Thái lệnh cho quân lính dựng cầu phao ở Vị Thủy, thân hành dẫn 7000 kỵ binh vượt qua Vị Thủy lên phía Bắc, tiến đến Sa Uyển cách quân Đông Ngụy 60 dặm thì hạ trại. Quân Tây Ngụy đóng ở Sa Uyển, Vũ Văn Thái lập tức phái người hóa trang thành cư dân vùng Hứa Nguyên, thâm nhập vùng phụ cận doanh trại quân Đông Ngụy để trinh sát địch tình. Thực tế chứng thực phán đoán của Vũ Văn Thái là đúng. Nhắm vào đặc

điểm quân Đông Ngụy kiêu ngạo khinh địch, bộ tướng Lý Bật đề nghị lợi dụng 10 dặm Vị Khúc có gò cát, hồ ao, lau sậy um tùm, bày sẵn phục binh, dụ địch thâm nhập mà đánh tiêu diệt. Vũ Văn Thái cũng có ý nghĩ như vậy, bèn y kế thi hành. Lại nói Cao Hoan nghe nói quân Tây Ngụy đã tiến đến Sa Uyển, không thấy được tình huống bố trí, bèn dẫn đại quân đến quyết chiến với Vũ Văn Thái. Mới đến vùng phụ cận Vị Khúc, đại tướng Giải Luật Khương nói địa hình Vị Khúc bất lợi cho dã chiến, đề nghị để một bộ phận binh lực ở Sa Uyển cầm cự với Vũ Văn Thái, lại lấy tinh binh mà tập kích vào Trường An. Cao Hoan nóng vội muốn quyết chiến với Vũ Văn Thái đương nhiên là nghe không trôi. Cao Hoan chuẩn bị phóng hỏa thiêu cháy lau sậy, gặp phải sự phản đối của bộ tướng Hâu Cảnh, Bành Lạc, họ nói phải bắt sống Vũ Văn Thái để thị uy. Sự mù quáng của bộ tướng và sự kiêu ngạo khinh địch của họ cũng hợp với tâm thái của Cao Hoan, kết quả là bỏ cả việc đánh hỏa công, hạ lệnh cho binh lính tiến vào trong đầm tìm kiếm Vũ Văn Thái. Vũ Văn Thái để cho quân Đông Ngụy tiến vào vùng mai phục, đánh trống làm hiệu, quân Tây Ngụy từ hai cánh xông ra đánh mạnh, mau chóng chặt số quân kia làm mấy đoạn. Quân Đông Ngụy vốn đã loạn ở trận hình, đột nhiên bị tập kích, lại càng hỗn loạn, trong một địa hình phức tạp, ưu thế binh lực chẳng thể phát huy được, đột phá vòng vây mà tự giằng xé lên nhau. Quân Tây Ngụy chớp thời cơ hăng hái chém giết, chém hơn

6000 quân Đông Ngụy, bắt sống được tám vạn binh lính. Quân Đông Ngụy đại bại tẩu tán, Cao Hoan vội vàng chạy đến Bồ Tân, vượt sông mà chạy về. Quân Tây Ngụy giành được thắng lợi toàn diện trong cuộc chiến ở Sa Uyển Vị Khúc.

Vũ Văn Thái trong bố trí chiến sự cùng ở các phương diện xứ quân, liệu địch đã nắm được yếu lĩnh binh pháp. Từ đóng binh ở Hứa Nguyên, thấy Đông Ngụy binh lính đông đảo song không có sức chiến đấu, không những không bị binh thế Đông Ngụy áp đảo mà còn định ra kế hoạch đánh địch tương ứng, phái người hóa trang thâm nhập đồn địch; chiến đấu phải nắm chắc địch tình; lợi dụng được địa hình, bày kế mai phục diệt địch; đều là những nguyên nhân quan trọng để góp phần giành được toàn thắng. Có điều, bày quân mai phục ở Vị Khúc cũng là một nước cờ hiểm, nếu như Cao Hoan dùng hỏa công, vậy thì Vũ Văn Thái không đánh cũng tự bại. Kế này cũng không chu toàn, đúng như Tôn Tử có nói: Việc binh mau chóng thì vụng về. Trái lại, thất bại của Cao Hoan, đúng là đã trái với nguyên tắc xứ quân, liệu địch mà Tôn Vũ nói đến, lại thêm kiêu ngạo khinh địch, mạo phạm tiến bừa, không chịu nghe ý kiến đúng đắn, cố giữ sai lầm, kết quả chỉ có thể là mất quân, mất tướng. Với thắng lợi của Tây Ngụy, đúng như Tôn Vũ đã nói, binh không quý ở số đông mà cốt yếu là ở liệu địch dùng người mà thôi.

Lạ thay Tôn Tử!

CHƯƠNG 10

ĐỊA HÌNH

孙子曰：地形有通者，有挂者，有支者，有隘者，有险者，有远者。我可以往，彼可以来，曰通。通形者，先居高阳，利粮道，以战则利。可以往，难以返，曰挂。挂形者，敌无备，出而胜之；敌若有备，出而不胜，难以返，不利。我出而不利，彼出而不利，曰支。支形者，敌虽利我，我无出也，引而去之，令敌半出而击之，利。

Tôn Tử viết: Địa hình hữu thông giả, hữu quải giả, hữu chi giả, hữu ải giả, hữu hiểm giả, hữu viễn giả. Ngã khả dĩ vãng, bĩ khả dĩ lai, viết thông. Thông hình giả, tiên cư cao dương, lợi lương đạo, dĩ chiến tắc lợi. Khả dĩ vãng, nan dĩ phản, viết quải. Quải hình giả, địch vô bị, xuất nhi thắng chi; địch nhược hữu bị, xuất nhi bất thắng, nan dĩ phản, bất lợi. Ngã xuất nhi bất lợi, bĩ xuất nhi bất lợi, viết chi. Chi hình giả, địch tuy lợi ngã, ngã vô xuất dã, dẫn nhi khứ chi, lệnh địch bán xuất nhi kích chi, lợi.

Diễn giải:

Tôn Tử nói: Địa hình có sáu loại: *thông hình, quả hình, chi hình, ải hình, hiểm hình, viễn hình*. Vùng đất quân ta có thể đến, quân địch cũng có thể lại thì gọi là thông hình. Ở vùng đất thông hình trước là chiếm lĩnh địa thế cao mà hướng về phía mặt trời mọc, lại có lợi ở cung cấp, lưu thông, có lợi với tác chiến. Có thể đến đó, song khó trở về, đó là đất quả hình. Ở vùng đất quả hình, nếu quân địch chẳng có phòng bị, quân ta có thể xuất kỳ bất ý giành phần thắng, nếu như quân địch có phòng bị, xuất kích lại không thể bảo đảm phần thắng khó quay về được, đó là điều bất lợi. Vùng đất mà quân ta đến thì gặp bất lợi, quân địch có đến cũng gặp bất lợi, thì gọi là chi hình. Ở vùng đất chi hình, quân địch tuy lấy lợi dụ ta, cũng không cần xuất kích; cần dẫn quân giả vờ rút lui, dẫn dụ kẻ địch ra được nửa đường thì đột nhiên quay lại tiến đánh, làm như vậy sẽ có lợi. Ở vùng đất gọi là ải hình, quân ta cần đến trước, dùng binh lực mạnh phong tỏa cửa khẩu, chờ đợi quân địch kéo đến; nếu như quân địch sớm chiếm được khe núi, thì dùng binh lực mạnh chặn cửa khẩu; nếu như quân địch không có binh lực đầy đủ để giữ cửa khẩu, thì quân ta có thể đánh chiếm. Ở vùng đất hiểm hình (địa thế chênh vênh, vận động bất tiện) quân ta cần sớm chiếm trước, nhất định phải chiếm cứ địa thế cao, hướng về phía mặt trời mọc, đợi quân địch kéo

đến; nếu như quân địch đã đến đó từ trước chiếm cứ được địa hình có lợi, quân ta cần chủ động triệt thoái, muôn vàn không nên tiến công. Ở vùng đất viễn hình (có cự ly khá xa) khi thực lực hai phía địch ta tương đương, bất tiện ở khiêu chiến, nếu như miễn cưỡng xuất chiến thì sẽ bất lợi. Sáu điểm kể trên là lợi dụng phép tắc địa hình, cũng là trách nhiệm nặng nề của các tướng soái, không thể không nghiên cứu kỹ.

Quân đội giao chiến có sáu tình huống là *tẩu, thi, hãm, băng, loạn, bắc*. Sự phát sinh sáu tình huống này, không phải tai nạn do thiên thời địa lý, điều kiện tự nhiên tạo thành mà là sai lầm của tướng soái dụng binh tạo thành. Phàm là hai bên có thực lực tương đương, lại phải lấy một chọi nhiều, tất nhiên dẫn đến thất bại, lâm trận đã thất bại bỏ chạy, gọi là “tẩu”. Binh lính mạnh mẽ mà quan quân khiếp nhược, tất nhiên chỉ huy không linh, sĩ khí trể nải, gọi là “thi”. Quan quân mạnh mẽ mà binh lính khiếp nhược tất nhiên là sức chiến đấu kém, dẫn đến toàn quân bị hãm, gọi là “hãm”. Tướng lĩnh cao cấp oán thán không phục tùng chủ soái chỉ huy, chạm trán với quân địch chỉ bằng vào lòng thù hận mà muốn xuất chiến, chủ soái lại không biết thực lực của quân ta ắt sẽ dẫn đến bại hoại như đất lở ngôi tan, gọi là “băng”. Tướng soái khiếp nhược, không uy nghiêm, huấn luyện giáo dục binh lính không có phép tắc, khiến quan hệ quan binh không bình thường, bày binh bố trận thì rối loạn, gọi là “loạn”. Tướng soái

không thể phán đoán địch tình đúng đắn, dùng thiếu số binh lực để đánh lại đạo quân lớn của địch, lấy yếu đánh mạnh, lại chẳng có đội tiên phong tinh nhuệ, ắt sẽ thất bại, gọi là “bắc”. Sáu tình huống kể trên, là qui luật tất nhiên tạo thành thất bại, cũng là trách nhiệm to lớn của tướng soái ở đó, không thể không nghiên cứu kỹ lưỡng.

Địa hình là điều kiện phụ trợ của dụng binh giao chiến. Phán đoán địch tình, tranh thủ quyền chủ động đè bẹp kẻ địch giành lấy phần thắng, xem xét hiểm yếu của địa hình, phải tính toán xa gần, của lộ trình, đầy đủ là phương pháp cơ bản mà tướng soái ưu tú cần nắm lấy. Hiểu được những phương pháp này để chỉ huy giao chiến, ắt sẽ thắng lợi; không hiểu được những phương pháp này mà đi chỉ huy giao chiến thì nhất định sẽ thất bại.

Cho nên, chiếu theo phân tích quy luật chiến tranh, ắt sẽ có được cây gậy của thắng lợi, ví như quốc vương có nói không cần đánh, cũng có thể vẫn kiên trì với việc tiến đánh; chiếu theo phân tích quy luật chiến tranh, thấy đó ắt sẽ thất bại, ví như quốc vương có nói nhất định phải đánh, cũng có thể không đánh. Cho nên mới nói rằng tướng soái tiến công không phải vì cầu được danh tiếng cá nhân, rút lui không sợ làm trái lệnh, điều mà họ truy cầu là bảo toàn được trăm họ, mà có ích với lợi ích của quốc gia. Tướng soái như vậy chính là báu vật của quốc gia.

Đối với binh lính thì giống như đối với trẻ con cần được che chở, binh lính có thể cùng hoạn nạn với tướng soái; đối với binh lính yêu thương như với con cái, binh lính có thể cùng sống chết với tướng soái. Nếu như hậu đãi binh lính mà không sử dụng họ, binh lính làm trái phép tắc mà không trừng trị họ, vậy thì binh lính cũng giống như đứa trẻ ngỗ ngược, không thể dùng để tác chiến được.

Nếu chỉ biết quân đội của mình có thể giao chiến, mà không hiểu kẻ địch không thể tiến công, khả năng của thắng lợi chỉ có một nửa; chỉ biết quân địch có thể tiến công, mà không hiểu quân đội của mình không thể tiến đánh, khả năng của thắng lợi cũng chỉ có một nửa; biết kẻ địch có thể tiến công, cũng biết quân đội của mình có thể tiến đánh, song không hiểu điều kiện địa hình thì không nên phát động công kích kẻ địch, khả năng của thắng lợi chỉ có một nửa. Bởi thế, tướng soái hiểu được cách dụng binh, hành động không bị mê hoặc, thì thố chiến thuật biến hóa vô cùng. Cho nên mới nói rằng: biết người biết ta, thắng lợi sẽ không thể sai khác, biết được thiên thời, biết được địa lợi, vậy thì có thể giành được thắng lợi hoàn toàn.

Lời bình:

Địa hình với thắng bại của chiến tranh phát huy tác dụng rất quan trọng, Tôn Tử với lợi hại của địa

hình và lợi dụng đúng đắn tính quan trọng của địa hình, đã thập phân xem trọng. Trong việc trù tính trước chiến tranh địa hình là 1 trong 5 phương diện, tiến hành so sánh phân tích từ đó mà hiểu được tình huống hai phía địch ta (trong chương “Kế sách” có nói đến). Hai bên đối nhau tranh lợi, làm sao sớm chiếm được ưu thế địa hình, tạo thành tình thế có lợi là vấn đề rất quan trọng, bởi thế không biết địa hình rừng núi, hiểm trở, bờ đầm thì không thể hành quân được, trở thành một trong những tiêu chuẩn cần nhắc tướng soái có thể hoàn thành nhiệm vụ hay không. Ở nơi hai bên địch ta xung sát, đao kiếm tua tủa, địa hình thành ra chỗ dựa chủ yếu quyết định chiến lược chiến thuật; tám điều răn về dụng binh, địa lợi của “cửu biến” đều nhấn mạnh căn cứ vào lợi hại của địa hình mà biến đổi phương pháp tác chiến; địa hình là chỗ dựa chủ yếu của xử quân, cũng là phương diện trọng yếu của liệu địch. Hiện giờ lại chuyên nói đến địa hình trong một chương mà chủ yếu luận thuật làm thế nào khéo lợi dụng cái lợi của địa hình để dè bẹp kẻ địch giành lấy phần thắng; ở phần sau lại còn có chương Cửu địa, từ chiến lược mà xem xét đến đặc điểm của địa hình, cũng nhấn mạnh căn cứ vào địa hình bất động mà định ra nguyên tắc tác chiến cùng là tư tưởng cơ bản của phương pháp chiến thuật. Tôn Tử xem trọng địa hình, tin rằng chẳng có ai hoài nghi.

Song Tôn Tử tuyệt đối không phải là người duy điều kiện luận, càng không phải là người duy địa hình luận, không đem tầm quan trọng của địa hình mà nâng cao vô hạn đến mức đưa nó trở thành nhân tố duy nhất quyết định thắng bại chiến tranh. Tôn Tử cục lực chủ trương lợi dụng đầy đủ lợi hại của địa hình, cố gắng tạo thành cục thế có lợi cho quân ta mà bất lợi cho quân địch, từ đó mà đề bẹp kẻ địch giành lấy phần thắng. Biết tình thế của đất, dùng cái lợi của đất, được cái lợi của đất đó là tư tưởng quan trọng mà Tôn Tử vẫn nhấn mạnh; “Địa hình trợ giúp cho việc binh”. Tôn Tử thấy rằng, địa hình là điều kiện trợ giúp dụng binh giao chiến, nó có giúp đỡ sự thành bại của chiến tranh, song tuyệt đối không thể trực tiếp quyết định thắng bại của địch ta.

Đã rằng địa hình chỉ có trợ giúp cho việc binh, vậy thì ai là chủ của việc binh nhỉ? Đó là tướng soái chỉ huy tác chiến, tướng soái là phụ tá của quốc gia, là người nắm vận mệnh của dân, sự an nguy của quốc gia (chương Kế sách). Có thể nói rằng, Tôn Tử trong 13 chương sách thường nhấn mạnh đến tính trọng yếu của tướng soái, không đâu là không đề ra yêu cầu và tiêu chuẩn tận thiện tận mỹ, các kiểu tác dụng với tướng soái, người khéo dụng là từ ngữ được dùng với tần suất rất cao. Khi luận thuật đến địa hình Tôn Tử không chỉ nhấn mạnh tướng soái cần nhận thức đúng đắn, sử dụng địa hình ra sao để xử

trí quân đội, tuyển chọn chiến thuật, phát huy đầy đủ cái lợi của địa hình mà giành thắng lợi chiến tranh; cũng thường cố ý chỉ rõ tướng soái ưu tú cần có đủ phẩm cách và tố chất cơ bản, cũng nhắc đến năm đức tốt của tướng (tức là trí, tín, nhân, dũng, nghiêm), nhắc nhở tướng soái cảnh giác và đề phòng phát sinh sai lầm, nói đến năm cái nguy của tướng (chương Cửu biến) cũng đề xuất việc ra mệnh lệnh bằng văn bản, yêu binh lính như con, song tuyệt đối không đả đui ở đó; cũng nói lệnh vua có chỗ không theo, coi đó là chuẩn tắc qui phạm của tướng soái. Ở chương “Địa hình” cùng các chương sau cơ bản cũng là như thế.

Tôn Tử xem trọng tướng soái, cũng yêu cầu tướng soái phải là người ưu tú, luận thuật rất tường tận, chiếm nhiều dòng viết, ví như đem những đoạn viết mà tập trung lại, hẳn rằng sẽ có một chương tướng soái riêng biệt. Song trong 13 chương không có một chương tướng soái riêng, đây rốt cục là sai lầm của Tôn Tử hay là Tôn Tử cố ý xếp đặt như? Có thể nói rằng, 13 chương chỗ nào cũng nói về tướng soái, thực ra 13 chương đã là một bộ tướng soái luận.

Đương nhiên, Tôn Tử xem trọng tướng soái, là xây dựng trên cơ sở ít chú ý với binh lính, đối với tính chủ quan năng động và tác dụng trọng yếu của binh lính trong chiến tranh, nếu như không xem trọng tương ứng, rõ ràng là có sự thiên lệch và hạn chế

ngghiêm trọng. Song Tôn Tử ở trong điều kiện lịch sử nhất định, bị ràng buộc của các nhân tố mà phạm sai lầm như vậy, là có tính tất nhiên, cũng không dễ cầu toàn trách cứ, yêu cầu nhiều ở cổ nhân vậy.

Chương này có tên là “Địa hình”, song như trên đã nói, nội dung luận thuật lại không giới hạn ở địa hình, đồng thời còn bao quát cả những tình huống bại hoại trong chiến tranh và tố chất chủ quan mà tướng soái cần có.

Đất có sáu hình thế. Tôn Vũ đem địa hình thường gặp trong chiến tranh, căn cứ vào sự bất đồng của địa hình và tác dụng của chúng trong chiến tranh, phân làm sáu loại hình: *thông, quải, chi, ái, hiểm, viễn*. Cũng đem địa hình với tình hình địch, tình hình ta hợp thành một thể tiến hành tổng hợp nghiên cứu, đề ra nguyên tắc chiến thuật tương ứng. Xuất phát từ quan điểm “địa hình trợ giúp cho việc binh”, Tôn Vũ yêu cầu các tướng soái đem việc nghiên cứu, phân tích lợi dụng địa hình đề bọp kẻ địch giành lấy phần thắng làm thành chức trách trọng đại của mình.

Việc binh có sáu cái bại hoại. Tôn Tử cũng luận thuật sáu tình huống dẫn đến thất bại chiến tranh, đó là bỏ chạy, buông lỏng, sức chiến đấu yếu, băng hoại, hỗn loạn, cùng là tướng soái yếu kém dẫn đến bại hoại, đặc biệt nhấn mạnh sự xuất hiện của

những sự bại hoại này, chẳng phải là tai họa do trời, mà là lỗi của tướng soái, chẳng thể oán trời, chẳng thể oán đất, mà là do tướng soái chỉ huy sai lầm tạo thành. Ở đây nói không phải là do địa hình, thậm chí không quan hệ gì với điều kiện tự nhiên, kết luận tự nhiên qui kết đến bản thân tướng soái, nhắc nhở tướng soái cần phân tích khảo sát đúng đắn, khắc ghi để chẳng thể phạm vào sai lầm tương tự.

Nói về đạo của người làm tướng, tướng soái trong chiến tranh có tác dụng quyết định then chốt, trình độ của tướng soái ra sao với thắng bại của chiến tranh có quan hệ trực tiếp. Tôn Tử nhấn mạnh tướng soái cần nắm đạo lý của đất, nguyên nhân của bại hoại, cũng đã chuyên sâu luận thuật đến mấy phương diện trọng yếu tố chất của tướng soái. *Một là liệu địch*, tức là dựa vào địa hình phán đoán địch tình, quyết định chiến lược chiến thuật; *hai là chiến đạo*, nguyên tắc là bảo vệ dân chúng, tướng soái như vậy mới là báu vật của quốc gia; *ba là yêu binh lính như con*, song tuyệt đối không dám đuổi ở đó, thưởng phạt phân minh, kết hợp khoan dung và nghiêm khắc với binh sĩ xây dựng tình cảm chân thành đến mức cùng hoạn nạn, cùng sinh tử có nhau, khiến quân đội có sức chiến đấu to lớn; *bốn là hiểu tình huống hai phía địch ta*, tổng hợp các nhân tố thiên thời địa lợi nhân hòa, tỉnh táo xử trí, biến hóa chiến thuật, giành lấy toàn thắng. Đồng thời với biết người

biết mình, Tôn Tử đặc biệt đề cập thêm biết trời biết đất, chỉ có biết mọi tình huống có liên quan với chiến tranh, mới có thể hữu hiệu dùng cái lợi của đất, tránh cái hại của đất, dùng sở trường của mình đánh lại sở đoản của địch, tránh cái nguyên nhân bại hoại mà dựa vào đạo lý tất thắng của chiến tranh, giành lấy thắng lợi toàn vẹn.

Biết mình biết người, biết trời biết đất, đó là nguyên tắc trọng yếu mà Tôn Vũ đề xuất, là một bước tiến mới của tư tưởng. Đồng thời, nhấn mạnh biết trời biết đất, đất nói ở đây đầu đuôi tương ứng với nhau, nói về binh pháp thì rất có đạo lý văn chương, đáng được chú ý.

Ở vào thời Tam Quốc thừa tướng nước Thục là Gia Cát Lượng từng nói rằng: Người làm tướng dụng binh giao chiến, cần thông thiên văn, hiểu địa lý. Nếu như không hiểu âm dương, không tỏ trận đồ, không biết binh thế, chỉ là người bình thường vậy. Trận chiến Xích Bích, Gia Cát Lượng nhân lúc trời mù sương dùng thuyền cỏ mượn tên, lại mượn gió Đông hỏa thiêu quân Tào Tháo, là việc làm tuyệt diệu về biết trời biết đất.

Cuối thời Đông Tấn, Lưu Dụ sau này là hoàng đế của nước Tấn (Nam triều), bởi trấn áp khởi nghĩa nông dân và bình định phản loạn mà làm đến Xa kỵ tướng quân, nắm đại quyền quân chính của triều đình Đông Tấn. Ông lấy khôi phục Trung Nguyên

làm hiệu triệu, huấn luyện quân đội, tích cực chuẩn bị Bắc phạt, mục tiêu thứ nhất của Lưu Dụ là Nam Yên. Lưu Dụ nhằm vào Nam Yên có diện tích quốc thổ khá bé, chính trị hủ bại, nhất là tầm nhìn chiến lược không được xa xôi, thế rồi quyết tâm khởi binh Bắc phạt diệt Yên, cho xây dựng thành lũy ở dọc đường, phân binh coi giữ, củng cố hậu phương, với phương châm tác chiến trường kỳ Bắc tiến. Năm 409, Lưu Dụ dẫn 10 vạn đại quân rời Tiến Khang (thành cổ Nam Kinh) theo đường thủy tiến lên đến Hạ Phi thì đổi sang lên cạn, dẫn binh nhằm hướng Lang Nha mà tiến. Ở những nơi đi qua đều cho xây thành lũy, phân binh coi giữ, để phòng kỵ binh Nam Yên tập kích cắt đứt đường về. Quân Tấn đến Lang Nha, Nam Yên đã đem quân ở Cử Thành, Lương Phụ, rút về Lâm Cù, Quảng Cố. Quân Tấn muốn đến thẳng Quảng Cố nhằm đánh vào kinh đô nước Yên, song giữa Cử Thành và Lâm Cù có Đại Hiện Sơn núi cao thế hiểm, ở trên có Mục Lăng Quan được gọi là “Tề nam thiên hiểm”, đường đi nhỏ hẹp chỉ thông được một xe. Ngoài ra còn có hai con đường khác, ngược lên phía Bắc sau đó chuyển lên phía Tây mà tiếp cận với Quảng Cố, rất xa xôi, lại có con đường lên phía Bắc rồi chuyển sang hướng Đông mà đến Quảng Cố, đường núi kéo dài, qua Đại Hiện Sơn thì gần nhất, song hiểm trở đáng sợ, nếu như Nam Yên phái binh chặn giữ thì chẳng thể qua được. Quân Đông Tấn nhất thời không biết phải làm thế nào.

Lưu Dụ nghiên cứu tỉ mỉ tình huống của Nam Yên, dứt khoát quyết định theo con đường qua Đại Hiện Sơn mà Bắc tiến. Lưu Dụ cho rằng, Nam Yên từng mấy lần Nam chinh đánh vào vùng Hoài Bắc của Đông Tấn, song chỉ cướp của cải, người, ngựa mà không đánh thành chiếm đất, một là lợi dụng ưu thế của kỵ binh, hai là tham lam mà không có kế sách lâu dài; nghe tin quân Tấn Bắc phạt, không đánh mà tự rút lui, trước thì rút binh khỏi Cử thành, Lương Phụ, khá thấy không muốn cùng với quân Tấn giao chiến ở phía Nam Đại Hiện Sơn, mà là chuẩn bị vùng đất bằng phẳng ở Lâm Cù, Quảng Cố, dựa vào thành trì kiên cố, phát huy đầy đủ ưu thế kỵ binh mà tiêu diệt quân Tấn, chứ không có mưu mẹo gì. Lại nữa, Nam Yên là chính quyền của tộc người Tiên Ti, vốn là du mục, chỉ biết rong ruổi cướp bóc mà không biết lo xa, liệu định rằng không đề phòng ở Đại Hiện Sơn, cũng không thực hiện vườn không nhà trống. Thế rồi dẫn quân theo đường qua Đại Hiện Sơn mà Bắc tiến.

Nam Yên nghe tin quân Tấn Bắc tiến, Chinh Lỗ tướng quân Công Tôn Ngũ Lâu đề nghị chặn giữ Đại Hiện Sơn, tuyển tinh binh theo duyên hải mà xuống phía Nam chặn đường tải lương, lại phái binh mã vòng ra sau lưng địch, tạo thành thế hai mặt giáp kích. Song vua Nam Yên là Ngô Dung Siêu vẫn giữ ý của mình, để cho địch thâm nhập rồi mới dựa vào thành trì kéo ra đánh. Kết quả là quân Đông Tấn thuận lợi vượt qua Đại Hiện Sơn tiếp cận với Lâm

Cù. Nam Yên không cậy hiểm phòng thủ cũng không thực hiện vườn hoang nhà trống, lúa mạch đầy đồng đang chín trở thành nguồn lương thực cho quân Tấn. Quân hai bên giao chiến ở thành Thủy Nguyên, giao tranh kịch liệt, quân Tấn chiếm được Thủy Nguyên chuyển sang đánh Lâm Cù. Cuộc chiến xảy ra ở Lâm Cù, Ngô Dung Siêu phái kỵ binh chủ lực vận động nhanh chóng đánh vào quân Tấn từ hai phía. Lưu Dụ để giảm bớt ưu thế tác chiến của kỵ binh ở bình nguyên, lấy 4000 chiến xa phân làm hai cánh quân, lấy kỵ binh cơ động ở sau xe để hợp thành trận hình bộ, kỵ binh, chiến xa tương hỗ phối hợp. Chiến xa dựng ở ngoài, kỵ binh rất khó đánh vào, trên xe giáo dài tua tủa, có sức uy hiếp quân địch rất lớn, ngăn chặn hữu hiệu kỵ binh quân Yên đánh vào quân chủ lực của quân Tấn. Hai bên kịch liệt giao chiến nửa ngày, bất phân thắng bại. Bấy giờ, tham quân Hồ Phiên đề nghị tuyển tinh binh theo đường mòn, xuất kỳ bất ý tập kích thành Lâm Cù. Lưu Dụ tiếp thu đề nghị ấy, phái binh vòng ra mé sau đánh vào Lâm Cù. Đại quân Nam Yên ở ngoài thành kịch chiến với quân Tấn, quân trong thành thì yếu đuối, liền bị quân Tấn đánh chiếm ngay được. Lâm Cù bị chiếm, Ngô Dung Siêu kinh hãi rụng rời, lập tức triệt binh, dẫn tàn quân chạy đến đô thành Quảng Cố.

Quân Tần thừa thắng suốt đêm truy kích, áp sát dưới thành Quảng Cố. Thành Quảng Cố bốn mặt kiên cố khác thường, quân Tấn nhất thời khó đánh

chiếm được. Lưu Dụ lệnh cho quân Tấn tăng cường bao vây, buộc quân địch bị nguy khốn ở trong, đồng thời vơ vét lương thảo tại chỗ, chuẩn bị trường kỳ bao vây. Ngô Dung Siêu ở trong thành bảy giờ không tích cực phòng ngự mà chỉ mong nước đồng minh là Hậu Tần mang quân đến cứu viện, tiêu cực chờ đợi. Quân Tấn một mặt vận dụng chiến thuật đánh tâm lý, làm tan rã quân địch, một mặt lợi dụng hàng tướng Trương Cương khéo chế tạo khí cụ đánh thành, chế tạo ra khí cụ đánh thành mới. Đầu tháng hai năm 410, quân Tấn từ bốn mặt đánh thành, quân Nam Yên không còn lý trí, thượng thư Duyệt Thợ mở cửa thành xin hàng, thành Quảng Cố thế là đã bị chiếm. Ngô Dung Siêu dẫn mấy chục kỵ binh phá vây chạy thoát, sau bị quân Tấn đuổi bắt, đưa đến đô thành Kiến Khang của Đông Tấn để xử chém. Đến đây, trải qua gần một năm, cuộc chiến Đông Tấn diệt Nam Yên đã kết thúc.

Lưu Dụ sở dĩ thành công, là bởi ông ta khéo liệu địch mà quyết thắng, có mưu kế sâu xa, biết người lại biết mình, hiểu cả lợi hại của địa hình với hai phía địch ta, có quyết định đúng đắn đi qua đường Đại Hiên Sơn. Còn bởi ông ta khéo căn cứ vào địch tình mà định ra chiến lược thi triển, vận dụng phương pháp chiến thuật linh hoạt. Dọc đường cho xây thành lũy, phân binh coi giữ để chặn hậu họa, chính diện với địch quyết chiến, phân binh tập kích

vào thành trì đã trống rỗng; lấy bộ, kỵ binh, chiến xa hợp thành trận pháp, chiến thắng quân địch giỏi về kỵ binh, bốn mặt vây thành, tạo khí giới mà đánh, cuối cùng chiếm được thành Quảng Cố. Xem xét sự thất bại của Nam Yên, thật tương phản với Đông Tấn, không dùng địa lợi, không khéo ứng biến chỉ biết thúc quân ra đánh mà không hiểu binh pháp, có muốn thắng cũng khó mà thắng được.

Thành là do Tôn Tử, bại cũng là do Tôn Tử, chỉ khác có thuận và ngược mà thôi.

CHƯƠNG 11

CỬU ĐỊA

孙子曰: 用兵之法, 有散地, 有轻地, 有争地, 有交地, 有衢地, 有重地, 有圯地, 有围地, 有死地。诸侯自战其地者, 为散地; 入人之地而不深者, 为轻地; 我得亦利, 彼得亦利者, 为争地; 我可以往, 彼可以来者, 为交地; 诸侯之地三属, 先至而得天下之众者, 为衢地; 入人之地深, 背城邑多者, 为重地; 山林、险阻、沮泽, 凡难行之道者, 为圯地; 所由入者隘, 所从归者迂, 彼寡可以击吾之众者, 为围地; 疾战则存, 不疾战则亡者, 为死地。

Tôn Tử viết: Dụng binh chi pháp, hữu tán địa, hữu khinh địa, hữu tranh địa, hữu giao địa, hữu cù địa, hữu trọng địa, hữu bĩ địa, hữu vi địa, hữu tử địa. Chư hầu tự chiến kỳ địa giả, vi tán địa, nhập nhân chi địa nhi bất thâm giả, vi khinh địa; ngã đắc diệc lợi, bĩ đắc diệc lợi giả, vi tranh địa, ngã khả dĩ vãng, bĩ khả dĩ lai giả, vi giao địa; chư hầu chi địa tam thuộc, tiên chí nhi đắc thiên hạ chi chúng giả, vi

cù địa; nhập nhân chi địa thâm, bồi thành ấp đa giả, vị trọng địa; Sơn lâm, hiểm trở, trở trạch, phạm nan hành chi đạo giả, vị bĩ địa; Sở do nhập giả ải, Sở tòng quy giả vu, bĩ quả khả dĩ kích ngô chi chúng giả, vị vi địa; tậ chiến tắc tồn, bất tậ chiến tắc vong giả, vị tử địa.

Diễn giải:

Tôn Tử nói: Chiếu theo nguyên tắc dụng binh, chủng loại chiến trường có chín loại: *tán địa, khinh địa, tranh địa, giao địa, cù địa, trọng địa, bĩ địa, vi địa, tử địa*. Ở địa khu nằm trong bản quốc mà tác chiến, thì gọi là tán địa; ở trong nước địch mà tác chiến, song không vào sâu, thì gọi đó là khinh địa; ta chiếm lĩnh cái có lợi với ta, địch chiếm cái có lợi với địch ở chiến trường, thì gọi là tranh địa; chiến trường ta có thể đến trước, địch cũng có thể đến được, thì gọi là giao địa; vùng đất đồng thời tiếp liền với mấy quốc gia, ai sớm chiếm hữu thì có thể kết giao với mấy nước, có được sự viện trợ, thì gọi đó là cù địa; thâm nhập sâu vào nước địch, sau lưng có khá nhiều thành trì của địch, vùng đất ấy gọi là trọng địa; ở vùng đất có đèo núi, rừng rậm, hiểm trở, hồ nước đầm lầy, khó qua lại ở đó, thì gọi là bĩ địa; đường đi nhỏ hẹp, rút về thì xa, quân địch dùng một số binh lực đã có thể tập kích được đại quân của ta, thì gọi đó là vi địa; vùng đất mà hăng hái tác chiến thì có thể sinh tồn, không hăng hái tác chiến thì có thể toàn quân bị diệt,

thì gọi đó là tử địa. Bởi thế, ở tán địa không nên vội tiến hành chiến tranh, ở khinh địa không nên dừng lại, ở tranh địa không nên phát động tiến công, ở giao địa cần bảo đảm hành quân không đứt đoạn, ở cù địa cần chủ động kết giao với nước lân cận, vào đến trọng địa thì cần cướp lương thảo của địch, gặp bí địa thì cần mau chóng thông qua, rơi vào vi địa thì cần nghĩ mưu lược phá vây, ở tử địa chỉ có hăng hái tác chiến mà trong chết tìm ra đường sống.

Thời cổ đại, người khéo chỉ huy tác chiến, có thể khiến đội tiền và hậu của quân địch không thể ứng cứu cho nhau, quân chủ lực và đội quân nhỏ không thể nương tựa vào nhau, tướng lĩnh và binh sĩ không thể cứu giúp cho nhau, thượng cấp và hạ cấp mất liên lạc chẳng thể phối hợp với nhau, binh sĩ tan rã khó tụ hợp lại, quân đội tập hợp lại thì trận hình chẳng thể chỉnh tề; đối với quân ta mà nói, có lợi với ta thì đánh, bất lợi với ta thì không đánh. Thử hỏi: Ví như địch đông đảo mà trận hình tề chỉnh, nhằm phía quân ta tiến công làm sao ứng phó với nó nhỉ? Đáp rằng: Trước tiên đoạt lấy chỗ có lợi mà kẻ địch xem trọng nhất, kẻ địch không thể không nghe theo sự bày binh bố trận của ta. Việc dụng binh quý ở đánh nhanh chóng, chớp thời cơ kẻ địch trở tay không kịp, đẩy kẻ địch đến chỗ bất ngờ, đánh kẻ địch ở chỗ không có phòng bị.

Quy luật chung khi tiến vào vùng đất của địch để tác chiến là: thâm nhập sâu tác chiến, tướng sĩ ý chí

phải chuyên nhất, khiến kẻ địch không thể chiến thắng được chúng ta; cướp lấy lương thảo ở đồng ruộng đang thu hoạch, khiến binh mã có đủ lương thảo để dùng, chú ý nghỉ ngơi, khiến quân đội không quá nhọc mệt, mài giũa lực lượng sẵn sàng, bố trí binh lực, khéo dùng mưu kế khiến kẻ địch chẳng thể suy đoán được phương hướng và ý đồ của quân ta. Dem quân đẩy vào chỗ cùng đường tắc nghẽn, binh sĩ sẽ thà chết không rút; binh sĩ đã liên kế với cái chết mà không sợ, còn có việc gì mà làm không được nhỉ? Vậy thì tướng sĩ toàn quân ắt sẽ dốc toàn lực mà liều chết tác chiến với địch. Binh sĩ rơi vào tuyệt địa, thế mà lại không sợ sệt, không đường tháo chạy mà lòng quân lại có thể ổn định vững vàng; càng vào sâu vùng địch, sức chiến đấu của quân đội càng mạnh, tướng sĩ sẽ liều chết chiến đấu. Chính bởi như thế, quân đội như vậy không cần chinh đồn đã có thể tự tăng cường, không cần thúc ép nhiều mà có thể hoàn thành nhiệm vụ của mình, không cần ràng buộc nhiều mà có thể đoàn kết thân mật, không cần có lắm mệnh lệnh đã có thể tuân thủ kỷ luật. Cấm chỉ mê tín, tiêu trừ nghi ngờ, thuộc hạ có thể đến chết cũng không bỏ chạy. Tướng sĩ của quân ta chẳng có tiền của dư dật, cũng chẳng phải họ không thích của cải; tướng sĩ của họ đặt sống chết ở ngoài vòng cũng chẳng phải là họ không muốn sống lâu. Ngày mệnh lệnh xuất chinh ban bố, binh lính ngồi đó mà nước mắt rơi ướt vạt áo, có người còn nước mắt đầy mặt. Dem họ quăng vào tuyệt địa không có lối ra, họ sẽ

giống như Chuyên Chư dưng sĩ của nước Ngô, Tào Quê võ sĩ của nước Lỗ, đều rất dưng cảm.

Người khéo thống lĩnh quân đội có thể khiến quân đội giống như rắn thần ở Suất Nhiên. Đó là con rắn nổi tiếng ở vùng Thường Sơn. Đánh vào đầu của rắn thần, thì đuôi của nó sẽ ứng cứu; đánh vào đuôi của nó thì đầu của nó sẽ ứng cứu; nhằm đánh vào bụng của nó, thì cả đầu đuôi đều sẽ ứng cứu. Thử hỏi: có thể khiến quân đội cũng giống như rắn thần ở Thường Sơn chăng? Đáp rằng: Có thể người nước Ngô với người nước Việt vốn thù hận nhau, song đương khi họ cùng ngồi một con thuyền sang sông; gặp lúc trời nổi giông gió, họ cứu giúp cho nhau cũng giống như tay trái và tay phải của một con người. Bởi thế, muốn dùng dây cương buộc chặt ngựa chiến, vùi chiến xa để tỏ quyết tâm liều chết giao chiến, là điều không nên làm. Khiến cho toàn quân trên dưới đồng lòng hợp lực, anh dũng hăng hái chiến đấu như là một người, mới là nguyên tắc điều hành quân đội cần tuân theo. Khiến cho người mạnh mẽ và người nhu nhược đều phát huy đầy đủ tác dụng, then chốt là ở lợi dụng hợp lý địa hình. Cho nên, người khéo dụng binh, thường là có thể khiến toàn quân trên dưới cùng đoàn kết như một người, đấy là bởi hình thế khách quan bức khiến không thể không như thế.

Người chủ trì quân chính đại sự, phải làm được việc bình tĩnh, thâm trầm, việc công nghiêm minh

mà mạch lạc rõ ràng. Cần che lấp bớt tai mắt của binh sĩ, khiến họ đối với hành động quân sự không hay biết gì; bố trí quân đội, cải biến kế hoạch định sẵn, khiến người khác chẳng thể khám phá được đầu mối; cũng thường đổi chỗ đóng quân, cố ý hành quân vòng vo, khiến người không thấy được ý đồ của mình. Tướng soái trao nhiệm vụ tác chiến cho thuộc hạ, cần giống như là để anh ta trèo lên gác cao rồi rút thang, phải cắt đứt đường xuống. Tướng soái với binh lính thâm nhập tác chiến trong lãnh thổ của địch, giống như một mũi tên giữ lại ở trên dây cung chờ được bắn ra; thiêu hủy thuyền bè, phá đồ nấu bếp, biểu thị quyết tâm liều chết đến cùng. Chỉ huy binh lính giống như lừa một đàn dê, lừa nó đi thì đi, lừa nó đến thì đến, mà không để nó biết cuối cùng sẽ đi đến đâu. Tụ họp ba quân tướng sĩ, đẩy họ vào nơi hiểm trở, bức toàn quân phải liều chết chiến đấu, đây là nhiệm vụ trọng yếu của tướng soái cầm quân. Xử trí biến hóa với chín loại địa hình, thấy lợi hại được mất của tiến công phong thủ, xông lên hoặc rút lui, với quy luật biến hóa tâm lý tình cảm của tướng sĩ, tướng soái không thể không nghiên cứu khảo sát kỹ lưỡng.

Ở trong nước địch, qui luật tác chiến nói chung là, càng thâm nhập sâu vào nước địch, ý chí của toàn quân càng phải chuyên tâm nhất trí, mà tiến vào nước địch càng nông thì lòng quân càng dễ ly tán. Rời khỏi bản quốc vượt qua vùng địch để tác chiến, gọi là tuyệt địa. Bốn mặt tám hướng đều thông suốt,

thì gọi là cù địa; nếu như vào sâu vùng địch, thì gọi là trọng địa; tiến vào vùng đất tiếp giáp giữa địch và ta thì gọi là khinh địa; vùng đất hiểm trở có đường đi qua, gọi là vi địa; ở vùng đất không có lối thoát thì gọi là tử địa. Bởi thế ở tán địa, ta phải thống nhất ý chí của quân đội; tiến vào khinh địa ta cần khiến cho trận doanh liên kết chặt chẽ; tiến vào tranh địa cần khiến cho đội quân ở phía sau mau chóng theo kịp phía trước; qua giao địa phải cẩn thận, nghiêm ngặt phòng thủ, đến cù địa cần củng cố quan hệ với nước láng giềng; ở trọng địa cần xem trọng bảo đảm cung cấp lương không đứt đoạn; qua bi địa, cần mau chóng đi qua đó; rơi vào vi địa, thì cần lấp tắc lỗ hổng; đến tử địa, thì phải biểu hiện ra quyết tâm với địch tử chiến đến cùng. Bởi vì tâm lý của tướng sĩ là rơi vào nơi bị bao vây, thì sẽ hăng hái để kháng; bức vào tình huống bất đắc dĩ thì sẽ liều chết hăng hái giao tranh; thâm nhập đến tuyệt địa thì sẽ nghe theo lệnh chỉ huy.

Bởi thế nếu không hiểu ý đồ chiến lược của các nước chư hầu, thì không thể dự định kết giao với họ; không hiểu được địa hình sơn lâm, hiểm trở, hồ đầm thì không thể hành quân giao chiến; không sử dụng người địa phương làm hướng đạo, thì không được lợi về địa hình. Những phương diện này, ở tình huống có một phương diện không hiểu thì không thể trở thành quân đội tranh vương xưng bá. Quân đội thực sự hùng mạnh, tiến đánh nước lớn, có thể khiến quân

dân của địch không thể động viên tập trung; uy lực tăng cường ở trên đầu kẻ địch, sẽ khiến nước liên minh với nó không dám qua lại. Bởi thế, bất tất phải tranh giành với chư hầu thiên hạ kết giao, cũng không dùng nước chư hầu khác để bù đắp cho thế lực của mình. Chỉ cần thi triển kế sách chiến lược của mình, đem uy lực tăng cường trên đầu kẻ địch, thì có thể đánh chiếm được thành trì của họ, tiêu hủy quốc gia của họ.

Thi hành khen thưởng kịp thời, ban bố hiệu lệnh đặc biệt, chỉ huy toàn quân trên dưới có thể giống chỉ huy một cá nhân vậy. Với thuộc hạ bố trí nhiệm vụ tác chiến, không cần thuyết minh ý đồ với họ; chỉ nói với họ điều kiện có lợi, không cần chỉ ra nhân tố bất lợi, đưa binh lính đến vùng nguy hiểm nhất, mới có thể chuyển nguy thành yên; hãm binh lính ở tử địa, mới có thể cải tử hồi sinh; tướng sĩ toàn quân bị hãm ở chỗ nguy nan, sau đó mới có thể giành được thắng lợi.

Cho nên, chỉ huy chiến tranh, có lúc giả trang thuận lòng với địch, hiểu được tử mĩ ý đồ chiến lược của địch, sau đó tập trung binh lực công kích nơi trọng yếu, thì có thể tập kích ở nơi nghìn dặm, bất địch giết tướng, đấy là nói rằng người khéo dụng binh thì có thể giành được đại sự.

Bởi thế ở lúc quyết định với địch tác chiến, đem binh xuất chinh, cần phong tỏa quan ải, phế bỏ giấy thông hành, không để sứ giả nước địch qua lại; cần

triệu tập quân thần, tại triều đình thảo luận kế sách chinh phạt. Kẻ địch một khi để lộ khe hở, nhất định phải mau chóng thừa cơ xâm nhập, trước tiên đoạt lấy vùng đất chiến lược mà địch xem trọng, không cần vội vàng với địch giao hẹn quyết chiến. Phá bỏ lệ cũ, tất cả căn cứ vào biến hóa địch tình, linh hoạt quyết định kế hoạch tác chiến và hành động của mình. Bởi thế, trước trận đánh, giống như người con gái e lệ, không lộ thanh sắc, khiến cho kẻ địch trở nể nài cảnh giác, không dễ phòng gi; một khi chiến tranh đã bắt đầu, cần giống như con hổ sống chuồng, mau chóng khác thường, khiến kẻ địch trở tay không kịp, khó mà đề kháng.

Lời bình:

Chương này là chương dài nhất trong 13 chương sách “Tôn Tử”, nội dung cũng rất phức tạp, trong khi nguyên bản được viết khá là hàm súc, thật là hiếm thấy. Chương sách được gọi tên là “Cửu địa”, cũng giống như ở chương Địa hình, là theo tên mà gọi.

Dẫu rằng chương “Cửu địa” có khả năng là chuyển tiếp trong quá trình phát sinh, song không thể bởi thế mà hoài nghi hoặc phủ định giá trị độc lập của chương “Cửu địa”, càng không thể nghi ngờ tính chân thật của nó; nếu như chỉ từ đề mục mà xuất phát để lý giải chương “Cửu địa” cũng là điều không cần thiết.

Chương Cửu địa tự nó đáng được xem trọng, thậm chí là rất có giá trị, có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn.

Một là, lý luận tiến công chủ động xuất kích. Trong chương này, Tôn Vũ đề xuất một số nguyên tắc chiến lược như “tán địa thì không đánh”, “cù địa thì kết giao”, “khinh địa thì không dùng”, “trọng địa thì vợ vét” cũng bàn đến “đạo lý làm khách”, chủ trương ở bản địa không cần giao chiến, mà đem chiến trường bày ở trong vùng đất của người ta. Hiển nhiên, dẫn ba quân tướng sĩ vượt biên giới xâm nhập sâu vào đất đai địch, chẳng phải là phòng ngự càng không phải là đi làm việc hữu hảo kết giao mà là đi đánh thành cướp đất, tranh vương xưng bá, gọi là “binh của bá vương thảo phạt đại quốc”. Ở đây rõ ràng biểu lộ ra tư tưởng tích cực của Tôn Vũ, một bộ phận hợp thành hữu cơ trong chỉnh thể hoành tráng binh pháp Tôn Tử. Ở trong chương mục khác, Tôn Vũ cũng đề cập đến tiến công, song đều là dưới tiền đề với chiến tranh, hiện tượng này làm cho chỉnh thể được nắm chắc, đem tiến công và phòng thủ, tiến công và mưu lược, địa hình, hình thế quân tranh kết hợp lại với nhau, làm thành một phương diện luận thuật của dụng binh, mà cửu địa là đem tiến công làm thành đối tượng và nội dung chủ yếu, để thảo luận riêng biệt với việc giải thích chín loại địa hình và chiến thuật thi triển cần vận dụng, cũng có thể ở một mức độ nào đó giải được sự mê hoặc dễ thấy ở từng câu chữ.

Chiến thuật tiến công của Tôn Tử tập trung ở mấy điểm sau đây: tức là nói đến sự tương quan đạo lý làm khách và ngày khởi binh. Đạo lý làm khách của Tôn Tử, trọng điểm là thâm nhập thì chuyên, quảng vào tuyệt địa để binh lính gắng sức. Chủ trương rằng can đảm thâm nhập sâu vào vùng địch, tụ tập ba quân, quảng vào chỗ hiểm, quân bị hãm ở chỗ có hại, sau đó có thể quyết định thắng bại, cũng nói đốt thuyền phá chỗ, đặt vào chỗ chết mà tìm ra đường sống. Lợi dụng bản năng cầu mong được sống của binh lính bị hãm ở đường cùng, bởi thế mà sinh ra tinh thần dũng cảm và sức tranh giành, cải biến được cục diện, đây là một đạo lý nhất định. Đồng thời phối hợp hành quân nhanh chóng đột nhiên tập kích, không chế kẻ địch rối loạn, bức kẻ địch nghe theo điều khiển; đoàn kết nội bộ, muôn người đều dũng cảm như một; tăng cường uy hiếp kẻ địch, khiến kẻ địch bị cô lập; lúc đầu thì như cô gái bên lén, dùng giả cảnh mê hoặc kẻ địch khiến kẻ địch không đề phòng, sau đó đánh vào chỗ địch không phòng bị, giành lấy phần thắng. Như thế thì việc nhỏ thành chiếm nước người ta có thể thực hiện được.

Tôn Tử nói: Việc binh là quý quyết. Khi tiến công, Tôn Tử đặc biệt nhấn mạnh giấu kín ý đồ chiến lược. Giả vờ như thuận tòng, nguy trang trầm lặng, đều là che giấu chân tướng của tiến công, mê hoặc kẻ địch. Ví như là với thuộc hạ, cũng cần che lấp bớt tai

mất khiến họ không hay biết gì. Không chỉ như thế, Tôn Tử còn đề xuất một số thí triển cụ thể: trước lúc giao chiến cần phong tỏa tin tức, không để sứ giả qua lại; đột nhiên tập kích quân địch, dựa vào tình huống thực tế mà không câu nệ ở sách vở. Trước thì như cô gái e lệ, địch không đề phòng, sau thì như thỏ sống chuồng, địch chẳng thể kháng cự, đây là khái quát rất là hình tượng điểm quan trọng của quá trình tiến hành nói ở trên.

Hai là tác động với tâm lý của ba quân. Tôn Tử xuất phát từ tình cảm và tâm lý của người ta, thăm dò lợi dụng các loại địa hình, tác động đến tính tích cực và tinh thần chiến đấu của tướng sĩ, phòng ngừa và khắc phục khả năng xuất hiện những biểu hiện tâm lý tiêu cực cũng xem cái nhìn đó làm nhân tố quan trọng quyết định thắng bại chiến tranh, đây là điều rất khó kiến giải, mà bây giờ rất khó có được.

Giao chiến dựa vào sĩ khí. Tôn Tử cũng rất xem trọng sĩ khí, có nói tránh nơi nhuệ khí đánh chỗ trễ nải (chương “Quân tranh”). Nói rằng sĩ khí, là phản ánh hoạt động tâm lý phức tạp của người ta ở hoàn cảnh bất đồng, là biểu hiện của tình cảm. Điều kiện hình thành của nó có hai phương diện là chủ quan và khách quan. Ở tình hình nhất định, ảnh hưởng của điều kiện khách quan với hoạt động tâm lý của người ta, tác động của tình cảm, có tác dụng rất trực tiếp. Tôn Tử với địa hình bất đồng, luận thuật dụng binh

ra sao, thấy được hoàn cảnh chiến trường với tình cảm và tâm lý của người tham dự chiến tranh có ảnh hưởng đặc thù, cũng đã đề ra việc thi triển hóa giải tâm lý tiêu cực, khơi gợi tâm lý tích cực. Ví như nói rằng: ở tán địa thì không giao chiến. Ở bản thổ không giao chiến đương nhiên khiến cho nhân lực tài lực ở bản quốc khỏi bị tổn thất, song nguyên nhân chủ yếu là giao chiến ở gần nhà, binh lính dễ nảy sinh tình cảm quyến luyến gia đình mà giảm ý chí chiến đấu; bởi thế tướng soái cần nắm chặt quản lý, thống nhất ý chí trên dưới, cổ vũ sĩ khí của họ. Ở khinh địa đã tiến vào nước địch không xa, binh lính rời bản quốc cũng không xa, lúc nguy cấp dễ nảy sinh ý nghĩ chạy về bản quốc, với điều đó Tôn Tử chủ trương khinh địa thì không dừng lại, tức là ở vùng đất ấy không thể lưu lại, phải tiếp tục thâm nhập, cần chú ý khiến cho đội quân hành tiến liên tục, phòng ngừa binh lính trễ nải tinh thần, thậm chí nảy sinh tình huống bỏ đó mà chạy. Cũng nói “thâm nhập thì chuyên” ở nơi cách xa bản quốc, thâm nhập sâu vào vùng địch, không đường rút lui, tiến lên thì nhiều hiểm trở, ý chí của quân đội trên dưới dễ thống nhất, lực lượng tập trung, chỉ nhằm tiêu diệt kẻ địch.

Trọng điểm Tôn Tử luận thuật là “tử địa, hiểm địa”. Sự vô tình của hoàn cảnh bức bách, có thể khiến người ta trí tuệ và lực lượng bột phát khác thường, điều ấy được thực tế và khoa học chứng minh rõ

ràng. Tôn Tử tổng kết kinh nghiệm chiến tranh đương thời, thấy hiện tượng ấy, có quan điểm phù hợp với qui luật cơ bản của tâm lý học, đó là điều rất sáng suốt. Ông nói rằng, lúc người ta không còn đường chạy, cầu mong được sống thành ra sự tình thứ nhất, thì sẽ không biết sợ, hăng hái đề kháng, mong cầu được giải thoát. Binh lính bị hãm ở hiểm địa thì không biết sợ, bởi thế mà, quăng vào nơi không lối thoát thì liều chết mà đánh, đặt vào tử địa mà tìm thấy đường sống, có thể sẽ cải tử hồi sinh, phản bại thành thắng. Xuất phát từ nguyên tắc hợp với lợi thì động, không hợp với lợi thì dừng, Tôn Tử chủ trương, tướng soái thì cần nghĩ cách tạo thành một tình huống không còn lối chạy, từ đó mà khơi gợi tinh thần binh sĩ, cố giành lấy thắng lợi; bởi thế thậm chí cần phải che lấp bớt tai mắt của binh lính, khiến họ không hay biết gì. Quăng vào nơi không lối thoát, để lên lầu rồi rút thang, đốt thuyền phá chỗ, hãm vào tử địa đều cần là nguyện vọng chủ quan và hành vi chủ động của tướng soái; đó cũng là vận dụng cụ thể biến hóa của “cửu địa”, cái lợi của co ruỗi, đạo lý của nhân tình vậy. Câu nói đặt vào đất chết mà tìm thấy đường sống, thường được Tôn Tử nhắc đến.

Ở đây, Tôn Vũ chẳng phân tích như với tình huống khác, bởi thế mà dễ gây cho người ta cảm giác phạm là giao chiến ắt phải đến tử địa mới có thể giành được thắng lợi. Ngoài ra, cổ vũ sĩ khí khích lệ

tinh thần hoàn toàn dựa vào thế nguy bức bách, thậm chí còn cố che lấp tai mắt người ta, cũng là thiếu thỏa đáng. Với điều ấy có thể gọt bỏ được.

Trong chương này, với luận thuật việc binh quý ở thần tốc, ẩn náu, đột kích, yêu cầu với năng lực chỉ huy của tướng soái, cũng có nhiều chỗ đáng chú ý. Ví như, lúc đầu thì như cô gái e lệ, kẻ địch sẽ không phòng bị gì, sau thì như thỏ sống chuồng, kẻ địch không kịp kháng cự, có thể coi là những câu nói tuyệt diệu.

Binh lính bị hãm ở hiểm địa, sau đó có thể giành được phần thắng, không chỉ là lý luận mà là sự thực khả thi.

Năm 208 trước công nguyên, nước Tần tiến đánh đô thành Cự Lộc của nước Triệu, quân Triệu binh bại bị vây khốn, Cự Lộc nguy trong sớm tối. Triệu vương một mặt lệnh cho đại tướng Trần Dư xuất chiến kháng địch, một mặt phái người đến các nước Tề, Yên, Đại, Sở cầu cứu. Sở uy thế của quân Tần, Trần Dư không dám mang quân ra đánh, chỉ cố thủ ở ngoài thành, còn viện binh của mấy nước Tề, Yên, Đại đến vùng giáp với Cự Lộc cũng không dám tiến lên phía trước. Chỉ có Hạng Vũ dẫn quân Sở lao vào cuộc chiến cứu Triệu. Hạng Vũ kiêu dũng khác thường, trước đó đã giết chết được Tống Nghĩa, Sở Hoài Vương bắt buộc phải lệnh cho Hạng Vũ làm thượng tướng quân. Đến khi quân Triệu cầu cứu, Hạng Vũ liền cầm quân xuất chiến. Sau khi vượt qua

sông Hoàng Hà, Hạng Vũ liền hạ lệnh cho tướng sĩ toàn quân đánh chìm chiến thuyền, phá vỡ nổi chồ, thiêu hủy lều trại, mà mỗi người chỉ mang theo lương khô dùng đủ ba ngày, thề với quân Tần quyết một trận tử chiến. Quân Sở lâm vào tuyệt địa, lại thấy chủ soái Hạng Vũ anh dũng khảng khái, ai nấy đều một lòng liều chết, hăng hái tiến lên, đến thẳng dưới thành Cự Lộc.

Tướng Vương Ly của nước Tần liền điều quân đón đánh quân Sở. Hai bên chạm trán, quân Tần còn chưa triển khai trận thế, quân Sở sớm đã nhất tề xông lên, chém giết tới bờ, mạnh mẽ chẳng gì đương nổi, quân Tần vội vàng không kịp đề phòng, vừa đánh vừa rút. Tướng Tần là Chương Hàm thấy Vương Ly bại trận liền dẫn đại quân đến tăng viện. Hai bên đối trận, quân Tần giáp trượng tề chỉnh, đội ngũ hùng tráng, binh nhiều tướng lắm, có thế như Thái Sơn sừng sững; những thấy quân Sở thì áo xống sơ sài, di chuyển thô sơ, chẳng khác gì một đội quân ô hợp, không thành trận thế gì, chỉ biết xông bên này, dõ bên kia, tựa như một toán quân chẳng được huấn luyện gì. Tướng sĩ các nước Yên, Đại, Tề đứng cao quan sát đều vờ mờ hồi, cho rằng quân Sở thất bại là điều chẳng nghi ngờ gì. Chẳng ngờ, đấy chính là chỗ tinh diệu dụng binh của Hạng Vũ. Hạng Vũ thấy rằng, binh lực Tần, Sở rất chênh lệch, nếu cứ theo qui định binh đối binh, tướng đối tướng, bày trận đối kháng, quân Sở một người ít nhất phải đối

phó với hai người, bại trận là chắc chắn. Hạng Vũ xuất phát từ tình thế chiến trường, linh hoạt xử trí, tự mình đi trước binh lính, xung sát ở hàng đầu, lệnh cho tướng sĩ không câu nệ ở thế trận, cứ theo ý mình mà làm, chỉ cần giết địch giành được phần thắng. Quân Sở phá chỗ dìm thuyền, không còn đường rút, chỉ có dũng mãnh tiến lên mới có đường sống. Các tướng sĩ lại thấy ở trước, sĩ khí rất là hăng hái. Thế rồi nộ khí xung thiên, lấy một chọi mười, lấy mười chọi trăm, tiếng hô vang động trời đất, quân Tần mất mật, đao búa vứt bỏ cả, quân Tần thây chất đầy đồng. Chương Hàm từng nếm mùi thất bại trước mặt Hạng Vũ, ở trận đánh này, càng khiến ông ta run rẩy, không được mấy hiệp liền bỏ chạy, quân Tần thương vong có đến ba phần mười.

Hạng Vũ cũng không truy kích, mà hạ lệnh dựng trại nghỉ ngơi, mang lương khô ra ăn, để tiện chiến đấu. Hôm sau, trước lúc xuất chiến, Hạng Vũ lệnh cho tướng sĩ rằng: Hôm nay quét sạch quân Tần. Quân ta lương thực đã hết, không thắng toàn quân sẽ bị diệt, sống hay chết là ở trận này. Cũng lệnh cho tướng sĩ chỉ cần giết địch, xông lên phía trước, bất tất phải khảo sát trận hình và đối sách của người ta. Tướng sĩ được lệnh ai nấy đều tranh đi đầu. Mới tiến vào chiến trường, một tiếng hô vang, quân lính xông tới chỗ quân Tần. Chương Hàm mới vào trận đã bị hãm vào bị động, tuy hết sức thôi thúc thuộc hạ, song địch không lại quân Sở dũng mãnh, quân Tần tiến

rồi lại rút, sau năm lần như thế thì tan vỡ cả. Chương Hàm vội vàng dẫn tàn quân chạy về đại bản doanh. Vương Ly trong lúc Hạng Vũ giao chiến với Chương Hàm, miễn cưỡng giữ chặt cửa trại, song không dám ra đánh. Hạng Vũ bèn lệnh cho Anh Bố dẫn quân chặn đường, tự mình thân hành dẫn binh mã tiến đánh Vương Ly, hùng dũng xông tới đánh bật cửa trại của Vương Ly. Vương Ly muốn tháo chạy, lại bị quân Sở chặn đường, chỉ vài ba hiệp đã bị quân Sở bắt sống.

Kể từ Hạng Vũ dẫn quân đến dưới thành Cự Lộc, với quân Tần giao chiến chín lần, quân Sở đều luôn luôn chiến thắng, trong ba ngày đã đem thế lực quân Tần to lớn mà bẻ gãy, thành Cự Lộc cũng được giải vây.

Thành công của Hạng Vũ, ngoại trừ bản thân kiêu dũng thiện chiến, đi đầu xung trận, phá chỗ dìm thuyền, tự cắt đường về, không câu nệ ở trận thế, đó chính là những nguyên nhân trọng yếu. Hạng Vũ giải vây ở Cự Lộc, không chỉ trở thành một giai thoại của lịch sử chiến tranh, được bình gia hậu thế tôn sùng; cũng là một sự vận dụng thành công của lý luận ở phần “cửu địa” của Tôn Vũ đã chứng minh sinh động tính chân lý và tính thích ứng phổ biến của câu nói “đặt vào chỗ chết mà tìm thấy đường sống”.

CHƯƠNG 12

HỎA CÔNG

孙子曰：凡火攻有五：一曰火人，二曰火积，三曰火辐，四曰火库，五曰火队。行火必有因，烟火必素具。发火有时，起火有日。时者，天之燥也；日者，月箕、壁、翼、轸也。凡此四宿者，风起之日也。

凡火攻，必因五火之变而应之。火发于内，则早应之于外；火发而其兵静者，待而勿攻；极其火力，可从而从之，不可从则止。火可发于外，无待于内，以时发之。火发上风，无攻下风。昼风久，夜风止。凡军必知五火之变，以数守之。

Tôn Tử viết: Phàm hỏa công hữu ngũ: nhất viết hỏa nhân, nhị viết hỏa tích, tam viết hỏa chuy, tứ viết hỏa khố, ngũ viết hỏa đội. Hành hỏa tất hữu nhân, yên hỏa tất tố cụ. Phát hỏa hữu thời, khởi hỏa hữu nhật. Thời giả, thiên chi táo dã; nhật giả, nguyệt tại cơ bích, dục chấn dã. Phàm thủ tứ túc giả, phong khởi chi nhật dã.

Phàm hỏa công, tất nhân ngũ hỏa chi biến nhi ứng chi. Hỏa phát ư nội, tắc táo ứng chi ư ngoại; Hỏa

phát nhi kì binh tĩnh giả, đãi nhi vật công; cực kỳ hỏa lực, khả tòng tác tòng chi, bất khả tòng tác chi. Hỏa khả phát ư ngoại, vô đãi ư nội, dĩ thời phát chi. Hỏa phát thượng phong, vô công hạ phong. Chú phong cứu dạ phong chi. Phàm quân tất tri ngũ hỏa chi biến, dĩ số thủ chi.

Diễn giải:

Tôn Tử nói: Hình thức đánh hỏa công nói chung có năm loại. *Một là* hỏa thiêu binh mã quân địch, *hai là* hỏa thiêu lương thảo dự trữ của quân địch, *ba là* hỏa thiêu xe tải của quân địch, *bốn là* hỏa thiêu kho tàng của quân địch, *năm là* hỏa thiêu đường sá và việc vận chuyển. Thực thi hỏa công ắt nên chuẩn bị điều kiện nhất định, khí tài đánh hỏa công là thứ trước tiên phải có. Đánh hỏa công phải xem xét thật chuẩn về thiên thời, chọn ngày có lợi cho việc đó. Thiên thời của hỏa công là chỉ khí hậu khô ráo; thời gian của hỏa công là lúc vắng trăng đi đến chòm sao cơ bích, dục chấn. Phàm là lúc vắng trăng đi qua chòm sao ấy, là lúc dễ khởi gió nhất.

Phàm là dùng hỏa công đánh địch, đều cần căn cứ vào biến hóa bất đồng của năm tình huống kể trên, linh hoạt vận dụng binh lực tiếp ứng. Nếu như từ trong doanh trại địch mà phóng hỏa thì cần sớm phái binh từ ngoài tiếp ứng công kích. Nếu như trong doanh trại địch đã nổi lửa, song quân địch vẫn trấn

tĩnh như thường, thì cần nhẫn nại quan sát mà không thể vội vàng tiến công, đợi đến khi ngọn lửa cháy mạnh, căn cứ vào tình huống mà quyết sách, có thể tiến công thì phát lệnh tiến công, không thể tiến công thì cho dừng lại. Cũng có thể từ ngoài doanh trại địch mà phóng hỏa, như vậy không cần có người từ nội bộ đáp ứng, chỉ cần thời cơ thích hợp thì có thể phóng hỏa công kích. Hỏa công cần từ đầu ngọn gió mà phát hỏa, không thể từ cuối gió mà tiến công kẻ địch. Ban ngày gió mạnh thổi rất lâu, đến đêm gió dừng. Phàm là người cầm quân giao chiến nên hiểu biến hóa của năm hình thức hỏa công cũng căn cứ vào quy luật biến hóa của khí hậu thời tiết, đợi thời cơ để đánh hỏa công.

Dùng hỏa công phụ trợ quân đội tiến công, hiệu quả thật phần rõ rệt; nếu dùng thủy công phụ trợ quân đội tiến công, có thể tăng được thế công rất to lớn. Thủy công có thể ở cách trận địa của quân địch; song không thể giống như hỏa công, hủy diệt binh mã và quân nhu của quân địch.

Nếu như đánh thắng, chiếm được trận địa của địch, song không thể củng cố thành quả thắng lợi, là điều rất nguy hiểm, đấy gọi là “phí lưu” (hao tổn nhân lực tài lực quốc gia, khiến quân đội phải lưu lại ở ngoài, cũng ví như dòng nước trôi chảy, chỉ tổn thất mà thôi. Cho nên mới nói rằng, vua chúa sáng suốt

cần thận trọng xem xét vấn đề này, tướng soái tài giỏi cần xử lý tốt vấn đề này. Chẳng có chỗ tốt thì không vận dụng hành động, chẳng có nắm chắc phần thắng thì không dụng binh, không phải là điều rất nguy cấp thì không khai chiến. Vua chúa không thể bởi phần nộ nhất thời mà phát động chiến tranh, tướng soái không thể bởi oán hận nhất thời mà xuất trận giao chiến. Phù hợp với lợi ích quốc gia thì có thể dụng binh, không phù hợp với lợi ích quốc gia thì dừng hành động. Bởi sau phần nộ còn có thể có vui mừng, sau oán hận còn có thể có cao hứng, song quốc gia đã diệt vong thì không thể phục sinh, người đã chết rồi thì chẳng thể sống lại. Cho nên đối với chiến tranh vua chúa sáng suốt cần cẩn thận đối đãi, tướng soái ưu tú cần chú ý cảnh giác, đấy là nguyên tắc trọng yếu của an ninh quốc gia, bảo toàn quân đội.

Lời bình:

Hỏa công là một phương pháp trọng yếu của tác chiến cổ đại. Ở thời binh khí lạnh, vũ khí vẫn không đủ ở cự ly xa và diện tích lớn sát thương đối thủ, hỏa công trở thành một thủ đoạn tiến công đặc thù hữu hiệu, có tác dụng rõ rệt. Tôn Vũ dành riêng chương này, luận thuật khá tỉ mỉ vấn đề thực thi hỏa công ra sao, một mặt là bởi đặc điểm của chiến tranh đương thời quyết định, mặt khác cũng thuyết minh Tôn Vũ xem trọng đối với hỏa công, đã phản ánh ông ta

nghiên cứu cụ thể phương thức tác chiến, thủ đoạn tác chiến, là khá chu đáo, cũng khiến cho 13 chương sách Tôn Tử có được một sự viên mãn hoàn thiện.

Hỏa công, như tên gọi của nó là lấy lửa làm thủ đoạn đánh địch giành phần thắng, là mượn sức mạnh tự nhiên để phụ trợ tiến công, là thủ đoạn công kích trọng yếu trước khi hỏa khí xuất hiện, trong chiến tranh cổ đại được sử dụng rộng rãi. Ngày nay binh khí đã đạt đến trình độ cao, hỏa công vẫn có giá trị khá hữu hiệu. Súng phun lửa, đạn thiêu cháy trong binh khí hiện đại, nói cho cùng cũng là khói lửa của hỏa công vậy. Trong chiến tranh vùng Vịnh, quân đội nhiều nước lấy nước Mỹ làm đầu, sáng ngày 17 tháng 1 năm 1991, đột nhiên nhằm Irắc mà phát động cuộc không tập với quy mô lớn, trong 14 giờ phi cơ tác chiến, và vũ khí đạn đạo liên tục ba lần oanh tạc, đã bắn ra 1,8 vạn tấn đạn. Sau đó, quân đội nhiều nước lại mỗi ngày xuất kích 2000 đợt phi cơ, tiến hành oanh tạc nhiều lần vào các mục tiêu chiến lược. Chỉ một thời gian, thiết bị quân sự, phương tiện thông tấn của Irắc bị đốt cháy, kiến trúc bị thiêu hủy, giếng dầu bị cháy, Irắc bị chìm trong biển lửa, không kịp phản ứng đã rơi vào tê liệt, quân đội đa quốc gia sớm chiếm được thời cơ, một nhân tố trọng yếu là uy lực hỏa công, khác với binh pháp Tôn Vũ là phương thức phóng hỏa, song hiệu quả thì lớn hơn không biết bao nhiêu lần.

Luận thuật có hệ thống của Tôn Vũ về các vấn đề thực hiện đánh hỏa công, như chủng loại, tác dụng, điều kiện, phương pháp của đánh hỏa công, cùng là những vấn đề cần chú ý trong đánh hỏa công.

Tôn Vũ đem hỏa công phân thành năm loại, tức là *hỏa nhân*, *hỏa tích*, *hỏa chuy*, *hỏa khố*, *hỏa trụ*. Chữ hỏa ở đây là động từ, tức là dùng lửa để thiêu cháy. Tôn Vũ đem “hỏa nhân” ghi ở hàng đầu nhấn mạnh thắng bại của chiến tranh quyết định ở lực lượng sống động, tiêu diệt binh mã của địch là điều kiện đầu tiên giành lấy phần thắng. Đồng thời Tôn Vũ cũng rất xem trọng tác dụng trọng yếu của cơ sở vật chất và bảo đảm hậu cần trong chiến tranh, ví như đưa ra một cách toàn diện các phương pháp dùng hỏa công đánh vào cung ứng vật tư của quân địch, ở đây với những điều nói ở chương “Tác chiến” có quan hệ thống nhất với nhau. Ngoài ra, xem trọng việc hỏa thiêu vật tư của quân địch, chặt đứt cung ứng của họ, cũng là bởi hỏa công khó trực tiếp sát thương binh lính của địch song có thể triệt để tiêu hủy vật tư quân nhu, tạo thành sự tê liệt của cung ứng hậu cần từ đó khiến cho đội quân tác chiến người không lương thực, ngựa không cỏ để ăn, thất bại là điều không còn nghi ngờ gì nữa.

Tôn Vũ cho rằng, thực thi hỏa công cần có điều kiện vật chất và điều kiện khí tượng nhất định. Cần

làm tốt khâu chuẩn bị đánh hỏa công, bao gồm khí cụ “phát hỏa có giờ”, là nói cần nắm chắc thời cơ đánh hỏa công. Cần chọn ngày có khí hậu khô ráo, tiện cho việc phát hỏa; cần chọn ngày có gió để hỏa mượn sức gió càng cháy càng mạnh. Đây là sự vận dụng cụ thể của “ngũ sự” nói ở trên đây. Tôn Tử cũng làm mẫu mực đem thủ đoạn kĩ thuật và thủ đoạn chiến thuật mà kết hợp vận dụng. Ông ta khi luận thuật đánh hỏa công, chỉ ra rằng phóng hỏa đánh địch chỉ là một hình thức phụ trợ của tiến công, nhấn mạnh phải phối hợp mật thiết với binh lực mới có thể giành thắng lợi cuối cùng. Lấy lửa trợ giúp tiến công ấy là sáng suốt vậy. Tuy hỏa công, thủy công đều có uy lực khá mạnh, song nếu không kịp thời đưa binh lực vào thực thi tiến công, thì cũng rất khó giành được thành công như dự định. Bởi thế ông ta nhấn mạnh rằng, ắt nên nhân biến hóa của ngũ hỏa mà ứng biến, cũng giới thiệu cụ thể việc phóng hỏa ở trong, tiếp ứng ở ngoài; đã nổi lửa mà địch vẫn yên tĩnh thì cần bình tĩnh quan sát diễn biến, để quyết định là đánh hay dừng; nếu thời cơ thích hợp vẫn có thể từ ngoài phóng hỏa mà không cần có nội ứng; cần chú ý phóng hỏa ở đầu ngọn gió, không thể từ cuối gió mà tiến công; ban ngày thì gió thổi lâu, ban đêm thì gió dừng, phương pháp nguyên tắc ứng biến nhắc người dụng binh không những cần hiểu biến hóa của hỏa công, nhấn mạnh cần tuân theo quy luật khách quan. Thái

độ của Tôn Vũ là vụ thực mà bình tĩnh tỉnh táo, để quyết định có thể đánh hỏa công hay không, thậm chí nguyên tắc có khai chiến hay không là hợp với lợi thì động, không hợp với lợi thì dừng.

Ở đây đề cập đến tư tưởng cẩn thận trong giao chiến của Tôn Vũ. Từ việc cẩn thận sử dụng hỏa công được nói ở đây, Tôn Vũ đã hoàn chỉnh quan điểm cẩn thận trong giao chiến của mình. Đầu tiên ông nhấn mạnh xuất phát từ lợi ích quốc gia, quyết định dụng binh hay không, chẳng lợi thì chẳng động, chẳng được thì chẳng dùng. Phàm là con người đều không làm những việc chẳng có lợi, làm điều vô dụng, chiến tranh cũng là như thế, khi không có sự nguy bức với lợi ích quốc gia, chẳng thể vội nói đến động binh vậy. Bởi thế vua chúa chẳng thể bởi bức tức mà hưng binh, tướng soái chẳng thể lấy oán hận mà giao chiến, bất kể là người nào, chẳng kể là vua chúa hay tướng soái, đều không thể bởi xung đột nhất thời của mình mà bỗng nhiên hưng binh giao chiến. Chiến tranh rốt cục là liên quan đến hưng vong của quốc gia; lấy sinh mệnh của con người làm trò chơi của tranh bạc, chỉ vì cảm tính mà dẫn đến nước mất nhà tan, cái được chẳng bù nổi cái mất, là việc làm ngu xuẩn chẳng thể văn hồi được. Nghe nói rằng, người cầm đầu nước Đức hưng hân phát động chiến tranh thế giới thứ nhất, rồi chiến bại bị phế truất lưu đày, khi đọc được cuốn “Tôn Tử binh pháp” được dịch ra

tiếng Đức, đọc đến đoạn “vua chúa chẳng thể bởi bực tức mà hưng binh”, bất chợt than rằng: Ví như sớm đọc được cuốn sách này từ 20 năm trước, quyết không đến nỗi mất nước như thế này!

Cần nói thêm rằng, một khi chiến tranh nổ ra, thì cần nghĩ cách củng cố thành quả của thắng lợi. Vì lợi ích riêng của mình, việc tranh đoạt là điều chẳng thể tránh khỏi, khi mà “phạt mưu” chẳng thể đạt được mục đích thì đánh thành là điều khó tránh. Chiến tranh là hình thức cao nhất của đấu tranh chính trị, cũng là phương pháp hữu hiệu cứng rắn nhất, trực tiếp nhất của tranh giành lợi ích. Bởi thế, chỉ cần hợp với lợi, thường là sẽ có người khêu lên chiến tranh. Song chiến tranh chỉ là thủ đoạn mà tuyệt đối chẳng là mục đích, mục đích là được lợi, vậy thì khi chiến tranh đã giành được thắng lợi, đã đoạt được cái cần chiếm lĩnh, thì cần củng cố cẩn thận với chiến quả, cũng mong cầu phát triển và khuếch đại thêm một bước, khiến nó trở thành cái lợi thực sự có ích với quốc gia. Ví như chỉ biết đánh chiếm mà không tu bổ thì chỉ làm dân chúng nhọc mệt, động là không lợi, dùng là không được đấy là điều thập phần nguy hiểm. Vua chúa sáng suốt, tướng soái ưu tú, với điều này cần xem xét tỉ mỉ để có sự đối đãi đúng đắn.

Sau cùng, Tôn Tử đề ra tiêu chuẩn cao nhất của dụng binh là “an quốc toàn quân” nhằm giữ gìn an

ninh quốc gia, bảo toàn thực lực quân đội, đó là nguyên tắc cơ bản của vua chúa tướng soái suy nghĩ quyết sách, đối đãi với chiến tranh, bởi thế cần phải cẩn thận khác thường, cảnh giác chu đáo. Điều này cũng giống như Tôn Vũ đã đề cập ở chương Kế sách, Mưu công. Ở đây lại thành ra một nguyên tắc được đề xuất rõ ràng, đủ thấy sự xem trọng với “an quốc toàn quân”. Chính bởi như thế có học giả đem “an quốc toàn quân” xem là bộ phận hợp thành quan trọng hàng đầu của mưu lược quân sự Tôn Vũ, khen là “đại trí tuệ, đại mưu lược đối đãi với chiến tranh, không chế chiến tranh, điều hành chiến tranh”.

Tư tưởng thận trọng trong giao chiến đã biểu hiện thái độ của Tôn Vũ với chiến tranh rất thận trọng, rất nghiêm chỉnh, rất đầy đủ, là tiêu biểu cho tư tưởng quân sự tiến bộ thời Tiên Tần, thập phần đáng quý, với hậu thế có ảnh hưởng tích cực to lớn.

Trong lịch sử chiến tranh, những ví dụ về đánh hỏa công thực không kể xiết, riêng ở thời Tam Quốc đánh hỏa công trứ danh đã có Gia Cát Lượng hỏa thiêu gò Bắc Vọng, hỏa thiêu Tân Dã, cản phá quân Tào; trận hỏa thiêu quân giáp mây trong bảy lần bắt Mạnh Hoạch; Tào Tháo hỏa thiêu lương thảo ở Ô Sào, góp phần đánh bại được Viên Thiệu; Từ Thịnh với trận hỏa công ở Hoài Hà, cản phá quân Tào Phi, Lục Tốn hỏa thiêu liên trại kéo dài 700 dặm bức đại

quân Lưu Bị phải rút chạy v.v... mà nổi tiếng nhất phải kể đến trận đánh mà già trẻ trong nước đều biết đó là Chu Du hỏa thiêu Xích Bích.

Năm 208, Tào Tháo dẫn theo một đạo quân lớn với 83 vạn binh mã, từ Giang Lăng thuận dòng sang phía Đông, chuẩn bị tiêu diệt Lưu Bị và Tôn Quyền cát cứ ở phương Nam, thống nhất toàn quốc. Quân Tào trận thế to lớn, khí thế rất là đáng ngại, kể từ ở Trường Bản cản phá Lưu Bị, thuận lợi chiếm lĩnh được Giang Lăng, thế rồi thuận dòng sang phía Đông uy hiếp Đông Ngô của Tôn Quyền. Lưu Bị mới thất bại, tự biết không địch nổi quân Tào. Tôn Quyền cũng cảm thấy áp lực to lớn, lo lắng không đủ sức chống lại quân Tào. Thế rồi Lỗ Túc và Gia Cát Lượng làm con thoi qua lại hai bên, Tôn Lưu chuẩn bị liên hợp chống lại quân Tào. Gia Cát Lượng đi sứ Đông Ngô phân tích thực lực hai bên và tình hình của quân Tào, kiên định thêm quyết tâm của Tôn Quyền trong việc liên hợp chống lại quân Tào, đấu khẩu với đám nho sĩ Đông Ngô, bẻ gãy thế lực phái chủ hàng trong nội bộ Đông Ngô. Tôn Quyền điều động đô đốc Chu Du từ Bà Dương về chủ trì cuộc chiến. Tôn Lưu hợp binh một chỗ, lần đầu chạm trán với quân Tào ở mé sông phía Tây Xích Bích. Liên quân đánh bại được đội quân tiên phong của quân Tào, khiến chúng phải rút về hợp binh với quân chủ lực. Bấy giờ ở ven sông bệnh tật đang lưu hành, quân Tào quá nửa

không quen thủy chiến, không chịu nổi sóng gió trên sông chao đảo, binh lính phần nhiều mỗi mệt bệnh tật, Tào Tháo trước tình huống ấy lệnh cho thuộc hạ đem chiến thuyền nối liền với nhau bằng xích sắt, ở trên thuyền lát ván gỗ bằng phẳng, giảm được sự chao đảo của thuyền bè. Binh lính cảm thấy vậy rất là thoải mái, song hành động của thuyền bè lại bị hạn chế rất lớn. Tình cảnh đó bị tướng quân Hoàng Cái của Đông Ngô nhìn thấy bèn nảy sinh mưu kế hỏa thiêu chiến thuyền. Chu Du tiếp thu mưu kế của Hoàng Cái, thế rồi bày ra việc Hoàng Cái trá hàng để tiếp cận với doanh trại quân Tào, sau đó sẽ phóng hỏa tập kích chiến thuyền của quân Tào. Chu Du để Hoàng Cái viết thư xin hàng, phái người mang đến doanh trại quân Tào, Tào Tháo thấy vậy thì cả mừng, không nghi ngờ gì, bèn với người đưa thư hẹn thời gian và tín hiệu đầu hàng. Đồng thời, Chu Du hạ lệnh trang bị 10 chiến thuyền, chỏ cỏ khô, củi khô, lại tẩm thêm dầu đốt, dùng vải phủ kín, lại cắm cả cờ xí như đã ước định. Lại chuẩn bị một loạt thuyền nhỏ buộc vào đuôi thuyền lớn để cho binh lính sau khi phóng hỏa sẽ chạy thoát được.

Vào một ngày của tháng 11, Hoàng Cái dẫn 10 thuyền nhằm bờ Bắc vội vã lướt tới, đến giữa sông lại kéo buồm, tăng tốc tiến lên. Sắp đến doanh trại quân Tào, Hoàng Cái lệnh cho binh lính nhằm hướng Bắc hô to: Hoàng Cái đến đầu hàng! Binh lính quân Tào

thấy Hoàng Cái đến hàng, rồi rít kéo ra ngó nhìn, chẳng hề cảnh giác chút nào. Lúc ấy chiến thuyền của Hoàng Cái đã gần đến thủy trại của quân Tào, mười chiến thuyền đồng thời phóng hỏa, xông thẳng tới doanh trại quân Tào, binh lính phóng hỏa rồi nhảy lên thuyền con mà chạy về phía Nam. Lúc này, ở trên sông gió Đông Nam đang thổi mạnh, những thuyền lửa căng buồm sông thẳng vào chiến thuyền của quân Tào, lửa mượn thế gió, gió mượn sức lửa chỉ trong khoảnh khắc các chiến thuyền của quân Tào theo nhau bén lửa. Chiến thuyền quân Tào bị xích sắt nối liền với nhau nhất thời chẳng thể giải thoát, chỉ trong chốc lát các chiến thuyền ở đó đều bốc cháy, ngọn lửa bùng bùng, một mạch thiêu đến đại bản doanh quân Tào ở bờ Bắc. Binh sĩ quân Tào bị hỏa thiêu đột ngột, kinh hoảng thất thố, mất hoa đầu vầng, không chỉ không có sức đề kháng mà ở trong sự hoảng loạn bị chết cháy, chết đuối cùng là giẫm đạp lên nhau mà chết chẳng kể xiết. Liên quân Tôn Lưu thừa cơ đánh mạnh, đánh cho quân Tào nghiêng ngửa, bỏ chạy tứ tán. Tào Tháo ra khỏi biển lửa dẫn theo tàn binh bại tướng theo đường Hoa Dung nhằm hướng Giang Lăng mà chạy về. Liên quân Tôn Lưu thừa thắng truy kích một mạch đuổi đến Nam Quận (nay thuộc Hồ Bắc). Ở trận này, binh mã quân Tào đã thương vong quá nửa, Tào Tháo bất đắc dĩ lệnh cho Tào Nhân cố thủ Giang Lăng, lệnh cho Nhạc

Tiến cố thủ Tương Dương, tự mình thì dẫn bại binh chạy về phương Bắc.

Trận chiến Xích Bích liên quân Tôn Lưu lợi dụng điều kiện có lợi của mình, nắm bắt nhược điểm của địch, khéo dùng hỏa công, chỉ một trận đã đánh thắng quân Tào có binh lực gấp bội, điển hình cho lấy ít thắng nhiều, lấy yếu thắng mạnh. Hỏa thiêu Xích Bích, trở thành kinh điển của lịch sử chiến tranh cổ đại, người ta trong câu chuyện trà dư tửu hậu thường hay nhắc đến; đó là một chứng minh tuyệt vời cho chương “Hỏa công” của Tôn Tử vậy.

CHƯƠNG 13

DÙNG LY GIẢN

孙子曰：凡兴师十万，出征千里，百姓之费，公家之奉，日费千金；内外骚动，怠于道路，不得操事者，七十万家。相守数年，以争一日之胜。而爱爵禄百金，不知敌之情者，不仁之至也，非人之将也，非主之佐也，非胜之主也。故明君贤将，所以动而胜人，成功出于众者，先知也。先知者，不可取于鬼神，不可象于事，不可验于度，必取于人，知敌之情者也。

Tôn Tử viết: Phàm hưng sư thập vạn, xuất chinh thiên lý, bách tính chi phí, công gia chi phụng, nhật phí thiên kim; nội ngoại tao động, đãi ư đạo lộ bất đắc thao sự giả, thất thập vạn gia. Tương thủ số niên, dĩ tranh nhất nhật chi thắng. Nhi ái tước lộc bách kim, bất tri địch chi tình giả, bất nhân chi chí dã, phi nhân chi tướng dã, phi chủ chi tá dã, phi thắng chi chủ dã. Cố minh quân hiền tướng, sở dĩ động nhi thắng nhân, thành công xuất ư chúng giả,

tiên tri dã. Tiên tri giả, bất khả thủ ư quỹ thân, bất khả tượng ư sự, bất khả nghiệm ư độ, tất thủ ư nhân, tri địch chi tình giả dã.

Diễn giải:

Tôn Tử nói: Phàm là hưng binh mười dặm, xuất chinh nghìn dặm, hao phí vật chất của trăm họ dân chúng, chi tiêu công quỹ quốc gia mỗi ngày đều cần tiêu tốn số vàng bạc rất lớn; toàn quốc trên dưới trong ngoài bởi thế mà rối loạn không yên, dân phu binh lính bôn ba ở dọc đường, chẳng thể theo công việc bình thường của mình, kéo theo số gia đình 7 lần 10 vạn vào cuộc (theo quy chế cổ điển: một nhà tông quân cần 7 nhà gánh vác lao dịch chiến tranh). Khi hai phía địch ta cầm cự vài năm, là mong cầu sẽ có ngày thắng lợi. Cho nên, nếu như tiếc rẻ tiền bạc quan tước, không chịu thông qua việc dùng gián điệp để hiểu địch tình, những tướng soái ấy thực chẳng có lòng nhân ái. Người như vậy, không xứng là thống soái quân đội, không xứng là hộ tá của quốc vương, cũng như không thể trở thành chủ thể thắng bại của chiến tranh. Vua chúa anh minh, tướng soái ưu tú, họ sở dĩ xuất binh là có thể thắng được kẻ địch, thành công giành được vượt hơn mọi người nói chung là bởi trước lúc dụng binh đã nắm chắc được địch tình. Muốn sớm hiểu được địch tình, quyết không thể dựa vào gợi mở của địch tình cũng không thể dựa vào một số hiện tượng nào để suy đoán, càng không thể

dựa vào chiêm tinh để chứng nghiệm mà chỉ có thể giành được từ thực sự hiểu rõ dịch tinh.

Phương thức vận dụng gián điệp có năm loại: *Nhân gián, nội gián, phản gián, tử gián, sinh gián*. Năm loại gián điệp đồng thời hoạt động, khiến kẻ địch chẳng thể hiểu, chẳng thể biết được quy luật và đường lối dùng gián điệp của nước ta, đây gọi là thần bí, là pháp bảo của vua chúa dè bẹp kẻ địch giành lấy phần thắng. Gọi là nhân gián là lợi dụng cư dân của nước địch làm gián điệp; nội gián là lợi dụng nhân viên của địch làm gián điệp của ta; phản gián là lợi dụng gián điệp của địch lại vì ta mà làm công việc gián điệp; tử gián là ẩn sâu trong doanh trại quân địch, là gián điệp đặc thù có liên lạc với gián điệp của ta và cả gián điệp của địch; sinh gián là chỉ gián điệp sống sót trở về báo cáo lại địch hình.

Cho nên, đối với vua chúa và tướng soái thống lĩnh ba quân dụng binh giao chiến mà nói, toàn quân trên dưới chẳng có ai thân gần hơn so với gián điệp, phần thưởng chẳng có gì đầy đặn hơn so với tặng cho gián điệp, sự vụ giao tiếp xử lý chẳng có gì cơ mật hơn so với gián điệp. Không phải là người có trí tuệ thông minh thì không thể sử dụng gián điệp; không phải là người nhân từ khảng khái thì không thể chỉ huy gián điệp; không phải là người tính toán tinh tế thì không thể giành được những gì chân thực từ tin tình báo của gián điệp. Vì diệu thay! Chẳng có chỗ

nào không thể sử dụng gián điệp. Ví như có tin tức của gián điệp, công tác còn chưa tiến hành đã bị tiết lộ cả, vậy thì gián điệp đó đáng bị xử tử.

Phàm là với quân địch mà ta muốn đánh, với thành lũy mà ta muốn tiến công, với kẻ địch mà ta muốn trừng trị, đều cần sớm hiểu rõ tướng lĩnh và tả hữu thân tín của địch, liên lạc thông tấn cùng sĩ quan giữ cửa, cùng là họ tên của các tân khách dưới chướng, với những tình huống ấy gián điệp của ta phải trình sát rõ ràng.

Cũng nên điều tra ra gián điệp của địch đến trình sát tình huống của ta, dùng đãi ngộ và tiền bạc mua chuộc họ, với họ tiến hành dụ bảo mở lối, rồi giao cho họ nhiệm vụ, để họ trở về, như vậy đã có thể khiến họ trở thành phản gián, bị ta sử dụng. Bởi đã có được tình báo của phản gián cung cấp, cho nên có thể bồi dưỡng lợi dụng được nội gián. Đồng thời căn cứ vào tin tình báo của phản gián cung cấp, tử gián truyền bá tin tình báo giả, có thể thông qua phản gián mà báo cho địch hay biết. Cũng bởi đã có phản gián, sinh gián của ta có thể chiếu theo thời gian dự định mà trở về báo cáo địch tình. Đối với tình huống của năm loại gián điệp, vua chúa ắt nên biết rõ, cần hiểu được rằng, then chốt ở lợi dụng phản gián, cho nên đãi ngộ tiền thưởng với phản gián không thể không rất đầy đặn vậy.

Xưa kia, sự hưng thịnh của Ân Thương phần lớn là nhờ bởi Y Doãn, ông từng làm quan ở vương triều nhà Hạ; sự hưng thịnh của Tây Chu phần lớn là nhờ bởi Khương Tử Nha, ông từng làm quan dưới thời Ân Thương. Cho nên, vua chúa sáng suốt, tướng soái tài giỏi, có thể sử dụng người có trí tuệ cao siêu làm gián điệp, nhất định có thể thu được thành công rất lớn. Đây là then chốt của dụng binh tác chiến, quân đội cần dựa vào tin tình báo mà họ cung cấp để quyết định hành động quân sự.

Lời bình:

Tôn Tử đem chương dùng ly gián xếp ở cuối sách là xếp đặt rất có dụng tâm. Trong lý luận quân sự của Tôn Vũ, “biết mình biết người trăm trận bất bại”, là một hòn đá tảng quan trọng, “biết” là vấn đề chủ yếu mà Tôn Vũ luôn luôn thường nghĩ đến, là nhân tố then chốt quyết định thắng bại chiến tranh. Có thể nói rằng, biết mình là việc khá dễ, mà biết người thì tương đối khó. Đã có nguyện vọng chủ quan và xem trọng cao độ với “biết”, ví như chẳng có con đường thông suốt và thủ đoạn hữu hiệu, tình hình kẻ địch rất khó biết được rõ ràng, thì cũng chẳng thể định ra được chiến lược, chiến thuật chính xác. Dùng gián điệp, chính là đường lối và thủ đoạn rất trọng yếu, rất đáng dựa của “biết người”. Bởi thế mà theo logic mà nói đem “dùng ly gián” đặt ở cuối cùng của “binh pháp Tôn Tử” có ý nghĩa mang tính tổng kết.

Tôn Vũ để hẳn ra một chương tập trung luận thuật về dùng ly gián, thuyết minh ông ta khá xem trọng đối với việc dùng gián điệp. Bởi thế, dễ thấy ở chương này là nhấn mạnh ý nghĩa trọng yếu sử dụng gián điệp trình sát địch tình, xem thành một việc quan trọng của dụng binh tác chiến. Tôn Vũ xuất phát từ góc độ chiến lược đại cục, chỉ rõ điều kiện quan trọng chiến thắng kẻ địch, lập được công lao to lớn là “tiên tri”. Có thể tiên tri được tình hình của địch, tương ứng có thể định ra bố trí chiến lược và phương án hành động của ta. Vậy thì có thể “động mà thắng người”. Còn không biết tình hình của địch thì không thể tốc thắng thậm chí hoàn toàn chẳng có khả năng thắng lợi, vậy thì phí tổn nghìn vàng mỗi ngày, tổn nhân lực vật lực, đã không thể bảo trợ cho dân, cũng chẳng đem lại lợi ích cho vua, cho nước. Đúng là như vậy, nếu như tướng soái thống lĩnh ba quân mà không nhân ái, thì chẳng giúp được gì cho vua chúa cả.

Vậy thì làm thế nào mới có thể “tiên tri”? Tôn Vũ cho rằng, không mong cầu ở sự trợ giúp của quỷ thần, không dùng cái tương tự để suy đoán, cũng phản đối bói toán, xem hiện tượng thiên nhiên, nghiệm theo lời sấm truyền, mà chủ trương dùng ly gián để biết tình hình của địch. Tôn Vũ nhấn mạnh và xem trọng tác dụng của con người trong chiến tranh, đây là một tư tưởng nhất quán. Ở đây nhấn mạnh đến con người trong công việc đặc thù, đó là

gián điệp, có tác dụng đặc thù với nắm chắc tình hình địch, quyết sách đúng đắn, chính là biểu hiện cụ thể của tư tưởng nhân bản. Mà xem trọng việc ngoài hơn việc quý thân, có quan điểm vì đại cục mà bỏ qua cái nhỏ nhất, là biểu hiện đặc trưng tinh thần của nhận thức tư tưởng duy vật thuần phác và thực sự cầu thị, ở đây trong tư tưởng quân sự của Tôn Vũ, là rất có tinh hoa sáng láng, đương thời có được tính tự giác và mức độ nhận thức như vậy là điều đáng quý rất khó có được. Đồng thời, Tôn Vũ xem sự xem trọng và khéo sử dụng gián điệp là cái để cân nhắc vua chúa tướng soái là sáng suốt hay là ngu muội, coi là tiêu chuẩn nhân ái hay là hung ác, với người xem trọng dùng gián điệp thì khen ngợi, với người tiếc rẻ tước lộc vàng bạc mà khiến phí tổn cuộc chiến kéo dài mãi thì không khỏi trách cứ, không chỉ biểu hiện sự xem trọng của Tôn Vũ với dùng gián điệp mà từ một góc độ mới nêu ra nguyên tắc chỉ đạo “hợp với lợi thì động”.

Sau khi luận ý nghĩa dùng gián điệp, Tôn Vũ đã giới thiệu các loại gián điệp, đặc điểm hoạt động, tác dụng và phương pháp, nguyên tắc sử dụng gián điệp. Tôn Vũ đem gián điệp phân thành năm loại là: Nhân gián, nội gián, phản gián, tử gián, sinh gián, cũng đưa ra chỉ tiêu với thân phận nhân viên, đặc điểm hoạt động, cũng chỉ rõ ràng, không đâu là không thể dùng gián điệp. Phạm vi sử dụng gián điệp khá rộng, gián điệp của ta tung ra hoạt động toàn diện khiến kẻ địch mò không được đầu mối mà ta thì thông qua

gián điệp có thể nắm chắc được địch tình, từ việc tập kích cánh quân đánh phá thành trì đều thấy tình huống rõ ràng, từ đó mà thắng được người ta. Chính bởi như thế, gián điệp ở chỗ thông soái thì được ban thưởng nhiều nhất; họ là người công việc bí mật nhất đồng thời cũng là nguy hiểm nhất. Cũng chính bởi như vậy, thông soái sử dụng gián điệp cần có trí tuệ và phẩm chất của thánh hiền, cần có tính toán tinh tế và xếp đặt khéo léo, không thì chỗ chẳng thể dùng gián điệp, ví thể có dùng gián điệp cũng đạt không có được mục đích dự định lại có khả năng tạo thành gián điệp của ta bị địch lợi dụng, thành ra nguy hiểm của phản gián.

Trong năm loại gián điệp được Tôn Vũ xem trọng là “phản gián”, tức là dùng lợi mua chuộc được gián điệp của địch để làm việc cho ta. Bởi gián điệp của địch có thân phận đặc thù ở trong nội bộ, một khi thành ra phản gián làm việc cho ta, thường có thể phát huy tác dụng rất bất ngờ, còn nội gián có thể thông qua tình huống của phản gián cung cấp mà bồi dưỡng phát triển, tin tình báo giả của tử gián có thể thông qua phản gián mà truyền đạt thuận lợi đến hàng ngũ chỉ huy của quân địch, làm giảm bớt sự hoài nghi của kẻ địch, đồng thời sinh gián cũng có thể chiếu theo kì hạn mà trở về báo cáo tình hình. Thành lũy dễ nhất là từ trong nội bộ mà đánh phá. Mặc cho kẻ địch to lớn ra sao, một khi từ trong nội bộ đã phân tán hóa tan vỡ thì chẳng có chuyện đánh mà không

bại. Tôn Vũ đặc biệt xem trọng phản gián, nhấn mạnh “hiếu biết là nhờ có phản gián” là rất có đạo lý, phản gián đích xác là rất có tác dụng to lớn, thập phần hữu hiệu.

Về sử dụng gián điệp Tôn Vũ đề ra ba yếu tố: *Võ về, trọng thưởng, bí mật*. Võ về và bí mật có liên hệ chặt chẽ với nhau. Chẳng phải là tâm phúc, chẳng thể nói lời bí mật; việc dùng gián điệp mà không bí mật thì mình sẽ bị hại. Mà muốn có thân mật thì phải bí mật, khiến cho gián điệp gần bó đến chết, lâm nguy bất biến thì phải dựa vào hậu thưởng ưu đãi. Ở đây bao hàm hai phương diện: Bồi dưỡng và sử dụng với gián điệp. Về tuyển chọn gián điệp, Tôn Vũ cho rằng nguyên tắc lý tưởng nhất, trọng yếu nhất là lấy trí giả làm gián điệp. Nói là bậc trí giả ví như Y Doãn, Khương Tử Nha, là người có đại trí, đại mưu, đại dũng. Dùng người như vậy làm gián điệp, hẳn sẽ có thành tựu to lớn.

Cuối cùng, Tôn Vũ đưa ra kết luận: Dùng gián điệp, đây là quan trọng của việc binh, là ba quân nhờ đó mà hành động vậy. Dùng gián điệp trong hoạt động quân sự có một địa vị đáng kể, thậm chí là chỗ dựa thành bại được mất của tướng sĩ toàn quân, gắn liền với mạng sống của bản thân.

Tôn Tử lấy chương “Dùng ly gián” để kết thúc cho cuốn sách của mình không chỉ là đầu đuôi tương ứng với chương “Kế sách” luận thuật về quyết sách

chiến lược, cùng góp phần tỏa sáng, khiến cho kết cấu toàn bộ cuốn sách được hoàn chỉnh viên mãn, đồng thời cũng có thể thấy tư tưởng biết mình biết người của Tôn Tử trước sau như nhất, quán xuyên đến cùng. Thành công của bố cục ở đây cũng mang trí tuệ như ở chương “Mưu công” ở trên là đáng được hậu thế coi là tấm gương học tập.

Bởi lợi ích của bản quốc mà tiến hành các loại tranh đoạt, tác dụng của gián điệp đích xác là khá trọng yếu, có lúc thậm chí có thể trở thành nhân tố quyết định quan hệ đến thắng bại. Tôn Vũ đưa ví dụ Y Doãn và Khương Tử Nha, tuy về thân phận và ý nghĩa so với gián điệp có khác biệt khá lớn, song họ quen thuộc tình huống của địch, với quyết sách đúng đắn của vua chúa và thắng lợi cuối cùng của chinh phạt có tác dụng rất to lớn, cũng là điều được lịch sử chứng minh rõ ràng. Tần Cối trung thành với quân Kim ngoại bang làm nội gián cho họ, sát hại tướng quân Nhạc Phi, cản trở việc thu phục Trung Nguyên, khiến cho Nam Tống quốc lực suy kiệt, trường kỳ chịu nép mình ở Giang Nam là một sự thực mà mọi người đều biết. Trong cuộc Sở Hán tranh giành, Hạng Vũ có thực lực to lớn, cuối cùng bị thất bại bởi Lưu Bang vốn nhỏ yếu hơn, điểm chuyển hóa then chốt là ông ta trúng phải kế phản gián của Trần Bình.

Năm 205 trước Công nguyên, Sở Bá Vương Hạng Vũ dẫn binh vây đánh Huỳnh Dương, quân Hán chỉ

có chống đỡ mà thôi. Hán Vương Lưu Bang hạ lệnh đóng cửa thành cố thủ, vội triệu mưu thần bàn kế phá địch. Trần Bình hiến kế rằng: Thuộc hạ của Hạng Vũ gọi là người đặc lực không ngoài Phạm Tăng, Chung Ly Muội. Đại vương nếu như chẳng tiếc vàng bạc lấy lợi mà dụ người Sở tung tin đồn đại, ly gián quan hệ của Hạng Vũ với đại thần, khiến họ nghi ngờ lẫn nhau, sau đó thừa cơ tiến đánh, sao không phá được quân Sở. Lưu Bang nghe vậy thì cả mừng, xuất vạn cân vàng để cho Trần Bình thực thi kế phản gián. Trần Bình chọn Nhược Can là người tâm phúc của mình mang vàng bạc trà trộn vào doanh trại quân địch, mua chuộc họ làm gián điệp, khiến họ phao tin đồn đại ở trong quân Sở. Không lâu trong doanh trại quân Sở chỗ nào cũng lưu truyền tin thất thiệt nói rằng Chung Ly Muội công lao rất lớn, lại không được phong thưởng, đang chuẩn bị với Hán vương ra tay diệt Sở, để được chia phần đất của Sở. Hạng Vũ có tính đa nghi nghe lời đồn đại không khỏi để ý, từ đó không tìm Chung Ly Muội để bàn bạc đại sự nữa. Trần Bình thấy bước đầu có kết quả, lại chuyển mục tiêu sang phía Phạm Tăng. Phạm Tăng là mưu sĩ của Hạng Vũ, được Hạng Vũ gọi là “á phụ”, mọi việc lớn nhỏ đều tìm ông ta mà bàn bạc. Ở Hồng Môn Yến, Lưu Bang một chút nữa là bị tóm bởi Phạm Tăng. Lần này ở Huỳnh Dương, Lưu Bang giả có ý cầu hòa, lại bị Phạm Tăng khám phá, bảo với Hạng Vũ: Đây là kế hoãn binh, Lưu Bang có ý kéo dài thời

gian, đợi cứu binh của Hàn Tín. Cần tăng tốc đánh thành, sau khi diệt được Lưu Bang sẽ tiến đến chuyện tiêu diệt Hàn Tín. Hạng Vũ nghe lời đánh mạnh ở Huỳnh Dương, song mấy ngày liền vẫn chưa đánh nổi. Bấy giờ, Lưu Bang lại phái sứ giả đến cầu hòa, có ý lấy Huỳnh Dương làm ranh giới, phân chia hai phía Đông Tây với Sở. Hạng Vũ tuy không đáp ứng việc cầu hòa, lại phái sứ giả đến chỗ doanh trại quân Hán để nghe ngóng hư thực. Chuyến đi này đã cung cấp cơ hội để Trần Bình lợi dụng.

Sứ giả của Sở sau khi truyền đạt ý chỉ của Hạng Vũ không chịu nghị hòa, được Trần Bình tiếp đón ở nhà ăn, lấy lễ chầu hầu để khoản đãi, bày ra yến tiệc khá là thịnh soạn. Lúc còn chưa khai mạc, Trần Bình hỏi sứ giả về tình hình của Phạm Tăng mà không hề nhắc đến Hạng Vũ. Sứ giả nói: Tôi vâng lệnh Hạng vương đi sứ, chẳng chịu sự sai khiến của á phụ. Trần Bình nghe nói vậy lại giả vờ kinh ngạc khác thường: Ông thực là người của Hạng Vũ phái đến ư? Nói rồi quay đầu bước ra, cũng ra lệnh liền dẹp bỏ yến tiệc và người phục dịch. Sứ thần ngồi lại một mình hồi lâu không thấy có ai đến, cho đến lúc mặt trời xế bóng mới có người đến đưa cơm, lại là rau dưa đạm bạc, gọi là có chút thịt mà lại có mùi hôi, đến như rượu cũng lại có mùi chua rồi. Sứ giả bức tức không thôi, chẳng cáo lui đã từ biệt, trở về doanh trại quân Sở. Sứ giả đem chuyện vừa rồi, lại pha thêm mắm muối mà liên

báo lại với Hạng Vũ. Trong lúc vô ý đã làm theo kế phản gián của Trần Bình. Hạng Vũ vốn tính nóng nảy đa nghi nghe sứ giả nói lại không khỏi bỗng nhiên cả giận liền sinh ra hoài nghi với Phạm Tăng.

Lúc ấy, Phạm Tăng vẫn không hay biết gì, lòng trung đau đầu vì Hạng Vũ mà nghĩ mưu tính kế. Thấy Hạng Vũ mấy ngày đánh thành không được, bèn thôi thúc đánh mạnh hơn nữa. Ông ta phân tích: Hiện tại Lưu Bang bị khốn ở Huỳnh Dương, là trời cho cơ hội tốt tiêu diệt quân Hán, nếu không mau quyết đoán mà lại thả hổ về rừng hậu quả sẽ không lường hết được! Hạng Vũ nghe Phạm Tăng chỉ trích, không nén được bực tức bèn nói: Ông muốn tôi đánh Huỳnh Dương, tôi cũng chẳng phải là không muốn đánh. Chỉ sợ Huỳnh Dương còn chưa đánh nổi, tính mạng của tôi đã sớm bị ông quăng đi rồi! Phạm Tăng nghe vậy thì rất kinh ngạc, nghĩ rằng Hạng Vũ chưa hề nói với mình những lời khó nghe như vậy, nhất định là gần đây có tin đồn đại đã hoài nghi lòng trung thành của mình. Phạm Tăng bỗng chốc eảm thấy con tim giá lạnh, liền nói với Hạng Vũ rằng: “Hiện tại thiên hạ đại thế đã định, xin đại vương tự suy xét, muôn vàn chẳng nên trúng phải gian kế của kẻ địch. Thần đã già cả vô dụng, xin cho phép được cáo lão hồi hương!” nói rồi liền đi ra ngoài, chẳng hề ngoái đầu lại. Thế rồi, Phạm Tăng đem ấn tín Lịch Dương Hầu được Hạng Vũ phong cho mà sai người đem trả Hạng Vũ, vội thu thập hành trang rồi doanh

trại quân Sở và đi khỏi đó. Đáng thương cho Phạm Tăng, vốn đã tuổi già nhiều bệnh lại uất ức trong lòng, trên đường về nhà thì phát bệnh mà mất.

Phạm Tăng mất rồi, Hạng Vũ liền như rần không đầu, vương đông chạm tây, sự nghiệp tranh bá bắt đầu xuống dốc, chẳng đến mấy năm đã bị Lưu Bang bức đến đường cùng, tự vẫn ở Ô Giang!

Trần Bình thi hành kế phản gián, trừ bỏ được phụ tá đắc lực của Hạng Vũ là Phạm Tăng và Chung Ly Muội, khiến thực lực của Sở và Hán phát sinh chuyển biến to lớn, cuối cùng Lưu Bang đã gây dựng được sự nghiệp lớn lao là thống nhất Trung Quốc. Sự vi diệu thần kì của việc dùng ly gián là điều chẳng khó nhận thấy. Ngày nay sau 2000 năm, phương pháp cụ thể dùng ly gián của Tôn Vũ hiển nhiên đã lỗi thời, căn bản chẳng thể so sánh với thủ đoạn tình báo hiện đại, song tư tưởng cơ bản của chương dùng ly gián lại không những không lỗi thời mà càng được ứng dụng rộng rãi. Cục tình báo trung ương Mỹ và của Liên Xô trước đây đều là những tập đoàn gián điệp lớn nhất thế giới hiện nay, phạm vi dùng gián điệp vượt ra ngoài lĩnh vực quân sự, ngoại giao. Cùng với kết thúc thời đại chiến tranh lạnh, hoạt động gián điệp phần lớn đã chuyển sang lĩnh vực kinh tế thám thính, tình báo thương nghiệp kỹ thuật đã thành ra phương hướng chủ yếu của gián điệp ngày nay, đây là bí mật mà ai nấy đều biết. Đây cũng là điều mà Tôn Tử chẳng thể thấy trước được.

PHẦN II

TÔN TỬ

PHÁC HỌA

Nhân loại đang bước vào thế kỷ mới; chúng ta đang đối diện với một thế giới đầy phức tạp, bước vào một thời đại mới đầy sức sống mà cũng tiềm ẩn không ít nguy cơ.

Ngày nay chúng ta tắm trong ánh sáng sán lạn của khoa học và công nghệ hiện đại, có thể nhìn thấy qua màn huỳnh quang cảnh tượng hỏa tiễn vút lên không trung, ngồi máy bay siêu âm lữ hành qua những châu lục, có thể vào siêu thị lung linh muôn vẻ mà thoải mái mua sắm, lại có thể tận dụng những công trình nghiên cứu sinh học để tiến hành cuộc cách mạng về di truyền... Khoa học và công nghệ hiện đại đem giấc mơ chinh phục đại tự nhiên của nhân loại biến thành sự thực, cũng bày ra trước nhân loại một tương lai tốt đẹp hơn.

Song, ngày nay, đồng thời với việc mọi người mưu cầu nâng cao chất lượng, cuộc sống của mình, cũng đang tìm kiếm và vun đắp một hình tượng hoàn

chính của nhân loại sao cho hoàn mỹ và lý tưởng hơn, mọi người thấy rõ rằng: Vũ khí hạt nhân mà loài người đã có, lại có thể hủy diệt loài người gấp mấy trăm lần hơn trước; đại chiến thế giới tựa hồ không xảy ra, song việc buôn bán vũ khí toàn cầu vẫn như trận hồng thủy tràn lan xâm nhập đến mỗi góc nhỏ của cuộc sống loài người, khá nhiều vệ tinh được dùng vào mục đích quân sự đang quay ở trên không, khiến mọi người ngược mắt nhìn lên khoảng không tĩnh mịch trong trẻo kia, cảm thấy một nỗi sợ sệt khó nén nổi. Ở trên vùng biển cát lấm dầu khí kia, hàng chục vạn sinh linh đang hô to “dùng chính nghĩa chiến thắng tà ác”, bị hỏa tiễn siêu chính xác hủy diệt cả xe tăng thiết giáp, hầm trú ẩn, nhà cửa..., sự nguy hiểm của chiến tranh vẫn đang tiềm ẩn ở mỗi tấc đất của cuộc sống loài người, nó cách chúng ta cũng không xa lắm.

Chúng ta không thể không đối mặt với hiện thực như thế này: Sự phát triển của khoa học và công nghệ hiện đại, chẳng những không thể làm ngừng sự đe dọa của chiến tranh ác độc, mà còn làm tăng nhanh những bước đi mới của nó, khiến tính ngẫu nhiên bộc phát, qui mô và độ tàn khốc cũng đồng bộ tăng thêm.

Những người lương thiện vì cuộc sống hòa bình mà lên tiếng kêu gọi, mong mỗi thông qua sức mạnh của đạo đức và dư luận ngăn chặn chiến tranh phát

sinh, chặn đứng nguy cơ chiến tranh từ trong trứng; Song, người ta cũng biết rằng, khoa học và công nghệ phát triển mau chóng cố nhiên không thể từ căn bản mà cải biến cách nhìn của nhân loại với chiến tranh. Song đơn thuần dựa vào sự cảm hóa tinh thần của đạo đức dư luận, cũng chưa hẳn có thể khiến những cuồng vọng với chiến tranh gắn mình với ma quỷ buông dao xuống. Trên thế giới giữa nước này với nước kia, dân tộc này với dân tộc kia vẫn đầy những mâu thuẫn và đối kháng, chiến tranh luôn luôn là thủ đoạn hữu hiệu thường dùng để giành phần thắng với đối thủ sau khi con đường kinh tế, chính trị, ngoại giao bị tắc lấp. Một nhà quân sự nổi tiếng của nước Phổ ở thế kỷ XIX được phương Tây xem là người đáng kính nể từng nói rằng: “Nếu một bên không đòi hỏi đến tất cả, không ngại đổ máu mà dùng bạo lực, khi đối phương không làm như thế, thì tất nhiên sẽ thu được ưu thế. Đã như vậy họ sẽ khiến đối phương cũng không làm như vậy, thế rồi hai bên cùng có xu hướng cực đoan (theo xu hướng chiến tranh luận).

Nếu như có chiến tranh hạt nhân với qui mô lớn xảy ra, không thể xuất hiện kẻ chiến thắng; nếu như anh bẻ gãy được đối thủ, cũng sẽ tự mình chôn vùi luôn cả địa cầu mà nhân loại dựa vào đấy để sinh tồn.

Ngày nay xung đột bạo lực cũng không thể đi theo xu hướng cực đoan, bởi vì phải loại trừ kẻ điên

ra, không ai muốn bước xuống địa ngục. Mọi người đang tìm kiếm những lý luận mới, giống như con thuyền lạc lối tìm kiếm ngọn tháp Hải Đăng vậy.

Những nhà quân sự phương Tây có tầm nhìn xa hướng tầm nhìn về phương Đông. Trong khung cảnh văn minh cổ xưa kia, có một người già giàu có trí tuệ lý tính, hai mươi năm thế kỷ trước đây, ông đã bằng lời nói hàm xúc, nêu lên lý luận chiến tranh không giống với nhà quân sự nước Phổ kia: Chiến tranh là vấn đề lớn, quan hệ đến sự tồn vong của quốc gia, sự sống chết của nhân dân, rất nên thận trọng đối với nó; mục đích của chiến tranh là vì hòa bình; chiến tranh cũng chẳng phải là thủ đoạn tốt nhất để thực hiện mục đích hoặc giành được thắng lợi, phương thức đấu tranh lý tưởng nhất là lấy trí tuệ để thắng đối thủ, tiếp đến là lấy thủ đoạn ngoại giao để giành thắng lợi, sau điều đó mới là xuất binh tác chiến, cuối cùng, khi bất đắc dĩ mới có thể tiến công để giữ vững phòng ngự; người khéo lợi dụng thủ đoạn chiến tranh, cũng không lấy hủy diệt quốc gia, quân đội, nhân dân của bên địch làm tiêu chí thắng lợi, mà cố gắng khiến kẻ địch hoàn toàn bị khuất phục; không cần phải trải qua chiến tranh mà khiến kẻ địch phải khuất phục, đấy mới là sự sáng suốt nhất; nguyên tắc dụng binh ắt phải phù hợp với lợi ích căn bản của quốc gia, nếu không, phải dừng cuộc chiến tranh đó lại; điều quan trọng bậc nhất của chỉ huy tác chiến

là biết người biết mình... chẳng có sự âm ī hoặc im lặng cho thấy sự tàn khốc của chiến tranh xảy ra, cũng chẳng có sự lạnh lùng sẽ dùng bạo lực vô hạn, vấn đề ở đây là: Dưới tiền đề với đối thủ cùng tồn tại mà chiến thắng họ, đấy là đạo trung dung của chủ nghĩa nhân bản của phương Đông, là cách nhìn thấu tỏ với sự tàn khốc của chiến tranh, với vận mệnh của nhân loại. Đấy đang là cái mà lý luận phương Tây cần đến, cũng là vấn đề dùng dằng giữa chiến tranh và hòa bình mà thế giới ngày nay vẫn băn khoăn.

Ở trên biển lớn mệnh mang, con thuyền lạc đường đã phát hiện được ngọn Hải Đăng dẫn lối. Người cầm đèn ấy chính là Tôn Tử.

So sánh về lý luận với thế giới phương Tây, người phương Đông tựa hồ như nghiên cứu về chiến tranh và hòa bình có phần viển vông và mệt mỏi. Sau khi thế giới phương Tây rộ lên cao trào nghiên cứu và ứng dụng Tôn Tử, chúng ta mới bị ngọn sóng triều ấy làm bùng tỉnh. Đấy cũng có thể bởi dưới đèn thì tối chẳng?

Việc nghiên cứu trước đây theo lối giảng kinh diễn nghĩa, đã trói buộc mọi người khai thác giá trị của cuốn binh pháp Tôn Tử về mặt có tính ứng dụng mạnh mẽ, có tính thích hợp rộng rãi, mà mục đích và phương thức truyền thống vô hình trung lại cản trở mối liên hệ tự nhiên về tâm linh của triết gia cổ đại

với dân chúng ngày nay. Người ta đã nhầm chán với việc mô tả triết nhân cổ đại giảng kinh truyền đạo, càng giữ thái độ kính nhi viễn chi mà thôi; mọi người hy vọng thấy được con người sống trong thế giới lịch sử sống động có máu thịt đầy đủ, hết như bức vẽ tả chân dung với những đường nét hội họa rõ ràng.

Bởi thế chúng tôi đã cầm bút viết nên những dòng này.

Song vẽ bức chân dung con người sống ở hai nghìn năm trăm năm trước, sợ rằng là sự mô tả thô thiển, cũng lại là rất khó khăn vậy. Tầm nhìn của chúng tôi có hạn, bởi ánh phản quang của lịch sử sau biết bao năm dài cơ hồ chỉ còn leo lét, mà những điều ít ỏi ấy cũng ít nhiều đã biến đổi hình dạng. Chúng tôi không thể vẽ nên một nhân vật như nguyên mẫu, cũng không thể tái hiện chuẩn xác và hoàn chỉnh bối cảnh thời đại và các sự kiện liên quan với nhân vật. Song chúng tôi biết Tôn Tử cùng những người ở thời ấy đã nghĩ những gì, đã làm những gì; chúng tôi trên cơ sở đem hết khả năng để lý giải họ, đã cộng hưởng với họ không ít. Nhờ vậy, chúng tôi có thể viết ra đây những hiểu biết về họ và mô tả họ theo hiểu biết của chúng tôi.

ĐỀ DẪN

Từng có người hỏi rằng: “Anh sùng bái cái gì?”

Tôi đáp: “Sức mạnh”.

Lúc nhỏ tuổi, tôi có hình thể yếu đuối, trước tuổi đến trường, đã mấy lần phải nằm viện. Bởi sức yếu cho nên lúc bạn bè có chuyện gây gổ, tôi thường chỉ đứng ngoài. Ngẫu nhiên có người nín ống tay áo mà lôi kéo, cũng chỉ dám làm một người ở trong đám đông mà thôi.

Có một hôm, không biết duyên cớ gì, có một đứa bạn gọi là “răng vẩu”, lớn hơn tôi một tuổi cãi vã với tôi, thế rồi cuối cùng thì “con lừa bực mình cũng đá gót”, một cú đấm đã trúng ngay mắt đối phương. Thấy “răng vẩu” ôm mắt từ từ thụp xuống, trong tôi bỗng tràn dâng niềm tự hào chưa từng có, tựa hồ cơ bắp trên thân mình đều nổi lên cuộn cuộn. Chẳng may, mười mấy giây sau, cuối cùng thì mắt tôi cũng

nổ hoa cà hoa cải. Niềm tự hào của mười mấy giây và cái chuyện nổ đom đóm mất suốt mấy phút đã dạy tôi hiểu được cường độ của sức mạnh. Đây là năm tôi lên chín tuổi.

Từ biệt mái trường, trên ve áo tôi mang theo phù hiệu màu đỏ của người lính.

Trạm tiếp sóng vì ba xây ở trên đỉnh núi. Suốt tháng quanh năm chỉ có dăm khuôn mặt người lính gắn liền với rừng núi xanh bất tận.

Có một hôm, sáng sớm mở cửa ra, thấy lưng núi mờ sương giăng, tuyết trắng rơi trong im lặng, trời đất như mới khai sinh. Trời và đất hòa làm một hỗn nhiên, xung quanh đầy ẩm ướt, nghe rõ cả tiếng chim trò chuyện đầu đầu.

Bỗng nhiên trời đang trong treo gió núi bỗng nổi ùng ùng. Chùng như con khỉ đá đứng suốt mấy nghìn năm kia lại xuất chiêu điều mưa động gió. Bỗng nhiên mưa gió ùng ùng.

Bỗng dưng tôi lại cảm thấy được thế nào là sức mạnh.

Đây là năm tôi mười chín tuổi...

Đã có sinh thì phải có diệt. Ở trước mặt vũ trụ vĩnh hằng những cố gắng của nhân loại tạo ra, đến cả những thành quả có được của những cố gắng ấy, cuối cùng cũng không tồn tại mãi. Song nhân loại vẫn cố gắng làm việc, dùng toàn bộ sức lực và tâm trí của mình để dời non lấp biển.

Lại chợt nghĩ đến Tôn Tử ở hai nghìn năm trước. Ông nghĩ đến khung cảnh lý tưởng của “việc dùng binh không đánh mà khuất phục được người ta”, song cũng không né tránh sự thực “hòa bình luôn luôn được hoài thai từ chiến tranh thảm khốc”. Bởi thế ông đã thiết kế con đường đến hòa bình không phải đổ máu hoặc ít phải đổ máu nhất.

Thiết kế ấy đến nay vẫn được toàn nhân loại xem là kinh phúc âm tiên tri.

Tôi sùng bái Tôn Tử, sùng bái trí tuệ và sự thâm trầm nhìn thấy tất cả của ông, sự kiếm tìm trong hủy diệt một sức sống mới, đầy nhiệt tình và kiên định, lại cũng mang đầy vẻ siêu thoát và nhàn nhã như không phải động đến cường độ của sức mạnh. Đây chính là châm ngôn mang tư tưởng của ông qua suốt mấy nghìn năm mà vẫn luôn mới mẻ. Nhân loại vẫn luôn cần đến Tôn Tử .

*

* *

Về lịch sử phát triển của dân tộc Trung Hoa, vị thủy tổ có công hoàn chỉnh văn tự ghi chép, có thể là hoàng đế Hiên Viên. Tư Mã Thiên trong cuốn Sử ký có chép:

“Đến thời Hiên Viên, Thần Nông đã suy yếu. Các chư hầu chinh phạt lẫn nhau, gây bao cảnh tàn ngược

cho trăm họ, mà Thần Nông chẳng làm được gì để ngăn cản. Thế rồi Hiên Viên phải động dụng can qua, thảo phạt họ. Các chư hầu đều đến quy phục...”

Một bộ lịch sử phát triển của dân tộc Trung Hoa, ngoài mấy trang đầu ra, hết thấy đều đầy máu lửa, mà cảnh máu lửa ấy kéo dài suốt mấy nghìn năm, rốt cục đã phát sinh ra bao cuộc chiến tranh, có bao người phải bỏ mạng ở đó, ai có thể nói rõ được.

Tất cả những điều ấy, chẳng nhẽ đều là bởi cuốn Kinh thư mà Huyền nữ Nương nương vút xuống hạ giới. Người con gái ấy đã tiết lộ sự bí mật về chinh phạt cho Hiên Viên, thế rồi Hoàng đế có thể bách chiến bách thắng, mà cả hậu duệ của ông cũng hiểu được lẽ “bách chiến bách thắng”.

Chiến tranh, là tổng thể của sức mạnh, dũng khí và trí tuệ nhân loại. Kẻ đánh mà thắng lại muốn đánh nữa, kẻ đánh mà không thắng cũng hy vọng ở cuộc chiến lần sau. Thế rồi cảnh máu lửa tuôn trào không dứt và cuốn binh thư kia, gắn liền sinh mệnh vĩnh hằng với tình trạng ấy.

Mấy nghìn năm nay, sau mỗi lần cuộc chiến kết thúc những người may mắn còn sống tựa hồ thấy được ánh mắt quỷ quái và bối rối của nữ thần, tựa hồ nghe được khúc ngâm ngạo mạn mà xót xa của nữ thần, trên vùng thảo dã thây chất chồng đống, ở nơi khe núi mà những phần mộ liên kề gợi không ít thê lương.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ

“Thượng đế có tiếng nói kỳ diệu, những việc mà Ngài làm, chúng ta chẳng thể hiểu thấu được”

KINH CỰU ƯỚC
HẬU DUỆ HỌ ĐIÊN

Tôn Vũ, tên chữ là Trương Khanh, người Lạc An (nay là Sơn Đông) nước Tề, ở cuối thời Xuân Thu, năm sinh năm mất đều không xác định được, nhờ cuốn binh thư của mình mà được tôn là Tôn Tử, lại bởi hoạt động chủ yếu ở nước Ngô, nên được gọi là Ngô Tôn Tử để phân biệt với Tôn Tẫn (Tề Tôn Tử là người nước Tề ở thời Chiến Quốc). Tổ tiên của Tôn Vũ là Công Tử Hoàn của nước Trần vốn họ Qui. Năm sáu trăm bảy mươi một trước Công Nguyên công tử Hoàn bởi tránh nội loạn dẫn mọi người trong nhà

chạy đến nước Tề, đổi thành họ Điền. Điền Hoàn khéo léo chối từ đặc ân của Tề Hoàn Công ban cho, chỉ xin nhận một chức quan khiêm tốn trông coi ngành nghề thủ công. Mấy chục năm sau, họ Điền dần hưng vượng, cuối cùng trở thành một đại gia tộc của nước Tề, địa vị ngày mỗi hiển hách, trong gia tộc có không ít người leo lên địa vị đại phu của nước Tề. Đến đời thứ năm, sáu thì bắt đầu lộ rõ tài hoa quân sự của gia tộc. Điền Thư là cháu đời thứ năm của Điền Hoàn, bởi có công trạng chinh phạt, được Tề Cảnh Công ban cho họ Tôn, được phong Thái ấp ở Lạc An. Thế rồi, Điền Thư được gọi là Tôn Thư. Sau này, người con của Tôn Thư là Tôn Phùng làm đến khanh tướng, Tôn Phùng chính là phụ thân của Tôn Vũ. Họ Tôn ngày càng thịnh vượng.

Chẳng ngờ, trời cũng có lúc phong vân khó lường. Tổ tiên bị chạy nạn, nay con cháu cũng đến bước ấy. Bốn họ lớn của nước Tề là Điền, Bào, Loan, Cao, bởi tranh giành nắm quyền đã đấu đá nhau không ngừng, gây thành can qua anh chết tôi sống. Họ Tôn là một chi của họ Điền đương nhiên bị lôi cuốn vào vòng xoáy đáng sợ ấy. Bởi không muốn bị họa diệt tộc, họ Tôn chạy đến nước Ngô mới được khai hóa.

Đấy chính là bước đường hưng suy của họ Tôn. Hiềm nhiên đến thời Tôn Vũ trưởng thành, bằng vào bối cảnh của gia tộc muốn lập thân có thành tựu lớn ở trong cuộc tranh chấp với chư hầu, tựa hồ đã rất

khó khăn. Lỗ Tấn tiên sinh từng nói rằng: “Ai từ nhỏ đã rơi vào khốn đốn, tôi cho rằng trên con đường ấy đại thể có thể thấy được chân diện mục của người đời”. Đúng vậy, Tôn Vũ đã sống trong cảnh gia đình lụn bại ấy, khó tránh được việc thể nghiệm sâu sắc thể thái nhân tình thay đổi và biến ảo khôn lường của cuộc sống.

Ông cũng thấy rõ ràng, trong thời đại Xuân Thu đầy dao động, đột biến, người phải chạy loạn, bôn tẩu, mất nước mất nhà đến bước đường cùng cũng chẳng phải là ít. Từ thiên tử đến chư hầu, khanh đại phu, cũng giống như con xúc xắc ở trên trời ném xuống, phải nghe theo sự phán quyết khó hiểu đầy biến ảo khôn lường chẳng ?

Thời Xuân Thu, Vương Đạo nhường chỗ cho Bá Đạo, nhiều bấy tôi bị kích động lý tính, Trung Quốc bước vào thời đại biến động lớn. Điều ấy giúp chúng ta nhìn thấu hơn tâm linh của Tôn Tử , cùng vẻ đẹp tư tưởng quân sự của ông.

Sự phản nghịch của “Ngộ Sinh”

Năm 707 – TCN Chu Hoàn Vương xét thấy Trịnh Trang Công có phần lộng quyền, bèn hạ lệnh tước bỏ chức khanh sĩ, chuyển cho Quắc Công. Lúc ấy thế lực nước Trịnh khá mạnh, lại nữa Trịnh Trang Công thù oán Chu Vương đã lâu, thế rồi Trịnh Trang Công ra mặt kháng nghị. Chu Hoàn Vương cả giận lấy danh

ngĩa thiên tử triệu tập quân của các nước Quắc, Thái, Vệ, Trần, ngự giá thân chinh chỉ huy việc đánh Trịnh. Trịnh Trang Công cũng bực tức khởi binh chống lại. Quân hai bên triển khai trận thế, Trang Công bày trận pháp “ngư lệ” đánh bại quân nhà Chu. Võ tướng của Trang Công giương cung, bắn trúng vào vai Chu Hoàn Vương, quân triều đình đại bại phải rút về. Thời kỳ này cho thấy uy tín của thiên tử nhà Chu đã xuống rất thấp.

Kể từ thời Thương Chu đến giờ, những việc chinh phạt lễ nhạc đều từ thiên tử ban ra. Chu Vương đối với các chư hầu không nghe theo mệnh lệnh, đều đem quân đến hỏi tội. Đại quân kéo đến, chiêng trống vang trời, đường đường chính chính, mục đích là thông qua việc chinh phạt để làm nổi rõ uy quyền nhà vua đối với chư hầu trái lệnh, theo đạo nghĩa mà hỏi tội đồng thời nhắc nhở các chư hầu khác. Bởi thế, việc xuất binh chinh phạt, chẳng phải là những cảnh chém giết sau này, chỉ là hợp binh bày trận thị uy mà thôi. Thường là thiên tử xuất quân hỏi tội như thế, các chư hầu thường lo sợ, tự biết đã vượt quyền, không đánh mà hàng, cầu Chu Vương xá tội cho. Thế rồi, Chu Vương đắc thắng rút quân về. Song, chỉ một trận sơ sơ, Trịnh Trang Công dám cả gan chống lại thiên tử, chẳng những đánh bại được thiên tử, mà suýt nữa còn dẫn đến mệnh táng hoàng tuyến. Trang Công trở thành kẻ đại nghịch bất đạo đầu tiên.

Cũng có thể, đây là do thiên tính bẩm sinh của người ta mà gây ra. Tả truyện có viết : “Trịnh Vũ Công lấy nàng Vũ Khương, sinh ra Trang Công và Thúc Loan. Trang Công lúc sinh ra rất khó khăn, khiến người mẹ phải trải qua kinh hãi, nên được đặt là Ngô Sinh, có ý là ngỗ ngược, cũng có nghĩa là khó sinh nở.

Sự phản kháng của Ngô Sinh là bẩm tính từ trong thai, cách giải thích ấy tuy hoạt kê, lại rất có ý vị nhân tình thế thái. Song, nếu như đã lấy vũ lực để đối kháng lại Chu Vương, thì rõ ràng là có ý phản nghịch của ý thức tự chủ rồi. Hành động ấy, với cảm nhận của người đời và lịch sử, thì không phải là hoạt kê, mà là những suy ngẫm khâm phục và tán thưởng.

Từ đó, lịch sử bước vào một thời đại mới đầy rẫy những binh đao, vượt lên cả đại nghĩa thường tình.

Trịnh Trang Công đã thắng được quân nhà vua, khí thế càng mạnh. Năm sau, Bắc chinh cứu Tề, đánh bại quân Bắc Nhung; năm thứ ba, phát sinh hội thề với chư hầu, cùng với Tề, Vệ hợp binh đánh Lỗ, đại thắng quân Lỗ; đến năm Trịnh Trang Công thứ bốn mươi ba (năm bảy trăm linh một trước Công Nguyên) cuối cùng đã hoàn thành được liên minh bốn nước: Trịnh, Tề, Vệ, Tống. Trịnh Trang Công trở thành minh chủ của nhóm ấy, giai đoạn này gọi là “Trịnh Trang Tiểu Bá”.

Năm đó chỉ cách với năm Công Tử Hoàn chạy sang Tề có ba mươi hai năm.

Song, Trịnh Trang Công còn chưa kịp hưởng thụ cái mùi vị thắng lợi đã chết vào mùa hè năm ấy. Bá nghiệp không quá được mấy tháng sao ngắn ngủi làm vậy?

Trang Công chết, nước Trịnh bởi nội loạn mà yếu dần.

Vị bá chủ mới.

Vai trò tiểu bá của Trịnh Trang Công phải quyết định ở trận Ngưu Cát. Ở đó có nhân tố chiến thuật mới. Trang Công đã sửa đổi thể trận truyền thống: Dùng bộ binh xếp hàng ở trước chiến xa, mà thay vào đó là phân tán ở hai bên chiến xa, từ đó mà nâng cao được sức xung kích của chiến xa. Tả truyện gọi đó là trận pháp ngư lệ. Khi xung trận, Trang Công trước đánh vào đội quân Trần Vệ Thái ở hai bên, rồi làm cho hỗn loạn mới đánh vào trung quân, nên chỉ một trận đã thắng.

Song, xác lập vai trò tiểu bá, nhân tố sâu xa quan trọng hơn là tăng cường quốc lực của nước Trịnh. Hơn bốn mươi năm Trang Công cầm quyền, quốc gia thái bình, dân tình giàu có, thương nghiệp hưng vượng, quốc lực khởi sắc, mà sự linh hoạt chủ động chính sách ngoại giao ở Trang Công cũng khá có tác dụng. Có thể nói rằng: “Tiểu bá so với ngũ bá sau

này, nhân tố chiến thắng quân sự cũng không phải là có tác dụng chủ yếu”.

Việc gây dựng bá nghiệp của Tề Hoàn Công sau này, ở mức độ khá hơn là nhờ có kiếm sắc trong tay. Lại nữa, đồng thời với việc vận dụng dùng sức mạnh uy hiếp các nước chư hầu, ông cũng phản đối thái độ không kính nể thiên tử nhà Chu, giương cao lá cờ bảo vệ thiên tử nhà Chu, tự coi là vị thần bảo hộ các nước nhỏ ở Trung Nguyên, gánh vác trách nhiệm ngăn chặn Man di, quấy nhiễu. Với đạo quân hùng mạnh và cương lĩnh chính trị “Tôn Vương trấn Di”, Tề Hoàn Công đã có đôi cánh lớn tạo dựng bá quyền.

Năm 886 – TCN, nước Tề có nội loạn, Tề Tương Công cầm quyền được mười hai năm thì bị một người anh em họ là Công Tôn Vi Tri giết chết, rồi tự xưng là vua nước Tề. Song đến năm sau thì lại bị người nước Tề giết chết.

Nước Tề một thời gian không có vua, lòng người đều hoang mang. Thế rồi, hai người anh em của Tề Tuyên Công chạy ra hai nước bên ngoài là công tử Cử và công tử Tiểu Bạch cùng trở về Lâm Chuy, tranh giành ngôi vua. Công tử Cử phái Quân Trọng dẫn quân chặn đường Tiểu Bạch. Hai bên chạm trán, Quân Trọng thúc ngựa tới trước, bắn trúng Tiểu Bạch. Tiểu Bạch kêu to một tiếng ngã vào trong xe. Quân Trọng cũng kéo quân về. Thực ra, mũi tên ấy

chỉ bắn trúng vào thất lưng của Tiểu Bạch, song ông ta tự biết thế đơn lực mỏng, lại bởi chuyện em tranh giành ngôi vị với anh, có phần mất danh phận bèn giả vờ bị trúng tên bỏ mình, lại ngấm đổi sang xe nhẹ, ngày đêm chạy vội về kinh đô. Đương khi công tử Củ với sự hộ tống của quân đội nước Lỗ kéo đến Lâm Chuy, Tiểu Bạch đã lên ngôi vua được sáu ngày. Đây là Tề Hoàn Công, người tạo ra bá nghiệp sau này.

Tề Hoàn Công sau khi lên ngôi lập tức khởi binh đánh nước Lỗ, để báo thù nước Lỗ đã giúp đỡ công tử Củ. Vua nước Lỗ sợ nước Tề đã giết công tử Củ, giao nộp Quản Trọng. Hoàn Công cũng quên nỗi bực tức về mũi tên trước đây, chuyển sang lấy lễ trọng mà đối đãi, lại phong cho làm đại phu. Sau này Quản Trọng là cánh tay đắc lực của Tề Hoàn Công. Trọng sự nghiệp hưng quốc của Hoàng Công, ông ta đã tỏ ra có tài hoa vượt bậc.

Tề Hoàn Công ở ngôi bốn mươi ba năm, trước sau triệu tập chín lần hội thề lớn với các chư hầu, trong đó có ba lần về vũ trang, có năm lần về hòa bình, cũng nhờ vào sức mạnh quân sự mà phò tá Chu Tương Vương lên kế vị (nên người ta cũng gọi là “Cửu hợp chư hầu”, “nhất khuông thiên hạ”). Kinh nghiệm chiến tranh và tư tưởng quân sự của Tề Hoàn Công là tấm gương sáng để các binh gia thời sau soi vào, thậm chí còn trở thành phép tắc lý luận binh gia muôn đời không đổi vậy.

Bối cảnh sau khi Tề Hoàn Công mất.

Năm 643 – TCN, Tề Hoàn Công bị bệnh mà mất. Bốn người con tranh giành ngôi vua, không ai đứng ra lo việc tang, thi thể của ông ta bị bỏ quên đến sáu, bảy mươi ngày thành miếng mồi của lũ giòi béo. Trong nhà náo loạn, bởi vậy quốc thể cũng bị suy yếu. Từ đó Trung Nguyên xuất hiện một cục diện vô chủ, những kẻ có tham vọng xưng bá lại nổi lên như ong.

Tiếp nối Tề Hoàn Công, đó là Tống Tương Công (lên ngôi vào năm sáu trăm năm mươi – sáu trăm ba mươi bảy trước Công Nguyên), Tấn Văn Công (lên ngôi vào năm sáu trăm ba mươi sáu – sáu trăm hai mươi tám trước Công Nguyên) Tần Mục Công (lên ngôi vào năm sáu trăm năm mươi chín – sáu trăm hai mươi mốt trước Công Nguyên), Sở Trang Vương (lên ngôi vào năm 613 – TCN). Kể từ năm 634 – TCN là năm Tề Hoàn Công tạ thế, đến năm 591 – TCN, là năm Sở Trang Vương mất, trong vòng nửa thế kỷ ngắn ngủi, đã có bốn vị bá chủ thay nhau cầm quyền ở Trung Nguyên, khá thấy sự kịch liệt của việc tranh bá là như thế nào. Chúng tôi thấy rằng, các vị sau này không ai có thể sánh được với Tề Hoàn Công.

Nhà Chu suy vi, về nguyên nhân căn bản mà nói, là bởi các nước chư hầu về kinh tế, chính trị, quân sự ngày mỗi cường thịnh và độc lập, nói theo ngôn ngữ hiện đại, là đã đề cao được quốc lực tổng hợp của

minh. Khu vực Trung Nguyên vốn là một thể, có liên hệ tự nhiên đã lâu về nhiều mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, cho nên bất kỳ một nước chư hầu nào sau khi đã rất phát triển, dẫu rằng về chủ quan có ý thức ra sao, song về khách quan, đều đi theo con đường thôn tính thiên hạ. Song, lịch sử xã hội đã chẳng phải như thời Thành Thang diệt nhà Hạ, Chu Vũ Vương diệt vua Trụ, chỉ một trận đánh mà đoạt được thiên hạ, giữa các nước Chư hầu, nhất là mấy nước Chư hầu khá mạnh, thực lực không chênh lệch nhau là mấy. Kể có thể một trận diệt được vua nhà Chu, cũng không đủ sức chinh phục được các nước khác, bởi thế cao minh như Tề Hoàn Công, biết thẩm thời đặc thế, tôn trọng Chu Vương, ngầm gây vốn liếng chính trị, bởi thế mà đã tạo ra được hoàn cảnh quốc tế có lợi, đồng thời đã xúc tiến được việc không ngừng bành trướng thế lực của nước Tề. Đó là những việc mà người kế tục nghiệp bá sau này không làm theo đầy đủ được.

Cũng dễ thấy được rằng, trong khúc giao hưởng hùng hồn mà Tề Hoàn Công đề xướng, “tôn Vương trấn Di” là nhịp cầu xuyên suốt ở đấy. Song, lắng tai nghe kỹ, mỗi âm điệu ở đó lại rõ ràng đều là âm thanh loảng xoảng của giáo mác va chạm nhau.

Nói cách khác, bá nghiệp của Tề Hoàn Công dựa vào sức mạnh quân sự to lớn mà có được. Những cái cách to lớn của Quản Trọng đã xúc tiến sự phát triển

mạnh mẽ của sức sản xuất ở nước Tề, khiến quốc gia ở phía Đông này đã trở thành một nước mạnh hàng đầu. Chính ở trong hoàn cảnh ấy, Tề Hoàn Công mới có được một đội quân hùng mạnh, mới có thể điều võ giương oai với thiên tử và các chư hầu. Song do quân đội chư hầu rất yếu, lại thêm khi hai bên tác chiến vẫn nghiêm chỉnh tuân theo qui định của quân lễ truyền thống, trong khuôn khổ ràng buộc của phép tác chiến cổ xưa, khiến bãi chiến trường như một sân đấu thể thao, kẻ bại trận thì qui phục, kẻ thắng trận thì dừng tay, rồi cầm tay nhau mà nói chuyện hòa hiếu, mỗi bên lại rút quân về. Cho nên, cảnh thê thảm xác phơi mặt thành, thân chết đầy đồng, lúc ấy rất ít xảy ra. Đây cũng là nguyên nhân khách quan để Tề Hoàn Công có thể kéo dài thời kỳ bá chủ.

Đương nhiên lịch sử không dừng lại với việc lập lại ở mức độ thấp. Sau Tề Hoàn Công, chiến tranh giữa các chư hầu không còn mang màu sắc thanh nhã như trước, bất luận về chủng loại, tính chất, hay là qui mô, số lượng, đều đã có biến đổi rất lớn; sự tàn khốc, xảo trá, bạo liệt và những đặc trưng phi nhân tính dần dần bộc lộ rõ rệt. Quân đội từ chỗ đánh nhau là để thể hiện sự uy nghiêm, lại tỏ ra là khí cụ giết người lợi hại, từ đó mà đã lột bỏ tấm mạng che mặt ôn hòa của Tề Hoàn Công, để lộ ra bộ mặt dữ dằn với hàm răng đầy máu. Kẻ chiến thắng có ý chiếm hữu vô tận nhân khẩu, của cải, đất đai; kẻ

chiến bại bị coi là diệt quốc diệt tộc mãi mãi. Bá nghiệp hưng rồi suy, bá chủ hôm nay rồi ngày mai đổ ngã, đây cũng là vấn đề then chốt của bốn vị bá chủ sau Tề Hoàn Công đã không kéo dài là mấy.

Biến đổi to lớn với thời đại này như ánh sáng, nước và đất mầu mỡ nuôi dưỡng cái cây chiến tranh, cuối cùng gây thành cánh rừng chiến tranh tươi tốt. Bởi thế ở thời Xuân Thu Chiến Quốc, các phương tiện có liên quan với chiến tranh như binh khí, quân chế, tư tưởng quân sự, phương thức tác chiến đều đã tiến vào giai đoạn đại phát triển, đa phần tình không giống như trước. Đồng thời, trong biển máu rừng gươm, cũng đã tạo ra những vị tướng cầm lái tài giỏi chèo chống con thuyền chiến tranh, một loại người thông hiểu cách giết người với qui mô lớn, cũng lấy việc giết người với qui mô lớn làm nghề nghiệp của mình. Xin đơn cử một số cuộc sát phạt dưới đây:

Trận Hồng Thủy: Phản ánh quân lễ truyền thống.

Trong trận Hồng Thủy giữa Tống với Sở, nhân vật đáng được để tâm suy nghĩ đến là đại tướng Tư Ngư của Tống Tương Công, ông ta rất biết Sở mạnh mà Tống thì yếu, chẳng thể khinh suất được. Thế rồi sớm khuyên Tống Tương Công tránh đụng độ không được, lại khuyên ông ta phá bỏ khuôn phép cũ để đánh địch lúc đang qua sông, còn chưa kịp bày trận. Chẳng ngờ, Tống Tương Công tỏ vẻ “nhân nghĩa”,

không chịu nghe lời, kết quả không những bị thất bại thảm hại, mà còn bị trúng tên nữa.

Trên đường tháo chạy, Tống Tương Công còn bao biện rằng: “Kẻ quân tử thì không đâm hai lần, không bắt người hai thứ tóc”. Tử Ngư không đành lòng được, nửa như khuyên nửa như nói mát rằng: “Kẻ địch bị thương mà chưa chết thì vẫn là kẻ địch, sao lại không đâm thêm cho nó một nhát nữa nhỉ? Người tóc bạc cũng là kẻ địch, chẳng phân biệt già trẻ đều cần phải bắt cả. Kẻ địch chưa bầy trận thì đánh tan ngay, sao lại không thể đánh được nhỉ? Quân đội vốn chỉ cần giành phần thắng, vận dụng phương thức gì đều có thể được cả”. Hiển nhiên tư tưởng của Tử Ngư đã đột phá rào chắn của quân lễ truyền thống, cho thấy ánh sáng le lói của một thời đại mới.

Tống Tương Công bởi vết thương ở đùi mà chết vào mùa xuân năm sau. Cái chết của ông ta, không chỉ cho thấy sự cáo chung địa vị bá chủ của nước Tống, đồng thời, cũng tượng trưng cho sự kết thúc một thời đại, đã chấm dứt thời đại mà ở đấy người ta lấy quân lễ truyền thống để chỉ đạo chiến tranh. Ta cũng thấy được rằng Tư mã Tử Ngư là đại biểu cho lớp người mới, bắt đầu đã để lộ tài cán hơn người trên vũ đài chiến tranh. Là một tầng lớp tinh anh đóng vai trò chủ thể trong chiến tranh, những viên tướng như Tử Ngư bắt đầu đã biểu hiện tính cách ngược lại với quân lễ truyền thống. Họ thấu hiểu sâu sắc bản

chất của chiến tranh, vứt bỏ sự khác biệt của thời đại không cần bàn đến trên thực tế không có sự khác biệt căn bản với lý giải của người thời nay vậy.

Trận Thành Bộc: “Tượng trưng cho sắc thái phật mưu phật giao”.

Sau trận Hồng Thủy sáu năm, tức là vào năm 632 – TCN, giữa hai nước Tấn – Sở, đã nổ ra cuộc chiến tranh lớn nhất thời Xuân Thu, mà đặc điểm nổi bật của cuộc chiến tranh ấy là nồng đậm sắc thái “phật mưu phật giao”.

Bởi cuộc chiến tranh ấy khá điển hình nên sử sách và binh thư đời sau thường hay nhắc tới.

Trước cuộc chiến, Sở Thành Vương thấy bá nghiệp của Tề Hoàn Công suy tàn mà Trung Nguyên thì vô chủ, đã không ngừng khuếch trương theo lưu vực sông Trường Giang, tiến dần đến chỗ tràn khắp Trung Nguyên, đến cả lưu vực sông Hoàng Hà. Các nước Lỗ, Vệ, Trịnh, Trần, Thái, liên tiếp bị rơi vào tay nước Sở, đến cả nước Tề, Tống vốn hùng mạnh cũng bị xâm lấn. Đứng vào lúc ấy, sợ bắc địch kéo vào xâm lấn Đông Chu, Chu Tương Vương bất đắc dĩ phải chạy loạn đến nước Trịnh.

Năm 632 – TCN, Sở Thành Vương dẫn quân đội các nước Trịnh, Trần, Thái, Hứa bao vây kinh đô nước Tống, Tống phải vội cầu cứu nước Tấn. Đại phu

nước Tống là Tiên Chấn nói với Tấn Văn Công rằng: “Cứu nạn đền ơn, ra oai định bá nghiệp chính là lúc này vậy”. Đại phu Hồ Yển lại hiến kế diệu hổ ly sơn: Đánh vào hai nước phụ thuộc nước Sở là Tào, Vệ, có thể làm cho quân Sở bỏ việc bao vây nước Tống. Tấn Văn Công vui vẻ chấp nhận ý kiến của hai người ấy, phát binh đánh Tào, Vệ, đoạt được đất của Tào, Vệ, đánh vào đến tận kinh đô. Song Sở vẫn không chịu rút quân về, lại còn bao vây kinh đô nước Tống mạnh hơn trước. Tiên Chấn lại hiến kế sách rằng: Hãy lôi kéo hai nước lớn là Tề, Tần liên minh chống Sở. Ai ngờ, Tề, Tần trù trừ không quyết định, chỉ nghe ngóng mà thôi. Tiên Chấn lại hiến kế sách rằng: “Bảo nước Tống hối lộ họ Tề, Tần, xin hai nước đó thay Tống cầu hòa với Sở, còn ta thì bắt giữ vua nước Tào, đem đất đai của người Vệ chia cho người Tống, nước Sở bởi không thể vứt bỏ được Tào Vệ, ắt sẽ giảng hòa với Tống. Đến lúc này, nhất định Tề Tần sẽ chỉ còn một cách hợp tác chặt chẽ với chúng ta. Đồng thời, ta lại ngầm cho phép vua nước Tào, nước Vệ về nước, để ly gián liên minh của hai nước ấy với Sở. Tấn Văn Công y kế thi hành, quả nhiên, Tào Vệ tuyệt giao với Sở.

Thực ra, Sở Thành Vương, đã thấy được hình thế bất lợi cho mình, đã dẫn binh pháp mà khuyên đại tướng Tử Ngọc rằng: “Binh pháp có nói: “Thấy được thì nên về”. Lại nói: “Thấy khó thì nên rút”. Lại nói:

“Có đức thì không thể đánh được”. Ba điều ấy cần thực đáng ghi nhớ vậy”. Song Tử Ngọc vốn kiêu ngạo, tin chắc sẽ thắng nước Tần dễ như trở bàn tay, bèn dẫn theo số quân ít ỏi mà Sở Vương miễn cưỡng cấp cho để quyết chiến với quân Tần. Tấn Văn Công nhớ lời ước xưa đã rút quân trăm dặm. Khi xưa Tấn Văn Công phải lưu vong đến nước Sở, Sở Vương có bữa tiệc khoản đãi, trong tiệc có hỏi sau này sẽ báo đáp ra sao. Văn Công cười mà đáp rằng: Nếu như được đội oai linh của Sở Vương trở về nước làm vua thì dẫu rằng có va chạm với quân Sở sẽ tự lùi binh trăm dặm để báo đáp. Quân Tấn rút về giữ Thành Bộc. Tử Ngọc thì dẫn binh đuổi sát.

Sáng sớm ngày Kỷ Tỵ, tháng tư năm ấy, quân hai bên cùng khai chiến. Quân Tấn tránh chỗ thực đánh chỗ hư, đầu tiên xuất kích từ cánh quân bên trái, chiến mã trùn da hổ, xông vào đội quân Trần, Thái đi theo quân Sở vốn sức kháng cự kém, khiến cánh quân Sở bên phải bị tan rã. Quân Tấn ở phía kia lại giả vờ bại trận rút lui, dụ quân Sở đuổi theo, còn quân chủ lực thì thừa kế đánh vào cánh trái của quân Sở tạo thành kế giáp công. Tử Ngọc thấy đại thế đã mất đành dẫn trung quân rút ra khỏi vòng chiến. Tử Ngọc trên đường về nước bị Sở Vương phái sứ giả đến quả trách, ôm hận mà tự vẫn.

Trong cuộc chiến lần này, nước Tấn đã khéo léo sử dụng thủ đoạn ngoại giao, điều động các nước Tề,

Tần ở phía trung lập, phân hóa các nước Tào, Vệ vốn liên minh với nước Sở. Bởi thế mà trong cuộc độ sức trước lúc giao đấu đã thắng được một nước cờ, đứng được ở mảnh đất không thể chiến bại. Trong quyết chiến lại thực hành chiến thuật chủ động rút quân trăm dặm, tranh thủ được đạo nghĩa, lại chiếm lĩnh được địa hình, có lợi cho mình. Lúc giao đấu, tránh chỗ mạnh đánh chỗ hư, giả thua dụ địch, đã đánh là thắng, cho thấy trình độ mưu lược tác chiến cao siêu.

Với một trận đánh ở Thành Bộc, thế lực của nước Tấn được khuếch trương rất lớn, cải đổi được cục diện Trung Nguyên; Tấn Văn Công cũng từ đó mà bước lên ngôi bá chủ chư hầu. Sau trận đánh này được hơn một tháng, Tấn Văn Công bày tiệc ở Tiễn Thổ, mời Chu Tương Vương đến ăn mừng, nước Tấn cùng các nước Tề, Lỗ, Tống, Vệ, Trịnh, Thái, Cử, Trần cùng ăn thề. Chu Vương ban rượu mừng cho Tấn Văn Công, cũng ban thưởng rất hậu. Hội thề ở Tiễn Thổ là hội thề kế tiếp sau hội thề Quì Khâu của Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công cuối cùng đã được đáp đền như nguyện.

Trận Hào Sơn: Thây chết thành đồng.

Trận thắng ở Thành Bộc dẫn đến sự huy hoàng của hội thề Tiễn Thổ đã khiến Tấn Văn Công rất mãn nguyện. Khi Tấn Văn Công còn bên ba ở ngoài, ba nước Tào, Vệ, Trịnh đều chưa từng đối tốt với ông

ta, mà Tào, Vệ trong cuộc chiến đã bị trừng phạt, riêng nước Trịnh vẫn nhón nhơ ở vòng ngoài, chẳng bị hao tổn gì. Lại nữa, Trịnh Văn Công vẫn ngầm đưa mắt về phía Sở, có ý cậy nhờ. Thế rồi Tấn Văn Công bèn có ý thảo phạt nước Trịnh. Bởi Tần với Tấn vẫn giao hảo với nhau, trong cuộc chiến ở Thành Bộc, Tần lại đứng về phía Tấn, lần này Tấn Văn Công ước hẹn với Tần Mục Công cùng khởi binh đánh Trịnh. Tần Mục Công lúc đó điều hành nước Tần đã gần ba mươi năm, thế nước đang dần mạnh, đang muốn khuếch trương sang phía Đông, liền thuận nước đẩy thuyền, đã cử chánh tướng Mạnh Minh Thị và các phó tướng Kỷ Tử, Phùng Tôn, Dương Tôn dẫn quân đến nước Trịnh. Trịnh Văn Công thấy quân Tần, quân Tấn kéo lại từ hai phía, sợ hãi không yên đành vận dụng kế ly gián của đại phu Thúc Chiêm, phái lão thần Chúc Chi Vũ trong đêm đến gặp quân Tần, bàn bạc thấu đêm với Tần Mục Công. Chúc Chi Vũ uốn ba tấc lưỡi có ý nói: Trịnh với Tần cách xa nghìn dặm, còn Tấn thì lại ở liền kề. Tấn diệt được Trịnh rồi, thế lực sẽ lớn hơn, thế quân bình vốn có giữa Tần với Tấn sẽ bị phá vỡ, với Tần đâu có ích gì. Không gì bằng hãy lưu lại một đạo quân Tần ở Trịnh, phí tổn do Trịnh đài thọ, sẽ có lợi cho cả Tần lẫn Trịnh. Tần Mục Công nghe xong bỗng động tâm liền đáp ứng lời thỉnh cầu của Trịnh, rút quân về nước, chỉ để lại các phó tướng Kỷ Tử, Phùng Tôn, Dương Tôn cầm đầu vài nghìn binh sĩ đóng ở phía Bắc nước Trịnh, gọi là

giữ cửa cho Trịnh. Đây chính là diễn cố Chúc Chi Vũ đẩy lùi quân Tần.

Tấn Văn Công biết quân Tần đã rút về, ý niệm đánh Trịnh cũng tiêu mất một nửa, lại thêm Trịnh Văn Công chịu nhún một bước xin ký hòa ước, cam chịu làm phận đàn em, thế là, liền cùng với Trịnh vội ký hòa ước rồi vui vẻ rút về.

Tần Mục Công biết nước Trịnh gả con gái cho hai nhà, bỗng bùng bùng nổi giận, song nghìn dặm xa xôi chẳng thể lại cất binh lần nữa, cũng đành chịu nhịn.

Hai năm sau (năm 628 - TCN), Trịnh Văn Công, Tấn Văn Công cùng nối tiếp nhau từ trần. Tần Mục Công cho rằng, cơ hội báo thù đã đến. Đúng lúc ấy, Kỷ Tử đang ở nước Trịnh cũng cho người báo tin về, định kế nhân nước Trịnh đang lúc có tang cùng phối hợp trong ngoài để tiêu diệt. Tần Mục Công nghe xong cả mừng, phái đại tướng Mạnh Minh Thị làm chủ soái, phó tướng Tây Khất Thuật, Bạch Ất Bính mang theo ba trăm cỗ xe sang đánh nước Trịnh. Dẫu rằng đại phu Bách Lý Hề (cha của Mạnh Minh Thị) và Kiển Thúc (cha của Tây Khất Thuật, Bạch Ất Bính) đã có sức khuyên can, nói rằng may ít rủi nhiều, là mất đạo nghĩa, lại có thể bị quân Tấn phục kích giữa đường, song Tần Mục Công vẫn một mình một ý phái quân lên đường.

Quân Tần đã kéo đến nước Hoat. Vừa may có một thương nhân nước Trịnh cũng đang ở đấy. Ông ta sau khi được biết mưu toan của người Tần, vội phái người giúp việc báo cho vua mới là Trịnh Mục Công, còn mình vội lấy danh nghĩa là người của Mục Công, mang bốn tấm da bò cùng hai mươi con bò để khao quân Tần. Mạnh Minh Thị cho rằng nước Trịnh đã có chuẩn bị, liền bỏ ý định tập kích nước Trịnh, chuyển sang đánh nước Hoat. Nước Hoat không phòng bị gì, quân Tần dễ dàng đoạt được, thế rồi người Tần chở số của cải và kéo quân về nước. Bọn Kỷ Tử đang ở nước Trịnh, thấy âm mưu bại lộ đành vội vàng tháo chạy.

Quân Tần trên đường về nước, đi đến Hào Sơn, bất ngờ gặp quân Tấn phục kích ở đấy. Đường lối nhỏ hẹp, cây cối rậm rạp, chiến xa của quân Tần thì vô kế khả thi, binh sĩ rối rít nhảy xuống xe đánh bộ. Mà quân Tấn vốn lấy bộ binh làm chính, lại có sở trường về cung nỏ. Chỉ thấy trong đám lá rậm rạp hàng vạn mũi tên bắn ra, quân Tần bị gục ngã như lá rụng, đội ngũ mấy nghìn người thoát chốc đã tan tác cả. Bọn Mạnh Minh Thị cả ba tướng đều cố đánh cũng không thoát, bị quân Tấn bắt được hết. Quân Tấn hát khúc khải hoàn trở về. Vua nước Tấn là Tống Tương Công nghe lời khuyên của mẹ đã thả Mạnh Minh Thị và hai viên phó tướng. Tần Mục Công mặc áo tang ra tận ngoài thành đón tiếp ba viên bại tướng, ông ta

chẳng những không hỏi tội mà lại còn khóc lóc hối hận bởi không nghe lời khuyên can của Bách Lý Hề và Kiến Thúc nên mới đến nông nỗi này. Sau đó, lại vẫn tín nhiệm để họ nắm binh quyền. Mạnh Minh Thị là người trọng đạo nghĩa, ông ta vẫn quyết chí cố gắng, khổ luyện binh sĩ, cẩn thận điều hành việc quân, không lúc nào quên việc báo thù.

Ba năm sau trận đánh ở Hào Sơn, vào năm 624 – TCN, nước Tần khôi phục được nguyên khí, Mạnh Minh Thị đề nghị xuất quân phục thù. Tần Mục Công thân chinh dẫn năm trăm cỗ xe, thảo phạt nước Tấn, Mạnh Minh Thị làm chủ soái quân tiên phong. Quân Tần sau khi vượt qua sông Hoàng Hà, Tần Mục Công hạ lệnh thiêu sạch toàn bộ thuyền bè, định cùng quân Tấn một trận quyết chiến. Quân Tần khí thế cao ngất, ai nấy như quên cả thân mình, chỉ biết đánh mà không biết lùi. Quân Tần đoạt lại được cả những thành ấp đã mất trong ba năm, lại chiếm được mấy tòa thành lớn của nước Tấn, tiến sát đến tận kinh đô nước Tấn. Người Tấn khiếp sợ không ra đánh, dựa vào thành cao hào sâu, đợi quân Tần mỏi mệt. Quân Tần đánh phá nước Tấn như vào chỗ không người, cuối cùng bởi không thể quyết chiến ngay được, lại không thể ở lâu, phải chuyển đến vùng Hào Sơn nhưng chỉ thấy xương trắng nhan nhản, rừng sâu vắng lặng, không gì buồn thảm hơn. Tần Mục Công thấy thế thì kêu khóc không thôi, toàn

quân trên dưới đều sụt sùi buồn bã. Người Tần chôn vùi các hài cốt còn lại, mà lòng còn vương vấn không chịu rút quân về ngay.

Nước Tấn mất đất đai lại sợ chiến đấu, đã đánh mất địa vị bá chủ của mình. Thời gian Tấn Văn Công xưng bá không đầy mười năm, không thể so sánh được với Tề Hoàn Công.

Tần Mục Công sau khi về nước, hết sức mở mang ở phía Tây, ra oai bức được hơn hai mươi nước nhỏ phải phụ thuộc vào nước Tần. Tần Mục Công cũng được người Tây Nhung suy tôn làm lãnh chúa, mở rộng bờ cõi sang phía Tây hàng nghìn dặm. Chu Tương Vương cũng phái sứ giả đến ban thưởng cho Tần Mục Công mười hai chiếc trống đồng, lại phong cho làm bá chủ phương Tây.

Trận Hào Sơn giữa Tần và Tấn tuy không bằng được trận Thành Bộc về những đặc điểm dã chiến điển hình, song lại là một trận đánh đường dài to lớn (Tần đánh Trịnh) và là trận phục kích ở đường núi (Tấn đánh Tần) có giá trị quân sự quan trọng. Trước sau trận Hào Sơn có xảy ra một số sự kiện, như Chúc Chi Vũ lập kế đẩy lùi quân Tần (Tôn Tử gọi đó là “thuật phạt mưu phạt giao”), quân Tấn phục kích ở Hào Sơn (Tôn Tử gọi đó là phép đánh địch lúc quay về), Tần Mục Công trọng dụng Mạnh Minh Thị (Tôn Tử cũng nhắc đến chuyện ấy), đều từ các góc cạnh

khác nhau mà làm phong phú thêm lịch sử chiến tranh thời Xuân Thu. Nhất là thảm bại của quân Tần trong trận hôn tập vượt nghìn dặm đường, đã để lại cho người đương thời những giáo huấn sâu sắc.

Xét về ý nghĩa mà nói, tư tưởng quân sự Tôn Tử chính là đã thai nghén ở trong những cuộc chiến tranh lớn nhỏ của thời kỳ Xuân Thu vậy.

SỰ TRÊU GHEO CỦA LỊCH SỬ

Từ sự vĩ đại đến đáng cười, sai lệch chỉ có một bước chân.

NAPOLEON

Niên đại xảy ra trận Hào Sơn giữa Tần và Tấn, cách năm mà Tôn Vũ từ nước Tề chạy loạn đến Đông Ngô là hơn trăm năm. Trong khoảng thời gian một thế kỷ ấy, Trung Nguyên vẫn lửa khói ngút trời, đại quốc tranh bá, tiểu quốc chao đảo. Ở góc độ chiến tranh mà nhìn, tuy thời kỳ này chiến sự xảy ra rất nhiều, song chỉ biểu hiện ở việc khuếch đại tính quy mô và tăng cường tính tàn khốc mà ở chiến lược, chiến thuật cũng không phát triển thêm nhiều, những trận giống như trận Thành Bộc, Hào Sơn khá điển hình thì không thấy xảy ra.

Song, trải qua việc tranh bá đồ vương kéo dài hơn trăm năm, nhất là khoảng thời gian từ Tề Hoàn Công xưng bá đến giao tranh Tấn Sở sát phạt nhau liên miên, khiến các nước nhỏ bé rất đổi khốn khổ. Bởi bất luận đại quốc nào xưng bá thì tiểu quốc đều phải cống phụng châu hầu, còn như tình huống một tổ hai chủ cũng luôn thấy xảy ra, ngay đến những nước có gốc gác cũ như Lỗ Trịnh, Tống, cũng thường lộ ra tình trạng bất định, đáng lo ngại. Căn cứ vào ghi chép của cuốn kinh Xuân Thu, nước Lỗ ở thời kỳ Xuân Thu chỉ triều cống cho nhà Chu ba lần, mà triều cống những nước bá chủ như Tề, Tấn, Sở những ba mươi lần. Từ đó suy ra thì thấy rằng những nước như Trịnh, Tống thường bị đại quốc chinh phạt, số lần không ít hơn như thế.

Những vật cống nạp của nước nhỏ hoàn toàn đều do quốc dân tìm kiếm. Dân chúng nước nhỏ đã phải tòng chinh tham chiến, lại phải gánh vác món nợ cống nạp, không chỉ là người bình dân nô lệ, đến như tầng lớp sĩ đại phu cũng khốn khổ. Cho nên, tình cảm chán ghét chiến tranh, phản chiến luôn kéo dài ở các nước nhỏ. Còn đại quốc ham bá quyền thích gây chiến dẫn đến hiện trạng quốc bản dân cùng, khiến tình cảm ấy cũng không ngừng khuếch đại ở đại quốc, cuối cùng thì hình thành không khí chán ghét chiến tranh lan tràn trong các nước Trung Nguyên. Thế rồi, sử sách Trung Quốc đã sớm ghi lại “hội nghị

hoà bình” nhằm chấm dứt chiến tranh giữa các nước, đây là hai lần vận động bãi binh mà đại phu nước Tống là Hoa Nguyên đã đề xướng với Nhung Dịch. Vận động bãi binh đối với lịch sử thời kỳ hậu Xuân Thu có ảnh hưởng khá lớn, cũng đã cải biến cục diện quốc tế đương thời ở mức độ nhất định. Càng quan trọng hơn là, nó làm cho nhân loại cố gắng tranh thủ hòa bình quốc tế, cho mảnh đất kinh nghiệm phong phú và nguồn suối lý luận dồi dào để các chính trị gia và các nhà ngoại giao, nhà quân sự tìm đến khai thác. Ngoài ra, từ góc độ bối cảnh hình thành các Bách gia chư tử mà nhìn, lý luận và thực tiễn về đề xướng bãi binh, đối với cấu trúc của quan niệm chiến tranh hòa bình của Bách gia chư tử cũng có tác dụng không nhỏ. Dấu vết của những tác dụng ấy, càng thấy lộ rõ ở Tôn Tử. Bởi thế, hiểu được phát triển của vận động bãi binh, đối với việc tìm hiểu Tôn Tử và binh pháp của ông, rõ ràng là rất quan trọng.

Một nổi cộm sống sượng

Tấn Sở tranh bá là một màn kịch lớn của thời Xuân Thu, cơ hồ chiếm toàn bộ nội dung lịch sử thời kỳ giữa Xuân Thu. Bởi vì trừ hai nước Tề, Tần riêng biệt ở hai đầu Đông Tây, các nước Trung Nguyên cơ hồ đều bị cuốn vào dòng xoáy của cuộc chiến tranh giành long hổ này. Từ tổng thể mà nhìn, nước Tấn, bởi tổ tiên là ngành chính thống của họ Cơ, ngồi ở Trung Nguyên, lại xưng bá trước cả Sở. Về phương

diện lịch sử và đất đai có điều kiện thuận lợi hơn, nên các chư hầu ở Trung Nguyên phần nhiều đều theo về với Tần. Nước Sở tuy từ lâu bị Trung Nguyên xem là Kinh Man, là bang quốc mé ngoài, song thực lực kinh tế quốc gia sau này lại nổi bật lên, quân lực cũng hùng mạnh dần, lại nữa hậu phương không bị quấy rối, nên vua Sở thường cao giọng tỏ chí lớn đập bằng thiên hạ. Dẫu rằng Tấn Sở đều có sở trường sở đoản, song đều không thể triệt để đánh bại được lực lượng của đối thủ.

Trải qua nửa thế kỷ chiến tranh hao mòn, đã hình thành cục diện cứng nhắc cân bằng với nhau. Hai bên đều cảm thấy mệt mỏi, thế rồi sản sinh nhu cầu tạm dừng chiến tranh để nuôi dưỡng sinh lực, nước Sở muốn giao hảo với nước Trịnh thuộc phe Tấn, song Trịnh lại sợ cái oai của Tấn nên không dám thân gần. Cũng lúc ấy, Tấn lại thả tướng nước Sở là Trung Nghi, dùng phương thức tặng lễ vật, liếc mắt về phía Sở. Những điều ấy đều là dấu hiệu Tấn, Sở có ý muốn ngưng chiến. Trên thực tế, ý tưởng bãi binh là nhu cầu thực về nghỉ ngơi và tích lũy của nước Tấn, còn Sở thì lợi dụng thủ đoạn hòa bình trên mặt trận ngoại giao để tranh bá với Tấn, mục đích của hai nước thực khác nhau như nước với lửa chẳng thể dung hòa. Song do làn sóng bãi binh ngày mỗi dâng cao ở khắp nơi, cho nên cuối cùng thì Hoa Nguyên là người cầm quyền bính ở nước Tống đã

đứng ra tổ chức đại hội bãi binh nghị hòa lần đầu tiên. Hoa Nguyên vốn là một võ tướng của nước Tống. Tả truyện có chép rằng năm 595 – TCN bởi Hoa Nguyên giết sứ thần của nước Sở phái đến nước Tề, chuốc lấy việc bị quân nước Sở kéo đến bao vây. Quân Sở đánh thành mấy tháng không được bèn dùng kế vây khốn lâu ngày. Người Tống hoảng sợ, nhân tâm hoang mang. Hoa Nguyên lại từ nỗi lo sợ mà nảy ra một kế. Ông ta chỉ mỗi một mình, đang đêm lẻn ra ngoài thành đột nhập vào doanh trại quân Sở, lại vào được trong màn trướng của công tử nước Sở là Tử Phán lay Tử Phán đang nằm trên giường phải tỉnh dậy. Hoa Nguyên khẳng khái giải bày rằng: Người nước Tống ví như phải cho con đi mà đổi lấy gạo ăn, cũng nhất định với quốc gia cùng tồn vong. Cử chỉ ấy của Hoa Nguyên thật đã làm quân Sở khiếp sợ, mà cũng nổi tiếng là trí dũng song toàn một thời.

Mười sáu năm sau, Hoa Nguyên càng thể hiện tài hoa chính trị và ngoại giao, qua lại du thuyết với với Tấn và Sở, tạo dựng được hội nghị bãi binh quốc tế lần thứ nhất trong lịch sử quan hệ quốc tế. Đó là vào tháng 5 năm 579 – TCN, sứ thần nước Tấn là Sĩ Tiết và sứ thần nước Sở là công tử Bì cùng Hội thể ở cửa Tây kinh đô nước Tống. Trong hội nghị này sứ thần hai nước đã thông qua hiệp ước hòa bình, đại thể là: Tấn, Sở không tăng thêm việc dùng binh

nhưng làm cho tình hình xấu đi. Nếu như có nước nào xâm phạm Sở thì Tấn sẽ thảo phạt, còn với Tấn cũng như thế.

Hai nước mạnh đã hòa hiếu với nhau, dẫn đến biến đổi cục diện quốc tế, tính khuynh hướng của nước nhỏ cũng biểu lộ rõ ra. Ví như nước Trịnh cũng phụ thuộc hoàn toàn vào nước Tấn, còn Tấn thì lôi kéo hai nước Lỗ, Vệ vào phe mình.

Chiến tranh và hòa bình là hai hình thức cơ bản nhất của cuộc sống con người. Từ góc độ tình cảm nhân loại thì thấy, mọi người mong theo đuổi hòa bình mà chán ghét chiến tranh. Đây là bởi vì sự sinh tồn là ý nghĩa quan trọng bậc nhất của cuộc sống, mà hậu quả trực tiếp rõ ràng nhất của chiến tranh là hủy diệt cuộc sống. Bởi thế tiêu trừ họa chiến tranh là yêu cầu cơ bản của bản năng sinh tồn ở loài người. Song từ góc độ quan sát lạnh lùng lý tính với chiến tranh và hòa bình, người ta lại thấy rằng chiến tranh là điều không thể tránh khỏi. Người ta sau khi đã dư thừa nhu cầu cơ bản về sinh tồn, sẽ tự nhiên cần sự phát triển. Mà bản chất của sự phát triển chính là theo đuổi lợi ích, nâng cao chất lượng sinh tồn. Lợi ích có ở đâu, lòng người ta sẽ hướng đến đấy. Mà với người xưa thì thấy rằng, lợi ích ở vạn vật trong trời đất mà lấy được là từ các nước lân cận, ở bên ranh giới phân chia cũng chẳng còn có đạo lý gì. Đến nay người ta thấy rằng từ khi loài người mau chóng thu

được lợi ích từ đại tự nhiên, thì loài người cũng tiến vào cái gọi là thời đại văn minh. Nói cách khác, kể từ khi loài người hiểu được dùng vũ khí để cướp đoạt lợi ích của đồng loại, đồng thời dùng vũ khí để bảo vệ lợi ích của mình, chiến tranh đã buộc chặt với loài người đến mức không gỡ ra được, đấy chính là “lợi ích luận” về chiến tranh. Bởi thế, chúng ta có thể rút ra được kết luận như thế này: Người hoạch định chiến tranh, chỉ khi phát hiện lợi ích sẽ mất nhiều hơn được trong chiến tranh thì mới đình chỉ hoặc xóa bỏ ý niệm chiến tranh, nếu không chiến tranh sẽ bột khởi. Đây là biện chứng pháp của chiến tranh và hòa bình. Kể từ khi loài người có chiến tranh đến giờ, điều ấy vẫn luôn được khẳng định.

Người được lợi trong hội thể ở của Tây nói trên đầu tiên là nước Tấn. Tấn Cảnh Công từ trần, Lệ Công lên ngôi, trong nước phải đối phó không ngừng với thế lực sĩ đại phu to lớn, bên ngoài phải đụng độ với sự xâm phạm của Bắc狄, Nam Man, có thể nói là bị bệnh cả trong lẫn ngoài. Một chữ ký vào hòa ước, giải trừ được mối lo phía Nam, để chuyên tâm vào việc đối nội và ngăn chặn Bắc狄, thực là đại lợi. Tiếp đó phải kể đến lợi ích của nước Tống. Trong vòng mấy chục năm liền, nước Tống bị kẹp giữa Tấn và Sở đang xung đột nhau, nước không một ngày yên, dân tình hoang mang, nếu kéo dài mãi thì xã tắc nghiêng ngả, giang sơn có nguy cơ rơi vào tay người

khác. Riêng với nước Sở, có thể nói là chẳng được lợi gì. Với nước Sở mà nói, việc bãi binh ngưng chiến, chỉ bớt được rất ít phí dụng chiến tranh, mà cũng không làm tăng thêm được gì, chẳng bằng đem quân Bắc tiến, chiến thắng thì cướp được của cải, lợi ích sẽ cuộn cuộn đổ về. Có thể nói rằng hội thề ở cửa Tây là một nồi cơm sống sượng ám khói, một quả trám xanh còn chưa kịp chín, tự nhiên là khá khó nuốt vậy.

Điều đáng buồn là chén rượu đắng này từ đầu đến cuối không thể văng mặt Hoa Nguyên cố ngồi uống cho đến hết.

Nước chảy thành ngôi.

Sau hội thề ở cửa Tây được ba năm, nước Sở hủy bỏ hiệp ước, tiến công nước Trịnh đã bán mình cho nước Tống. “Tả truyện” chép rằng, nước Sở muốn xâm chiếm nước Trịnh, đại phu nước Sở là Tử Nang khuyên Sở Vương rằng: “Mới ký hiệp ước với Tấn mà bội ước, thì biết nói thế nào?”. Ai ngờ Tử Phản vốn đã bị Hoa Nguyên xốc dậy từ trên giường nằm lại nói rằng: “Hiệp ước ấy chỉ có lợi cho địch mà thôi”.

Nước Tấn được biết tin tức, vội cùng thề ước với nước Ngô là nước mới hưng thịnh ở phía sau nước Sở, nhằm co kéo nước Sở. Sở sợ trước sau đều gặp địch, bèn cắt đất để mua chuộc nước Trịnh. Trịnh được đất của Sở, liền bội phản với nước Tấn mà liên kết với Sở, cũng thay Sở mà khởi binh đánh Tống. Lúc này nước

Tổng đang có quốc tang, Hoa Nguyên tạm chấp chính, đảm nhiệm gánh nặng dẹp nội loạn và chống thù ngoài, khiến ông ta đau đầu nhức óc, hao tổn tâm cơ. Đến lúc này, sự đắc ý sau hiệp ước của Tây bị quét sạch không rồi.

Nước Tấn đương nhiên không thể ngồi nhìn nước Sở khuếch trương ở Trung Nguyên, thế rồi, đã nổ ra cuộc chiến ác liệt ở Yên Lăng. Cuộc chiến lần này, Sở bị bội ước, là thua về đạo nghĩa; Tử Phán, Tử Trọng lại gằm ghề nhau, tự tiêu hao sinh lực, lại là điều đáng thua, cuối cùng đã dẫn đến chiến bại. Song từ chiến lược chiến thuật thì thấy, cuộc chiến lần này cũng không có sáng tạo gì mới. Bởi chiến trường là vùng hồ đầm, chiến xa khó xoay sở, dẫn đến xe cộ hai bên đều là bị xếp xó, tướng lĩnh mấy lần chạm trán, lấm láp đầy bùn đất. Quân Tống chú trọng bộ binh, có lợi để phát huy sở trường đã chiến, đây là nguyên nhân quan trọng của việc giành thắng lợi. Cuộc chiến Yên Lăng đã nảy sinh một số sự kiện khiến người ta không thể không suy nghĩ, rất đáng được xét kỹ. Tướng nước Tấn là Khuếch Chi ba lần chạm mặt Sở Công Vương đã bị thương, lại đều xuống xe bỏ mũ né tránh để biểu thị tôn kính, mà Công Vương cũng tặng cho Khuếch Chi một cây cung tốt của nước Sở để khen ngợi là dũng tướng mãnh và nhân từ. Lại như, trong lúc kịch chiến, Tấn Lệ Công phái người mang đến cho tướng nước Sở là Tử Trọng rượu ngon để úy lạo, Tử Trọng uống mà không từ chối. Lại nữa

còn có một số việc kỳ lạ là hai bên đối địch lại lấy nghi lễ để mào đầu, người đời sau thực không thể hiểu, cho đó là những hành vi phi lý tính trong giao chiến. Song, xem những hiện tượng ấy trong bối cảnh xã hội đương thời, thì không khó thấy rằng, đấy vẫn là sự trói buộc của quân lễ truyền thống đối với quan niệm tác chiến của hai bên khiến hành động của họ mang dấu ấn rõ rệt.

Qua trận Yên Lăng, khí thế Bắc chiến của người Sở tuy bị gãy song về căn bản mà nói cục diện tranh bá giữa Sở và Tấn cũng không thay đổi về chất. Sau cuộc chiến nước Sở lo việc ở sân sau, với nước Ngô tiến hành một cuộc chiến tranh cục bộ. Nước Tấn thì dưới sự đôn đốc của Lệ Công ra sức chinh đồn thế lực quý tộc, Lệ Công giết liền ba viên quan họ Khước, cuối cùng diệt xong một họ khá mạnh. Bởi thế, cho đến trước lúc ký hiệp ước bãi binh lần thứ hai, Tấn và Sở đều bởi những sự rối ren nội bộ và biên ải mà chưa phát sinh một cuộc chiến tranh to lớn.

Ba mươi ba năm sau hiệp ước bãi binh lần thứ nhất, tức là năm 546 – TCN, quan đại phu nước Tống là Hưởng Nhung lại tiếp nối Hoa Nguyên, lại đứng ra tác thành cho một hiệp ước bãi binh mới. “Tả truyện” chép rằng: “Hưởng Nhung của nước Tống thân thiện với Triệu Văn Tử của nước Tấn, thân thiện với quan lệnh Doãn Tử Mộc của nước Sở, muốn lấy việc bãi binh để nổi danh”. Hưởng Nhung trước đến nước Tấn

du thuyết, Triệu Văn Tử bàn mưu tính kế với các đại phu. Hàn Hoàn Tử cho rằng, Tấn nếu không đồng ý, thì ngôi vị triệu tập chư hầu của mình chủ sẽ phải nhường cho nước Sở mà Tấn thì bất lợi. Bởi thế mà đồng ý. Hướng Nhung lại sang du thuyết ở Sở, Sở cũng đồng ý. Lại sang nước Tề, Tề sợ không làm theo thì dân oán, cũng miễn cưỡng gật đầu. Lại sang du thuyết ở Tần, Tần cũng bằng lòng. Tấn, Sở, Tề, Tần là bốn đại cường quốc của thời kỳ giữa đời Xuân Thu, họ đã cùng nhất trí, thì các nước chư hầu cũng như bóng với hình phải theo hện mà đến cả.

Hôm ấy là ngày Tân Tỵ, tháng bảy, các nước cùng tụ tập ở ngoài Tây Môn của nước Tống (lại vẫn là cửa Tây trước đây). Lễ nghi thể ước khá uy nghiêm. Song người Sở lại ngấm mặc áo giáp ở trong lễ phục, để uy hiếp người Tấn. Quả nhiên, về ngôi vị uống máu ăn thề người Sở muốn nổi loạn, phải đòi sửa đổi thông lệ do nước Tấn đứng làm chủ thề, giạt lấy tai trâu. Một viên quan của nước Tấn là Thúc Hướng thấy thế lo sợ cố khuyên Triệu Văn Tử hãy chịu nhịn, người Sở thế là chiếm được phần đầu tiên.

Hội thề bãi binh lần thứ hai bất luận là vì qui mô hay thành tựu đều vượt xa lần trước. Định ra minh ước, không chỉ là dấu son đóng lên bức tranh giành giật bá quyền của Tấn, Sở ở Trung Nguyên đã kéo dài hàng trăm năm, cũng cho thấy sự kết thúc thời kỳ giữa Xuân Thu. Về cái được cái mất mà nói, không

nói đến khi ký mình ước đã để mất ngôi vị mình chủ, mà các nước Lỗ, Tống trước đây vẫn phụ thuộc trên thực tế đã ngã về phía Sở. Nước Tấn sở dĩ yếu như thế, chủ yếu là do mâu thuẫn nội bộ kịch liệt, thế lực quý tộc găm ghề nhau, vua nước Tấn không còn bụng hướng ra bên ngoài, để mất sức mạnh đè ép Sở. Còn Sở bởi bị nước Ngô nứu kéo lại, cũng trù trù, lực bất tòng tâm, đành chịu bó tay, thuận nước đẩy thuyền, không gây phiền hà cho Tấn. Song, xác lập hiệp ước bãi binh lần này, ngoài giằng co lực lượng của hai phía Tấn Sở, còn có một nhân tố đáng được xem trọng. Về nghi thức hội thề, Triệu Văn Tử đã nói: Nước Tấn không thể chỉ huy nước Tề, cũng như nước Sở không thể chỉ huy nước Tần vậy. Chính là do bốn nước lực lượng khá tương đương, hai nước Tề Tần mới đứng ở vị trí trung lập không bị lệ thuộc. Trên thực tế, Tề Tần có địa vị đồng đẳng với Tấn Sở, đây là biến động lớn nhất về cục diện sau ba mươi năm kể từ hiệp ước bãi binh lần thứ nhất.

Còn như tên tuổi của đại phu Hướng Nhung nước Tống, tựa hồ đương thời và hậu thế chưa được người ta nhắc đến nhiều. Đây cũng là chỗ bí ẩn mà lịch sử để dành, là vấn đề đáng được tìm hiểu sâu thêm.

Hoài thai trăm năm.

Kể từ “hội thề Quì Khâu”, Tề Hoàn Công nổi bá nghiệp, đến hiệp ước bãi binh lần thứ hai ở cửa Tây Môn nước Tống, lịch sử đã trải qua 105 năm. Đây là

một thế kỷ gió mưa đầy trời, là sự quá độ một trăm năm của sự suy yếu và sức sống mới. Giai cấp địa chủ đại biểu cho quan hệ ruộng đất mới đã vùng dậy, khiêu chiến với lực lượng quý tộc hủ bại một cách mạnh mẽ, dần dần nắm được mạch sống quốc gia.

Các nước của thời kỳ này đều trải qua biến đổi chưa từng có. Mà lúc này con quỉ chiến tranh tựa hồ luôn ở bên mình nhà vua, khiến đầu óc họ mê muội, thích chém giết, chỉ vì một miếng đất bé nhỏ hoặc một chút cống phẩm của tiểu quốc, rất đáng tiếc là chỉ vì sĩ diện cũng có thể gây thành chuyện binh đao.

Song chiến tranh lại lấy sức mạnh đặc biệt của nó để cải biến quốc gia, dân tộc và xã hội, thậm chí cải biến tự thân người hiếu chiến. Đồng thời với việc tăng cường binh khí tác chiến, tư tưởng quân sự, chế độ quân sự và phương thức tác chiến đều phát sinh biến hóa to lớn; chủ thể của chiến tranh là con người, đối với việc lý giải chiến tranh cũng đã ngày càng thành thực. Cùng với việc sản sinh quân đội thường trực, chỉ huy quân đội tác chiến đã thành việc chuyên nghiệp của vị tướng, mà chiến tranh thì ngày mỗi phức tạp hóa, lại không ngừng có yêu cầu càng cao với các tướng soái muốn giành thắng lợi. Bởi thế, tướng soái chỉ bằng vào kinh nghiệm có hạn của cá nhân, điều động muôn vàn binh mã trên vũ đài chiến tranh biến ảo khôn lường thì không chỉ khó giành phần thắng mà còn thập phần nguy hiểm.

Thời kỳ đầu và thời kỳ giữa Xuân Thu, địa khu Trung Nguyên có những nước lớn tranh bá, chiến sự liên miên. Song phương thức tác chiến của thời kỳ này khá cũ kỹ, qui mô cũng khá nhỏ hẹp. Các phép tác chiến mới còn đang là sự tìm tòi và thử nghiệm, cho nên, trên thực tế chưa đề ra nhu cầu bức thiết của việc tổng kết lý luận quân sự. Sau hội thề bãi binh của Hưởng Nhung, khói lửa chiến tranh của Trung Nguyên có phần giảm bớt, tuy Ngô Việt ở vùng hạ du sông Trường Giang tiếp tục trỗi dậy, cũng không ngừng gây lo ngại cho Trung Nguyên, song bởi họ là những nước nhỏ sức yếu, chưa có khí thế, chỉ bó hẹp ở vùng Đông Nam mà thôi. Các nước ở Trung Nguyên, nhất là các đại quốc như Tấn, Sở, Tề, Tần đều dốc sức vào việc nội chính, có nước thì bị các quý tộc quấy đảo ngày đêm không yên, không còn rảnh rỗi mà lo chuyện khác. Bởi thế, trong cục diện đối đầu cân bằng giữa các nước lớn, Trung Nguyên đã có cơ sở bình lặng của mấy chục năm. Song, sự phát triển của sự vật nói chung tiến theo kiểu con sóng. Sự tĩnh lặng này thực tế là tích góp cho một sự bộc phát mãnh liệt hơn.

Về khách quan, sự bình lặng tương đối đã cho các nhà tư tưởng cơ hội tốt để tổng kết và tìm tòi sâu sắc lịch sử và hiện thực, thế rồi, đã có các triết gia cổ đại đặt hòn đá tảng cho lâu đài văn hóa phương Đông. Sự tranh giành kịch liệt giữa các nước chư hầu, cùng

mưu cầu trị quốc của các nước cần đến những nhân tài có trí hơn người, từ yêu cầu khách quan mà gây thành sự hoài thai mang tính riêng biệt của khá nhiều nhà tư tưởng. Cho nên hai phái Nho Mặc với Khổng Khâu và Mặc Dịch nhân thời thế mà sinh ra, mà sự xuất hiện của mười ba thiên binh pháp Tôn Tử cũng dứt khoát chẳng phải là một ngẫu nhiên của lịch sử.

Người trả thù riêng dẫn đường cho vị thánh mới.

Khi hội thề bãi binh lần thứ hai bắt đầu, cũng là lúc mà Tề Cảnh Công đã kế vị sang năm thứ hai. Năm ấy, Tổ phụ của Tôn Tử là Điền Thư chinh phạt nước Cử lập được công lớn, được phong đất Lạc An và cho mang họ Tôn. Sau này, người con của Tôn Thư là Tôn Phùng trở thành khanh tướng nước Tề. Lại sau đó nước Tề có nội loạn, gia tộc họ Tôn bởi chạy loạn mà bôn ba đến nước Ngô mới hưng thịnh ở phương Nam. Lúc ấy, Tôn Vũ đã thành nhân, mà sinh ở thời loạn, đúng là anh hùng đất dụng võ.

Cuối thời Xuân Thu, các nước chư hầu đều chuộng người hiền tài, mà nước Ngô mới hưng thịnh càng cầu hiền tài như khát nước. Gia tộc họ Tôn ở nước Tề là quý tộc, phải chạy sang nước Ngô chẳng phải là để sống ẩn dật, mà là tìm kiếm một vùng trời đất rộng, tìm kiếm vũ đài lớn để thi triển tài năng. Song, khi họ mới vào đất Ngô, hiển nhiên chưa được

vua Ngô xem trọng, chỉ gửi thân ở vùng biên ải, sống bằng cấy cấy ruộng nương. Đang trong những ngày ấy, Tôn Vũ quen biết được với Ngũ Tử Tư. Ngũ Tử Tư cũng đang ở đấy, do đó, mong mỏi của Tôn Vũ cũng bắt đầu được nhen nhóm. Ở đây có vai trò dẫn đường quan trọng của Ngũ Tử Tư.

Ngũ Tử Tư tên là Ngũ Viên, người nước Sở, cha là Ngũ Xa, thời Sở Bình Vương, Xa là Thái phó của Thái tử Kiến. Bình Vương chọn người con gái nước Tần cho làm vợ Kiến, bởi thấy người con gái nước Tần ấy xinh đẹp lại nhận làm Tỳ thiếp của mình. Nịnh thần Phí Vô Kỵ gièm pha về Thái tử Kiến, đồng thời hãm hại Ngũ Xa. Xa với con cả là Ngũ Thượng bị chết bởi tay Bình Vương, Tử Tư dắt Thái tử Kiến chạy trốn, lúc đầu chạy sang nước Tống, Tống đang có nội loạn do họ Hoa gây ra. Chạy đến Trịnh, rồi ở lại đấy. Người Tấn xui Kiến làm nội công đánh Trịnh, việc bại lộ, người Trịnh giết Thái tử Kiến. Ngũ Tử Tư lo sợ mang người con trai của Kiến là Thắng chạy sang nước Ngô. Đúng lúc Ngô Vương Liêu mới cầm quyền, nhận Tử Tư làm người giúp việc dưới trướng. Sau này Ngũ Tử Tư mấy lần khuyên Ngô Vương Liêu thảo phạt nước Sở, công tử Quang hoài nghi là muốn mượn quân để báo thù riêng. Ngũ Tử Tư cũng thấy rằng Công tử Quang từ lâu đã nuôi chí hướng muốn tự lập. Ông lo lắng bị tổn thất danh dự, né tránh nghi ngờ, tiến cử một người tài là Chuyền

Chư cho công tử Quang, còn mình thì dẫn Thảng về cày ruộng ở nơi sơn dã, sống ẩn cư. Ba năm sau, công tử Quang giết Ngô Vương Liêu lên làm vua, đấy là Ngô Vương Hạp Lư. Hạp Lư cho gọi Ngũ Tử Tư về cùng bàn quốc sự. Ba năm ở thôn dã, Ngũ Tử Tư đã kết thân với Tôn Vũ, nên có giai thoại “một sáng với Ngô Vương luận binh, bảy lần tiến cử Tôn Vũ”.

Tôn Vũ được trọng dụng, bèn cùng Ngũ Tử Tư chinh phạt nước Sở. Có sự tham dự của Tôn Vũ, quân Ngô dùng kế hoạch chiến lược làm cho quân Sở mỗi một, hoang mang tóm bắt thời cơ tiêu diệt quân Sở, cuối cùng thu được chiến công hiển hách tiến vào Dinh Đô của nước Sở. Về trận đánh này phần dưới sẽ lại nói rõ hơn.

Năm 506 – TCN, tức là mười năm sau ngày cha, anh của Ngũ Tử Tư bị Sở Bình Vương giết hại, Ngũ Tử Tư dẫn quân Ngô đánh vào kinh đô nước Sở. Sở Chiêu Vương bỏ chạy, chưa bắt được Chiêu Vương, Ngũ Tử Tư bèn đào mộ của Sở Bình Vương, quật thi hài lên, đánh đủ ba trăm roi mà chưa hả giận.

Trước đây, Ngũ Tử Tư cùng Thân Ba Tư nói chuyện, khi Ngũ Tử Tư chạy khỏi Sở, có chỉ lên trời mà bảo với Thân Ba Tư rằng: “Ta ắt làm cho nước Sở tan tành!” Thân Ba Tư điềm tĩnh đáp rằng: “Ta còn thì nước Sở còn”. Đến khi Dinh Đô bị thiêu hủy, Thân Ba Tư vội chạy vào với quân Tần, xin quân Tần cứu

nước Sở đã bị hủy hoại. Tần Ai Công chưa chịu nghe theo. Thân Ba Tư vẫn đứng ở sân rồng khóc lóc bảy ngày bảy đêm không dứt. Cuối cùng Tần Ai Công cũng động lòng: “Nước Sở có trung thần như thế thực không đáng mất”. Thế rồi phái năm trăm chiến xa sang đánh Ngô cứu Sở.

Tần Ngô cùng giáp trận, quân Ngô đại bại. Người em của Hạp Lư là Phu Khái thừa cơ chống lại ở kinh đô, cũng bắt chước người anh mà tự lập làm vua. Hạp Lư bất đắc dĩ phải rút quân về để dẹp loạn, người Sở nhờ đó mà phục quốc được. Phu Khái chạy sang nước Sở. Qua một năm vất vả chuẩn bị, vua Ngô dùng mưu của Ngũ Tử Tư, Tôn Vũ, lại phá được Sở uy hiếp Tề Tần, chinh phục người Việt ở phía Nam, xưng hùng xưng bá một thời.

Song xưa nay anh hùng thì phần nhiều mệnh yếu mà gian thần thì mệnh lại dài, Ngũ Tử Tư cũng không thoát khỏi qui luật ấy.

Hạp Lư đánh nhau với người Việt, bị thương ở tay rồi mất. Phù Sai lên kế vị, nuôi chí lớn của chim hòn, chim hộc có ý tranh bá với chư hầu. Dẫu Ngũ Tử Tư mấy lần khuyên can hãy lo cho hậu phương đã, xong nước Việt rồi hãy Bắc phạt. Song Phù Sai lại tin vào lời gièm pha của Thái Tể Bá Hy vốn là người nhận hối lộ của người Việt, một mình một ý, lại thấy Ngũ Tử Tư là hòn đá cản chân mình, cuối cùng ban

bảo kiếm cho tự quyết vận mệnh. Ngũ Tử Tư than rằng: “Hãy treo mắt ta ở trên cửa Đông Môn để thấy quân Việt vào diệt nước Ngô!”.

Hơn mười năm sau, Việt Vương Câu Tiễn quả nhiên dẫn quân vào diệt nước Ngô. Phù Sai thua trận xin hàng, Câu Tiễn không ưng thuận, xuống lệnh bắt phải tự vẫn. Nước Ngô mất. Lịch sử được Ngũ Tử Tư bất hạnh dự đoán đúng. Còn như Tôn Vũ có cùng chịu tội với Ngũ Tử Tư hay không, sách sử không nhắc đến.

Tư Mã Thiên đã đánh giá xác đáng về Ngũ Tử Tư: “Lúc Ngũ Tử Tư cùng quần ở bên sông, phải xin ăn, xong chí hướng không lúc nào quên được nước Sở? Nhẫn nhịn mà lập được công danh, há có bậc trượng phu nào cũng có thể làm được thế chăng?” Đồng thời với việc khẳng định công trạng một đời, cũng thẳng thắn nêu lên rằng, động cơ lập công danh của Ngũ Tử Tư chính là muốn báo thù Sở Bình Vương đã giết cha anh mình. Nếu như thuận chiều thì Ngũ Tử Tư đã thả sức giúp Ngô Vương thảo phạt nước Sở, đồng thời ra sức tiến cử Tôn Vũ thực đã chú ý tặng cho Ngô Vương một túi khôn chiến tranh vậy.

Lịch sử luôn luôn trêu ghẹo con người: Ngô Sở thù oán nhau, cho Ngũ Tử Tư có cơ hội lấy việc công để báo thù riêng, khó biện giải rõ được đâu là công đâu là riêng ở đấy, Hạp Lư có chí lớn, khiến Tôn Vũ

thể hiện được tài hoa ở sa trường, trong thực tế chiến tranh rất phong phú, đã hiểu được nội hàm rộng lớn của lý luận quân sự, để có điều kiện hoàn thiện sáng tạo mười ba chương binh thư của mình, đây cũng là cái hữu tâm và vô ý của biện chứng pháp vậy.

Tướng quân bực tức và cung nữ rơi lệ.

Ngũ ngôn biểu đạt của lịch sử luôn luôn khô khan, cho nên có những việc vốn nghiêm túc, lại khiến người ta nhìn nhận như trò đùa. Đương khi có một việc vốn đáng cười hoặc có một chuyện tức cười xảy ra thì ông lão lịch sử lại giữ bộ mặt trang trọng và nghiêm túc. Hoa Nguyên, Hướng Nhung vì sự yên ổn của quốc gia mà bôn tẩu lo bãi binh, người được lợi lại là các bá chủ vì sự tư lợi của mình mà nhe nanh múa vuốt; Ngũ Tử Tư ra khuyên Phù Sai đánh Việt trừ hậu họa, cuối cùng lại khó bảo toàn được tính mạng của mình; Tôn Vũ dốc lòng vì lý luận binh pháp, muốn lập công trạng ở đời, chắc cũng chưa từng nghĩ rằng, trí tuệ của mình trở thành công cụ để người ta báo thù riêng. Song, đây chính là Lịch sử. Bất luận đương sự nghĩ gì, đều không thể không đối mặt với hiện thực ấy. Điều khiến người ta đáng kính nể chính là thái độ nghiêm túc nhìn thẳng vào sự vật ấy một cách坦然 nhiên, thuần phác. Tôn Vũ chính là người làm được như vậy.

Ngô Vương Hạp Lư giết Ngô Vương Liêu lên ngôi năm 514 - TCN, sau đó mời Ngũ Tử Tư tham gia

chính trị, tín nhiệm trao cho chức điều hành dưới trướng. Ngũ Tử Tư ra sức tiến cử Tôn Vũ, đem cuốn binh pháp Tôn Vũ dày mười ba thiên trình lên Ngô Vương. Ngô Vương đọc xong, muốn được gặp mặt Tôn Vũ. Về chuyện này, Tư Mã Thiên đã ghi lại khá tinh tế trong Sử ký:

“Tôn Vũ người nước Tề, lấy binh pháp mà ra mắt Ngô Vương Hạp Lư. Hạp Lư nói: “Mười ba thiên sách của người ta đã đọc rồi, có thể thử điều binh được không?”

“Được”.

Hạp Lư lại nói: “Có thể thử với đàn bà con gái được không?”

“Được”.

Thế rồi nhà vua cho gọi một trăm tám mươi mỹ nữ đến. Tôn Vũ chia làm hai đội, lấy hai người đẹp được nhà vua yêu mến nhất cho làm đội trưởng mỗi bên, đều cho cầm kích. Xuống lệnh rằng: “Các người có biết thế nào là trước bụng, sau lưng và phải trái không?”

Cung nữ nói : “Biết ạ!”

Tôn Vũ nói: “Hô trước thì nhìn thẳng, hô trái thì nhìn sang tay trái, hô phải thì nhìn sang tay phải, hô đằng sau thì nhìn sau lưng”.

Cung nữ nói: “Vâng”.

Cắt đặt xong bèn dựng lưới búa phủ Việt, xuống lệnh làm thủ, thế rồi hô to “quay phải”, cung nữ đều cười lớn. Tôn Vũ bảo: “Luật lệ không hiểu rõ, động tác không thành thực, sẽ bị trị tội đấy”. Lại xuống lệnh “quay trái”, các cung nữ lại cười lớn. Tôn Vũ bảo: “Luật lệ không hiểu rõ, động tác không thành thực, sẽ bị trị tội đấy; đã hiểu mà không làm theo, thì xử tội người cầm đầu”. Liền có ý muốn chém đội trưởng hai bên. Ngô Vương ở trên đài quan sát, thấy sắp chém ái phi của mình liền cả kinh, vội hạ lệnh rằng: Quả nhân đã biết tướng quân có thể dụng binh được. Quả nhân thiếu hai nàng này thì ăn không ngon miệng, xin chớ có chém đấy. Tôn Vũ thưa: “Thần đã vâng lệnh làm tướng, tướng ở trong quân, lệnh vua có chỗ không nghe”; bèn chém hai người làm gương, lại cử hai người khác làm đội trưởng, thế rồi lại gõ trống điều hành. Các cung nữ trái phải, trước sau đều quì xuống, đứng dậy không dám hé một tiếng. Thế rồi Tôn Vũ tâu với Ngô Vương rằng: “Binh đã chinh tề, bệ hạ có thể xuống coi thủ, lệnh vua ban ra thì chỗ nước lửa đều nhả vào được cả”. Ngô Vương nói: “Tướng quân hãy nghỉ đi đã quả nhân chẳng cần xuống xem”.

Tôn Vũ tự nói với mình: “Nhà vua chỉ thích nói chứ không thích sự thực”. Sau đó Hạp Lư biết Tôn Vũ có thể điều binh được, đã phong làm tướng, phía Tây thì phá được Sở mạnh, vào được Dĩnh Đô, phía Bắc

thì uy hiếp được Tề Tấn, nổi danh với chư hầu phải kể đến công sức của Tôn Tử vậy.

Câu chuyện này, đã lưu truyền nghìn năm, mọi người thấy ở đây lời nhắc nhở sâu sắc. Còn như các nguyên tắc cầm quân như: “Trước gia ân mà sau giữ nghiêm phép tắc”, “dấn thân trước binh sĩ”, “chấp pháp tất nghiêm”, “tướng ở trong quân, lệnh vua có chỗ không theo”, đều được thể hiện sinh động trong cuộc sống.

Song, tôi lại cho rằng những nguyên tắc ấy lại là thứ yếu mà cái quan trọng nhất chính là Tôn Vũ đã tạo ra được sức mạnh bằng nhân cách thẳng thắn cương nghị của một con người. Từ xưa đến nay, không kể đời Xuân Thu đã là hơn hai nghìn năm, có ai đã trải qua cuộc sát hạch như thế? Quân Vương có ba vạn binh, những kẻ tu mi nam tử cầm kích ở trong ngoài cung, hô một tiếng có đến hàng nghìn hàng vạn, hà cớ gì lại làm phiền đến một trăm tám mươi kẻ mặt hoa da phấn, để cung cấp cho một kẻ vũ phu điều khiển nhỉ? Để cho một vị kỳ tài quân sự, chỉ huy cung nữ về chiến trận, hà chẳng phải là trò đùa ư? bất luận thế nào, chỉ đơn cử câu nói có thể thử ở đàn bà con gái được không, đã bao hàm ý vị khinh nhờn đủ khiến người ta bực tức sôi sục. Tôn Vũ chỉ nói một câu không quá phạm: “Nhà vua chỉ có thể nói mà không thực sự làm”. Song đôi mắt với việc làm tỏ vẻ trào phúng và khinh nhờn ấy, Tôn Vũ vẫn nhìn được;

lấy bối cảnh một con người cảnh nhà gặp bước suy vi, lấy mong mỗi nóng bỏng để lập được công danh, xét khí độ đại tướng của một gia tộc đặc biệt, cho nên cuối cùng thì Ngô Vương đã chọn ông làm tướng, có thể nói là đã nhìn trúng được tài hoa của Tôn Vũ, thấy rõ được nhân cách của ông. Người thanh niên trau chuốt đứng trước mặt Ngô Vương, đã không giữ thái độ cao ngạo của Công Môn Tử Đệ, cũng không tự ti thái quá, đã không sợ sự uy nghiêm của quyền thế, lại có đủ năng lực tự chế ngự dẻo dai. Hiển nhiên, ông có tất cả phẩm chất ưu tú mà một tướng soái ưu tú phải có, Hạp Lư cũng chẳng phải là người tầm thường, đứng trước Tôn Vũ ông thấy được ánh sáng hy vọng của bá nghiệp sẽ thành sự thực.

Sự trêu ghẹo đầy thiện ý và sự nghiêm chỉnh lạnh lùng, lời chúc mừng tốt đẹp và lời niệm chú hiểm độc liên kế, cơ may thần thánh và hòn đá mài đau đớn cũng cùng liên kế. Đó là phương trình của đời sống, là sự khúc khuỷu của đời sống, khiến anh vừa say đắm cảnh núi non liền bị ngã xuống vực sâu muôn trượng, lại cũng khiến anh khi thấy không còn đường đi, lại bắt gặp núi biếc hoa tươi của một xứ thần tiên nào đó. Bởi thế, không cần phải cùng khổn trong cảnh ngập lụt, cũng không cần phải đắc ý trước gió xuân, chỉ có bậc chí giả đạt nhân mới có đủ niềm tin rằng: Ở giữa màu trắng và màu đen, trong cuộc sống cũng gặp cả sắc mầu mập mờ nữa.

Tôn Vũ đáng được gọi là bậc trí giả đạt nhân vậy.

DÁNG VẼ RỰC RỠ

*Tôi sẽ phong kín lịch sử để viết lên bề mặt
dòng chữ này: “Ta không có điều gì kiêu
dè không nói đến”.*

LIỆT PHU

Khi màn kịch Xuân Thu đầy xao động đến thời Tôn Tử xuất hiện, đã gần đến hồi kết. Chiến tranh quân sự từ đầu đời Chu có hình thức nghi lễ đặc thù, trải qua thời Tề Hoàn Công xưng bá, rồi các chư hầu tranh giành bá quyền ở Trung Nguyên bất luận về tính chất, qui mô và mức độ khốc liệt, đều có những biến đổi khốc liệt. Là hình thái cao nhất của đấu tranh chính trị, nó đã có đặc trưng tính cách riêng của mình, đã có một sinh mệnh. Nếu chú trọng nó, một trận có thể hưng bang; nếu xem thường nó, một trận có thể mất nước. Có biết bao nhiêu chính trị gia,

quân sự gia đã chú ý đến ánh sáng của nó, thủ lý giải nó, chế ngự, tiến tới lợi dụng nó hữu hiệu. Cũng nhiều người căm hận nó đến xương tủy, muốn từ căn bản tiêu diệt nó. Thế rồi, kẻ hiếu chiến thì phát cò ruổi ngựa ở biên cương trong tiếng âm âm của chiến xa, sự kêu than của kẻ địch, tìm lấy chất kích thích của thắng lợi. Còn kẻ phản chiến thì uốn ba tấc lưỡi dẻo quẹo thi triển thuật du thuyết với giới quyền quý quan trọng, để cầu họ mở lượng từ bi mà bãi binh; hoặc nhìn thấu bản tính trục lợi hiếu danh của thế thái nhân tình, tiêu hao trong thế giới ẩn dật không ồn ào để mong giữ sự trong sạch của mình.

Chao ôi! Một nghìn người thì có một nghìn cách nhìn nhận chiến tranh, bản thân một nghìn cách nhìn nhận ấy tồn tại sự xung đột đã chứng minh tính cách khách quan của chiến tranh không thể tiêu vong.

Đối mặt với sự thực chiến tranh không thể mất đi, người tỉnh táo mà không tự dối lừa mình, đã nỗ lực tìm kiếm qui luật sinh mệnh của nó, truy tìm nhịp điệu vốn có của nó. Chính là trong những năm tháng chiến tranh của thời Xuân Thu nhiều biến động, mọi người bắt đầu phát hiện và dần dần nắm được nguồn gốc của chiến tranh, thế rồi, mới có được người tổng kết tư tưởng quân sự và nghệ thuật chiến tranh, đó là Tôn Tử. Trong muôn vàn quan niệm chiến tranh, có được hòn đá đánh lửa, đem ngọn lửa tư tưởng truyền lại cho đời sau, là điều rất hiếm

thấy. Và, binh pháp Tôn Tử cuối cùng đã trở thành báu vật hiếm hoi ấy.

Mười ba thiên sách lời lời châu ngọc

Sử ký chép rằng: Ngô Vương Hạp Lư sau khi xem cuốn binh thư của Tôn Vũ, mới vời bảo Tôn Vũ rằng: “mười ba thiên sách của người ta đã xem kỹ rồi, có thể điều binh được không?” Câu hỏi mở đầu ấy đủ khiến người bị hỏi toát mồ hôi. Có điều, từ trong câu hỏi ngẩn ngui ấy, người bên cạnh cũng có thể thấy ý ở lời này rằng “kỳ thư, tuyệt diệu chẳng thể nói hết! Khiến người ta chẳng thể rời tay được”. Đây là câu thứ nhất. “Nếu như những lời trong sách có thể dùng vào thực tế chiến tranh, sao ngại bá nghiệp không thành”. Đã có hai câu mở ấy mới dẫn đến câu thứ ba “có thể điều binh được không?” Có thể nói rằng, Hạp Lư nôn nóng, không thể chờ đợi, muốn làm rõ giá trị chỉ đạo thực tế của binh pháp.

Vậy thì, binh pháp Tôn Tử vì sao chinh phục được Ngô Vương, cũng làm khuynh đảo được bao nhiêu nhà quân sự hậu thế nữa? Nó rốt cục có nội dung như thế nào nhỉ?

Hiện giờ còn lại hai bản Tôn Tử binh pháp, một là bản văn lưu hành, gồm có mười ba thiên sách. Còn một bản nữa được ghi trên thẻ trúc (tìm được ở ngôi mộ đời Hán ở Ngâm Tước Sơn, Sơn Đông, khai quật năm 1972). Ngoài mười ba thiên sách còn có các

thiên sách như “Ngô vấn”, “gặp Ngô Vương”, “Hoàng đế đại xích đề” (gọi là giản bản). Từ giản bản và cuốn binh pháp Tôn Tử vẫn có trước đây thì thấy về niên đại ghi chép, về thời gian rất cách xa nhau. Theo giám định khảo cổ thì ngôi mộ đời Hán ở Ngân Tước Sơn có vào năm 143 – TCN, vậy thì niên đại ở cuốn giản bản phải sớm hơn một chút. Mà niên đại của Sử ký Tư Mã Thiên thì chậm hơn cuốn giản bản từ vài chục năm, đến một trăm năm, nếu so với bản chính lý của Lưu Hưởng thì chậm hơn đến hai trăm năm. Có thể nói, giản bản ở ngân Tước Sơn là bản có gốc gác hơn so với bản hiện đang lưu hành.

Các chuyên gia khảo cổ thông qua những việc ở giản bản, thấy có những điểm khác nhau về đầu đề, số mục và thứ tự sắp xếp, mà về hành văn cũng có nhiều khác biệt. Song, bất luận hai bản có những điểm khác biệt ra sao, là một bộ kinh thư hoàn chỉnh, nó đã biểu hiện tính đồng nhất khá cao về tư tưởng cơ bản, tính logic, kết luận then chốt và đặc tính biện giải. Nói cách khác, trải qua sự sao chép hơn hai nghìn năm, cuốn Tôn Tử chưa có biến dị mang tính căn bản, đây là điều kết luận mà mọi người đều thừa nhận. Cho nên chúng tôi đã căn cứ vào hệ tư tưởng và khái niệm lý luận ở cuốn binh pháp Tôn Tử vẫn có để phân tích, đã bài trừ sự hoài nghi về tính chân thực của nguyên văn.

Tuyển chọn cuốn binh pháp cũ để giới thiệu, bởi với quá trình lưu hành hơn hai nghìn năm, các nhà

quân sự đã thông qua hòn đá mài thực tiễn của chiến tranh và sự thăng hoa của biện giải lý tính, đã tạo thành được một cuốn Tôn Tử hoàn chỉnh. Ở đây cũng bao gồm ở mỗi thời kỳ đặc định, do mọi người có sự bất đồng khi lý giải binh pháp Tôn Tử, mà có những mặt chú giải, diễn dịch, luận chứng, phát huy khác nhau. Không nghi ngờ gì mỗi cách lý giải của mỗi thời đại đều có tồn tại cơ sở chủ quan khách quan, mà chính là do sự bồi đắp của vô số lý giải ấy, mới khiến người ta thấy được cuốn binh pháp Tôn Tử được sùng ái, phong phú và quan trọng đến như thế. Đương nhiên điều này cũng giới thiệu với chúng ta những điều kiện khách quan có ích và tiện lợi. Cuốn binh pháp Tôn Tử vẫn lưu hành có mười ba thiên theo thứ tự là “Kế thiên”, “Tác chiến thiên”, “Mưu công thiên”, “Hình thiên”, “Thế thiên”, “Hư thực thiên”, “Quân tranh thiên”, “Cửu biến thiên”, “Hành quân thiên”, “Địa hình thiên”, “Cửu địa thiên”, “Hỏa công thiên”, “Dụng gián thiên”, toàn bộ cuốn sách có khoảng sáu nghìn chữ. Là một cuốn sách kinh điển, kiệm lời mà hàm xúc, rộng lớn mà sâu xa, cẩn thận mà chặt chẽ, lời lời châu ngọc, đáng được gọi là viên ngọc rực rỡ trong kho tàng quân sự quý báu của Trung Quốc cổ đại. Từ góc độ binh thư và binh học thì thấy binh pháp Tôn Tử là hòn đá tảng và cột trụ của nhà tư tưởng quân sự lớn lao ấy.

Điều này cho thấy trong cuốn sách nhỏ mà chúng ta có trong tay, muốn giới thiệu và miêu tả, chuẩn xác

và hoàn chỉnh tư tưởng của Tôn Tử chẳng khác gì nhòm ống ngắm con báo, éch ngồi đấy giềng nhìn trời vậy. Cho nên chúng tôi chỉ có thể vẽ phác mấy đường nét, khiến độc giả có được những ý thức sơ lược với cuốn binh pháp Tôn Tử mà thôi. Nếu như đem mười ba thiên sách của Tôn Tử đúc rút lại, có thể khái quát thành bốn phương diện là “chiến tranh luận”, “chiến sách luận”, “trị quân luận” và “triết học luận”.

1. CHIẾN TRANH LUẬN

Chiến tranh luận tức là quan niệm chiến tranh của Tôn Tử, là điểm hạt nhân và xuất phát điểm của tư tưởng quân sự. Quan điểm chiến tranh của Tôn Tử biểu hiện chủ yếu ở việc xem trọng chiến tranh và cần thận đối đãi với chiến tranh.

Xem trọng chiến tranh:

Như trên đã nói, ở thời mà Tôn Tử sống, chiến tranh đã từ “nghị thức chinh phạt” thể hiện oai nghiêm của thiên tử trở về với nguyên bản quân thể quyết đấu của nhân loại. Đặc quyền cố hữu của chiến tranh là: Kẻ chiến thắng thì hợp pháp hóa việc cướp đoạt vô hạn với kẻ thất bại, khiến kẻ có năng lực phát động chiến tranh không thể không nung nấu ý muốn làm thử, để mưu cầu thông qua điều này mà giành được sự giàu có. Chính bởi gió mưa của thời đại đầy biến ảo đem đến nội hàm mới của chiến tranh

mới khiến Tôn Tử đứng ở lập trường của chủ nghĩa hiện thực nhận thức đầy đủ được đặc quyền chiến tranh có sức cám dỗ dồi dào, mà biểu hiện ra thái độ xem trọng khác thường: “Việc binh nhung, là việc quốc gia đại sự, là đất sống chết là đạo tôn vong, không thể không xem xét vậy”. (Kế thiên). Đây là câu mở đầu của Tôn Tử. Phán đoán này đã bao hàm việc bình giá tổng thể với tác dụng lịch sử của chiến tranh ở đầu thời Chiến Quốc. Mấy trăm nước nhỏ bé cuối cùng bị bàn tay vô hình của chiến tranh vẽ thành mười mấy quốc gia, mà những quốc gia ấy vẫn còn bị nhào nặn nữa, Tôn Tử đã nhìn rõ diện mạo thực của nó, cũng thể nghiệm sâu sắc được năng lực của nó. Tôn Tử chỉ rõ rằng, với bất kỳ quốc gia nào tham chiến, cái giành được từ chiến tranh đều rất to lớn, trái lại, cái mất đi đương nhiên cũng rất to lớn. Bởi thế đối với chiến tranh không thể không nghiêm túc khảo sát và nghiên cứu rõ ràng.

Cẩn thận đối đãi với chiến tranh.

Chìa khóa của xem trọng chiến tranh là ở chỗ cẩn thận đối đãi với chiến tranh, tức là cái lợi không đâu thì không động đến, của thị phi có bất được cũng không dùng, nguy hiểm viễn vong thì không đánh. Làm chúa chẳng thể bởi bức tức mà khởi binh, làm tướng chẳng thể bởi giận dữ mà đánh, hợp với có lợi thì động, không hợp với có lợi thì dừng. Bức tức có thể lại mừng, căm giận có thể lại vui, còn mất nước thì

không thể hại con, người chết rồi thì không thể sống lại. Cho nên làm vua sáng phải cẩn thận, làm tướng tài phải cẩn thận, đó là đạo an toàn cho nước cho quân vậy (“Hỏa công thiên”). Cẩn thận đối đãi với chiến tranh có ý tứ là chẳng có lợi ích thì không cần hành động, chưa nắm chắc phần thắng thì không nên dụng binh, không nguy cấp thì không cần khai chiến. Ba điều ấy chẳng phải là né tránh chiến tranh. Tôn Tử nhấn mạnh nước mất chẳng thể hại con, người chết chẳng thể sống lại, là đã đưa ra rõ ràng nguyên tắc chiến tranh hợp với có lợi thì động. Tôn Tử đã thâm nhập khảo sát hiệu ứng phụ của chiến tranh, lấy thái độ tích cực tiến thủ để giải thích rõ nội hàm của cẩn thận đối đãi với chiến tranh. Về điểm này ông đã khái quát rõ ràng trong Tác chiến thiên. Nếu không biết hết cái hại của việc dùng binh thì không biết hết cái lợi của việc dùng binh vậy. Rõ ràng là “cẩn thận đối đãi với chiến tranh” của Tôn Tử chẳng phải là khủ bỏ chiến sự hoặc không đánh, mà là một sự thấu tỏ được xây dựng trên cơ sở lý giải sâu sắc sự phá hoại của chiến tranh, giống như tảng đá lớn được lăn bởi bàn tay của thần Xixiphus trong thần thoại Hy Lạp, nếu vậy tựa hồ đã là hiểu chiến rồi.

Ngày nay, người ta có thể lấy đó để hoài nghi nguyên tắc dụng binh hợp với lợi thì động của Tôn Tử ít nhiều có ý vị hô hào chiến tranh. Song, tiếng nói ấy cất lên từ hai nghìn năm trăm năm trước, mà ở

đương thời câu nói này của Tôn Tử là đại biểu cho hiểu biết đúng đắn của con người tinh táo nhất, có lý trí nhất của thời đại ấy. Từ vị tiểu bá Trịnh Trang Công đến người khuông phò thiên hạ như Tề Hoàn Công, từ quân sư Tử Ngư của Tống Trang Công đến Ngũ Tử Tư lấy việc công để báo thù riêng, hành động đã chú giải tốt nhất cho câu nói này của Tôn Tử, chỗ tài giỏi hơn người của Tôn Tử, chính là ông ta biết phải động ở thời khắc nào, phải dừng ở thời khắc nào, đồng thời có suy xét biện chứng về động và dừng của hai bên đối địch. Như vậy, cái vôi của “cẩn thận của đối đãi chiến tranh” đã chạm đến một tầng suy nghĩ khác, đấy là chuẩn bị chiến đấu. Ông chủ trương không cần đặt ở kẻ địch không đến tiến công mà là dựa vào sự chuẩn bị đầy đủ của mình, khiến kẻ địch không dám đến đánh (“Cửu biến thiên”). Tư tưởng ấy hiển nhiên là tiếp nối nguyên tắc dụng binh hợp với lợi thì động, nó được xây dựng trên cơ sở xem trọng chiến tranh, cẩn thận đối đãi với chiến tranh. Đương thời một tư tưởng ấy là một cây cổ thụ, chẳng ai có thể đạt đến độ cao ấy, mà hơn hai nghìn năm sau, cũng chưa có ai vượt được độ cao ấy. Ngày nay tư tưởng ấy đã diễn biến thành một câu danh ngôn, khiến tự mình vĩnh viễn đứng ở mảnh đất không biết chiến bại, về phạm vi vận dụng, cũng sớm vượt ra ngoài lĩnh vực chiến tranh hoặc quân sự.

2. CHIẾN SÁCH LUẬN

Chiến sách luận tức là lý luận chỉ đạo chiến tranh, đây là thành phần có sức sống lớn nhất trong tư tưởng quân sự Tôn Tử, cũng là nhịp điệu chính quán xuyên từ đầu đến cuối trong khúc giao hưởng nhiều hòa âm “Tôn Tử binh pháp”.

Ở giai đoạn lịch sử có nhiều bất đồng về phát triển của nhân loại, do sự bất đồng của mặt bằng sức sản xuất và phương thức chiến tranh, chiến lược chiến thuật mà người ta định ra có những khác biệt rất lớn. Cùng với sự xuôi chảy của thời gian, có nhiều nguyên tắc tác chiến mà tiền nhân đã vận dụng đã hóa thành hoa cúc vàng của ngày hôm qua, mà những người có đầu óc đại bảo thủ đã vận dụng giáo điều bông hoa tư tưởng đã khô héo vào thực tế chiến trường, đương nhiên sẽ chỉ làm thành trò cười mà thôi. Song cũng giống như ngọn lửa được bảo lưu, ngọn lửa rực rỡ đã trải qua vô số kiểm nghiệm của chiến tranh ấy lại vượt qua cả sự hữu hạn của thời gian và không gian, lại đốt lên ở trong lòng con người đời này qua đời khác, chiếu sáng con đường dài dằng dặc mà người đời sau vẫn tìm kiếm bí ẩn của chiến tranh. Tư tưởng của Tôn Tử, ngôn luận biện giải đầy triết lý của ông chính là ngọn lửa như vậy.

Chiến sách luận của Tôn Tử chủ yếu gồm mấy phương diện dưới đây:

a - Biết người biết mình.

Trong binh pháp Tôn Tử, từng mấy lần xuất hiện vấn đề biết người biết mình, khá thấy mức độ xem trọng của Tôn Tử. Nói chung, phạm vi nhận biết bao gồm lĩnh vực sở hữu và chiến tranh hữu quan của hai bên tham chiến, đại để là kinh tế quốc dân, thái độ của dân chúng, địa hình của chiến trường, tính cách tướng soái, phải xem xét ở nhiều phương diện. Tôn Tử cho rằng, có năm điều kiện cơ bản ắt phải khảo sát và nghiên cứu rõ ràng là: “Một là đạo, hai là trời, ba là đất, bốn là tướng, năm là phép tắc” (“Kế thiên”). Nói theo ngôn ngữ ngày nay, chính là phải xem xét đến năm phương diện: Chính trị, thiên thời, địa lợi, tướng soái và pháp chế. Có ba vấn đề ở trong đó cần nói kỹ hơn, “đạo” là chỉ vua và trăm họ trên dưới đồng lòng, một bụng sống chết; “tướng” thì cần có đủ phẩm chất như tài trí, tín nghĩa, nhân ái, anh dũng và uy nghiêm; “phép tắc” là chỉ về biên chế tổ chức, chế độ quản lý và hệ thống che chở. Đối với năm mặt ấy, người chỉ đạo chiến tranh ắt nên nhìn nhận thập phần rõ ràng, cũng trên cơ sở năm mặt ấy mà nêu ra bảy phán đoán: “Chúa nào có đạo? Tướng nào có tài? Trời đất thuộc về ai? Pháp lệnh ai thi hành? Binh lính bên nào mạnh? Sĩ tốt bên nào tinh luyện hơn? Thường phạt có công minh không?” (Kế thiên).

Tào Tháo là nhà đại quân sự cuối thời Đông Hán, đã đem năm điều kiện và bảy phương diện này viết

thành “Ngũ sự, thất kế”. Tôn Tử cho rằng, tướng soái ắt phải thông hiểu ngũ sự thất kế, người biết thì thắng, người không biết thì không thắng. “Kế thiên” mà hạt nhân của biết người biết mình là biết “ngũ sự”, hiểu “thất kế”, làm được như vậy mới có thể bách chiến bách thắng.

b - Trước thắng mà sau cầu chiến.

Tiến hành phân tích tình huống cơ bản trước lúc khai chiến của hai bên, là cơ sở quan trọng để giành thắng lợi. Làm như vậy, nắm chắc tiên đề rồi mới cầu chiến, đánh thì tất thắng, đây là nguyên tắc trước thắng rồi sau cầu chiến, mà Tôn Tử nhấn mạnh trong Hình thiên, tức là cho rằng “người thiện chiến thắng ở trên mảnh đất không thể chiến bại, khiến kẻ địch chiến bại. Cho nên, binh thắng thì trước thắng mà sau cầu chiến, binh bại thì trước đánh mà sau cầu thắng”. “Người thiện chiến xưa kia “trước thì không thể thắng, mà đợi địch thì có thể thắng”. “Sắp sẵn phân thắng, là đã thắng người vậy”.

Dựa vào cái gì để giành thắng lợi ? Tôn Tử nói rất rõ ràng, phải dựa vào điều kiện vật chất, dựa vào ưu thế tâm lý của mình. Tề Hoàn Công tỏ oai vũ “đe bẹp thiên tử để sai khiến chư hầu”, Tấn Văn Công dùng thuật quyền mưu lui trước trăm dặm ở trận Thành Bộc đều là khéo léo vận dụng trước thắng rồi sau mới đánh.

c - Việc binh có thể quĩ quyết, tránh chỗ thực, đánh chỗ hư.

Thành ngữ “Việc binh có thể xảo trá”, đã trở thành tín điều cơ bản trong cuộc sống ngày nay. Theo khảo chứng nó thoát thai từ câu nói “trong chiến trận không ngại trá ngụy” của Hàn Phi Tử. Hàn Phi Tử sống ở thời Chiến Quốc. Trung Quốc lúc ấy trong khung cảnh náo nhiệt của hợp tung liên hoành, đã nép cờ im trống, mấy chục vạn lính đã chôn vùi trong trận mạc phủ ở nơi đầy cỏ rậm, mỗi lần quốc phá gia vong lại khiến người ta như tê dại đi. Song, qui luật chiến tranh và phép tắc dụng binh được tôi rèn trong máu lửa, lại trở thành những kích thích tín hiệu mạnh mẽ đi vào trong đầu óc của mọi người, cũng giống như một mật mã di truyền, được những người đời sau phục chế, bổ sung, hoàn thiện. Hàn Phi Tử chẳng phải là người đầu tiên chế tác. Người thứ nhất nêu ra nguyên tắc “việc binh có thể xảo trá” là Tôn Tử. Ông nói: “Việc binh có thể quĩ quyết”. Cho nên làm mà như không làm, dùng mà như là không, gần mà như là xa, xa mà làm như là gần. Lấy lợi mà dụ, thế loạn thì chiếm lấy, thế thực thì lo phòng bị, thế mạnh thì né tránh, thấy bức tức thì cố ghìm, thấy thấp thì phải làm kiêu, thế mất thì phải nhọc nhằn, thân gần mà làm như xa cách. Đánh nơi không phòng bị, xuất kỳ bất ý. Phần thắng của binh gia, chẳng dễ truyền lại vậy (“Kế thiên”). Tác giả kể ra

hơn mười cách dùng binh quỷ quyết có thể nói là khá tường tận này.

d - Điều động và bị điều động.

“Điều động người ta mà không để người ta điều động mình” (Hư thực thiên), đó là nhấn mạnh phải nắm quyền chủ động chiến tranh. Danh tướng Lý Tĩnh ở đầu đời Đường cho rằng, binh pháp Tôn Tử trong hàng nghìn câu nói, đều không ra ngoài “điều động người mà không để người điều động mình”. Nếu như nói rằng, biết người biết mình, trước thắng mà sau cầu chiến, tránh chỗ thực đánh chỗ hư, có thể thông qua sách vở và học tập chiến trận mà không ngừng nắm chắc và thuộc lòng những câu nói vận dụng, vậy thì đoạt lấy và giữ được quyền chủ động chiến tranh lại cần cho thấy rõ kỹ xảo chỉ huy cao siêu của binh gia, mà kỹ xảo ấy ít nhiều mang sắc thái thiên bẩm cá nhân. Phải chăng, uy hiếp thiên tử là sai khiến chư hầu và chủ động về chính trị, lui binh trăm dặm là chủ động về đạo nghĩa, đề xướng bãi binh là chủ động về ngoại giao, đang ở giữa sông mà đánh, là chủ động về thời gian, phục kích ở Hào Sơn là chủ động về địa lợi; người Tề gõ ba hồi trống mà vẫn không ra đánh, đấy là chủ động giữ gìn sĩ khí; đưa thư sỉ nhục mà không bắn khoãn, đấy là đoạt được chủ động về nhân cách lớn lao. Sự chủ động có nhiều sắc thái, thường bất định, nó là cơ duyên, là thời điểm của mệnh vận vụt đến với ta

trong phút chốc, là sự cộng hưởng giữa con người với thượng đế thoát chốc mà chẳng dễ cầu được.

e - Chính hợp và kỳ thắng.

Tôn Tử ở trong phần “Thế thiên” có nói: “Thế chiến sự chẳng qua là kỳ và chính, biến ảo của kỳ và chính chẳng thể lường hết được”. Phàm là người cầm quân phải hiểu chính hợp, kỳ thắng. Người khéo vận dụng xuất kỳ bất ý, thì có được cái dồi dào của sông nước. Thế nào gọi là “kỳ” và “chính”? Nói khái quát, phải gánh vác nhiệm vụ tác chiến ở chính diện là “chính”, gánh vác việc đánh ở bên, bao vây địch đánh vu hồi gọi là “kỳ”. Theo đúng quy định thông thường người dùng binh thì gọi là “chính”, trái với qui định thông thường thì gọi là “kỳ”. Xét đủ “chính hợp”, “kỳ thắng” là dùng chính binh để đương đầu với địch, dùng kỳ binh để giành phần thắng. Đối với nguyên tắc tác chiến này, học giả Bắc Tống là Hà Khứ Phi trong cuốn “sách luận” nổi danh của mình, từng đã thuyết minh rõ ràng, đại ý như sau:

Binh pháp nói “quân rút về chỗ chặn”, Tào Tháo vận dụng điều đó để đánh bại bộ tướng của Đổng Trác là Trương Tú; Hoàng Phủ Tung ở đời Đông Hán làm trái lại điều ấy, nên không đạt được kết quả.

Binh pháp nói: “Giặc cùng chó đuổi”, viên tướng đời Hán là Triệu Xung Quốc đã vận dụng điều đó lúc vây khốn người Tiên Ninh, cuối cùng thu được đại thắng.

Bình pháp nói: “Địch mạnh thì khó tránh”, Viên tướng nhà Hán là Chu Á Phu khi đối mặt với loạn quân bảy nước đã né tránh mũi nhọn kẻ địch...

Do đó khá thấy xuất kỳ chế thắng là phép dụng binh tác chiến quan trọng biết bao. Cần chỉ ra rằng, mấy điều nói ở trên là đều đã nảy ra từ binh pháp Tôn Tử, khá thấy học giả họ Hà đã dụng tâm vậy.

g - Việc binh quý ở thắng lợi, không nên kéo dài.

Đây là tư tưởng tốc chiến của Tôn Tử, xuất phát điểm là cố gắng khắc phục khả năng tạo thành hiệu ứng phụ. Tôn Tử trong “Tác chiến thiên” chỉ ra rằng: Phàm việc binh kéo dài mà trong nước có lợi, thì chưa hề có vậy. Tôn Tử nhấn mạnh rằng: Ngoài nhân tố cơ bản là vũ khí và sức chiến đấu của binh sĩ, mấy vấn đề như tâm lý dân chúng, năng lực quốc gia, và bối cảnh quan hệ quốc tế cũng ảnh hưởng đến tiến trình chiến tranh, cũng là mắt xích quan trọng mà người chỉ đạo chiến tranh phải nhận rõ. Chỉ có tốc chiến mới là phương án tốt nhất để tiêu trừ nguy hiểm có thể xảy ra.

Tiến thêm một bước nữa, Tôn Tử cho rằng, một phương pháp thực hiện tốc chiến là đột nhiên tập kích: “Việc binh cần lấy tốc chiến làm chính, thừa lúc người ta không phòng bị kịp mà đánh vào chỗ không phòng bị”. (Cửu địa thiên). Tư tưởng này thực phù hợp với nguyên tắc tác chiến ở trên “đánh chỗ không

phòng, xuất kỳ bất ý”. Từ đó có thể thấy rằng lý luận quân sự của Tôn Tử là một chỉnh thể hữu cơ như những mắt xích nối liền nhau, đây là sức sống của tư tưởng quân sự Tôn Tử.

3. TRỊ QUÂN LUẬN

Trị Quân luận là lý luận của Tôn Tử liên quan với phương diện xây dựng quân đội, nó đối ứng với chiến sách luận, là bộ phận cấu thành quan trọng không thể thiếu được trong tư tưởng Tôn Tử.

a - Tu dưỡng của tướng soái:

Như trên đã nói, cùng với sự không ngừng lớn lên của qui mô và tần suất chiến tranh ở cuối thời Xuân Thu, đã nảy sinh một nghề nghiệp và giai tầng xã hội mới. Đây là một quần thể có tầm nhìn rộng lớn, tư tưởng sắc bén, dám nghĩ dám làm, vừa có dũng cảm vừa có mưu trí. Hoạt động ở các nước chư hầu, họ nắm muôn cổ chiến xa, rong ruổi sa trường, xông pha trong muôn trùng giáo mác, bảo quốc hộ dân, mở rộng lãnh thổ; hoặc thuộc lâu binh pháp, trù hoạch trong màn trướng, đưa ra diệu kế, thắng bại định ở trong tiệc rượu, hoặc giỏi văn giỏi võ, trí dũng song toàn, chống kiếm mà hô lớn, oai phong có thể đẩy lùi hàng vạn quân địch, đưa bút thảo thư, nổi rõ tài năng to lớn ở đầu ngọn bút. Quần thể ấy chính là các tướng lĩnh.

Là đại biểu nổi bật trong quân thể ấy, Tôn Tử đã lý giải sâu sắc sứ mệnh của mình. Với sứ mệnh ấy, khiến họ có thể đứng ở góc độ lịch sử và tầm cao thời đại để thẩm thị cái thế giới đầy dao động ấy, thẩm thị những tướng soái được sủng ái trong đời loạn, cũng đồng thời thẩm thị chính mình. Cho nên:

Ông thấy được tác dụng to lớn của tướng lĩnh, “tướng lĩnh là phụ tá quốc gia, làm cho nước cường thịnh”. (Mưu công thiên). “Tướng lĩnh phải hiểu biết việc quân, trông coi sự sống của dân, đóng vai chính trong sự an nguy quốc gia” (Tác chiến thiên).

Ông nêu lên năm tiêu chuẩn của người làm tướng: Người làm tướng phải có đủ *trí, tín, nhân, dũng và nghiêm*. Đây là mẫu mực lý tưởng của người làm tướng theo quan niệm của ông, cũng cần nói rằng, làm được năm điều ấy là rất khó vậy.

Ông cho rằng phẩm đức mà tướng soái cần phải có, là tiến không cầu danh, thoái không tránh tội, nói rõ ra là: Tướng soái cần phải tiến thì không tham cầu công danh chiến thắng, thoái thì không trốn tránh trách nhiệm, chỉ biết bảo vệ dân chúng, tất cả hành vi đều phải phù hợp với lợi ích của nhà vua.

Có thể thấy rằng, là một vị tướng trong quân thể tướng lĩnh, Tôn Tử đã có minh triết về vai trò của mình khá sâu sắc.

b - Quản lý binh sĩ

Sự mạnh yếu của sức chiến đấu trong chính thể quân đội, quy kết đến cùng là quyết định ở tổ chất quân sự ở mỗi binh sĩ, quyết định ở hệ thống tổ chức quân đội có quan hệ điều phối hữu hiệu hay không, từ đó mà khiến họ phát huy được ở trình độ lớn nhất năng lực tác chiến của mình. Từ ý nghĩa nào đó mà nói, hệ thống tổ chức có hợp lý hoàn bị hay không, vận động có tiện lợi hay không, có tầm quan trọng hơn sự cao thấp của tổ chất mỗi người lính. Nhất là trong hiệp đồng, tác chiến bộ binh của chiến tranh thời cổ đại, sự thắng bại của chiến đấu luôn luôn do sự nghiêm chỉnh hoặc hỗn loạn của đội hình hai bên quyết định.

Tôn Tử xem trọng tác dụng của tướng soái trong chỉ huy tác chiến và xây dựng quân đội, song đồng thời ông cũng thấy rõ rằng, thắng bại của chiến tranh thông qua sự chém giết của những binh sĩ nơi sa trường mà quyết định. Bởi thế, việc huấn luyện thường ngày cho binh sĩ, vấn đề kỷ luật, quan hệ giữa tướng soái và binh sĩ, đều có thể dẫn đến sự nghiêng lệch của cán cân thắng bại trong chiến đấu.

4. TRIẾT HỌC LUẬN

Triết học luận ở đây là tư tưởng triết học được phản ánh trong binh pháp Tôn Tử, chúng ta từ đó có

thể thấy được phương pháp và góc nhìn của Tôn Tử quan sát và phân tích các vấn đề quân sự.

Vô thần luận: Trong không khí mê tín nồng đậm bao trùm lên chiến tranh thời Xuân Thu, có thể thấy được những ghi chép về chiêm bốc ở giáp cốt văn thời nhà Ân. Ở thời nhà Ân đến thời Xuân Thu, nhất là cuối thời Xuân Thu, tám màn thần bí bị ngọn gió chiến tranh với qui mô lớn liên tiếp và tàn khốc cuốn mất tăm. Trong sách của Tôn Tử đã không thấy những câu văn về bói toán cầu xin lời mách bảo của thiên thần và tiên tổ mà nhấn mạnh vào tác dụng quan trọng của con người. Tôn Tử cho rằng, thắng bại của chiến tranh có thể tiên tri được. Song mạch nguồn của tiên tri không phải ở chiêm bốc. Có thể nói rằng, Tôn Tử đã hoàn toàn vứt bỏ cách làm truyền thống là tin vào lời chiêm bốc vu vơ, triệt để thoát khỏi trạng thái mê muội về chỉ đạo chiến tranh, đem phương pháp luận mới mẻ đẩy đến với ngôi báu của tòa cung điện rực rỡ.

Biện chứng pháp thuận phác: Người tham gia chiến tranh cũng chẳng được sự ngầm giúp đỡ của thần linh, rõ ràng là nỗ lực chủ quan và sự chuẩn bị nhất định đã giúp người ta chiến thắng, vậy thì, thắng bại của chiến tranh có thể dự đoán trước được. Song, điều tiên tri quyết chẳng phải là bài toán giản đơn $1 + 1 = 2$, mà là “thắng có thể biết mà không thể là được” (Hình thiên). Vì sao nhỉ? Tôn Tử cho rằng:

không thể thắng ở mình, có thể thắng ở địch. Người thiện chiến muốn kẻ địch không thắng được mình, then chốt là ở mình; có thể thắng được kẻ địch hay không, thì phải xem kẻ địch có để lộ khe hở hay không. Cho nên nói rằng người giỏi đánh nhau, có thể bảo đảm cho mình không bị kẻ địch đánh bại, lại không thể nhất định thắng được địch. Chính là từ điểm này Tôn Tử mới nhấn mạnh “thắng có thể biết mà không thể làm được”.

Đây là nguyên lý biện chứng pháp thuận phác, là sức sống không hề suy giảm suốt hai nghìn năm của binh pháp Tôn Tử.

Quan điểm về âm dương ngũ hành: Nếu như nói rằng, diễn giải của Tôn Tử về qui luật và nguyên tắc giành thắng lợi ở chiến tranh, có mang theo phép biện chứng thuận phác, lộ rõ ở những lời nói mang sức sống lâu dài, vậy thì ở mặt bên tư tưởng quân sự của Tôn Tử biểu hiện ra quan niệm tuần hoàn luận, ít nhiều phản ánh tính giới hạn của nhận thức luận và tư tưởng triết học. Căn nguyên của tính giới hạn ở tư tưởng ấy là do Tôn Tử chịu ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng âm dương ngũ hành ít thịnh hành lúc bấy giờ, khiến không thể tự chủ mà đem theo nó vào trong trước tác của mình. Trong phần “Thế thiên” Tôn Tử có nói rằng: Sự phát triển biến hóa của sự vật cũng giống như mặt trời, mặt trăng và bốn mùa vậy, là sự tuần hoàn không ngừng, vận động lặp lại, tức

là “đến cuối cùng thì gặp lại từ đầu, như mặt trời mặt trăng lặp lại vậy”. Về vấn đề tác chiến dụng binh cũng như thế, tình thế chiến sự chẳng qua là kỳ và chính, sự biến hóa của “kỳ” và “chính” thực không lường vậy. Kỳ chính tương sinh, tuần hoàn không ngừng. Ở đây, Tôn Tử nhấn mạnh sự chuyển biến tương hỗ không ngừng của sự vật, là hình thức cơ bản của vận động, song ông lại xem thường ảnh hưởng của vận động đối với thuộc tính bản chất của sự vật, xem thường mỗi một lần chuyển biến của sự vật, mỗi một quá trình vận động bao hàm và thai nghén những nhân tố mới bất tận tương đồng của chuyển biến lần trước. Sự tích lũy không ngừng những nhân tố mới ấy, cuối cùng sẽ đến giới hạn độ, từ đó mà triệt để cải biến qui luật vốn có của qui luật vận động và thuộc tính vốn có của bản chất sự vật.

Ở phần trên, chúng tôi đã từ bốn phương diện chiến tranh luận, chiến sách luận, trị quân luận và triết học luận mà giới thiệu khái quát nội dung cơ bản của binh pháp Tôn Tử. Nếu như bạn đọc có thể bằng lòng với những nét bút vụng về này mà có hứng thú, có được mong muốn thấy được diện mạo thật của binh pháp Tôn Tử thì chúng tôi cũng đã được an ủi rất nhiều rồi.

TỪ TRONG SÁCH ĐẾN CHIẾN CÔNG

Dưới ánh mặt trời rực rỡ, ánh nến dường như âm đạm đi. Ánh sáng chói lọi của binh pháp Tôn Tử, đủ che lấp tài hoa thực tiễn của Tôn Vũ. Tình tiết chém người đẹp cho thấy rõ tố chất của Tôn Vũ, cũng làm đau đầu Ngô Vương Hạp Lư. Hạp Lư không muốn trọng dụng Tôn Vũ, bởi có Ngũ Tử Tư ở bên nói rõ lợi hại mà hiểu được đại nghĩa, Ngô Vương mới miễn cưỡng đồng ý, cuối cùng cho làm tướng. Song, bất luận ở *Sử ký* hay là ở *Ngô Việt Xuân Thu*, đều không ghi chép việc Tôn Vũ làm tướng, cho thấy Tôn Vũ đứng sau Ngũ Tử Tư, là một mưu sĩ bày cao thấp, giống như Tôn Tẫn làm tham mưu dưới trướng của đại tướng Điền Kỵ vậy. Trước khi cuốn Binh pháp Tôn Tử được dâng lên Ngô Vương Hạp Lư (vào năm 512 – TCN), chiến tranh giữa Ngô Việt đã kéo dài

hơn bảy mươi năm. Năm 584 – TCN, nước Tấn bởi muốn phá thế đông cứng với nước Sở trong việc tranh bá, chiếm địa vị chủ động, đã thực thi kế sách liên minh với Ngô để chế ước Sở. Từ đó nước Ngô thực tế đã gia nhập vào cuộc chiến tranh Tấn Sở, đồng thời có liên hệ trực tiếp với các chư hầu ở Trung Nguyên. Từ đó các vua nước Ngô đều dốc sức đánh Sở, không ngừng khuếch trương thế lực ra vùng Giang Hoài. Do Sở Vương vẫn xem việc tranh bá ở Trung Nguyên làm mục tiêu hàng đầu, trọng tâm chiến lược đặt ở phía Bắc, cho nên khi Hạp Lư kế vị, vùng biên ải của nước Ngô đối mặt với nước Sở, trên thực tế ở trong trạng thái tiến công có ưu thế. Bối cảnh ấy thực thích hợp với việc Tôn Vũ phát huy chủ động tiến công, thể hiện tài năng quân sự kiệt xuất của mình.

Nếu như nói quân Ngô chỉ dùng phép tác chiến dương Đông kích Tây trong trận Thư Thành, vậy thì ở trận Dự Chương với quân Sở đã thể hiện sự chủ động và cơ mưu “phạt mưu phạt giao”, không nghi ngờ gì đã mang đậm sắc thái nghệ thuật dụng binh của Tôn Vũ.

Trải qua mấy năm chuẩn bị thực lực, nước Ngô ngày mỗi mạnh thêm, đã hoàn thành việc sắp xếp chiến lược quyết chiến với nước Sở. Dầu rằng quân Ngô chỉ vẻn vẹn có ba vạn người, đối mặt với hai mươi vạn quân Sở, ở thế tuyệt đối thua kém, song vua tâu nước Ngô một bụng quyết chiến, không né

tránh một cuộc đại chiến xảy ra. Nhà sử học nổi tiếng Phạm Văn Lan trong cuốn *“Trung Quốc thông sử giản biên”* đã gọi trận Bá Cử giữa Ngô và Sở là cuộc đại chiến lớn nhất ở thời Đông Chu, là đánh giá rất đúng đắn. Bất luận từ thời gian tác chiến, địa hình, phương thức, hay là vận dụng mưu lược mà nhìn nhận, đều có những khác biệt so với trước, nhất là màu sắc linh hoạt phong phú của nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh, lộ rõ ra một sắc thái hoàn toàn mới.

Chính bởi bị thu hút trước ánh sáng trí lực từ con người ấy, nhà đại quân sự thời Chiến Quốc là Úy Liệu Tử đã tôn sùng Tôn Vũ hết mực rằng: “Có ba vạn quân mà thiên hạ chẳng ai đương nổi được, đấy là Tôn Vũ vậy”.

BIỆN DẪN

Con đường xa vắng đặc, ta thả sức mà đi.

KHUẤT NGUYỄN

Nước Ngô kể từ đầu đến thời vua Hạp Lư là đã truyền được năm đời. Trong năm đời vua, có ba vị chết bởi tay người Sở. Ngô với Sở có thù sâu như biển. Một trận Bá Cử, cuối cùng khiến người Ngô được thỏa nguyện. Sau này tuy người Tần hiếu sự cứu vớt thì nước Sở cũng đã bị nghiêng đổ, song Hạp Lư vẫn đuổi được vua Sở bất đắc dĩ phải dời đô, mới chịu dừng tay. Thù cũ đã trả được, Ngô Vương lại hưng binh lên phía Bắc, muốn làm bá chủ Trung Nguyên. Ngô Vương muốn tạo dựng bá nghiệp, Tôn Vũ phải chẳng vẫn theo quân xuất chinh, sử sách không nói rõ. Theo bình luận của sử gia Tư Mã Thiên, nước Ngô sở dĩ phá được nước Sở mạnh ở phía Tây,

vào được Dĩnh Đô, phía Bắc thì uy hiếp được các nước Tề Tấn, rạng danh với chư hầu, vì có công lao của Tôn Tử vậy.

Song, Tôn Vũ có công lao như thế, lại chưa thấy được phong quan tước, cũng chưa thấy đề xuất mưu lạ gì. Lại nữa, từ cuối thời Hạp Lư đến thời Ngô Phù Sai, thường thấy Tôn Vũ có ý kiêng kỵ né tránh, nhất là việc Ngô Phù Sai khinh xuất với Việt Vương Câu Tiễn khôn ngoan, càng xa cách với những lời trong binh pháp Tôn Tử. Chỉ sau hai mươi năm quân Ngô kéo vào Dĩnh Đô, nước Ngô cuối cùng bị nước Việt thôn tính, thực là mối hưng thịnh đã sớm tiêu vong, như vệt sao vụt qua vậy. Đấy có phải chăng là mệnh vận của nước Ngô có được Tôn Vũ và mười ba thiên binh thư không? Đấy là điều hồ nghi đã nghìn năm vậy.

Tôn Vũ sau trận Bá Cử phá được Dĩnh Đô, từng đề nghị Hạp Lư tức khắc rút quân về nước, lấy quốc cường dân phú làm đầu, đợi quốc lực đầy đủ sẽ Bắc phạt xưng bá. Ngũ Tử Tư tuy chưa giết được Sở Trang Vương, song đã dùng roi đánh vào thi thể Sở Mục Vương ba trăm roi, cũng kể là giải được nỗi uất hận trong lòng, cũng thuận nước mà đẩy thuyền, khuyên Hạp Lư bãi binh. Đâu ngờ Hạp Lư đâm ra kiêu ngạo, thần nhiên không để ý đến lời nói của hai người nữa. Tôn Vũ phải tự nói với mình rằng: “Nếu theo kế của ta thì tất thắng, không nghe kế của ta thì tất bại”. Ngô Vương vẫn chẳng phải là minh chủ

nhìn xa trông rộng, Tôn Vũ dành khoanh tay cáo biệt, thanh thần tiêu dao ở nơi tiên cảnh. Dẫu rằng thế nào, sự sắc bén của lý luận binh pháp Tôn Tử đã được tôi luyện trong ngọn lửa của chiến tranh Ngô Việt. Tôn Tử có nói rằng: Phần thắng của binh gia không thể truyền lại được. Phù Sai cuối cùng bị Câu Tiễn lừa dối, đến nỗi xã tắc nghiêng ngả, quốc gia bị diệt vong.

Vậy lúc ấy Tôn Vũ đang ở đâu nhỉ? Chắc rằng ông đang tiêu dao đâu đó, bằng thần giao cách cảm mà luận đàm với những nhà tư tưởng nổi tiếng. Để hiểu rõ hơn về Tôn Tử, chúng tôi xin dẫn thêm một số câu chuyện sau:

Tôn Tử với Lão Tử

Lão Tử họ Lý tên Nhĩ, tên chữ là Bá Đường, cũng gọi là Lão Đan, người huyện Khổ nước Sở, từng là Sở quan quản lý tàng thư của nhà Chu. Nhờ đó Lão Tử có hiểu biết rộng lớn, thông hiểu lễ nghi tế tự sâu sắc, thấy nhà Chu suy vi, bèn rút về ở ẩn nơi thảo dã. Sử ký nói Lão Tử sống đến hơn một trăm sáu mươi tuổi hoặc hơn hai trăm tuổi. Lão Tử có cuốn *Đạo Đức kinh* để lại cho đời, trong đó nói Đạo là bản thể của vũ trụ vạn vật “Đạo sinh Một, Một sinh hai, Hai sinh Ba, Ba sinh Vạn Vật”. Đạo là thế nào, chỉ có thể cảm nhận mà không thể truyền thành lời được, người ta không dễ hiểu hết được. Song từ trong suy luận “Người bắt chước Đất, Đất bắt chước Trời, Trời bắt

chước Đạo, Đạo bắt chước Tự nhiên”, chừng như cũng có thể tìm thấy kết luận: “Đạo đức là qui luật tự nhiên vậy”.

Tôn Tử từ biệt kinh đô Cô Tô của nước Ngô đến nước Sở, có ý muốn bái kiến Lão Tử. Tôn Tử đến nhà Lão Tử, vừa qua cửa đã hỏi: “Trời mất Đạo, nước không có đức, người quân tử phải đến đâu nhỉ?” Lão Tử đang ngồi trước bàn, sách trên bàn phủ đầy bụi bặm.

Lão Tử nói: “Thiên hạ đời xưa thì nước nhỏ dân ít. Dân thấy mặt trời lên thì đi làm, mặt trời lặn thì về nghỉ, vô tri vô dục, vô vi vô tranh, với sông núi vạn vật cùng sinh cùng diệt, di dưỡng tuổi trời, tận hưởng khoái lạc của tự nhiên. Đời bây giờ, người ta bị vật dục hoành hành, binh lửa liên miên, dân không sống yên, đánh mất cái căn bản của Đạo, cái gốc rễ của Đức vậy cho nên Đạo của Trời, quá hao tổn mà không bồi bổ kịp, Đạo của người, thì lại quá thừa thãi vậy”.

Tôn Tử nói: “Chính bởi như thế, người đắc đạo ắt phải luyện binh luyện võ, trên thì theo thiên mệnh dưới thì trừng phạt kẻ làm loạn, giữ yên xã tắc mới có thể giữ yên cho nước cho dân vậy”.

Lão Tử nói: Chẳng phải, người theo việc binh, khí chất không được như người quân tử, phàm là chiến sự xảy ra, thì đồ thán sinh linh, tổn hao tiền của, binh lính phải rời bỏ làng xóm, trong những ngôi nhà cỏ chỉ còn người già yếu, chỗ đóng sư đoàn gai

mọc đầy, nơi đại quân đi qua nhiều năm mất mùa. Cho nên cần rút bỏ việc binh nhưng”.

Tôn Tử nói: “Song việc binh cũng chẳng thể bỏ được, tôi muốn đánh dám hỏi Đạo giao chiến phải như thế nào?”

Lão Tử nói: “Lấy nhu nhược mà thắng cương cường. Trong thiên hạ còn có gì mềm yếu hơn nước, mà nó lại thắng được mọi sự cứng rắn. Người dụng binh phải nhớ câu: Ta không dám làm chủ mà làm khách, họa hại to lớn ở chỗ khinh địch, khinh địch thì sẽ chết. Khéo làm kẻ sĩ thì không dùng võ, kẻ tính giỏi thì không được bức tức. Suy rộng ra, muốn mềm yếu được ắt phải cứng mạnh, muốn phế bỏ ắt phải làm cho hưng thịnh, muốn đoạt lấy ắt phải củng cố thêm. Trong họa có phúc, trong phúc có họa. Cho nên thánh nhân lấy chính đáng để trị quốc, lại kỳ binh để dễ dàng đoạt lấy thiên hạ. Nếu một mực cây mạnh bất nạt yếu, theo đuổi chiến thắng, há chẳng phải là thích giết người ư?”

Tôn Tử ngồi im lặng hồi lâu, thở dài mà than rằng: Lời thầy rất phải, tiếc rằng thực khó làm theo được.

Tôn Tử với Khổng Tử

Khổng Tử tên là Khâu, tên chữ là Trọng Ni, người Ấp Trâu nước Lỗ. Tư Mã Thiên trong phần *Ngũ Tử Tư liệt truyện* có viết: “Ngô theo mưu kế của

Ngũ Tử Tư, Tôn Vũ, phá được Sở mạnh ở phía tây, uy hiếp Tề Tấn ở phía Bắc, chinh phục người Việt ở phía Nam. Lúc này Khổng Tử trông coi công việc ở nước Lỗ. Khá thấy rằng Khổng Tử và Tôn Vũ là người cùng thời.

Tôn Tử dời nước Sở sang nước Lỗ gặp Khổng Tử thì lễ xong thì hỏi rằng: Vũ này nghe Vệ Ninh Công hỏi thầy về việc quân, thấy trả lời rằng: “Việc cúng tế thì thường được nghe, còn việc quân sự thì chưa từng được học vậy!” Đủ thấy thầy cẩn thận về lời nói. Song đạo nhà Chu suy vi, giáo mác lan tràn đồng nội, binh lửa lan vào tận miếu đường. Trong “Lục nghệ” cũng có dạy bắn cung, đánh xe, vậy “chưa được học” là nói với ý khiêm nhường chẳng.

Khổng Tử nói: “Đạo nhà Chu không được thi hành, thiên hạ rối ren, chư hầu lấn nhau, bồi thần nắm quyền điều hành quốc gia, lễ, nhạc, nhân, nghĩa băng hoại cả. Thiên hạ có đạo, thì lễ nhạc chinh phạt từ thiên tử mà ra, thiên hạ vô đạo thì lễ nhạc chinh phạt lại thấy từ chư hầu mà đến. Đạo đã mất, chiến sự thực là không có nhân nghĩa vậy”.

Tôn Tử nói: “Trời hành đạo chẳng lấy việc Nghiêu còn hay Kiệt mất làm trọng. Cái lợi ở đâu, thì lòng người hướng đến đấy. Cho nên việc binh nhung tạo dựng bá nghiệp là thời thượng vậy. Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công là như vậy. Thầy lấy nhân nghĩa làm gốc, dám hỏi phải làm như thế nào?”

Khổng Tử nói: “Đủ cái ăn, đủ lo việc binh, làm cho dân tin vậy.”

Tôn Tử nói: “Nếu bất đắc dĩ mà phải bỏ đi một điều thì bỏ gì trước?”

Khổng Tử nói: “Bỏ việc binh nhưng. Dân đủ ăn, có lòng tin, đây là điều cần hơn cả.”

Tôn Tử lại hỏi: “Nếu cần bỏ nữa, thì bỏ gì nhỉ?”

Khổng Tử nói: “Bỏ lương thực. Từ xưa đều đã có người chết rồi, song dân không tin thì không còn gì cả. Đạo được thi hành, ấy là mệnh vận, đạo không được thi hành, ấy cũng là mệnh vận. Khâu này biết rằng chẳng thể khiến cưỡng mà làm, biết ta có lẽ chỉ có trời chăng?”

Tôn Tử với Mặc Tử

Mặc Tử tên là Dịch người nước Tống, xuất thân là hàn sĩ, từng học đạo Nho ở nước Lỗ, đưa ra tư tưởng bình đẳng “kiêm ái”, chủ trương tình yêu không phân biệt sang hèn giàu nghèo. Tôn Tử mộ danh mà tìm đến thăm. Tôn Tử nói: Thầy đề xướng thuyết “phi công”, phải chăng đó là “phi chiến”. Kể theo việc chiến sự thì công thủ làm một, vậy ý thầy thấy thế nào?

Mặc Tử nói: “Rõ ràng là kẻ ham tiến công thì tàn hại nước khác, kẻ thủ thành thì bảo vệ nước

mình. Muốn bảo vệ được mình ắt phải lấy quốc cường, dân phú làm chính. Từ đó thì thấy, lòng không lo phòng bị thì không thể ứng phó với việc gấp, kho tàng không lo phòng bị đủ thóc gạo, thì chẳng thể chống đói, việc binh không lo phòng bị, tuy có chính nghĩa không thể trừng phạt kẻ bất nghĩa, thành quách không lo phòng bị, thì không thể tự chủ được. Dịch này viết mười một thiên sách, đều là nói về đạo phòng bị”.

Tôn Tử nói: “Đã rằng nói là “phi công”, ai có thể luận rõ nhỉ? Ví như vua Vũ trừng phạt Miêu, vua Thương Thang phạt Kiệt, Võ Vương diệt Trụ, cũng đều là việc tiến công vậy”.

Mặc Tử nói: “Đấy chẳng phải là sự tiến công đơn thuần, mà trừ diệt. Kẻ trừ diệt vâng theo mệnh trời, làm theo ý dân, trung hòa với chư hầu, lấy chính nghĩa trừng phạt bất nghĩa vậy”.

Tôn Tử nói: “Việc chiến sự gọi là trừ diệt ở đó ắt sẽ phân biệt nghĩa lý. Hợp với nghĩa thì đánh, không hợp với nghĩa thì dừng. Thấy thấy thế nào về chiến tranh chính nghĩa nhỉ”.

Mặc Tử nói: “Đấy chẳng phải là bản ý của Dịch này. Tuy mang danh chính nghĩa, lại không vì việc công mà làm việc tư, hoặc giả danh làm việc công mà làm việc tư, thì nghĩa ở đâu? Kết cục của chiến tranh thì chính nghĩa với bất nghĩa cũng đồng nhất vậy”.

Giết một người ấy là việc bất nghĩa, giết đến mười người là mười lần bất nghĩa; giết đến trăm người thì trăm lần bất nghĩa. Nay nước lớn thì mượn danh chính nghĩa mà đánh các nước khác, muốn động binh xưng bá với chư hầu, người đời không biết phải trái lại còn khen là bá chủ, há chẳng biết như thế thực là bất nghĩa ư!”

Tôn Tử nói: “Lời của Thầy tuy hợp với đạo mà thực khó thì hành ở trong thiên hạ vậy”.

Tôn Tử với Thương Ưởng

Nước Tề có Quản Trọng, nước Tần có Thương Ưởng, là những người biến pháp nhằm làm cường thịnh quốc gia. Thương Ưởng làm tướng quốc ở nước Tần hai mươi một năm, hai lần biến pháp, đưa nước Tần lên một vị trí cao ở phía Tây, làm cơ sở cho sự nghiệp thống nhất Trung Quốc ở nước Tần.

Thương Ưởng vốn tên là Tôn Ưởng, người nước Vệ, cũng gọi là Vệ Ưởng, bởi có chiến công lớn nên được Tần Hiếu Công ban thưởng đất Thương, có biệt hiệu là Thương Quân, nên cũng gọi là Thương Ưởng, Thương Ưởng thích học hỏi kinh nghiệm biến pháp của Lý Khôi, Ngô Khởi. Đến khi Tần Hiếu Công lên ngôi cầu người hiền tài giúp đỡ, ông đã vào được nước Tần. Hiếu Công thích sở học của ông ta, trao cho chức tướng quốc. Thương Ưởng thi hành tân pháp, lấy quân công mà định tước lộc, đả kích giới quyền

quý cũ, thi hành chính sách, trọng dùng hình luật, làm tăng cường được quốc lực. Tần Hiếu Công mất, Thương Ưởng bị giới quý tộc cũ hãm hại, cho xe kéo xác thê thảm.

Thương Ưởng đã chết, song hồn vía phiêu du theo ngọn gió, gặp một người ngồi ở đỉnh núi Lư Sơn, hóa ra là Tôn Tử. Hỏi rằng: “Thánh nhân sao lại đến đây?”

Tôn Tử nói: “Muốn rửa người cùng rong chơi cho thỏa thích”.

Thương Ưởng nói: “Kể đệ tử hình pháp này thẹn gặp mặt thầy cũ”.

Tôn Tử nói: “ Chẳng phải vậy, Vũ này có mười ba thiên sách, song sự nghiệp có là bao, sao đáng gọi làm thầy? Người đề xướng Nông chiến, trọng nông trọng chiến, cố gắng thi hành, tỏa sáng khắp thiên hạ, khiến nước Tần trở nên hùng mạnh đến vậy. Vũ này bất tài, dám hỏi nông chiến là thế nào nhỉ?”

Thương Ưởng nói: “Phàm là bậc minh chủ khuyến khích người ta phải dựa vào ban thưởng tước lộc, quốc gia muốn hưng thịnh phải dựa việc nông việc binh vậy”.

Tôn Tử nói: “Thắng mà không kiêu, bại mà không oán”, thực đúng là một lời nhắc nhở. Ta có mưu toan, song địch cũng có mưu toan. Hai bên giao đấu với nhau, chính và kỳ biến hóa vô cùng như

nước chảy, há có thể lấy bất biến mà ứng phó với vạn biến chăng?

Thương Ưởng nói: “Lời thầy rất phải, Ưởng này xin bái tạ”.

Tôn Tử nói: “Nếu không hiểu hết cái hại của việc động binh thì không thể hiểu hết cái lợi của việc dùng binh vậy.

Một trận gió thoảng qua, Tôn Vũ, Thương Ưởng đều đã biến đi đâu cả.

Tôn Tử với Tào Tháo

Đến đời Hán, chính quyền họ Lưu nhớ bài học thất bại của nhà Tần, đã thi hành đạo vô vi của Hoàng Lão, không bao lâu lại bãi truất Bách gia chu tử, độc tôn Nho thuật, đem lễ giáo của Khổng Tử vào trong công việc thống trị của mình.

Kể từ đời Hán, qui phạm về hành vi đạo đức chuẩn mực không ngừng được hoàn thiện, trở thành dòng chủ lưu nhất quán của tư tưởng thống trị ở Trung Quốc suốt hai nghìn năm. Tương phản lại với sự phồn vinh của triết học đạo đức, thì triết học tự biện lại khá nghèo, không thể tranh đoạt được địa vị chính thống của giới tư tưởng.

Cuối thời Đông Hán, thế đạo bại hoại, nhà Hán sắp nghiêng ngả đến nơi.

Một hôm, Tôn Tử dạo chơi ở bên sông Dĩnh Thủy thấy một người ngồi ở bên sông, khỏa chân vào dòng nước. Người ấy tay cầm một cuốn sách, miệng đọc. Tôn Tử nghe thấy: “Người thiện chiến, trước thì không thể thắng, mà đợi địch thì có thể thắng...” Tôn Tử kinh ngạc, định thần kỹ, hóa ra là thừa tướng Tào Tháo của nhà Hán.

Tào Tháo tên là Mạnh Đức, còn gọi là Tào A Man, người nước Bái, từ nhỏ đã thích đọc về quyền mưu, hai mươi tuổi được cử làm Hiếu liêm. Cuối đời Hán, thiên hạ đại loạn, Tào Tháo sau khi dẹp quân Hoàng Cân, lập ra “Thanh Châu Bình”, đón Hán Hiến Đế về Hứa Đô, uy hiếp thiên tử để sai khiến chư hầu. Sau này lại thân chinh dẫn đại quân thảo phạt董卓 Trắc, dẹp được Lã Bố, phá được Viên Thiệu, thống nhất được một vùng rộng lớn ở phía Bắc Trung Quốc, chia ba thiên hạ. Tào Tháo tinh thông binh pháp, từng viết binh thư tiết yếu, rất tôn sùng binh pháp Tôn Tử, từng khen rằng: Ta đọc khá nhiều sách binh thư chiến sách, chỉ thấy Tôn Vũ là người sâu sắc vậy. Ông cũng là người đầu tiên chú giải binh pháp Tôn Tử.

Tôn Tử hỏi: “Tào Công vẫn bình yên chứ?”.

Tào Tháo nói: “Thầy phải chăng là Tôn Vũ thánh nhân đó ư?”

Tôn Vũ nói: “Chỉ là hư danh vậy thôi. Vũ này tuy thích binh pháp, lại không có mấy chiến tích, sao đáng gọi là thánh nhi? Thực đáng thẹn vậy.

Tào Tháo nói: “Thánh nhân sao lại khiêm nhường làm vậy! Tháo này đọc mười ba thiên sách mà hiểu rõ được việc binh nhung, thấy được phép tắc của trời đất, thực là muôn đời không dễ có được vậy”.

Tôn Tử nói: “Vũ này xin cảm tạ Tào Công. Cái cây binh pháp kia muôn đời không khô héo, nhờ ở bùn đất mầu mỡ dưới gốc cây vậy. Binh pháp chép thành văn khéo dùng thì linh, câu nệ thì hỏng việc, Tào Công đã cảm nhận nó thế nào?”

Tào Tháo nói: Thầy nói rằng “Cử binh mà tranh lợi thì có chỗ bất cập”, “vượt trăm dặm mà tranh lợi thì cần bất mấy viên tướng”, thực phải là đạo vậy.

Tôn Tử nói: “Dùng binh trước cần phạt mưu, việc này có thể nói Tào Công đã dụng binh như thần vậy. Uy hiếp thiên tử để sai khiến chư hầu, chẳng phải là việc mà Tề Hoàn Công đã làm ư?”

Tào Tháo nói: “Thánh nhân quá khen rồi. Tháo này chỉ mượn đá của núi người ta để tìm ra ngọc, phụng thiên tử để sai khiến kẻ đứng đầu, đến khi đưa Hiến Đế về Hứa Xương, nên tăng thêm được sĩ khí ba quân, mà cũng là việc đắc nhân tâm vậy. Sau này có kẻ hiểu sự soạn ra Tam Quốc diễn nghĩa, lấy bối cảnh ấy mà vẽ vời thêm, nói rằng Tôn Quyền đã nhìn thấu tâm can, khuyên Tháo này xưng đế, Tháo cảm thư mà mắng rằng: Tôn Quyền gian manh há chẳng muốn đem ta mà quay trên lò lửa ư? Song

bình tâm mà nói, đấy cũng đáng khen là ngọn bút truyền thần được vậy”.

Tôn Tử nói: “Tôn Quyền cũng là người họ Tôn nhà ta, nên cũng khá am hiểu chiến sự. Song người hiểu biết được chiến sự phải thấy được năm điều: Đạo, Thiên thời, Địa lợi, Tướng soái và Binh pháp. Tôn Quyền ở mãi phía Đông Nam, là tiểu quốc mà không thể cậy mạnh được. Còn Tào Công thì chiếm cả thiên thời, địa lợi, có nhiều hiền tài giúp đỡ, ấy là đã tranh “tiên thắng” vậy. Tuy trận Xích Bích đại bại do khinh suất, song đã tạo được thế lớn trong thiên hạ vậy”.

Tào Tháo nói: “Thánh nhân lại quá khen rồi. Binh pháp Tôn Tử đã thành qui củ sẵn, Tháo chỉ mô phỏng theo mà thôi. Đại bại ở Xích Bích đã cho Tháo này một bài học, thế rồi chuyển trọng tâm về hướng Tây, tiến quân vào Quan Trung, mở mang đồn điền, tăng cường quốc lực. Tháo này đã nhiều năm học tập ở cuốn binh pháp của thầy, thấy được tinh túy ở mười ba thiên sách: Đạo cầm quân, không ở việc tranh bá với thiên hạ mà trọng ở bảo quốc an dân vậy”.

Tôn Tử nói: “Thiện tài! Thục là đã thấu hiểu vậy”.

Tôn Tử với Tô Đông Pha

Tôn Tử từ biệt Tào Tháo, lại vội về với nơi núi thẳm không tên, siêu thoát cảnh hồng trần. Bất giác

mà tám trăm năm đã vụt qua trước mắt. Một hôm, tiêu dao ở mé núi phía ngoài, chợt nghe có tiếng ồn ã, thế rồi nhằm phía ấy mà đi đến.

Vừa đến giáp bờ sông, thấy có một người đang bước chầm chậm. Nhìn kỹ thì người ấy có vẻ dầm chiêu, chòm râu dài lưa thưa, mang phong thái một vị túc nho. Tôn Vũ băn khoăn: Phải chăng đây là vị danh nho thời Bắc Tống, tiền sĩ Tô Thúc đấy chăng.

Tô Đông Pha vốn là một tay cự phách trên văn đàn thời Bắc Tống, tung hoành trong trường văn trận bút với phong cách mới mẻ hào phóng khoáng đạt. Tô Thúc có người cha là Tô Tuân, em là Tô Triệt, người đương thời gọi đó là “Tam Tô”, mang văn phong bậc nhất thời đại lúc ấy. Tôn Tử giữa đường chợt gặp được người đứng đầu Nho học Bắc Tống, lại chợt có hứng khởi “trăm nhà đua tiếng”.

Tôn Tử nói: “Đông Pha tiên sinh sao lại đến đây?”

Tô Thúc nói: “Tôi đến miếu Thành Vương xem thi võ, dám hỏi tiên sinh đại danh là gì?”.

Tôn Tử nói: “Tôi là Tôn Vũ đây”.

Tô Thúc nói: “Có phải một nghìn năm trăm năm trước tiên sinh đã lệnh chém người cung phi xinh đẹp khi luyện binh diễu võ đấy chăng? Lần này phải chăng lại mang mười ba thiên sách để mê hoặc chủ ta đấy chăng”.

Tôn Tử nói: “Tiên sinh thực là người cỏi mở. Song mười ba thiên sách sao lại phải dâng nhỉ? Tiên sinh đến miếu Võ Thành Vương chẳng thấy các võ sinh đang học tập thành quả của mười ba thiên sách đấy ư, mà sắc lệnh của Tấn Thần Công về việc học “Võ Kinh”, ở phần đầu đã nhắc đến mười ba thiên sách ấy, tiên sinh chẳng rõ điều ấy chăng?”

Tô Thức nói: “Hoàng thượng đề cao “Võ Kinh”, có ý muốn làm phấn chấn việc binh, quốc cường dân phú. Lại còn dùng sách binh thư để giáo hóa trong dân gian. Tiên sinh đàm luận việc binh nhưng chiến sự rõ ràng đâu ra đấy; song dụng binh cũng chẳng thể khắc phục được người ta, mà tác chiến cũng chẳng thể bảo tồn được thành quả, so với lời nói trong sách thực khác xa vậy. Nếu công huân rực rỡ, sao không thấy *Tả truyện* ghi lại một chữ nhỉ?”

Tôn Tử nói: “Phu tử sai rồi. Cái gọi là “Sử”, đấy là do người sau ghi lại việc của người trước. Mà việc của người trước, tiền nhân cũng không nhớ hết, huống chi sự ghi chép cũng không khỏi có những sơ xuất. Đấy cũng là việc bình thường vậy”.

Tô Thức nói: “Mười ba thiên sách nói về việc của tướng soái, chỉ là cái bánh vẽ trước mắt người đối bụng mà thôi. Triệu Quát thuộc lầu sách binh thư của cha, mỗi lần đàm luận việc binh với người cha, thì người cha cũng chẳng thể theo kịp. Sau này khi

người cha của Triệu Quát đã mất, Triệu Vương ra lệnh cho Quát dẫn đại binh giao chiến với Tần, mẹ Quát can rằng: Con chỉ mới hiểu sách vở suông, chẳng thể nắm trọng quyền cầm quân được. Sau này quả nhiên Quát bị thất bại, một trận Trường Bình đã chôn vùi bốn mươi vạn quân Triệu, nước Triệu phải suy sụp. Thế có phải là binh pháp chẳng đủ dùng ư?”

Tôn Tử nói: “Tiên sinh chưa thấu đáo đấy thôi. Thất bại của Triệu Quát là do câu nệ, không linh hoạt vậy. Ở trận Trường Bình, Lão tướng Liêm Pha của nước Triệu là người sâu sắc, dùng thành cao hào sâu để cố thủ. Người Tần phải dùng kế phản gián để Triệu Vương cho Triệu Quát thay Liêm Pha. Triệu Quát làm chủ soái, tuổi trẻ hiếu thắng muốn mau chóng lập công, vứt bỏ phòng thủ mà tiến công, cuối cùng bị rơi vào bẫy của Bạch Khởi. Đây là do câu nệ mà tự chuốc lấy thất bại vậy. Còn như Hạng Tịch, chỉ biết binh pháp sơ sài, không chịu học thấu đáo. Binh pháp nói: “Thượng binh phạt mưu” (việc binh coi trọng mưu kế) mà Tịch thì tự coi là phải, dụng binh thì tỏ ra vũ dũng vô mưu, lúc chặn địch thì nặng nghĩ đến việc đàn bà; nghĩa hiệp có dư, song lại kém dự liệu. Nên cuối cùng đổ nát cả. Từ đó thì thấy, không học binh pháp thì khó thắng được vậy”.

Tô Thức trầm mặc hồi lâu rồi nói: “Tiên sinh nói rất phải, Thức này nhìn nhận còn hạn hẹp vậy. Nay hoàng thượng xem trọng binh thư, thực là bổ ích cho thiên hạ vậy”.

Tôn Tử nói: “Bình tuy mạnh, song hiếu chiến thì ắt sẽ nguy hiểm; nước tuy mạnh, quên việc chiến sự ắt sẽ tiêu vong. Đây là giáo huấn từ nghìn xưa vậy. Mười ba thiên sách của Vũ này, nói tóm lại một lời là “an quốc toàn quân”, đây cũng là điều bổ ích cho thiên hạ đấy”.

Tô Thúc nói: “Xin nhớ kỹ lời tiên sinh dạy”. Tô Thúc nói xong đưa mắt nhìn quanh bốn phía, không biết Tôn Vũ đã đi đâu rồi.

Mấy mẩu chuyện ở đây được rút ra từ cuốn “Tôn Tử hành tích khảo” do Vong Thị Công soạn ra. Bút giả xin dẫn ra đây để tham khảo, cũng xin bạn đọc bình tâm mà dung nạp cho.

LỜI KẾT

Năm 1988, một cơ quan nghiên cứu của Thụy Sĩ có công bố một thống kê như sau: Trong lịch sử 5.000 năm của xã hội loài người, chỉ có 292 năm không xảy ra chiến tranh, mà có đến hơn 14.500 cuộc chiến tranh được ghi chép lại. Số người chết lên đến 3,6 tỉ người, số tiền hao phí do chiến tranh và tổn thất về tài sản lên đến 2.150 nghìn tỉ Frăng Thụy Sĩ. Nếu như đổi ra vàng có thể tạo thành vòng đai bằng vàng vòng quanh trái đất với chiều rộng là 50 km, dày đến mười mét.

Hàng nghìn năm nay, nhân loại đã sáng tạo ra nhiều loại vũ khí để tàn sát đồng loại của mình. Khi mà năng lực giết người của vũ khí tăng theo cấp số nhân, xương trắng của dân lành và binh sĩ cao như núi, các tướng lĩnh các thời đại đã tích lũy được kinh nghiệm dụng binh “khắc địch chế thắng”, cũng đem những kinh nghiệm ấy đúc thành tòa bảo tháp nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh, đó là *binh pháp*.

Bình pháp đã thành ra một nghệ thuật, nó đương nhiên phải tuân theo qui luật riêng của nghệ thuật mà phát triển. Cái đẹp vốn là bản chất của nghệ thuật, mà nghệ thuật thực sự có giá trị thẩm mỹ, tất nhiên về nội dung và hình thức đều khiến người ta có được sự vui vẻ như với hội họa, âm nhạc, vũ đạo; đồng thời đem đến cho người ta sự cao thượng, lương thiện và trí tuệ. Song, khi chỉ đạo chiến tranh, bất luận môn nghệ thuật này ra sao, cũng không thể che đậy bản chất tàn sát sinh linh, điều ấy đi ngược lại với thuộc tính mỹ học của nghệ thuật rồi cục lại tàn sát đồng loại của mình một cách rất ác liệt ư? Không thể có người cam tâm chịu chết. Từ mỗi tế bào của con người đều lên tiếng: Phải sinh tồn, sinh tồn!

Tương lai, hình như chiến tranh có thể cũng như “quân của thiên tử chỉ diễu hành mà không đánh”. Chúng tôi không hề nghi ngờ gì về tính khả năng của sự phát triển ấy. Bởi vì từ hai nghìn năm trăm năm trước, Tôn Tử đã có mong muốn: Không đánh mà khuất phục được quân của người ta, đấy là thiện của thiện.

Tôn Tử là triết nhân lỗi lạc, nguyện vọng của ông cũng là mong đợi của toàn nhân loại vậy.

PHỤ LỤC

VỤ KHỦNG BỐ RUNG CHUYỂN THẾ GIỚI NGÀY 11-9-2001

TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI NIU-OÁC

Trung tâm thương mại Thế giới ở trên đảo Manhattan của Niu-Oác là một cơ cấu mạo dịch lớn nhất hiện nay trên thế giới cũng là một vật kiến trúc cao nhất thế giới.

Trung tâm thương mại Thế giới được hoàn thành vào năm 1973 chiếm một diện tích khá lớn, rộng 6,5 ha, có chi phí đến 700 triệu USD do 6 đơn vị kiến trúc hợp thành, bao gồm 1 hải quan đại lâu, 1 cửa hàng ăn uống, 2 tòa lâu là cơ quan mạo dịch của Chính phủ dùng để triển lãm thương phẩm quốc tế và 2 tòa tháp chủ yếu cao đến 411,5 m gồm 110 tầng, 2 tòa tháp này có hình khối cột vuông, có ngoại hình hoàn toàn giống nhau. Ở mỗi bên rộng 63,5 m, diện tích sử dụng ở mỗi tòa tháp lên đến 46,6 vạn mét vuông, kể ra diện tích

của 2 tòa tháp lên đến 93 vạn mét vuông. Mé tường ngoài của đại lâu là hàng rào cột sắt dày đặc, ngoài mạ màu ánh bạc. Đại lâu có áp lực gió rất lớn, trong điều kiện sức gió bình thường, dao động của đỉnh lâu là 2,5cm, dao động tối đa đo được là 28cm. Ở cả 2 tòa tháp có đến 46 thang máy cao tốc, có 140 thang máy bình thường, có riêng 8 thang máy để chở hàng hóa. Mỗi thang máy chở người tối đa có thể chở được 55 người, ở nơi đặt thang máy có thể làm bãi đỗ cho 2000 xe ô tô, cũng nối liền với đường xe điện ngầm, có thể mau chóng sơ tán các nhân viên công tác đến 4 mặt tám hướng.

Người thiết kế là kiến trúc sư nổi tiếng người Nhật quốc tịch Mỹ Namataki (Nhã Mã Tát Kỳ). Hai tòa lâu hình khối cột vuông chiều cao đến 411m, đã phá kỷ lục cao nhất thế giới của Đế quốc đại lâu giữ suốt 42 năm. Mỗi phía của ngôi nhà rộng 63,5m. Diện tích sử dụng có đến hơn 40 vạn mét vuông. Trung tâm Thương mại Thế giới có thể chứa đến 5 vạn người, mỗi ngày lại còn có khoảng 3 vạn người đến làm việc và tham quan. Mé tường ngoài của Trung tâm Thương mại Thế giới là hàng rào cột thép dày đặc, mé ngoài được mạ một lớp nhôm màu ánh bạc. Thời gian thi công là 2 năm, khi mà mặt trên còn đang thi công thì ở mặt dưới đã được bàn giao để sử dụng.

Liên hợp Trung tâm Thương mại Thế giới là trung tâm mậu dịch thế giới số 1, thành lập vào năm 1968 ở

Niu-Oóc của nước Mỹ, sau đó vào năm 1970 thành lập ra Liên hiệp Trung tâm mậu dịch thế giới. Đường thời chỉ có 15 hội viên, hiện tại liên hợp Trung tâm mậu dịch thế giới (WTCA) có mặt ở hơn 100 quốc gia.

Trên toàn thế giới với hơn 300 Trung tâm mậu dịch, theo thống kê có đến 50 vạn tổ chức hội viên đại bộ phận tổ chức mậu dịch có tác dụng ở mức khác nhau về phương diện mậu dịch quốc tế ở các quốc gia.

Liên hợp Trung tâm mậu dịch Thế giới (WTCA) thông qua Trung tâm Thương mại Thế giới mà phục vụ cho hội viên, cổ đông hội viên hợp tác với nhau, xúc tiến quan hệ mậu dịch quốc tế, bồi dưỡng để các quốc gia công nghiệp hóa không ngừng tham dự vào mậu dịch thế giới; nó không phải là một hội liên hợp giữa các quốc gia mà là hội liên hợp của các địa khu trên thế giới, có thể giúp đỡ hội viên vượt qua trở ngại chính trị, mau chóng tham gia vào sự giao lưu mậu dịch quốc tế, hy vọng các Trung tâm Thương mại Thế giới ở các nơi có thể vì quốc gia và địa khu của họ mà tạo ra được những lợi ích kinh tế to lớn.

Hệ thống phòng ngừa an toàn của Trung tâm Thương mại Thế giới.

Thành phố Niu-Oóc của Mỹ là Trung tâm mậu dịch quốc tế, nhiều tổng bộ công ty đa quốc gia nổi tiếng và cơ cấu tiền tệ đặt ở khu phố Manhattan của Niu-Oóc, Tòa nhà Trung tâm Thương mại Thế giới là một kiến trúc đáng để mắt đến nhất.

Trung tâm Thương mại Thế giới nằm ở phía nam khu Manhattan, cùng với Tượng nữ thần Tự Do, văn phòng Liên hợp quốc đều là quần thể kiến trúc nổi tiếng. Như đã nói ở trên, Trung tâm Thương mại Thế giới gồm 6 khối kiến trúc hợp thành. Trong đó 2 tòa tháp 110 tầng là vật kiến trúc mang tính tiêu biểu. Ở dưới đất của 6 tòa lầu này lại thông với nhau, đa phần là thương điểm, tiệm ăn uống, doanh nghiệp ngân hàng, xe điện ngầm, bãi đỗ xe. Bộ phận trên mặt đất là khu văn phòng thương nghiệp, trụ sở của nhiều công ty nổi tiếng thế giới đều có mặt ở đây, kể ra có đến hơn 400 Công ty thương nghiệp. Đáng kể là Công ty truyền thông Côlômbia (CBS), Công ty truyền thông Mỹ quốc (ABS), Công ty truyền thông quốc gia (NBS), với những thiết bị Trung tâm đều hiện đại cả.

Trong quần thể kiến trúc to lớn ấy, mỗi ngày có chừng độ 4,5 vạn nhân viên hoạt động thương nghiệp ở văn phòng, lại có chừng độ 5 nghìn người khách đến giao dịch về các hoạt động thương nghiệp; có thêm 5 nghìn lữ khách đến tham quan; lại còn có 1,5 vạn người đến ăn uống mua sắm ở Khu thương nghiệp dưới tầng hầm ở đó.

Tháng 7-1993 Trung tâm Thương mại Thế giới đã bị bọn khủng bố quốc tế dùng xe ô tô chứa chất nổ đặt ở bãi đỗ xe, dẫn đến sự chú ý cao độ về cơ cấu an toàn của Chính phủ Mỹ và quốc tế. Để tăng cường sự an toàn, lợi dụng kỹ thuật cao để bảo vệ an toàn cho con

người, ở trước mặt tòa tháp đôi này được bố phòng khá chặt chẽ. Người ta đã đầu tư 50 triệu USD để đổi mới thiết bị và tăng cường phòng ngừa ở đó với 3 phương án phòng ngừa sau:

1. Phương án phòng ngừa thứ nhất:

(1) Hệ thống ô tô thám thính: ở trên con đường chạy vòng quanh quần thể kiến trúc, ngầm cho bố trí mấy trăm xe di động thám thính với một mạng lưới diện tử to lớn. Đương khi ô tô hoạt động bình thường ở trên đường, hệ thống không phát tín hiệu cảnh báo, song khi có 1 ô tô đỗ ở bên đường quá 3 phút, thì hệ thống phát tín hiệu cảnh báo nhắc người trực ban chú ý. Đồng thời ở mé ngoài tòa lầu có đặt camera theo dõi, nhân viên trực ban thông qua quan sát ở màn hình mà liên hệ vô tuyến với nhân viên tuần tra, yêu cầu họ tiến hành xử lý ở hiện trường.

(2) Ổ bãi đỗ xe ngầm dưới đất có đặt hệ thống quản chế xuất nhập: ở tầng ngầm dưới quần thể kiến trúc này có 16 bãi đỗ xe cho khách hàng. Vụ nổ do một ô tô chứa chất nổ gây ra trong năm 1993 phát sinh ở bãi đỗ xe ngầm của khu vực A3. Để phòng ngừa sự việc này lại phát sinh, người ta đã tiến hành cải tạo thiết bị kiểm tra ở cửa ra vào. Trước đây người ta dùng thiết bị từ tính, giờ thì theo phương thức chiếu hình có so sánh với tư liệu tồn trữ, nếu không phù hợp thì ô tô không được vào bãi để xe.

(3) Ở cửa ra vào các bãi đỗ xe và trên thượng tầng của 6 tòa lầu đều có đặt máy kiểm soát quang tuyến X, kiểm tra đối với bản thân xe cộ, vật phẩm trong xe và kiểm tra an toàn với những vật phẩm mà người trong xe mang theo.

(4) Ở ngoài cửa các tòa lầu có đặt các chậu cảnh, đủ cả vân tùng, cây phong Canada, để lục hóa hoàn cảnh, lại cũng có thể trở thành một tuyến phòng ngừa. Sự phòng ngừa an toàn kết hợp với cây xanh kiểu này có thể làm mẫu để nhiều nơi khác làm theo.

2. Phương án phòng ngừa thứ 2:

Bao gồm hệ thống Camera theo dõi các tầng lầu, hệ thống tuần tra, hệ thống khống chế thang máy, hệ thống kiểm tra bưu phẩm, chống trộm, hệ thống báo động khẩn cấp, hệ thống thông tin lúc cần thiết.

(1) Bởi Trung tâm Thương mại Thế giới được bắt đầu xây dựng vào đầu những năm 60, suốt hơn 30 năm, hệ thống Camera vẫn làm công việc chủ yếu là phòng ngừa các thủ đoạn phạm tội, không ngừng được tiến hành đổi mới và hoàn thiện. Các điểm có đặt Camera chừng độ hơn 800 điểm. Căn cứ vào đặc trưng kết cấu nội bộ mà đặt các loại thiết bị khác nhau để khống chế giao thoa ở các khu vực, các Camera chủ yếu được phân bố ở bãi đỗ xe, khu thương nghiệp dưới tầng ngầm, ở khu văn phòng thì phân bố một lượng Camera thích hợp. Vào những ngày nghỉ, hệ thống thiết bị có công năng báo động tự động.

(2) Hệ thống quản chế cửa ra vào là một biện pháp phòng ngừa chủ yếu trong đại lâu, với chung lượng mỗi ngày có đến 4,5 vạn nhân viên công tác, 0,5 vạn người giao dịch, cùng 0,5 vạn lữ khách du ngoạn, độc giả hẳn cũng tưởng tượng được tính phức tạp của kết cấu hệ thống cùng việc xử lý tin tức ra sao.

(3) Việc khống chế phòng ngừa đối với quần thể kiến trúc này là một việc rất quan trọng. Trong quy định về phòng ngừa của các nước đều yêu cầu ở trong vật thể kiến trúc có đặt đường thoát nạn chuyên dụng, có đặt cửa mở để nhảy ra ngoài, mà không nên đóng chặt. Hiện nay đại đa số vật thể kiến trúc ở trong có bố trí hệ thống quản chế cửa ra vào, song đối với việc phòng ngừa đa phần vẫn dùng biện pháp bình thường thì đóng chặt cửa thông ra ngoài rõ ràng là đã vi phạm quy tắc về việc phòng ngừa. Hiện nay ở các địa khu Bắc Kinh chỉ có một số đơn vị đối với các cửa sơ tán của tầng lầu dùng lực điện từ để đóng mở cửa. Bình thường thì cửa sơ tán của tầng lầu đóng lại, khi bị hỏa hoạn thì cửa được mở ra theo lệnh phát từ Trung tâm giám sát phòng ngừa. Ở Trung tâm thương mại Niu-Oóc có vận dụng phương thức này, đây là một phương thức mà các nơi có thể học tập theo. Việc quản lý đường thoát nạn ở Trung tâm Thương mại Thế giới cụ thể như sau:

a- Truyền tín hiệu báo động khi chót cửa bị đẩy ra. Khi đó tín hiệu sẽ được truyền đến phòng trực ban Trung tâm, đồng thời có tiếng còi để dẫn đến sự chú ý.

b- Ổ cửa thoát nạn có đặt thiết bị đặc biệt, khi có hỏa hoạn, cửa thoát nạn được mở ra theo lệnh từ Trung tâm điều khiển.

(4) Bưu kiện gửi vào Trung tâm thương mại này được tiến hành kiểm tra kỹ lưỡng. Chủ yếu là phòng ngừa có chất nổ cài đặt ở đó.

(5) Hệ thống tuần tra canh gác: ở các khu vực có đặt các trạm cố định, nhân viên điều tra chiếu theo lộ trình và thời gian quy định mà tiến hành tuần tra, nếu không thì hệ thống sẽ tự phát tín hiệu thông báo cho Trung tâm trực ban biết.

3. Phương án phòng ngừa thứ 3:

Chủ yếu là đối với việc phòng ngừa an toàn ở các tầng lầu làm văn phòng, bởi đại bộ phận tòa lầu được một số Công ty nổi tiếng thuê dùng mà các Công ty ấy nói chung đều thuê dùng cả một tầng lầu hoặc mấy tầng lầu, bởi thế chiếu theo yêu cầu của khách hàng và nhu cầu thực tế thì thấy rằng: cần chú ý chống trộm bằng hệ thống báo động, quản lý cửa ra vào, theo dõi bằng hệ thống Camera.

(1) Có bố trí một hệ thống nối liền cửa ra vào với bộ phận quản lý an toàn. Khi có người đến tham quan, cần thông qua việc xác nhận của tổng đài phục vụ rồi mới cho vào.

(2) Hệ thống phòng ngừa trộm cắp bằng báo động khẩn cấp của một mạng lưới gắn liền với Trung tâm

Trực ban. Thiết bị phòng ngừa chủ yếu là phòng ngừa hoạt động phạm tội trong ngày nghỉ, việc báo động luôn kịp thời nếu như có hiện tượng trộm cướp xảy ra.

(3) Hệ thống quản lý cửa ra vào: ở các khu vực quan trọng tại cửa lớn ra vào, có đặt máy đọc thẻ riêng của mỗi người. Đặc biệt là khu vệ sinh, ở nhà khách được tăng cường hơn.

(4) Bởi một số hoạt động thương nghiệp của các Công ty được pháp luật bảo hộ, nên việc đặt máy theo dõi chỉ bố trí ở khu vực công cộng như cầu thang máy, ở hành lang cứu hộ; còn giám sát ở trong nội bộ các công ty thì nội bộ của Công ty ấy thiết kế một hệ thống nhỏ riêng biệt cùng phối hợp mà hoàn thành chung.

4. Phòng trực ban giám sát an toàn:

Hệ thống phòng trực ban là do 3 Trung tâm trực ban và 30 phân ban cấu thành. Ở các phòng trực ban ngoài các máy ghi hình, máy giám thị, theo dõi được nhờ màn hình để xử lý lượng tin tức rất lớn mỗi ngày, ở các trạm đó có một mạng lưới máy tính xử lý tin tức, mạng lưới này quản lý việc ra vào cửa, quản lý đường thoát khí bị hỏa hoạn, quản lý ở bãi đỗ xe, quản lý tuần tra, phòng ngừa trộm cướp. Việc cải tạo hệ thống phòng ngừa này tốn kém đến 50 triệu USD, trong đó 35 triệu USD dùng để đổi mới thiết bị và tăng cường thêm thiết bị, 15 triệu USD dùng để bố trí mạng lưới máy tính, huấn luyện nhân viên, đây có thể được coi là một công

trình đầu tư cải tạo hệ thống phòng ngừa an toàn tồn kém nhất trên thế giới hiện nay.

LẦU NGŨ GIÁC CỦA BỘ QUỐC PHÒNG MỸ

Lầu Ngũ giác nằm ở bên sông Bôtômác ở Oasinhton của nước Mỹ, đây là vùng đất của Bộ Quốc phòng Mỹ. Từ không trung nhìn xuống thì thấy khối kiến trúc này theo hình 5 góc, cho nên có tên là Ngũ giác đại lầu.

Lầu Năm góc chiếm một diện tích 235,9 vạn mét vuông, đại lầu cao 22 mét, gồm 5 tầng, có diện tích kiến trúc 60,8 vạn mét vuông, diện tích sử dụng 34,4 vạn mét vuông, có giá 87 triệu USD, tòa lầu này được xây dựng xong vào ngày 15 tháng 1 năm 1943, vào tháng 5 năm đó thì đưa vào sử dụng, có đủ chỗ làm việc cho 2,3 vạn người. Ở hai đầu Nam Bắc của Tòa lầu này có bãi đỗ xe khá lớn, có thể chứa được 1 vạn xe.

Tháng 9 năm 1947 thời Tổng thống Mỹ Truman (Tổng thống thứ 33 của nước Mỹ), Bộ quốc phòng bắt đầu đặt văn phòng ở đó. Từ đó, Lầu Năm góc trở thành danh từ chỉ Bộ Quốc phòng của nước Mỹ. Trong tòa lầu này ngoài cơ quan Bộ Quốc phòng còn bao gồm cả văn phòng tham mưu hải, lục, không quân.

Ở trong đại sảnh tầng 1 có lầu trị liệu, quây báo. Văn phòng tham mưu Trưởng liên quân được gọi là “linh hồn của Bộ Quốc phòng” ở tầng thứ 2 của tòa lầu, văn phòng này có trải thảm màu ánh vàng, nên người ta gọi là “sảnh đường vàng”. Văn phòng của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Tham mưu lục quân ở tầng thứ 3; ở một góc của tầng 3 có “Sảnh đường anh hùng” để kỷ niệm “huân chương vinh dự tối cao” giành được trong cuộc chiến tranh độc lập. Ở đây có gần hơn 3 nghìn tấm bảng đồng, trên mặt có khắc họ tên, quê quán và lý lịch đơn giản của những nhân vật nổi tiếng. Nơi đây còn có còn có hành lang kỷ niệm 3 vị nguyên soái nổi tiếng, có bày cả chân dung, quân trang, huân chương, súng lục, cùng mệnh lệnh, văn bản có chữ ký của họ. Còn các tầng trên là văn phòng tham mưu hải quân và không quân.

Ngày 12 tháng 5 năm 1993. Bộ nội chính của nước Mỹ đã xếp Lầu Năm góc là di tích lịch sử quốc gia.

NGUYÊN NHÂN TÒA THÁP TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI NIU-OÁC BỊ HOÀN TOÀN SỤP ĐỔ

Thế là tòa lầu Trung tâm Thương mại quốc tế Niu-Oóc mà nước Mỹ vẫn lấy đó làm kiêu hãnh đã hoàn

toàn sụp đổ sau cuộc tập kích khủng bố. Có nhiều người vẫn không lý giải được, cái máy bay chở khách mà các phần tử khủng bố cướp được đâm vào phần trên của tòa lầu to lớn kia, vì sao mà lại tạo thành sự sụp đổ hoàn toàn cả tòa lầu lớn nhỉ? Tòa lầu lớn kia vì sao đổ thẳng xuống mà không đổ nghiêng sang bên? Việc cả tòa lầu sụp đổ như vậy về nguyên nhân ra sao có thể phải một thời gian lâu dài mới điều tra cho rõ được, thậm chí có thể vĩnh viễn trở thành một câu đố.

Song thông qua phân tích Tư liệu tương quan và những hình ảnh qua băng hình, các chuyên gia vẫn có thể sơ bộ phân tích về sự sụp đổ của tòa lầu.

Tòa lầu Trung tâm Thương mại Thế giới Niu-Oóc từng là Tòa lầu cao nhất thế giới, nó cao đến 411 m, trọng lượng của một lầu tháp chừng độ 5 vạn tấn, nước Mỹ đã dùng vật liệu kiến trúc có cường độ cao, dùng kỹ thuật thiết kế kết cấu có mức chịu đựng cao để xây dựng nên vật kiến trúc to lớn này.

Sự thực chứng minh rằng vật liệu kiến trúc và thiết kế kết cấu của đại lầu Trung tâm Thương mại Thế giới Niu-Oóc đều là quá cứng rắn, đại lầu không chỉ trải qua mưa gió gần 38 năm mà vẫn hoàn hảo, thậm chí sau cú đâm khá mạnh của phi cơ lầu này cũng chưa thể khiến cho nó lập tức đổ nghiêng ra. Chiếc máy bay Boeing 757 đâm vào đại lầu có trọng lượng 104 tấn, còn chiếc máy bay Boeing 767, có trọng

lượng 156 tấn, tốc độ bay của nó khoảng 1.000 km trên 1 giờ. Nếu so với sự cố va đập của một ô tô thì có thể tưởng tượng lực va đập này lớn đến mức nào, song theo lời kể của những người còn may mắn sống sót, sự va đập của phi cơ khiến tòa lầu chao đảo, song ngay lúc ấy chưa có sự sụp đổ nghiêm trọng nào, đây là một dịp may để các nhân viên công tác trong tòa lầu chạy được ra ngoài.

Thế nhưng tòa nhà cao tầng ấy chẳng thể tránh được những khiếm khuyết cố hữu, đại lầu Trung tâm Thương mại Thế giới Niu-Oóc với một mức chịu đựng cao như vậy vẫn là chưa thể tránh khỏi vận mệnh bị huỷ diệt triệt để. Kiến trúc siêu cao tầng ắt phải dùng vật liệu cứng để kiến tạo, mà thép cứng thì có một khuyết điểm lớn là ở một nhiệt độ cao thì sẽ hóa mềm, mất cả độ cứng vốn có. Để tránh tự nguyên nhân đó có thể xảy ra tai nạn, người ta đã quét một lớp sơn phòng hỏa, song chỉ có thể ứng phó được với hỏa hoạn nhỏ mà thôi; gặp phải một cuộc hỏa hoạn khủng khiếp như thế, lớp sơn phòng hỏa ở bên ngoài vật liệu cứng về căn bản không thể ứng phó nổi?

Máy bay Boeing 757 đâm vào Tòa lầu lần này có thể chở được 35 tấn dầu, còn máy bay Boeing 767 thì có thể chở được 51 tấn dầu, đủ để bay từ phía Đông nước Mỹ đến phía Tây nước Mỹ với hành trình xa xôi, nhưng sau khi khởi hành nó đã mau chóng đổi hướng bay đâm vào đại lầu Trung tâm Thương mại Thế giới

Niu-Oóc. Số dầu ở trên máy bay mới tiêu hao rất ít, cơ hồ cả một thùng dầu đầy ắp rất dễ bốc cháy đều rót cả vào trong đại lầu, làm bùng cháy một ngọn lửa dữ dội. Ngọn lửa mãnh liệt cháy suốt trong thời gian dài đã thiêu huỷ làm mềm những thanh thép cứng ở mấy tầng lầu đó, mà trọng lượng của tòa lầu có đến hàng vạn tấn, tự nhiên là sẽ sụp đổ, giống như một cây chùy sắt to lớn rơi xuống, kết cấu của tầng lầu khó mà chịu đựng nổi, thế là các tầng lầu cứ theo nhau mà đổ thẳng xuống phía dưới.

Bấy giờ là 19 giờ 45 phút ngày 11 tháng 9 theo giờ Việt Nam, chiếc máy bay Boeing thứ nhất đâm vào phía Bắc của tòa lầu Thương mại Thế giới, gần với đỉnh tháp. Do chiếc máy bay 757 đó chở một lượng dầu tương đối ít, lại đâm vào một vị trí khá cao, áp lực ở thượng tầng khá nhỏ, cho nên lửa cháy rất lâu, mãi đến 21 giờ 28 phút theo giờ Việt Nam, đám lửa lớn đã cháy suốt 1 giờ 43 phút, bấy giờ đại lầu ở phía Bắc mới sụp đổ.

Hồi 20 giờ 03 phút tối ngày 11 tháng 9 theo giờ Việt Nam, chiếc máy bay Boeing thứ 2 lại đâm vào tòa lầu lớn Trung tâm Thương mại Thế giới.

Vì Boeing 767 đem theo lượng dầu lớn, vị trí bộ đàm của tòa nhà lại tương đối thấp, áp lực của các tầng trên rất lớn, cho nên đến 21 giờ 5 phút giờ Việt Nam tối ngày 11 tháng 9, sau 1 giờ 20 phút lửa cháy

dữ dội, tháp Nam Trung tâm Thương mại Thế giới (bị đâm từ phía sau) sụp đổ, mảnh vụn tung toé, khói bụi mịt mù.

Theo bình luận của một chuyên gia xây dựng Mỹ được biết qua băng hình về tòa nhà bị sụp đổ mà họ xem được, họ cho rằng sự va đập của máy bay khi đâm vào tháp, thực sự có gây ra sức công phá nhất định, nhưng ngọn lửa dữ dội sau đó mới là nguyên nhân trực tiếp làm cho tòa nhà bị sụp đổ.

Thực ra các chuyên gia xây dựng trên thế giới sớm đã phản đối mạnh mẽ việc xây dựng các tòa nhà siêu cao, họ đặc biệt nhấn mạnh các tòa nhà siêu cao rất không an toàn, một khi gặp hỏa hoạn, gặp hiểm họa do bão, động đất hoặc sự cố chất lượng, hỏa hoạn do con người phá hoại, v.v... thì hậu quả kinh tế khó có thể lường được.

MỤC LỤC

<i>Lời mở đầu</i>	5
-------------------	---

PHẦN I- BINH PHÁP

<i>Chương 1:</i>	Kế sách	14
<i>Chương 2:</i>	Tác chiến	32
<i>Chương 3:</i>	Mưu công	47
<i>Chương 4:</i>	Hình thiên	66
<i>Chương 5:</i>	Thế thiên	81
<i>Chương 6:</i>	Hư thực	97
<i>Chương 7:</i>	Quân tranh	115
<i>Chương 8:</i>	Cửu biến	129
<i>Chương 9:</i>	Hành quân	145
<i>Chương 10:</i>	Địa hình	161
<i>Chương 11:</i>	Cửu địa.....	177
<i>Chương 12:</i>	Hỏa công	195
<i>Chương 13:</i>	Dùng lý gián	209

PHẦN II - TÔN TỬ

- Phác họa.....	224
- Đề dẫn.....	230
- Bối cảnh lịch sử.....	234
- Sự trêu ghẹo của lịch sử.....	257
- Dáng vẻ rực rỡ.....	281
- Từ trong sách đến chiến công.....	303
- Biện dẫn.....	306
- <i>Lời kết</i>	324
- <i>Phụ lục</i>	326

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

BINH PHÁP TÔN TỬ

NGUYỄN HUY CỐ

NGUYỄN QUỐC THÁI

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN ĐÌNH THIÊM

Biên tập : Ban biên tập

Vẽ bìa : Văn Sáng

Trình bày : Đặng Ngọc

Sửa bản in : Đặng Ngọc

孙子兵法

BINH PHÁP TÔN TỬ



Giá: 35.000 đ